



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG



DDCI 
HẢI PHÒNG
2023

Đơn vị chủ trì, quản lý và thực hiện

UBND thành phố Hải Phòng

Cục Thống kê thành phố Hải Phòng

Economica Vietnam

Nhóm chuyên gia

Lê Duy Bình

Phạm Tiến Dũng

Phạm Minh Tuyết

Nguyễn Thúy Nhị

Nguyễn Thị Hoài Hương

Trần Thị Phương

Đào Phương Thảo

Lê Quỳnh Chi



ĐIỂM ĐẾN THÀNH CÔNG

HẢI PHÒNG - TĂNG TỐC VÀ BỨT PHÁ



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

PHỤ LỤC III

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP
SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**



Để tham khảo báo cáo đầy đủ, hồ sơ, dữ liệu chi tiết về DDCI Hải Phòng,
đề nghị truy cập trang web:

<https://haiphong.ddci.org.vn/>

Hoặc quý vị có thể sử dụng điện thoại di động, máy tính bảng để quét mã QR dưới đây:



Tháng 12/2023

LỜI CẢM ƠN

Chi số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương năm 2023 là công trình đánh giá thực tiễn năm thứ tư về năng lực điều hành kinh tế và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại các Sở, ban, ngành và địa phương của thành phố Hải Phòng.

Kết quả đánh giá DDCI Hải Phòng năm 2023 là việc thực hiện giữa ba cơ quan Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Cục Thống kê thành phố Hải Phòng và đơn vị tư vấn. Cục Thống kê thực hiện khảo sát DDCI Hải Phòng 2023. Đơn vị tư vấn đề xuất xây dựng báo cáo phương pháp luận, Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương năm 2023; phân tích dữ liệu, hoàn thiện báo cáo đánh giá và xếp hạng DDCI 2023. Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt báo cáo phương pháp luận, Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương năm 2023; phê duyệt kết quả điểm số, xếp hạng và Báo cáo kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) thành phố Hải Phòng năm 2023.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn các ý kiến chỉ đạo và sự ủng hộ của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Chúng tôi đặc biệt cảm ơn lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành, cũng như lãnh đạo tại các địa phương của thành phố đã ủng hộ quá trình triển khai thực hiện đánh giá DDCI.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn lãnh đạo của Cục Thống kê thành phố, nhóm chuyên gia và các cán bộ khảo sát của Cục Thống kê đã trực tiếp tổ chức công việc khảo sát và nhập dữ liệu từ hoạt động điều tra tại từng địa phương. Chúng tôi trân trọng cảm ơn sự nỗ lực của các cán bộ Cục Thống kê và tinh thần trách nhiệm của các điều tra viên để đảm bảo cuộc điều tra được thực hiện khách quan, chất lượng và đúng tiến độ thời gian.

Xin đặc biệt cảm ơn những góp ý quý báu về phương pháp luận từ các chuyên gia Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam gồm ông Đậu Anh Tuấn (Trưởng ban Pháp chế, VCCI), ông Phạm Ngọc Thạch (Phó Trưởng ban Pháp chế, VCCI), ông Phan Đức Hiếu (Chuyên gia kinh tế) cũng như rất nhiều các chuyên gia khác.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn và ghi nhận những ý kiến đóng góp về nội dung và chuyên môn của nhóm triển khai DDCI, cán bộ các Sở, ban, ngành và địa phương, các Hiệp hội Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, các Hội Doanh nghiệp - Doanh nhân quận, huyện và các cơ quan khác trong quá trình hoàn thiện phương pháp luận và triển khai Kế hoạch.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	4
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	6
DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ.....	7
CHƯƠNG I: TỔNG QUAN CHUNG	10
1.1. Giới thiệu chung về DDCI Hải Phòng năm 2023	10
1.2. Những điểm mới trong DDCI Hải Phòng năm 2023.....	11
1.3. Hệ thống chỉ số, chỉ tiêu thành phần trong DDCI Hải Phòng năm 2023	13
1.4. Quy trình triển khai DDCI Hải Phòng năm 2023	15
1.5. Phương pháp chọn mẫu.....	16
1.6. Thống kê mẫu khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023	18
1.7. Đặc điểm mẫu khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023	20
1.8. Những khó khăn trong quá trình triển khai DDCI Hải Phòng	21
CHƯƠNG II: CẢM NHẬN VỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH	24
2.1. Tình hình và triển vọng kinh doanh.....	24
2.2. Đánh giá chung về khả năng tiếp cận đất đai.....	25
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ DDCI CẤP SỞ, BAN, NGÀNH	28
3.1. Kết quả và xếp hạng	28
3.2. Sự thay đổi về kết quả DDCI năm 2023	29
3.3. Kết quả DDCI cấp Sở, ban, ngành theo chỉ số thành phần.....	30
3.4. Kết quả DDCI của 21 Sở, ban, ngành	47
CHƯƠNG IV: KẾT QUẢ DDCI CẤP ĐỊA PHƯƠNG.....	73
4.1. Kết quả và xếp hạng	73
4.2. Sự thay đổi kết quả DDCI năm 2023.....	74
4.3. Kết quả DDCI cấp địa phương theo chỉ số thành phần.....	75
4.4. Kết quả DDCI của 14 địa phương	89
CHƯƠNG V: KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT	106
5.1. Kết luận.....	106
5.2. Đề xuất và kiến nghị	106
5.3. Hướng dẫn khai thác và sử dụng dữ liệu DDCI.....	108
TÀI LIỆU THAM KHẢO	110
PHỤ LỤC.....	112

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BHXX	Bảo hiểm xã hội
BQL KKT	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng
CCHC	Cải cách hành chính
CNTT	Công nghệ thông tin
CSTP	Chỉ số thành phần
DDCI	Department and District Competitiveness Index (Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương)
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
DN	Doanh nghiệp
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
GD&ĐT	Giáo dục & Đào tạo
GTVT	Giao thông vận tải
HKD	Hộ kinh doanh
HTX	Hợp tác xã
KH&CN	Khoa học & Công nghệ
KH&ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
LĐ-TB&XH	Lao động - Thương binh & Xã hội
NN&PTNT	Nông thôn & Phát triển nông thôn
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PCI	Provincial Competitiveness Index (Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh)
QLNN	Quản lý nhà nước
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TTHC	Thủ tục hành chính
UBND	Ủy ban nhân dân
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
VCCI	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VH&TT	Văn hóa và Thể thao

DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ

Bảng 1.1. Phiếu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2023	18
Bảng 1.2. Phiếu khảo sát DDCI cấp địa phương năm 2023.....	19
Biểu đồ 1.1. Tỷ lệ DN/HTX theo lĩnh vực trong DDCI cấp Sở, ban, ngành	20
Biểu đồ 1.2. Tỷ lệ HKD theo lĩnh vực trong DDCI cấp địa phương	21
Biểu đồ 2.1. Tình hình kinh doanh của DN/HTX/HKD năm 2023	24
Biểu đồ 2.2. Triển vọng kinh doanh của các DN/HTX/HKD	25
Biểu đồ 2.3. Mức độ tiếp cận đất đai của DN/HTX và HKD năm 2023	26
Biểu đồ 3.1. Kết quả DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2023.....	28
Biểu đồ 3.2. Mức thay đổi điểm số DDCI của các Sở, ban, ngành năm 2022-2023.....	30
Biểu đồ 3.3. Điểm số CSTP quy trình thực hiện TTHC	31
Biểu đồ 3.4. Sự thay đổi điểm số của CSTP quy trình thực hiện TTHC ở các Sở, ban, ngành năm 2022-2023	31
Biểu đồ 3.5. Tỷ lệ DN/HTX sửa đổi, bổ sung hồ sơ.....	32
Biểu đồ 3.6. Điểm số CSTP tính minh bạch và ứng dụng CNTT	33
Biểu đồ 3.7. Sự thay đổi điểm số của CSTP tính minh bạch và ứng dụng CNTT của các Sở, ban, ngành năm 2022-2023.....	34
Biểu đồ 3.8. Mức độ ứng dụng CNTT/phương thức mới trong việc công khai thông tin và giải đáp thắc mắc cho DN/HTX	35
Biểu đồ 3.9. Điểm số của CSTP tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành năm 2023	35
Biểu đồ 3.10. Mức thay đổi điểm số của chỉ số tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành năm 2022-2023	36
Biểu đồ 3.11. Tỷ lệ DN/HTX được mời tham gia góp ý kiến bằng văn bản hoặc tham gia các hội nghị đối thoại	37
Biểu đồ 3.12. Điểm số CSTP chi phí thời gian	38
Biểu đồ 3.13. Mức thay đổi điểm số chỉ số chi phí thời gian của Sở, ban, ngành năm 2022-2023	38
Biểu đồ 3.14. Số lần thanh tra, kiểm tra.....	39
Biểu đồ 3.15. Điểm số CSTP chi phí không chính thức	40
Biểu đồ 3.16. Mức thay đổi điểm số CSTP chi phí không chính thức trong năm 2022-2023	40
Biểu đồ 3.17. Đánh giá về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức.....	41
Biểu đồ 3.18. Điểm số CSTP cạnh tranh bình đẳng.....	42
Biểu đồ 3.19. Mức thay đổi điểm số chỉ số cạnh tranh bình đẳng của các Sở, ban, ngành năm 2022-2023	42
Biểu đồ 3.20. Điểm số CSTP hỗ trợ SXKD	43
Biểu đồ 3.21. Mức thay đổi điểm số của CSTP hỗ trợ SXKD năm 2022-2023.....	44
Biểu đồ 3.22. Tỷ lệ DN/HTX được mời/ tham gia các chương trình, chính sách hỗ trợ SXKD	45
Biểu đồ 3.23. Điểm số CSTP hiệu lực thiết chế.....	45
Biểu đồ 3.24. Mức thay đổi điểm số chỉ số hiệu lực thiết chế của các Sở, ban, ngành năm 2022-2023	46
Biểu đồ 3.25. Điểm số các CSTP của BQL KKT	47
Biểu đồ 3.26. Điểm số các CSTP của BHXH TP	48
Biểu đồ 3.27. Điểm số các CSTP của Công an TP	49
Biểu đồ 3.28. Điểm số các CSTP của Sở Công Thương.....	51
Biểu đồ 3.29. Điểm số các CSTP của Sở Du lịch	52
Biểu đồ 3.30. Điểm số các CSTP của Sở GTVT	53
Biểu đồ 3.31. Điểm số các CSTP của Sở GD&ĐT	54
Biểu đồ 3.32. Điểm số các CSTP của Cục HQ TP.....	56
Biểu đồ 3.33. Điểm số các CSTP của Sở KH&ĐT năm 2023	57
Biểu đồ 3.34. Điểm số các CSTP của Sở KH&CN.....	58
Biểu đồ 3.35. Điểm số các CSTP của Sở LĐ-TB&XH	60

Biểu đồ 3.36. Điểm số CSTP của NHNN - HP	61
Biểu đồ 3.37. Điểm số CSTP của Sở NN&PTNT.....	62
Biểu đồ 3.38. Điểm số CSTP của Sở Tài chính	63
Biểu đồ 3.39. Điểm số CSTP của Sở TN&MT	64
Biểu đồ 3.40. Điểm số CSTP của Sở TT&TT.....	65
Biểu đồ 3.41. Điểm số CSTP của Cục Thuế TP.....	66
Biểu đồ 3.42. Điểm số CSTP của Sở Tư pháp	67
Biểu đồ 3.43. Điểm số CSTP của Sở VH&TT.....	68
Biểu đồ 3.44. Điểm số CSTP của Sở XD.....	69
Biểu đồ 3.45. Điểm số CSTP của Sở Y tế.....	70
Biểu đồ 4.1. Kết quả DDCI cấp địa phương năm 2023	73
Bản đồ 4.1. Bản đồ phân phối điểm DDCI cấp địa phương năm 2023.....	74
Biểu đồ 4.2 Mức thay đổi điểm số DDCI của các địa phương năm 2022-2023	75
Biểu đồ 4.3. Điểm số CSTP quy trình thực hiện TTHC	76
Biểu đồ 4.4. Mức thay đổi điểm số CSTP quy trình thực hiện TTHC của các địa phương năm 2022-2023	76
Biểu đồ 4.5. Điểm số CSTP tính minh bạch và ứng dụng CNTT	77
Biểu đồ 4.6. Mức thay đổi điểm số của chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT năm 2022-2023 ..	78
Biểu đồ 4.7. Mức độ sử dụng CNTT/ ứng dụng phương thức mới của HKD	79
Biểu đồ 4.8. Điểm số của CSTP tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương.....	79
Biểu đồ 4.9. Mức thay đổi điểm số của chỉ số tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương năm 2022-2023	80
Biểu đồ 4.10. Mức độ tham gia các chương trình đóng góp ý kiến chính sách, đối thoại tại địa phương	81
Biểu đồ 4.11. Điểm số CSTP chi phí thời gian	81
Biểu đồ 4.12. Mức thay đổi điểm số CSTP chi phí thời gian năm 2022-2023	82
Biểu đồ 4.13. Số lần thanh tra, kiểm tra trong năm 2023	83
Biểu đồ 4.14. Điểm số CSTP chi phí không chính thức	83
Biểu đồ 4.15. Mức thay đổi điểm số chỉ số chi phí không chính thức năm 2022-2023.....	84
Biểu đồ 4.16. Mức độ phổ biến của chi phí không chính ở địa phương	84
Biểu đồ 4.17. Điểm số CSTP cạnh tranh bình đẳng.....	85
Biểu đồ 4.18. Mức thay đổi điểm số CSTP cạnh tranh bình đẳng năm 2022-2023	86
Biểu đồ 4.19. Điểm số CSTP hỗ trợ SXKD.....	86
Biểu đồ 4.20. Mức thay đổi điểm số CSTP hỗ trợ SXKD năm 2022-2023	87
Biểu đồ 4.21. Tỷ lệ HKD được mời/ tham gia các chương trình, chính sách hỗ trợ SXKD.....	88
Biểu đồ 4.22. Điểm số CSTP hiệu lực thiết chế và ANTT.....	88
Biểu đồ 4.23. Mức thay đổi điểm số của chỉ số hiệu lực thiết chế và ANTT năm 2022-2023	89
Biểu đồ 4.24. Điểm số các CSTP của huyện An Dương.....	89
Biểu đồ 4.25. Điểm số CSTP của huyện An Lão	90
Biểu đồ 4.26. Điểm số các CSTP của huyện Cát Hải	92
Biểu đồ 4.27. Điểm số các CSTP của quận Dương Kinh.....	93
Biểu đồ 4.28. Điểm số các CSTP của quận Đồ Sơn	94
Biểu đồ 4.29. Điểm số CSTP của quận Hải An.....	95
Biểu đồ 4.30. Điểm số các CSTP của quận Hồng Bàng	96
Biểu đồ 4.31. Điểm số các CSTP của quận Kiến An	97
Biểu đồ 4.32. Điểm số các CSTP của huyện Kiến Thụy.....	98
Biểu đồ 4.33. Điểm số các CSTP của quận Lê Chân.....	99
Biểu đồ 4.34. Điểm số CSTP của quận Ngô Quyền	100
Biểu đồ 4.35. Điểm số các CSTP của huyện Thủy Nguyên.....	101
Biểu đồ 4.36. Điểm số các CSTP của huyện Tiên Lãng	103
Biểu đồ 4.37. Điểm số các CSTP của huyện Vĩnh Bảo	104



CHƯƠNG I

TỔNG QUAN CHUNG

DDCI  **2023**
HẢI PHÒNG 



CHƯƠNG I: TỔNG QUAN CHUNG

1.1. Giới thiệu chung về DDCI Hải Phòng năm 2023

Nâng cao năng lực cạnh tranh, cải cách môi trường kinh doanh luôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ trong công cuộc đổi mới và phát triển đất nước. Là một trong những cực tăng trưởng của cả nước, thành phố Hải Phòng đã có nhiều nỗ lực để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nhằm phát triển kinh tế, thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Trong Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 03/06/2020 của UBND thành phố Hải Phòng về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025 đã nhấn mạnh các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu: “Cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp, sáng tạo, tham gia hiệu quả vào cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu”; Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 25/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ thành phố đã nêu mục tiêu: “Môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện, phấn đấu Hải Phòng luôn là một trong 10 địa phương đạt thứ hạng cao nhất về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)”. Một trong những sáng kiến và nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh, đầu tư của thành phố là triển khai khảo sát DDCI Hải Phòng liên tục 4 năm từ năm 2020-2023, nhằm đánh giá chất lượng quản lý, điều hành của các Sở, ban, ngành và quận, huyện thông qua cảm nhận của cộng đồng DN/HTX/HKD.

Phương pháp luận DDCI đều thực hiện hiệu chỉnh từng năm để hoàn thiện và phù hợp với thực tế cũng như cập nhật theo phương pháp luận mới của PCI năm 2021. DDCI Hải Phòng năm 2023 tiếp tục tập hợp các đánh giá về cảm nhận của các cơ sở sản xuất kinh doanh, cụ thể là các DN/HTX/HKD về công tác điều hành kinh tế của các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và lãnh đạo các cơ quan đó một cách hệ thống. Thông qua kết quả trên, các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện sẽ có những đánh giá, điều chỉnh thích hợp để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo lĩnh vực và địa phương. Mục tiêu cuối cùng chính là mang lại lợi ích cho các DN/HTX/HKD và nhà đầu tư, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch hơn, tăng niềm tin vào hệ thống chính quyền và tăng động lực phát triển kinh tế tại Hải Phòng. Tiếp nối chủ đề của các năm trước, DDCI Hải Phòng năm 2023 với chủ đề **“Hải Phòng - Tăng tốc và bứt phá”** tiếp tục thể hiện tinh thần cải cách mạnh mẽ và sự quyết tâm của thành phố Hải Phòng trong năm 2024, 2025 để hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2021-2025.

Mục tiêu tổng quát: Triển khai DDCI để thúc đẩy cải thiện chất lượng quản lý, điều hành kinh tế của các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện tại thành phố, tạo động lực cải cách liên tục và đồng bộ giữa các ngành, các cấp nhằm tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, minh bạch tại thành phố Hải Phòng.

Mục tiêu cụ thể:

- DDCI nhằm mục tiêu xây dựng hình ảnh thân thiện và cầu thị của chính quyền cấp thành phố và cấp địa phương đối với các DN/HTX/HKD. Đây là hoạt động góp phần

thực hiện yêu cầu của Chính phủ là chuyển từ chính quyền quản lý sang xây dựng chính quyền phục vụ.

- DDCI cung cấp cho lãnh đạo thành phố một công cụ hiệu quả để giám sát và chỉ đạo cải thiện chất lượng điều hành đối với các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện. Phản hồi của các DN/HTX/HKD qua điều tra DDCI cung cấp những thông tin chân thực, khách quan về quá trình thực hiện thủ tục hành chính và làm việc với các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện. Đây là nguồn thông tin tham khảo độc lập, khách quan đối với lãnh đạo các cơ quan để chỉ đạo kịp thời nhằm cải thiện chất lượng hoạt động.
- DDCI giúp lãnh đạo thành phố xác định được những thực tiễn tốt trong cải cách hành chính tại các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, từ đó nhân rộng ra các đơn vị khác. Đây cũng là cách để khích lệ và phát huy sự năng động, sáng tạo của cán bộ công chức các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện trong thực hiện chỉ đạo của lãnh đạo thành phố về nâng cao chất lượng điều hành và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.
- DDCI hỗ trợ lãnh đạo các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện cải thiện hiệu quả hoạt động của đơn vị mình. Kết quả điều tra DDCI giúp lãnh đạo các cơ quan đó nhận diện rõ những điểm mạnh cần phát huy và những hạn chế cần khắc phục trong hoạt động của mỗi cơ quan trong diện đánh giá. Từ đó, lãnh đạo các cơ quan có thể xác định trọng tâm cải cách, lựa chọn và triển khai các giải pháp phù hợp thực tế và kịp thời.
- DDCI hướng tới tạo sự cạnh tranh, thi đua lành mạnh giữa các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện trong việc cải thiện mức độ hài lòng của nhà đầu tư, DN/HTX/HKD trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính tại mỗi cơ quan, từ đó góp phần vào nỗ lực chung của chính quyền thành phố trong việc tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho nhà đầu tư, DN/HTX/HKD.
- DDCI nhằm tạo ra kênh thông tin phản hồi rộng rãi, minh bạch và tin cậy để nhà đầu tư, DN/HTX/HKD tham gia đóng góp ý kiến đối với chính quyền địa phương và các Sở, ban, ngành trong việc nâng cao chất lượng điều hành và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn thành phố. Việc triển khai DDCI sẽ giúp nắm bắt, thu thập thường xuyên các khó khăn, vướng mắc của các DN/HTX/HKD tại địa phương, phản ánh kịp thời tới các cơ quan nhà nước có liên quan tại thành phố để có giải pháp xử lý nhanh chóng và hiệu quả.

1.2. Những điểm mới trong DDCI Hải Phòng năm 2023

a. Bổ sung đối tượng tham gia khảo sát

Đối tượng tham gia khảo sát bổ sung thêm một số các Hiệp hội doanh nghiệp, chi nhánh và văn phòng đại diện trực thuộc doanh nghiệp của các tỉnh, thành phố khác trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

b. Cải tiến và hoàn thiện chỉ số thành phần

Trong quá trình nghiên cứu phương pháp luận PCI 2021 và thực tế rút kinh nghiệm giai đoạn 2020-2022 thực hiện DDCI, DDCI Hải Phòng đã rà soát, loại bỏ những chỉ tiêu không còn phù hợp nhưng cơ bản vẫn giữ những chỉ tiêu và CSTP cơ bản. Bộ chỉ số DDCI Hải Phòng năm 2023 vừa phản ánh kịp thời nhịp độ cải cách của các cơ quan tại thành phố, với các chỉ tiêu phù hợp, đo lường được chất lượng quản lý, điều hành vừa giữ được tính ổn định qua thời gian, để làm cơ sở so sánh cho các cơ quan đánh giá chính xác những thay đổi, biến động về chất lượng điều hành kinh tế và kiểm nghiệm mối liên hệ với hiệu quả kinh doanh của DN/HTX/HKD. Cụ thể bao gồm:

- Điều chỉnh tên 03 chỉ số thành phần:

+ Chỉ số thành phần “Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện thủ tục hành chính” được điều chỉnh tên thành “*Quy trình thực hiện thủ tục hành chính*”.

+ Chỉ số “Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính và tuân thủ pháp luật” được điều chỉnh tên thành “*Chi phí thời gian*”.

+ Ở khối Sở, ban, ngành: Chỉ số “Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế” được điều chỉnh tên thành “*Hiệu lực thiết chế*”.

+ Ở khối địa phương: Chỉ số “Chỉ số Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự” được điều chỉnh tên thành “*Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự*”.

- Không tính điểm chỉ số tiếp cận đất đai ở khối địa phương: Chỉ số Tiếp cận đất đai sẽ chuyển nội dung đánh giá sang phần Thông tin chung (*nội dung không tính điểm*) trong Phiếu khảo sát với các chỉ tiêu được điều chỉnh phù hợp cho các DN/HTX/HKD đánh giá ở cả 2 phiếu Sở, ban, ngành và địa phương.

- Điều chỉnh bỏ 03 số chỉ tiêu trong 03 chỉ số thành phần năm 2022:

+ Chỉ số thành phần “Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin”:

Đối với khối Sở, ban, ngành: Bỏ chỉ tiêu 2.2 “Chất lượng công bố thông tin, hướng dẫn về thực hiện thủ tục hành chính hoặc công việc có liên quan” theo các ý kiến góp ý của các cơ quan, do có thể đánh giá chất lượng công bố thông tin qua các chỉ tiêu thuận lợi tiếp cận thông tin và mức độ doanh nghiệp tiếp cận website.

Đối với khối địa phương: bỏ chỉ tiêu 2.5 “Chất lượng công bố thông tin, hướng dẫn về thực hiện thủ tục hành chính hoặc công việc có liên quan” theo các ý kiến góp ý của các cơ quan, do có thể đánh giá chất lượng công bố thông tin qua các chỉ tiêu thuận lợi tiếp cận thông tin và mức độ doanh nghiệp tiếp cận website.

+ Chỉ số thành phần “Chi phí thời gian”:

Đối với khối Sở, ban, ngành: Bỏ chỉ tiêu 4.5 “Các nỗ lực cải cách, sáng kiến nhằm giảm bớt chi phí thời gian cho doanh nghiệp/hợp tác xã khi tuân thủ các quy định pháp luật (ví dụ như thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công, nộp báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định...)” theo các ý kiến góp ý của các đơn vị, do có thể đánh giá chỉ tiêu này qua các chỉ tiêu về triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, sáng kiến mới.

Đối với khối địa phương: Bỏ chỉ tiêu 4.5 “Các nỗ lực cải cách, sáng kiến của Ủy ban nhân dân quận, huyện nhằm giảm bớt chi phí thời gian cho các cơ sở sản xuất kinh doanh khi tuân thủ các quy định pháp luật (ví dụ như thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công, nộp báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định...)” theo các ý kiến góp ý của các đơn vị, do có thể đánh giá chỉ tiêu này qua các chỉ tiêu về triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, sáng kiến mới.

+ Chỉ số thành phần “Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh”:

Đối với khối Sở, ban, ngành: Bỏ chỉ tiêu 7.1 “Mức độ cung cấp thông tin triển khai các chương trình, chính sách, sáng kiến, hoạt động (của trung ương và thành phố) dành riêng cho hỗ trợ các doanh nghiệp/hợp tác xã” theo các ý kiến góp ý của các cơ quan, do có thể đánh giá công bố thông tin qua các chỉ tiêu thuận lợi tiếp cận thông tin và mức độ doanh nghiệp được mời tham gia và chỉ tiêu ở chỉ số tiếp cận thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin.

Đối với khối địa phương: Bỏ chỉ tiêu 7.1 “Mức độ cung cấp thông tin triển khai các chương trình, chính sách, sáng kiến, hoạt động (của trung ương và thành phố) dành riêng cho hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh” theo các ý kiến góp ý của các đơn vị, do có thể đánh giá công bố thông tin qua các chỉ tiêu thuận lợi tiếp cận thông tin và mức độ doanh nghiệp được mời tham gia và chỉ tiêu ở chỉ số tiếp cận thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin.

Như vậy sau khi rà soát, điều chỉnh, bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh đối với khối Sở, ban, ngành cắt bỏ 03 chỉ tiêu cũ; bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh đối với khối địa phương giảm 01 chỉ số tiếp cận đất đai, cắt bỏ 03 chỉ tiêu cũ. Sau khi điều chỉnh, bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh đối với khối Sở, ban, ngành gồm 08 chỉ số thành phần với 50 chỉ tiêu; bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh đối với khối địa phương gồm 08 chỉ số thành phần với 75 chỉ tiêu.

c. Điều chỉnh đối tượng đánh giá

Theo Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 06/02/2023 của UBND thành phố Hải Phòng về việc thực hiện phân tích kết quả khảo sát, điều tra và công bố kết quả đánh giá DDCI năm 2022, triển khai đánh giá DDCI năm 2023 của thành phố Hải Phòng. DDCI cấp địa phương của Hải Phòng năm 2023 vẫn tiến hành khảo sát, đánh giá, chấm điểm huyện Bạch Long Vĩ, tuy nhiên không đưa kết quả khảo sát, đánh giá, chấm điểm của huyện Bạch Long Vĩ vào xếp hạng DDCI cấp địa phương của Hải Phòng năm 2023 để công bố mà sẽ ghi nhận kết quả khảo sát, đánh giá, chấm điểm đó mang ý nghĩa tham khảo nội bộ.

Ngày 01/8/2023, Ủy ban nhân dân huyện Bạch Long Vĩ đã gửi Công văn số 582/UBND-KTHT về việc trích xuất và cung cấp toàn bộ dữ liệu điện tử về cơ sở SXKD thực hiện thủ tục hành chính hoặc dịch vụ công từ ngày 01/10/2022 đến ngày 31/7/2023. Theo đó, Ủy ban nhân dân huyện Bạch Long Vĩ có 08 hộ kinh doanh thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện Bạch Long Vĩ không đủ điều kiện về mẫu khảo sát để thực hiện đánh giá DDCI Hải Phòng năm 2023. Do đó, đối tượng đánh giá điều chỉnh đánh giá 15 Ủy ban nhân dân quận, huyện thành đánh giá 14 Ủy ban nhân dân quận, huyện.

d. Phát triển và bổ sung một số câu hỏi mới

Trong phiếu khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023 rà soát, loại bỏ các chỉ tiêu không còn quan trọng, bổ sung một số câu hỏi mở để các DN/HTX/HKD đóng góp ý kiến thêm về những vấn đề chính mà họ thấy cải thiện tích cực nhất, điểm cần cải thiện trong thời gian tới và các đề xuất. Những ý kiến này được tổng hợp và đề xuất trong báo cáo.

1.3. Hệ thống chỉ số, chỉ tiêu thành phần trong DDCI Hải Phòng năm 2023

DDCI Hải Phòng được xây dựng gồm hai bộ chỉ số: (i) bộ chỉ số DDCI đối với cấp Sở, ban, ngành và (ii) bộ chỉ số DDCI cấp địa phương. Các chỉ số thành phần này có tính phổ quát chung và phù hợp với tất cả các đơn vị và do vậy là thang điểm chung với tất cả các đối tượng trong từng nhóm cơ quan chính quyền được đánh giá. Những chỉ số này được mô tả tóm tắt dưới đây:

- (1) *Quy trình thực hiện TTHC:* Chỉ số này liên quan đến tất cả các TTHC mà các DN/HTX/HKD phải thực hiện trong quá trình hoạt động hoặc để đi vào hoạt động hoặc để dự án của mình đi vào hoạt động, như đăng ký kinh doanh, thủ tục đầu tư, thủ tục đăng ký lao động, thuế, bảo hiểm xã hội, cấp phép đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, môi trường... và việc cung cấp dịch vụ công, TTHC nói chung của sở, ban, ngành và địa phương.

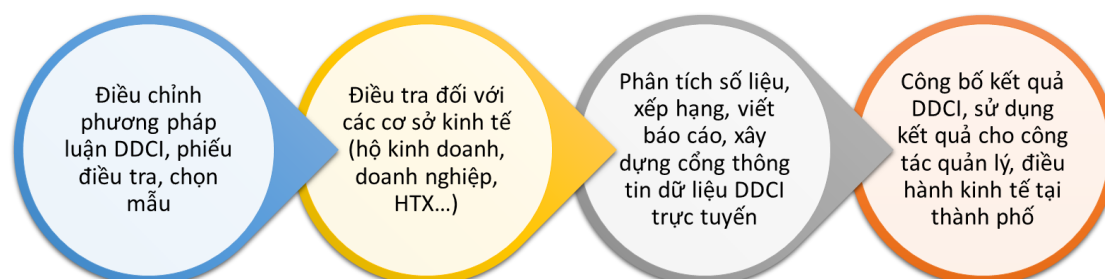
- (2) *Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin*: Chỉ số này đánh giá khả năng và sự dễ dàng khi DN/HTX/HKD có thể tiếp cận những thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh và mức độ hữu dụng của ứng dụng CNTT trong cung cấp thông tin tới các đối tượng kinh doanh.
- (3) *Tính năng động và tiên phong của các cơ quan chính quyền*: Chỉ số này tập trung vào các vấn đề như sự năng động, sáng tạo, tính tiên phong, chủ động, tích cực của lãnh đạo và các cơ quan chính quyền trong thực hiện các quy định chính sách của pháp luật và UBND thành phố và hiệu quả trong giải quyết các vướng mắc, khó khăn để tạo thuận lợi cho các DN/HTX/HKD.
- (4) *Chi phí thời gian*: Chỉ số này đo lường thời gian, chi phí mà các DN/HTX/HKD phải bỏ ra khi thực hiện TTHC và tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình sản xuất kinh doanh, cụ thể được đo lường bằng thời gian hay số lần đi lại cho việc tìm hiểu quy định, thủ tục, chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ, liên lạc, tiếp xúc với cơ quan có liên quan để thực hiện TTHC hoặc quy định của pháp luật, hoặc bằng thời gian DN/HTX/HKD phải dành cho việc tiếp các đoàn thanh tra, kiểm tra bởi các cơ quan quản lý.
- (5) *Chi phí không chính thức*: Chỉ số này đánh giá về phạm vi và mức độ của các khoản chi phí không chính thức mà các DN/HTX/HKD phải bỏ ra khi thực hiện các TTHC, khi thực hiện các quy định pháp luật hoặc trong quá trình tương tác với các cơ quan chính quyền trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- (6) *Cạnh tranh bình đẳng*: Chỉ số thành phần này đề cập đến sự đối xử công bằng giữa các cơ sở kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh khi gia nhập thị trường, khi tiếp cận các cơ hội kinh doanh, nguồn lực cần thiết cho quá trình sản xuất kinh doanh, khi tiếp cận các chương trình, chính sách hỗ trợ. Cạnh tranh bình đẳng trong phạm vi khảo sát DDCI đưa ra được hiểu là không có sự phân biệt đối xử giữa các đối tượng kinh doanh với nhau theo hình thức sở hữu, theo quy mô của cơ sở sản xuất kinh doanh hay theo mức độ thân hữu với cơ quan chính quyền (ví dụ giữa DNNN, DN FDI với các cơ sở kinh doanh thuộc khu vực tư nhân, giữa DN/HTX/HKD lớn với DN/HTX/HKD nhỏ, giữa DN/HTX/HKD với DN/HTX/HKD “thân hữu” với chính quyền, giữa HKD với DN, HTX, giữa DN/HTX/HKD trong địa phương và ngoài địa phương).
- (7) *Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh*: Chỉ số này tập trung đến các lĩnh vực thuộc chức năng của các Sở, ban, ngành và địa phương trong việc thu hút đầu tư, tạo điều kiện giúp các cơ sở kinh tế phát triển tốt nhất và đo lường mức độ hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư, các chương trình, chính sách hỗ trợ có tác động tới hoạt động kinh doanh của các DN/HTX/HKD.
- (8) *Hiệu lực thiết chế*: Chỉ số này được xây dựng nhằm đánh giá hiệu quả của các cơ quan chính quyền trong việc triển khai thực hiện các quy định pháp luật, chính sách (một nội dung quan trọng của thể chế) và cơ chế xử lý các khiếu nại, tố cáo từ phía cộng đồng dân doanh và các nhà đầu tư liên quan tới quá trình thực thi các quy định pháp luật.
Ngoài ra, riêng với DDCI cấp địa phương của Hải Phòng còn đánh giá thêm khía cạnh “an ninh trật tự” trong việc đảm bảo an ninh trật tự đảm bảo môi trường đầu tư, kinh doanh an toàn, giảm thiểu các trường hợp gây những nhiễu, phiền hà cho các DN/HTX/HKD hoạt động trên địa bàn từ góc độ an ninh, trật tự.

Theo Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 06/02/2023 của UBND thành phố về việc thực hiện phân tích kết quả khảo sát, điều tra và công bố kết quả đánh giá DDCI năm 2022, triển khai đánh giá DDCI năm 2023 của thành phố Hải Phòng, từ năm 2023, chỉ số Tiếp cận đất đai sẽ không đưa vào để tính điểm DDCI của Ủy ban nhân dân các quận, huyện, song đây là nguồn thông tin rất thiết thực cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các quận, huyện đưa ra các giải pháp hữu hiệu để tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố, với mục tiêu trọng tâm cải thiện điểm số và vị trí xếp hạng của chỉ số Tiếp cận đất đai trong chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI.

1.4. Quy trình triển khai DDCI Hải Phòng năm 2023

❖ Quy trình triển khai DDCI Hải Phòng năm 2023

Quy trình triển khai DDCI Hải Phòng năm 2023 được chia thành bốn bước chính như sau:



Bước 1: Điều chỉnh Phương pháp luận DDCI và phiếu điều tra: Việc hiệu chỉnh phương pháp luận chỉ số DDCI Hải Phòng năm 2023 dựa trên việc nghiên cứu tình hình thực tiễn, rút kinh nghiệm từ phương pháp luận PCI 2021, việc xây dựng phương pháp luận và quá trình triển khai điều tra, khảo sát, kết quả phân tích DDCI Hải Phòng năm 2020-2022. Việc hiệu chỉnh phương pháp luận chỉ số DDCI Hải Phòng năm 2023 đồng thời với việc hiệu chỉnh lại các công cụ khảo sát và phân tích, xử lý dữ liệu.

Bước 2: Tiến hành điều tra đối với các cơ sở kinh tế (DN/HTX/HKD): DDCI Hải Phòng năm 2023 khảo sát các DN/HTX/HKD thông qua khảo sát trực tuyến và trực tiếp. Các phiếu thu về được rà soát, giám sát nhằm đảm bảo chất lượng phiếu trả lời, sau đó được làm sạch, phê duyệt và nhập liệu vào hệ thống xử lý dữ liệu.

Bước 3: Phân tích số liệu và xây dựng báo cáo xếp hạng: Đơn vị tư vấn thực hiện tổng hợp, phân tích, đánh giá dữ liệu khảo sát, điều tra DDCI Hải Phòng năm 2023, tính toán điểm số và xếp hạng các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, từ đó xây dựng báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt về DDCI Hải Phòng năm 2023.

Bước 4: Phê duyệt và công bố kết quả đánh giá DDCI: Căn cứ văn bản trình duyệt của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND thành phố phê duyệt và tổ chức công bố kết quả điểm số, xếp hạng và Báo cáo kết quả đánh giá DDCI Hải Phòng năm 2023. Sau đó, đơn vị tư vấn thực hiện chia sẻ dữ liệu thống kê, báo cáo phân tích, đánh giá, kết quả điểm số và xếp hạng DDCI Hải Phòng năm 2023 trên môi trường Internet.

❖ Đối tượng tham gia khảo sát

DDCI cấp Sở, ban, ngành

Đối tượng trả lời phiếu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành của Hải Phòng năm 2023 chủ yếu là DN và HTX. Trong một số trường hợp, các HKD có thể lựa chọn tham gia đánh giá phiếu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành khi các HKD đó thực sự có tương tác về quản lý điều hành hoặc thực hiện TTHC với Sở, ban, ngành. Tuy nhiên, để đảm bảo tính thống nhất, trong các tài liệu về sau sẽ sử dụng thuật ngữ “DN/HTX” để đại diện chung cho các đối tượng đánh giá DDCI cấp Sở, ban, ngành.

DDCI cấp địa phương

Đối tượng trả lời phiếu khảo sát DDCI cấp địa phương của Hải Phòng năm 2023 chủ yếu là các HKD. Ngoài ra, các HTX hoặc DN có đăng ký hoặc hoạt động ở quận, huyện và có tương tác với chính quyền địa phương cũng có thể lựa chọn trả lời phiếu khảo sát DDCI cấp địa phương. Tuy nhiên, để đảm bảo

tính thống nhất, các tài liệu về sau sẽ sử dụng thuật ngữ “HKD” để đại diện chung cho các đối tượng đánh giá DDCI cấp địa phương.

❖ *Đối tượng đánh giá*

DDCI cấp Sở, ban, ngành

DDCI cấp Sở, ban, ngành của Hải Phòng năm 2023 tiến hành đánh giá 21 Sở, ban, ngành, cụ thể như sau: (1) Sở Kế hoạch và Đầu tư, (2) Sở Tài chính, (3) Sở Tài nguyên và Môi trường, (4) Sở Xây dựng, (5) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, (6) Sở Giao thông Vận tải, (7) Sở Khoa học và Công nghệ, (8) Sở Giáo dục và Đào tạo, (9) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, (10) Sở Công Thương, (11) Sở Tư pháp, (12) Thông tin và Truyền thông, (13) Sở Y tế, (14) Sở Văn hóa và Thể thao, (15) Sở Du lịch, (16) Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, (17) Công an thành phố, (18) Cục Thuế thành phố, (19) Cục Hải quan thành phố, (20) Bảo hiểm xã hội thành phố, (21) Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh thành phố Hải Phòng.

DDCI cấp địa phương

DDCI cấp địa phương của Hải Phòng năm 2023 đánh giá chất lượng điều hành của 14 quận, huyện trên địa bàn thành phố gồm: (1) Hồng Bàng, (2) Ngô Quyền, (3) Lê Chân, (4) Kiến An, (5) Hải An, (6) Đồ Sơn, (7) Dương Kinh, (8) An Dương, (9) An Lão, (10) Cát Hải, (11) Kiến Thụy, (12) Thủy Nguyên, (13) Tiên Lãng, (14) Vĩnh Bảo.

❖ *Cách thức tiếp cận điều tra*

Điều tra trực tuyến là phương pháp chủ yếu

DDCI Hải Phòng năm 2023 đẩy mạnh hình thức khảo sát trực tuyến trên nền tảng platform đối với nhóm đối tượng chủ yếu là các DN/HTX ở phiếu Sở, ban, ngành.

Kết hợp khảo sát trực tiếp

Phương pháp phỏng vấn trực tiếp các các DN/HTX/HKD theo danh sách mẫu đã được lựa chọn cũng được kết hợp song song trong điều tra DDCI Hải Phòng năm 2023. Nhóm đối tượng chủ yếu của phương pháp khảo sát trực tiếp là các HKD ở phiếu khảo sát cấp địa phương do khả năng tiếp cận công nghệ hạn chế hơn so với nhóm DN/HTX. Tuy nhiên, hình thức khảo sát trực tuyến vẫn được khuyến khích với các HKD đủ khả năng tham gia. Năm 2023, tỉ lệ khảo sát trực tuyến của các HKD ở phiếu địa phương đạt 14,85%.

Như vậy, tỉ lệ khảo sát trực tuyến trong khảo sát toàn thành phố đạt 70,5%, còn lại tỉ lệ khảo sát trực tiếp là 29,5%.

❖ *Thời gian điều tra*

Thời gian điều tra khảo sát: tháng 10-11 năm 2023.

Thời hiệu của các thông tin, dữ liệu về cảm nhận, chấm điểm của DN/HTX/HKD đối với các nội dung được khảo sát là đối với năm 2023.

1.5. Phương pháp chọn mẫu

Danh sách mẫu khảo sát được tổng hợp từ danh sách tổng hợp các DN/HTX/HKD đã làm thủ tục hành chính tại các Sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện do các đơn vị này cung cấp; danh sách DN/HTX/HKD đang hoạt động do Cục Thống kê thành phố cung cấp cùng với danh sách DN/HTX/HKD có thực hiện nghĩa vụ nộp thuế do Cục Thuế thành phố cung cấp. Để tránh tình trạng

danh sách chỉ có những DN/HTX/HKD có quá trình thực hiện TTHC tốt, không phát sinh vấn đề được lựa chọn, đơn vị tư vấn kết hợp cùng danh sách các DN/HTX/HKD do Cục Thống kê và Cục Thuế thành phố cung cấp để bổ sung thêm mẫu vào danh sách khảo sát với những trường hợp thiếu mẫu hoặc cần mẫu bổ sung. Những DN/HTX/HKD này vẫn đảm bảo đúng các tiêu chí chọn mẫu, đủ hiểu biết về các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện để đánh giá chính xác và khách quan.

Việc chọn mẫu sẽ thực hiện theo các bước như sau:

- Bước 1: Tổng hợp, rà soát và xác minh lại danh sách mẫu từ 3 đầu mối cung cấp. Đơn vị tư vấn sẽ loại bỏ các mẫu trùng lặp (do 1 DN/HTX/HKD có thể thực hiện nhiều thủ tục hành chính khác nhau ở 1 cơ quan) và làm sạch danh sách để tránh trùng mẫu (tránh trường hợp một DN/HTX/HKD đánh giá nhiều lần một đơn vị).
- Bước 2: Dựa trên số lượng mẫu tổng thể được tổng hợp, đơn vị tư vấn sẽ tiến hành xây dựng khung chọn mẫu bằng cách tính toán tỉ lệ và số lượng phân bổ mẫu dự kiến cho 2 phiếu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành và DDCI cấp địa phương.
- Bước 3: Tiến hành chọn mẫu theo tỷ lệ đảm bảo các nguyên tắc cơ bản như có ý nghĩa thống kê (tức là số DN/HTX/HKD đạt được mức tối thiểu đối với từng đơn vị) và phù hợp với tỷ lệ DN/HTX/HKD thực hiện TTHC hoặc đang hoạt động ở địa phương (đơn vị nào có nhiều DN/HTX/HKD thực hiện TTHC/đang hoạt động ở địa phương thì lấy mẫu nhiều hơn đơn vị có ít DN/HTX/HKD thực hiện TTHC/đang hoạt động ở địa phương).

Trong quá trình chọn mẫu này, đơn vị tư vấn đồng thời xây dựng một số lượng mẫu dự phòng để thay thế trong trường hợp không thể liên lạc được DN/HTX/HKD hoặc DN/HTX/HKD không hợp tác trả lời phiếu khảo sát.

Cụ thể, phương pháp chọn mẫu cho từng bộ phiếu như sau:

❖ Chọn mẫu điều tra đối với phiếu DDCI cấp Sở, ban, ngành

Các DN/HTX được lựa chọn để đánh giá những lĩnh vực mà họ đã từng làm việc hoặc có đủ hiểu biết về các Sở, ban, ngành thông qua 24 mẫu phiếu đánh giá 24 lĩnh vực của 21 Sở, ban, ngành. Mẫu khảo sát sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên và theo tỉ lệ DN/HTX có tương tác với Sở, ban, ngành (theo danh sách mẫu mà các Sở, ban, ngành đã cung cấp trước đó). Đối với một số Sở, ban, ngành có ít DN/HTX tương tác, danh sách mẫu sẽ ưu tiên lấy mẫu trước và lấy mẫu gần như toàn bộ danh sách mà Sở, ban, ngành cung cấp cũng như bổ sung thêm dựa trên phân loại ngành nghề đặc thù có tương tác và hiểu biết về Sở, ban, ngành đó. Đồng thời, nhằm cân đối tỉ lệ phân bổ mẫu giữa các Sở, ban, ngành, mẫu khảo sát cũng giới hạn số lượng mẫu đối với các Sở, ban, ngành có số lượng DN/HTX tương tác lớn (Thuế, Bảo hiểm xã hội, Đăng kí kinh doanh...) cho phù hợp.

Mẫu điều tra cho DDCI cấp Sở, ban, ngành được lựa chọn trên nguyên tắc đảm bảo bao quát các lĩnh vực chức năng quản lý nhà nước, điều hành kinh tế và dịch vụ công của Sở, ban, ngành.

❖ Chọn mẫu điều tra đối với phiếu DDCI cấp địa phương

Phương pháp chọn mẫu khảo sát của DDCI cấp địa phương cũng là phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên nhưng theo cách phân tầng đồng tỉ lệ tại mỗi địa phương để đảm bảo tính đại diện của tất cả các nhóm HKD theo số lượng, ngành nghề sản xuất kinh doanh. Tỉ lệ này được tính toán dựa trên tỉ lệ số HKD ở địa phương đó trên tổng số HKD của thành phố. Với các địa phương có số lượng HKD thấp, mẫu HKD sẽ được điều chỉnh nhằm đảm bảo số lượng mẫu tối thiểu về mặt thống kê và cân đối với các địa phương có số lượng HKD lớn.

1.6. Thống kê mẫu khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

DDCI Hải Phòng năm 2023 tiếp tục đánh giá năng lực quản lý, điều hành của 2 nhóm: Sở, ban, ngành và địa phương. Khảo sát năm 2023 nhận được sự quan tâm của các đơn vị với số lượng phiếu thu về 2.531 phiếu, trong đó có 1.676 phiếu Sở, ban, ngành và 855 phiếu địa phương.

❖ Mẫu khảo sát DDCI Hải Phòng cấp Sở, ban, ngành

Bảng 1.1. Phiếu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2023

Lĩnh vực	Số phiếu	Tỉ lệ %
Thuế	171	10,20 %
BHXH/ BHYT	161	9,61 %
ĐKKD	153	9,13 %
Hải quan	130	7,76 %
GTVT	115	6,86 %
Lao động - TB&XH	102	6,09 %
Công an (Quản lý phương tiện giao thông cơ giới và ANTT)	100	5,97 %
Xây dựng	89	5,31 %
CA/PCCC	71	4,24 %
Quản lý KCN/KKT	62	3,70 %
TTTT, Viễn thông	61	3,64 %
GD&ĐT	60	3,58 %
NN&PTNT	52	3,10 %
Y tế	43	2,57 %
KH&CN	40	2,39 %
Công Thương	40	2,39 %
Đất đai	35	2,09 %
Đầu tư	35	2,09 %

Lĩnh vực	Số phiếu	Tỉ lệ %
Ngân hàng nhà nước	35	2,09 %
Văn hóa, Thể thao	31	1,85 %
Tư pháp	30	1,79 %
Tài chính	25	1,49 %
Tài nguyên - Môi trường	20	1,19 %
Du lịch	15	0,89 %
Tổng	1676	100%

Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

❖ **Mẫu khảo sát DDCI Hải Phòng cấp địa phương**

Bảng 1.2. Phiếu khảo sát DDCI cấp địa phương năm 2023

Quận, huyện	Số phiếu	Tỉ lệ %
Huyện Thủy Nguyên	112	13,10 %
Quận Lê Chân	107	12,51 %
Quận Ngô Quyền	80	9,36 %
Huyện Vĩnh Bảo	75	8,77 %
Huyện An Dương	70	8,19 %
Huyện Tiên Lãng	63	7,37 %
Huyện Kiến Thụy	62	7,25 %
Huyện An Lão	50	5,85 %
Quận Kiến An	50	5,85 %
Quận Hồng Bàng	46	5,38 %
Quận Hải An	45	5,26 %

Quận, huyện	Số phiếu	Tỉ lệ %
Quận Dương Kinh	35	4,09 %
Huyện Cát Hải	30	3,51 %
Quận Đồ Sơn	30	3,51 %
Tổng	855	100%

Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

1.7. Đặc điểm mẫu khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

❖ Đặc điểm mẫu khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023 cấp Sở, ban, ngành

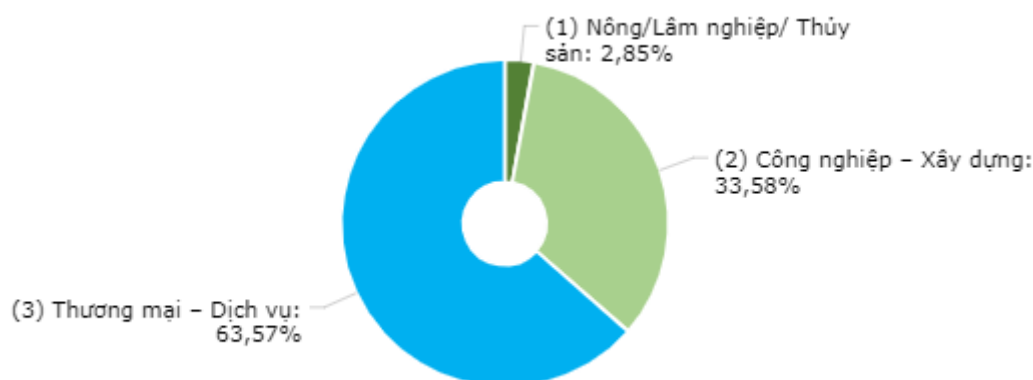
DDCI Hải Phòng cấp Sở, ban, ngành được tổng hợp từ 1.676 các cơ sở SXKD. Trong đó, phần lớn là các DN tham gia chiếm 93,63%, chi nhánh/VP đại diện tại HP là 2,92%, 1,27% là các HTX và 2,18% còn lại là HKD tham gia khảo sát. Trong nhóm DN, DN khu vực tư nhân trong nước chiếm phần lớn với 65,45%, DN có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 21,84%, DNNN chiếm 6,48% và còn lại 6,23% DN thuộc loại hình khác.

Theo giới tính, chủ DN/HTX tham gia khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023 phần lớn là do nam giới làm chủ, chiếm 67,63%, gấp khoảng 2 lần so với tỉ lệ 32,37% DN/HTX do nữ giới làm chủ.

Theo lĩnh vực ngành nghề, thương mại - dịch vụ vẫn là ngành nghề kinh doanh chiếm tỉ trọng lớn nhất trong phân phối mẫu (63,57%), tiếp theo là ngành công nghiệp - xây dựng (33,58%) và nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 2,85%. Tỉ lệ này cũng khá tương đồng với dàn mẫu khảo sát DDCI các năm trước.

Xét theo thời gian thành lập, các DN/HTX tham gia khảo sát được thành lập trong khoảng 2-5 năm gần đây chiếm 18,85%, từ 6-10 năm là 19,4% và cách đây trên 10 năm là 46,51%. Tỉ lệ DN/HTX mới được thành lập trong vòng 2 năm gần đây là 15,24%.

Biểu đồ 1.1. Tỉ lệ DN/HTX theo lĩnh vực trong DDCI cấp Sở, ban, ngành



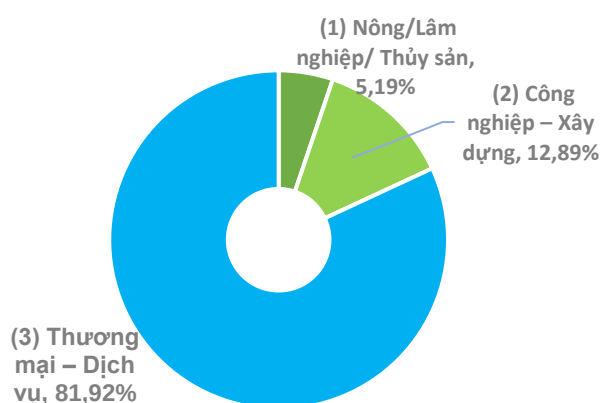
Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

❖ Đặc điểm mẫu khảo sát DDCI cấp địa phương

DDCI cấp địa phương năm 2023 đã khảo sát 855 cơ sở SXKD (chủ yếu là HKD chiếm 94,62%, một số ít là DN chiếm 3,94%, HTX chiếm 1,44%) từ 14 quận, huyện trong thành phố. Trong đó, chiếm phần lớn là các HKD hoạt động kinh doanh trên 5 năm (53,24%), HKD hoạt động trong khoảng 2-5 năm là 23,26%, còn lại 12,4% HKD mới thành lập dưới 2 năm.

Xét theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh, chiếm tỉ lệ lớn trong mẫu điều tra là các HKD trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ, chiếm tới 81,92%, tiếp theo là các HKD trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng 12,89%, các HKD trong lĩnh vực nông/lâm nghiệp/ thủy sản chiếm 5,19%.

Biểu đồ 1.2. Tỉ lệ HKD theo lĩnh vực trong DDCI cấp địa phương



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

1.8. Những khó khăn trong quá trình triển khai DDCI Hải Phòng

Bước sang năm thứ tư triển khai, DDCI Hải Phòng đã mang lại nhiều tác động tích cực góp phần nâng cao chất lượng điều hành kinh tế và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Tuy nhiên, quá trình triển khai DDCI vẫn gặp một số vấn đề khó khăn như sau:

Thứ nhất, mức độ tham gia của các cơ quan đại diện cộng đồng DN/HTX/HKD còn thấp, chưa thể hiện được vai trò của mình trong phối hợp triển khai, nhất là trong quá trình khảo sát, lấy ý kiến từ các hiệp hội. Năm 2023, phiếu khảo sát DDCI Hải Phòng đã gửi tới 21 cơ quan đại diện DN/HTX/HKD, hiệp hội, chi hội và hiệp hội ngành nghề trong thành phố gồm: Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Chi nhánh Duyên hải Bắc Bộ; Liên minh Hợp tác xã thành phố; Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Hải Phòng; Hiệp hội Doanh nghiệp Cựu chiến binh Hải Phòng; Hiệp hội doanh nghiệp quận Hồng Bàng; Hiệp hội doanh nghiệp quận Hải An; Hiệp hội doanh nghiệp Đức cơ khí Mỹ Đồng; Hiệp hội Du lịch Hải Phòng; Hiệp hội vận tải Hải Phòng; Hội doanh nhân trẻ Hải Phòng; Hiệp hội doanh nghiệp huyện Thủy Nguyên; Hội Doanh nghiệp - Doanh nhân quận Đồ Sơn; Hội Doanh nghiệp - Doanh nhân quận Dương Kinh; Hiệp hội DN huyện An Dương; Hội nữ doanh nhân Hải Phòng; Hiệp hội doanh nghiệp quận Lê Chân; Hiệp hội Logistics Hải Phòng; Hiệp hội phân bón Hải Phòng; Hội doanh nghiệp quận Kiến An; Hội doanh nghiệp và cơ sở của Người khuyết tật Hải Phòng; Hội Doanh nghiệp quận Ngô Quyền. Tuy nhiên, đơn vị tư vấn chỉ nhận về 01 phiếu đánh giá của Hiệp hội GTVT. DDCI là kênh phản ánh tiếng nói của cộng đồng DN/HTX/HKD nên rất cần sự tham gia tích cực và tổng hợp ý kiến đóng góp của các tổ chức hiệp hội trong thành phố.

Thứ hai, tiếp cận DN/HTX/HKD còn gặp nhiều khó khăn. Trong một năm, DN/HTX/HKD trên địa bàn thành phố thực hiện nhiều đợt khảo sát từ các cơ quan quản lý nhà nước (cả Trung ương và thành

phổ), do đó DN/HTX/HKD có tâm lý ngại tham gia khảo sát với phiếu khảo sát có rất nhiều chỉ tiêu đánh giá, trong khi có rất nhiều công việc cần xử lý.

Thứ ba, danh sách các DN/HTX/HKD thực hiện TTHC và làm việc ở các cơ quan cung cấp còn thiếu nhiều thông tin, chưa đầy đủ và khó tiếp cận, dẫn đến khó khăn trong việc chọn mẫu và tiếp cận DN/HTX/HKD. Mỗi năm, Sở KH&ĐT đều gửi công văn tổng hợp danh sách DN/HTX/HKD thực hiện TTHC và tương tác với các cơ quan nhưng một số cơ quan cung cấp chậm hoặc cung cấp chưa đầy đủ thông tin theo mẫu của công văn. Năm 2023, danh sách tổng hợp được từ 21 Sở, ban, ngành nhưng có một số Sở, ban, ngành cung cấp thiếu thông tin (mã số thuế, số điện thoại, địa chỉ) như Sở LĐ-TB&XH, Sở TT&TT, Sở Y tế, BQL KKT, Công an TP, BHXH TP, quận Lê Chân, huyện An Lão, quận Hồng Bàng và huyện Cát Hải.



CHƯƠNG II

CẢM NHẬN CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH

DDCI 2023
HẢI PHÒNG



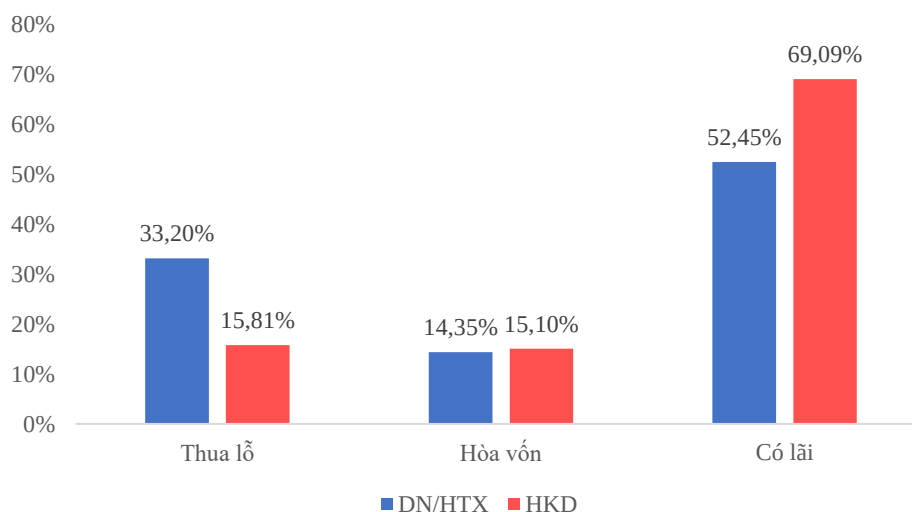
CHƯƠNG II: CẢM NHẬN VỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH

2.1. Tình hình và triển vọng kinh doanh

❖ Tình hình kinh doanh

Bức tranh kinh doanh của cộng đồng sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố đan xen nhiều gam màu sáng, tối. Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023 có những tín hiệu tích cực khi phần lớn các DN/HTX/HKD kinh doanh có lãi. Cụ thể, đối với khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành, 52,45% DN/HTX hoạt động có lãi, khảo sát DDCI cấp địa phương có 69,09% HKD kinh doanh có lãi. Tỷ lệ này so với năm 2020-2021, có tăng nhưng giảm nhẹ so với năm 2022, cho thấy các DN/HTX/HKD đang đối mặt với nhiều khó khăn hơn từ thị trường và nền kinh tế. Tỷ lệ hòa vốn cũng chiếm tương đối với 14,35% DN/HTX và 15,1% HKD. Tỷ lệ thua lỗ giữ ở mức thấp với 15,81% ở nhóm HKD và tương đối cao 33,2% ở nhóm DN/HTX. Những con số này cho thấy nền kinh tế giai đoạn hậu Covid-19 tiếp tục còn nhiều thách thức và tốc độ tăng trưởng của DN/HTX/HKD còn chậm.

Biểu đồ 2.1. Tình hình kinh doanh của DN/HTX/HKD năm 2023



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

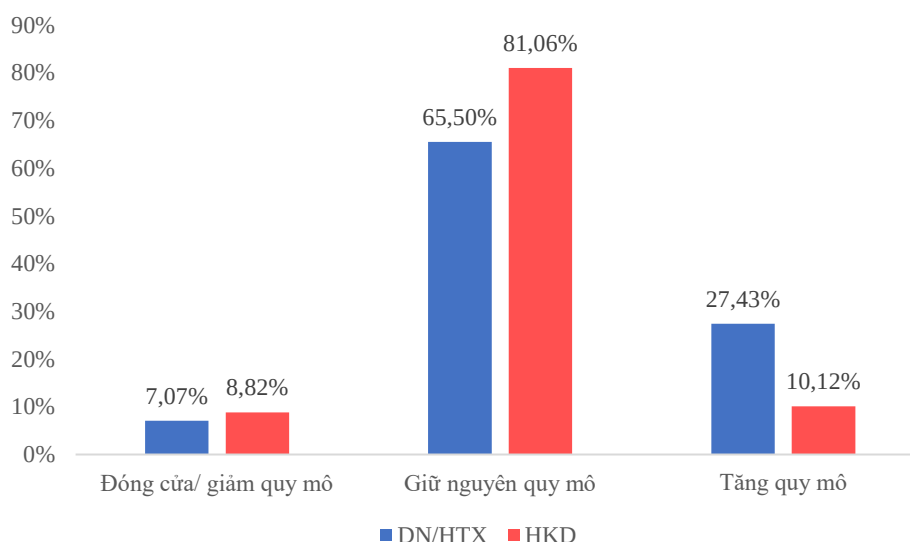
❖ Triển vọng kinh doanh

Mức độ lạc quan và niềm tin của cộng đồng DN/HTX/HKD thể hiện qua đánh giá về triển vọng kinh doanh. Kết quả khảo sát DDCI Hải Phòng 2023 cho thấy chỉ 10,12% HKD và 27,43% DN/HTX sẽ mở rộng kinh doanh, có tăng so với giai đoạn 2020-2021, nhưng giảm nhẹ so với năm 2022. Trong cả hai

nhóm DN/HTX và HKD, phần lớn các DN/HTX/HKD vẫn lựa chọn thận trọng giữ nguyên quy mô kinh doanh như hiện tại, cụ thể là 81,06% HKD và 65,5% DN/HTX. Tỷ lệ đóng cửa/giảm quy mô ở nhóm DN/HTX là 7,07%, ở nhóm HKD là 8,82%, giảm theo chuỗi thời gian cho thấy những điểm sáng trong bức tranh kinh tế có phần “ảm đạm” trong năm 2023.

Như vậy, kể từ sau đại dịch Covid-19, nền kinh tế tuy được kì vọng sẽ phục hồi nhưng những tác động từ suy thoái kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng không nhỏ đến mức tăng trưởng chung của DN/HTX/HKD, dự báo nhiều thách thức mà DN/HTX/HKD sẽ đối mặt trong thời gian tới.

Biểu đồ 2.2. Triển vọng kinh doanh của các DN/HTX/HKD



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

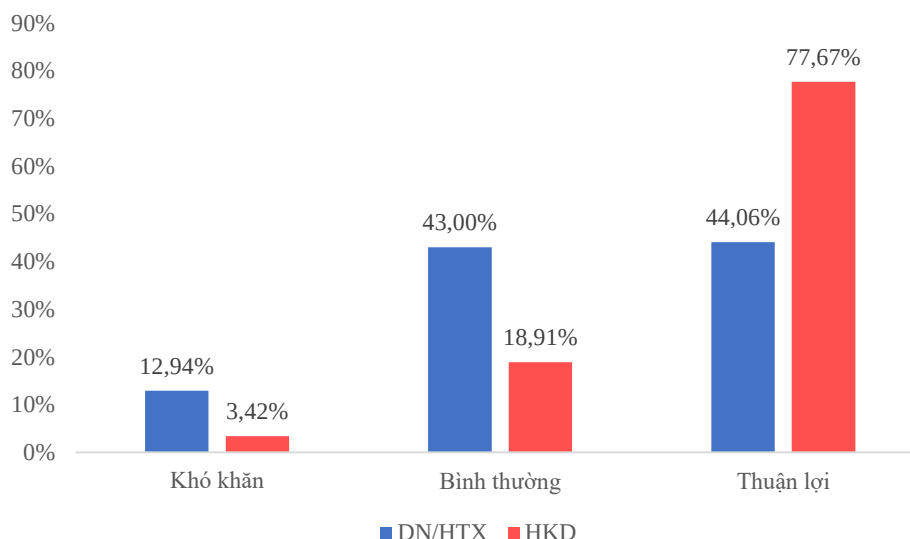
Đánh giá chung về môi trường đầu tư, kinh doanh, phần lớn các DN/HTX/HKD đều đồng ý cho rằng môi trường được cải thiện hơn và chất lượng quản lý điều hành của các cơ quan cũng được nâng cao. Cụ thể, 96,45% HKD và 96,7% DN/HTX cho rằng chất lượng quản lý về kinh tế của chính quyền địa phương hoặc sở, ban, ngành có cải thiện. Bên cạnh việc tập trung phát triển kinh tế - xã hội, các Sở, ban, ngành và quận, huyện cũng đã dành sự quan tâm nhất định đến các vấn đề phát triển bền vững, bao trùm và bảo tồn các giá trị lịch sử, truyền thống. Theo đó, 85,98% HKD và 60,82% DN/HTX đồng ý với nhận định chính quyền quận, huyện hoặc Sở, ban, ngành có quan tâm và đặc biệt quan tâm đến các lĩnh vực phát triển bền vững, bao trùm trong các hoạt động quản lý và điều hành kinh tế. Các phản hồi tích cực này là minh chứng cho cam kết của thành phố trong việc thúc đẩy môi trường kinh doanh, đầu tư thông thoáng, minh bạch đã được ghi nhận, song vẫn còn một chặng đường dài để thực hiện thành công các mục tiêu phát triển xanh, bền vững.

2.2. Đánh giá chung về khả năng tiếp cận đất đai

Năm 2023, tiếp cận đất đai được điều chỉnh thành nội dung chung cho các DN/HTX/HKD tham gia đánh giá thông qua việc tìm hiểu về việc tiếp cận đất đai và mặt bằng kinh doanh tại địa phương nơi DN/HTX/HKD đang hoạt động. Trên thang đo 5 mức độ đánh giá từ “rất khó tiếp cận” đến “rất dễ tiếp cận”, phần lớn các HKD đánh giá chủ yếu ở mức “thuận lợi”, chiếm 77,67% trong khi con số đó đối với DN/HTX chỉ là 44,06%. Ngoài ra, tỷ lệ DN/HTX cho rằng khó khăn khi tiếp cận mặt bằng kinh doanh cao hơn so với HKD, cụ thể đối với DN/HTX là 12,94% còn HKD chỉ chiếm 3,42%. Đó có thể là bởi vì các HKD chủ yếu sử dụng đất gia đình làm mặt bằng kinh doanh nên việc tiếp cận đất đai không quá khó khăn hay lo ngại về vấn đề rủi ro mất mặt bằng. Trong khi đó, cả nhóm DN/HTX và

HKD đều cho rằng việc tiếp cận các quỹ đất sạch chưa thuận lợi. Đánh giá chung về tính chủ động trong giải quyết các vướng mắc về đất đai là vấn đề mà một bộ phận nhỏ các DN/HTX/HKD phản ánh gặp nhiều khó khăn. Theo kết quả khảo sát, 13,71% HKD và 36,78% DN/HTX cho rằng các vướng mắc về đất đai gây bức xúc được giải quyết ở mức chấp nhận được và một tỉ lệ nhỏ các DN/HTX/HKD cho rằng các vướng mắc không được giải quyết, hoặc giải quyết qua loa, con số đó đối với HKD là 1,3% và đối với DN/HTX là 5,13%.

Biểu đồ 2.3. Mức độ tiếp cận đất đai của DN/HTX và HKD năm 2023



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Đặc biệt, ở một số địa phương theo ghi nhận từ ý kiến của các HKD đang triển khai mô hình “nông thôn mới”. Mặc dù các HKD đều rất ủng hộ và hài lòng về những tác động tích cực của mô hình “nông thôn mới” nhưng một số vấn đề giải phóng mặt bằng và đền bù còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết. Một số HKD phản ánh về tiến độ thực hiện còn chậm, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đền bù chưa thỏa đáng. Với những vấn đề này, các HKD mong muốn các cơ quan chính quyền đẩy nhanh tiến độ thực hiện cũng như tổ chức các buổi giải trình các kiến nghị về các vấn đề này để đảm bảo quyền lợi cho các HKD.

Từ những phân tích trên cho thấy việc nâng cao khả năng tiếp cận đất đai rất có ý nghĩa, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh tại thành phố, giải quyết những vấn đề bất cập tồn tại cổ hữu từ lâu nay của công tác quản lý đất đai. Luật Đất đai đang trong quá trình sửa đổi được kỳ vọng sẽ gỡ bỏ nhiều nút thắt về thể chế và khung khổ pháp luật, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các DN/HTX/HKD trong thời gian tới.



CHƯƠNG III

KẾT QUẢ DDCI CẤP SỞ, BAN, NGÀNH

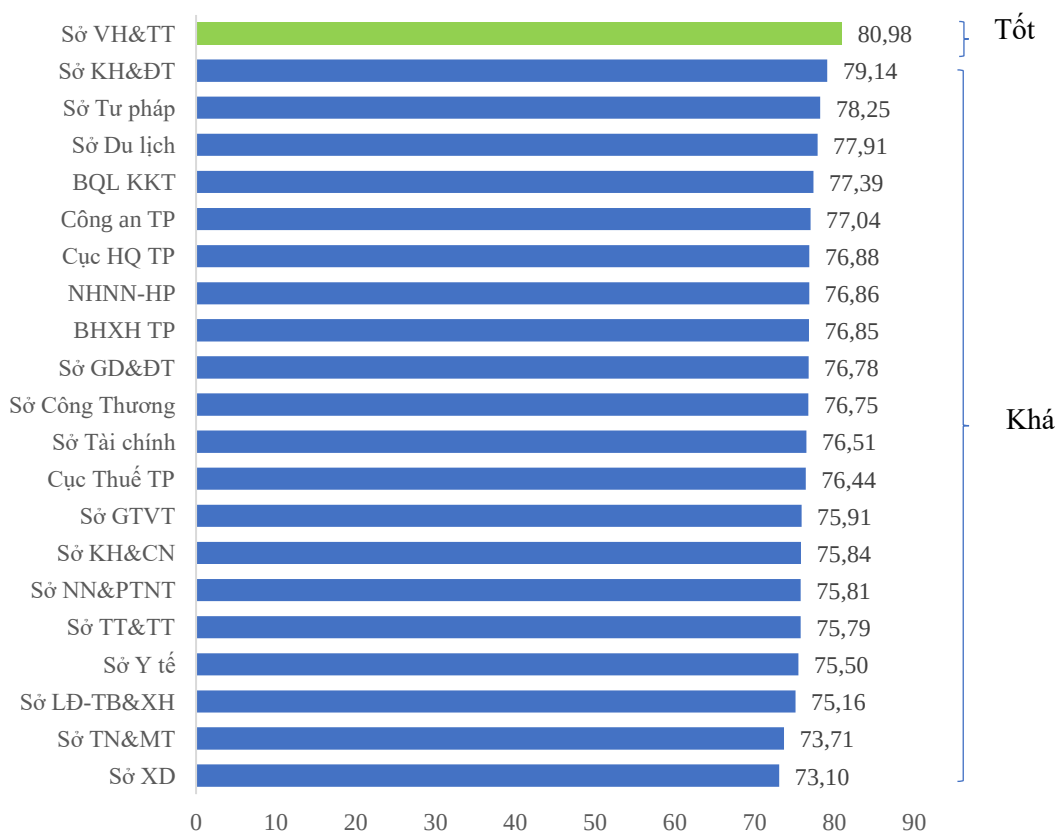


CHƯƠNG III: KẾT QUẢ DDCI CẤP SỞ, BAN, NGÀNH

Báo cáo DDCI năm 2023 có sự điều chỉnh về cách trình bày và phân tích. Báo cáo sẽ tập trung phân tích vào sự thay đổi điểm số của các cơ quan, không phân tích chi tiết sự thay đổi thứ hạng của từng cơ quan, nhằm hướng đến sự nỗ lực và cải thiện chất lượng một cách thực chất. Mặc dù vậy, kết quả chi tiết của các cơ quan vẫn được cung cấp đầy đủ trong báo cáo tóm tắt DDCI Hải Phòng 2023.

3.1. Kết quả và xếp hạng

Biểu đồ 3.1. Kết quả DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2023



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Điểm số DDCI trung bình cấp Sở, ban, ngành năm 2023 đạt 76,59 điểm, tăng 0,2 điểm so với năm 2022. Đánh giá của cộng đồng DN/HTX dành cho hầu hết các Sở, ban, ngành mới dừng lại ở mức điểm khá (trong khoảng từ 70- dưới 80 điểm). Phân loại điểm số năm nay tiếp tục được chia thành 2 nhóm chính: nhóm có chất lượng điều hành tốt có điểm số từ 80 điểm trở nên và nhóm có chất lượng điều hành khá gồm các cơ quan với dải điểm từ 73 điểm tới dưới 80 điểm. Cụ thể:

- Nhóm điều hành tốt: Năm 2023, kết quả DDCI cấp Sở, ban, ngành ghi nhận một cơ quan thuộc nhóm điều hành tốt là Sở VH&TT. Sở VH&TT sau 1 năm rời khỏi vị trí đứng đầu đã trở lại dẫn đầu bảng xếp hạng với 80,98 điểm.
- Nhóm điều hành khá: Sở KH&ĐT đạt 79,14 điểm, xếp vị trí thứ 2. Vị trí thứ 3 là Sở Tư pháp với 78,25 điểm. Tiếp theo là 3 cơ quan ở mức điểm 77 điểm: Sở Du lịch, BQL KKT, Công an TP. 7 cơ quan cùng nằm ở thang điểm 76 điểm là: Cục HQ TP, NHNN-HP, BHXH TP, Sở GD&ĐT, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Cục Thuế TP. Nhóm các cơ quan có điểm số trong khoảng điểm 75 điểm gồm: Sở GTVT, Sở KH&CN, Sở NN&PTNT, Sở TT&TT, Sở Y tế, Sở LĐ-TB&XH. Hai Sở TN&MT và Sở XD có điểm số ở cùng mức 73 điểm.

Điểm số năm 2023 của các Sở, ban, ngành tiếp tục chứng kiến sự bám đuôi sát sao khi cách biệt điểm số không quá lớn, nhất là ở nhóm giữa bảng xếp hạng trong mức điểm 75-76 điểm. Khoảng cách giữa cơ quan ở vị trí thứ nhất và cơ quan đứng cuối bảng xếp hạng là 7,88 điểm, tiếp tục xu hướng thu hẹp khoảng cách so với các năm trước.

Xét về chỉ số thành phần, chỉ số chi phí không chính thức, chi phí thời gian và hiệu lực thiết chế là chỉ số được đánh giá tích cực nhất trong năm qua. Tuy nhiên, vẫn còn một số chỉ số cần cải thiện trong thời gian tới như hỗ trợ SXKD, tính minh bạch và ứng dụng CNTT và quy trình thực hiện TTHC. Đây cũng là chỉ số thành phần có kết quả cải thiện chậm trong 4 năm triển khai DDCI.

3.2. Sự thay đổi về kết quả DDCI năm 2023

Điểm số trung bình của DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2023 duy trì mức tăng trong 4 năm khảo sát 2020-2023, cho thấy chất lượng quản lý, điều hành của các cơ quan đang cải thiện theo chiều hướng tích cực. Tuy nhiên, mức tăng điểm chậm cũng phần nào cho thấy đặt trong bối cảnh nền kinh tế đang gặp nhiều khó khăn, DN/HTX/HKD đặt nhiều kỳ vọng hơn ở tốc độ cải cách của thành phố về môi trường đầu tư, kinh doanh. Phân tích sâu về cải thiện điểm số trong năm 2023 so với năm 2022, DDCI cấp Sở, ban, ngành có 11/21 cơ quan tăng điểm, 9 cơ quan giảm điểm và 1 cơ quan là Công an TP giữ nguyên điểm số. Cụ thể:

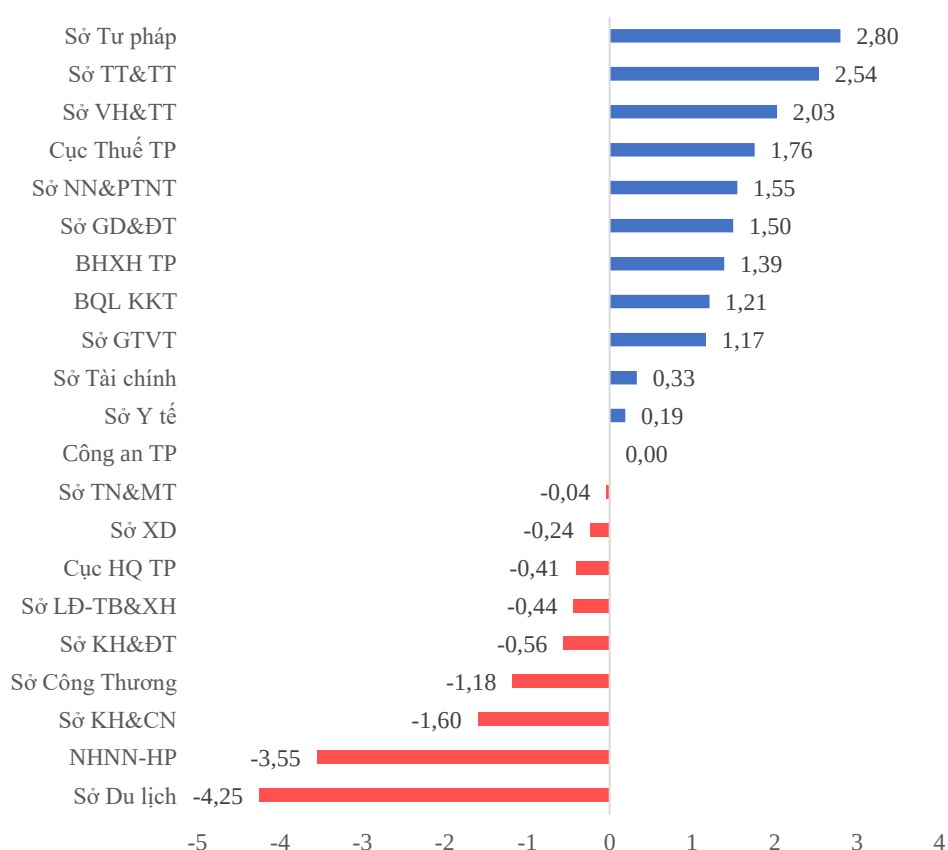
- Nhóm cơ quan có điểm số tăng: Sở Tư pháp, Sở TT&TT và Sở VH&TT là 3 cơ quan có điểm số tăng nhiều nhất trong các Sở, ban, ngành, giúp các cơ quan này thăng hạng trên bảng xếp hạng như Sở Tư pháp và Sở VH&TT đều cải thiện đáng kể thứ hạng trên bảng xếp hạng. Các cơ quan khác như Cục Thuế TP, Sở NN&PTNT, Sở GD&ĐT, BHXH TP, BQL KKT, Sở GTVT cũng có cải thiện ở mức 1 điểm, giúp cải thiện thứ hạng. Sở Tài chính và Sở Y tế có cải thiện nhẹ, lần lượt tăng 0,33 điểm và 0,19 điểm.

- Nhóm cơ quan giảm điểm số: Một số cơ quan giảm điểm khá nhiều dẫn đến giảm thứ hạng như Sở Du lịch giảm 4,25 điểm, NHNN-HP giảm 3,55 điểm đã rời khỏi nhóm dẫn đầu. Sở KH&CN giảm 1,6 điểm, Sở Công Thương giảm 1,18 điểm và Sở LĐ-TB&XH giảm 0,44 điểm là các cơ quan giảm điểm, dẫn đến thứ hạng giảm xuống ngoài top 10. Hai cơ quan là Sở KH&ĐT và Cục HQ TP giảm nhẹ nhưng do có nền tảng điểm ổn định nên thứ hạng không bị ảnh hưởng nhiều như các cơ quan khác.

Đối chiếu với kết quả năm 2022, nhóm các Sở, ban, ngành ở nhóm cuối bảng năm 2022 đang nỗ lực cải thiện với điểm số tăng mạnh. Trong khi đó, các Sở, ban, ngành ở nhóm đầu đang cho thấy sự chững lại

của hoạt động cải cách và áp lực phải liên tục đổi mới, có thêm những sáng kiến mới để duy trì điểm số và thứ hạng.

Biểu đồ 3.2. Mức thay đổi điểm số DDCI của các Sở, ban, ngành năm 2022-2023



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

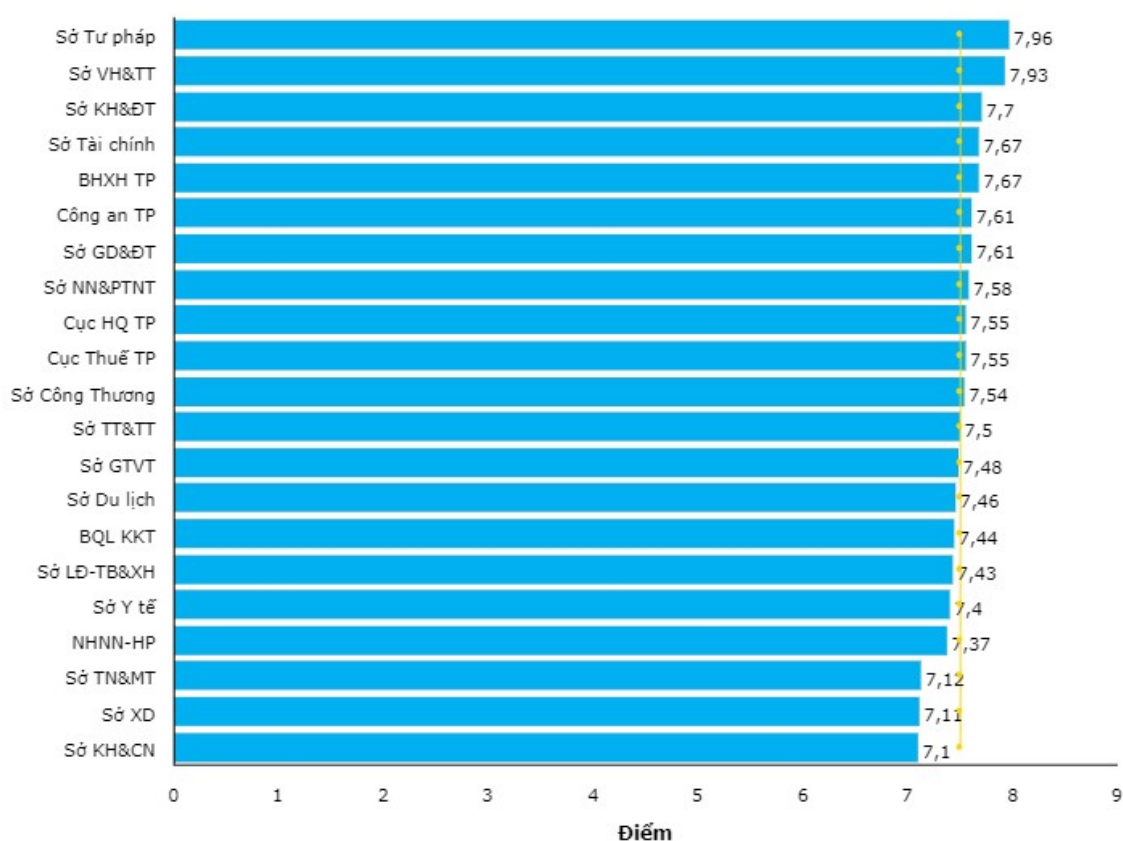
3.3. Kết quả DDCI cấp Sở, ban, ngành theo chỉ số thành phần

3.3.1. Quy trình thực hiện TTHC

Năm 2023, chỉ số quy trình thực hiện TTHC được điều chỉnh tên gọi từ chỉ số gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC. Các chỉ tiêu cơ bản của chỉ số này vẫn được duy trì và phản ánh đầy đủ các khía cạnh. Năm 2023, chỉ số quy trình thực hiện TTHC đạt 7,51 điểm, thuộc nhóm điểm khá, xếp thứ 5/8 CSTP, tăng 0,04 điểm so với năm 2022, tiếp tục duy trì xu hướng cải thiện so với các năm trước. Nhóm các Sở, ban, ngành được DN/HTX đánh giá quy trình thực hiện TTHC thuận lợi gồm Sở Tư pháp, Sở VH&TT và Sở KH&ĐT. Ngược lại, nhóm các Sở, ban, ngành mà DN/HTX vẫn còn nhiều khó khăn khi thực hiện TTHC là Sở KH&CN, Sở Xây dựng, Sở TN&MT. Đây là nhóm cơ quan mà các DN/HTX đặt nhiều kì vọng về nỗ lực cải cách hành chính hơn nữa trong thời gian tới.

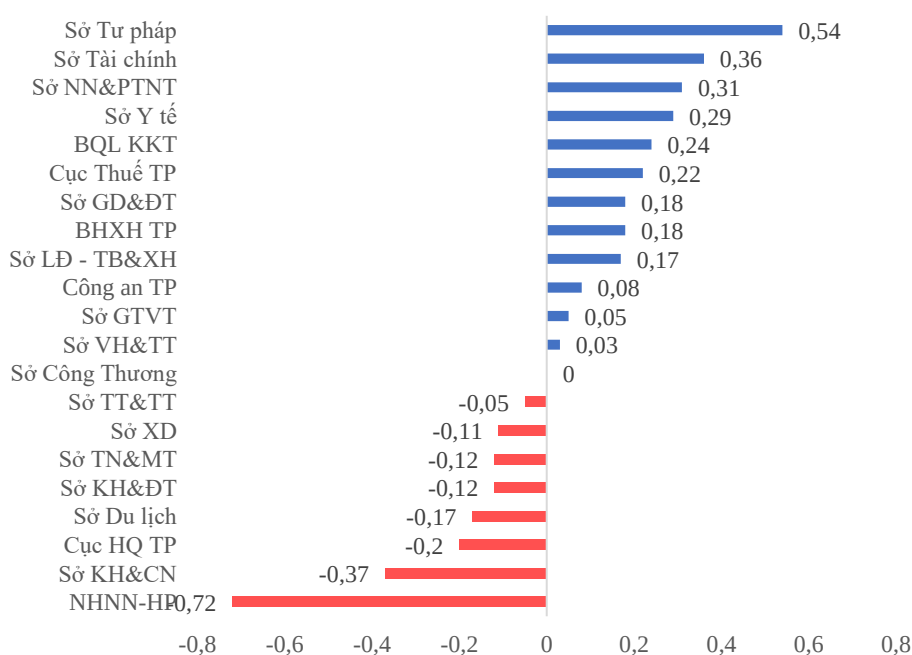
So sánh điểm số với năm 2022, các cơ quan có cải thiện điểm số nhiều ở năm 2023 đều có thứ hạng cao ở chỉ số này như Sở Tư Pháp, Sở Tài chính, BHXX TP, Cục Thuế TP. Ngược lại, các cơ quan có điểm số giảm đã ảnh hưởng nhiều đến thứ hạng như NHNN-HP, Sở KH&CN, Sở Du lịch.

Biểu đồ 3.3. Điểm số CSTP quy trình thực hiện TTHC



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

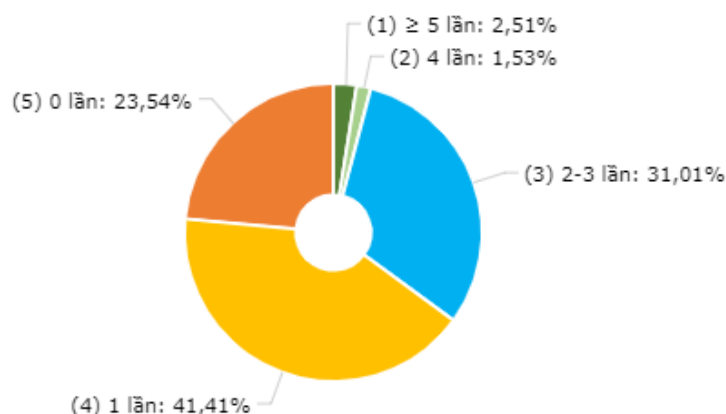
Biểu đồ 3.4. Sự thay đổi điểm số của CSTP quy trình thực hiện TTHC ở các Sở, ban, ngành năm 2022-2023



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Phân tích sâu các chỉ tiêu, có thể thấy điểm số của các chỉ tiêu đều có cải thiện về điểm số. Tuy nhiên, điểm tích cực và hạn chế trong chỉ số này đan xen lẫn nhau. DN/HTX tham gia khảo sát khá hài lòng về chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc và chất lượng cung cấp các chỉ dẫn phù hợp của cán bộ công chức khi tiếp xúc với DN/HTX với tỉ lệ hơn 77% DN/HTX hài lòng, đạt trung bình khoảng 8 điểm, ở mức điểm tốt. Việc DN/HTX phải sửa đổi 1-2 lần thì hồ sơ mới được chấp nhận là hợp lệ được phản ánh ở hầu hết các cơ quan, nhưng tỉ lệ này năm nay đã giảm xuống dù vẫn ở mức cao là 76,56% DN/HTX phải sửa hồ sơ ít nhất 1 lần.

Biểu đồ 3.5. Tỉ lệ DN/HTX sửa đổi, bổ sung hồ sơ



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Điểm hạn chế được phản ánh trong nhiều năm qua vẫn còn tồn tại là thời gian DN/HTX tìm hiểu quy trình thực hiện TTHC và tổng thời gian DN/HTX phải bỏ ra để hoàn thành tất cả bộ thủ tục và nhận được kết quả. Mặc dù, điểm số của 2 chỉ tiêu này có cải thiện so với giai đoạn 2020-2022 nhưng chưa có nhiều đột phá. Nhằm tạo điều kiện tốt nhất để doanh nghiệp hoạt động và phát triển, từ cuối năm 2022, thành phố Hải Phòng triển khai mô hình “Kết nối thủ tục cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện”. Cổng thông tin điện tử thành phố mở chuyên mục “Kết nối thủ tục kinh doanh có điều kiện”, website của Sở Kế hoạch và Đầu tư mở chuyên mục “Thủ tục đăng ký giấy phép kinh doanh có điều kiện” kết nối đến website một số sở, ngành, đăng tải thông tin về đầu mối cán bộ, công chức thực hiện thủ tục kinh doanh có điều kiện để các tổ chức, cá nhân liên hệ trực tiếp. Phối hợp với Bưu điện thành phố thực hiện chuyển trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính; phối hợp với các ngân hàng, nhà cung cấp dịch vụ về chữ ký số, phần mềm kế toán... để hỗ trợ cắt giảm chi phí, thời gian gia nhập thị trường cho các DN mới thành lập¹. Thực hiện đa dạng, đổi mới hình thức hỗ trợ DN nộp được hồ sơ hợp lệ ngay từ lần nộp đầu tiên khi thực hiện TTHC, đơn giản hóa thủ tục giấy tờ, đẩy mạnh sử dụng dịch vụ bưu chính công ích; ứng dụng tối đa công nghệ số trong giải quyết công việc...² Đây là những sáng kiến mới được kỳ vọng sẽ rút ngắn thời gian gia nhập thị trường cho DN và cải thiện chỉ số gia nhập thị trường của thành phố trong PCI.

Nhìn chung, để cải thiện chỉ số quy trình thực hiện TTHC, Hải Phòng cần có những kế hoạch cụ thể, tập trung vào hướng dẫn và phổ biến thông tin quy trình thực hiện TTHC và có sự phối hợp giữa các

¹ <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/828851/thanh-pho-hai-phong-thuc-hien-dan-chu-o-co-so-trong-doanh-nghiep-ngay-cang-thuc-chat-va-rong-rai%2C-gop-phan-xay-dung-quan-he-lao-dong-hai-hoa%2C-on-dinh%2C-tien-bo.aspx>

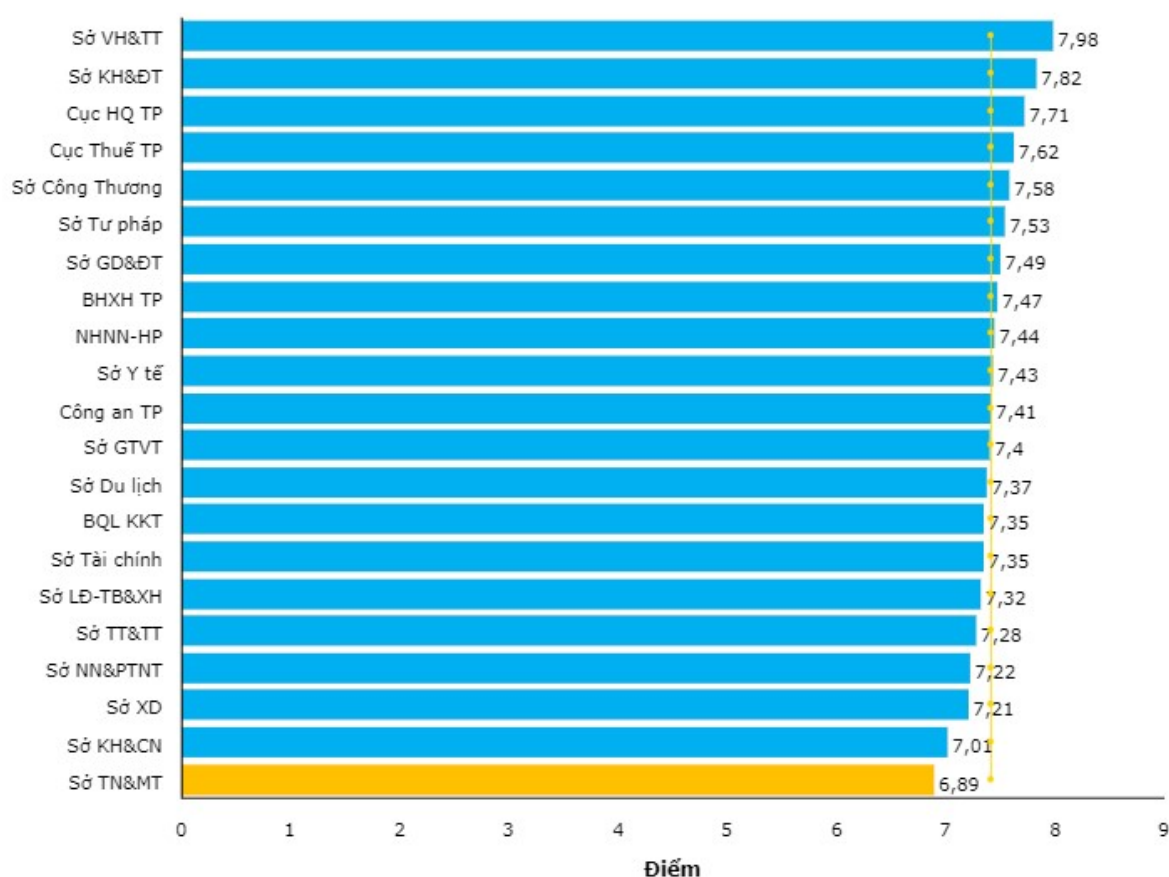
² <https://vneconomy.vn/hai-phong-voi-ap-luc-giu-vi-tri-top-dau-tren-bang-xep-hang-pci.htm>

Sở, ban, ngành đề DN/HTX nhanh chóng hoàn thiện các thủ tục, tránh trường hợp chờ đợi kéo dài, ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh và cơ hội đầu tư của DN/HTX.

3.3.2. Tính minh bạch và ứng dụng CNTT

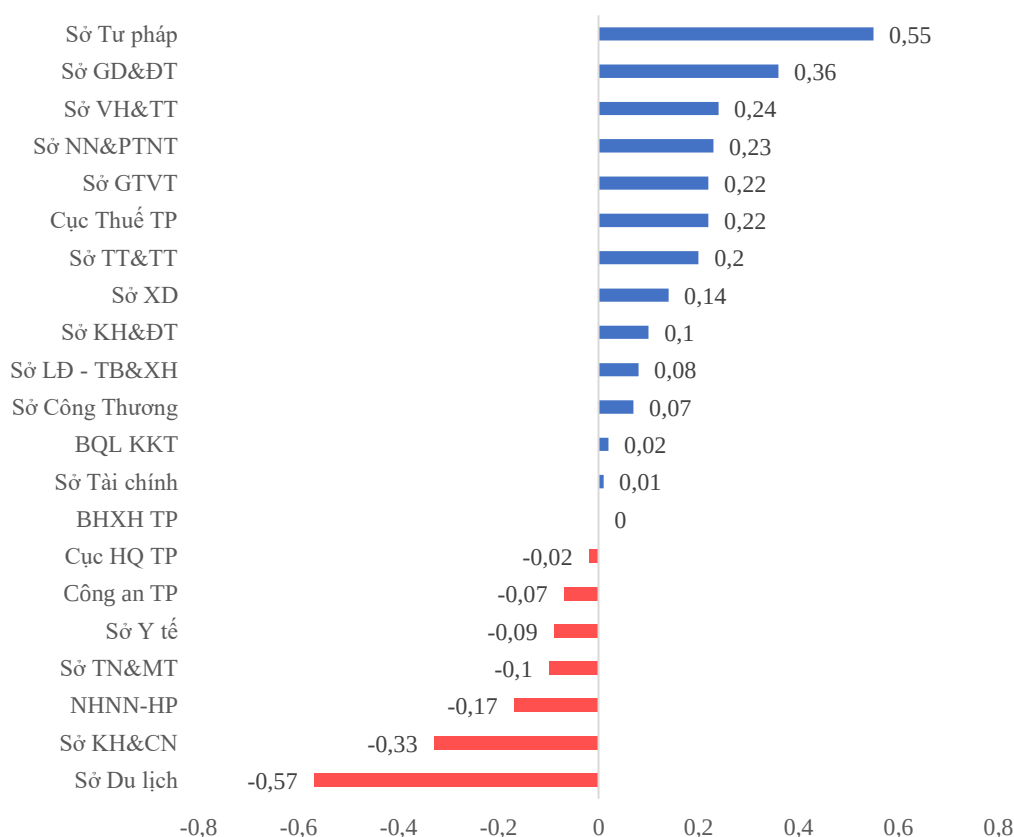
Quan sát điểm số của chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT theo thời gian, đây là chỉ số có cải thiện chậm trong 8 CSTP. Năm 2023, điểm số của chỉ số này đạt 7,42 điểm, thuộc nhóm điểm khá, tăng 0,05 điểm so với năm 2022. Một số Sở, ban, ngành được DN/HTX đánh giá tiếp cận thông tin thuận lợi như Sở VH&TT, Sở KH&ĐT và Cục HQ TP. Các Sở, ban, ngành ở nhóm cuối như Sở TN&MT, Sở KH&CN, Sở TT&TT cần nỗ lực đẩy mạnh minh bạch hóa thông tin để DN/HTX dễ dàng tiếp cận. Xem xét sự thay đổi điểm số năm 2022-2023, phần lớn các Sở, ban, ngành đều có cải thiện so với năm 2022, thay đổi nhiều nhất có thể kể đến là Sở Tư pháp (tăng 0,55 điểm), Sở GD&ĐT (tăng 0,36 điểm) được đánh giá khá tốt về thông tin đăng tải trên cổng thông tin và dễ dàng tra cứu tiến độ xử lý. Trong khi đó, Sở Du lịch và Sở KH&CN lại giảm điểm khá nhiều, cần nỗ lực cải thiện chỉ số này trong thời gian tới.

Biểu đồ 3.6. Điểm số CSTP tính minh bạch và ứng dụng CNTT



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Biểu đồ 3.7. Sự thay đổi điểm số của CSTP tính minh bạch và ứng dụng CNTT của các Sở, ban, ngành năm 2022-2023

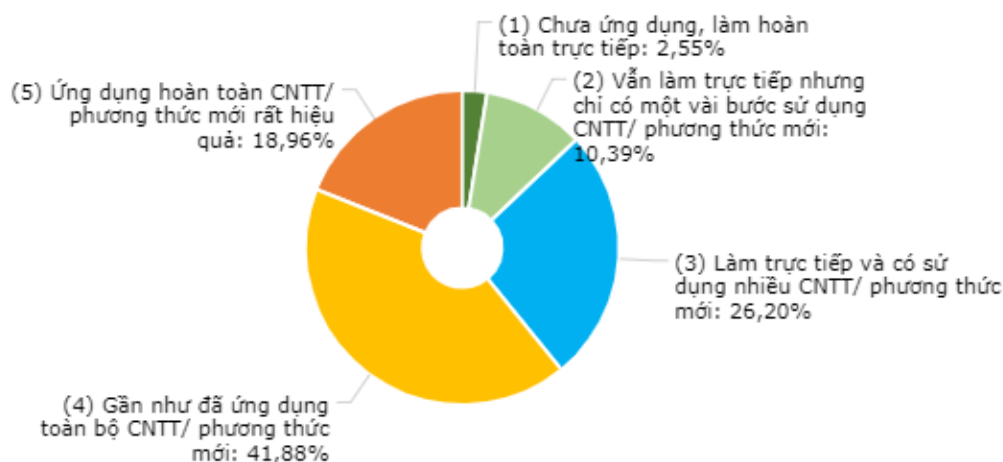


Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Hàng năm, DDCI khảo sát khả năng tiếp cận các thông tin về các lĩnh vực có liên quan tới hoạt động SXKD của DN/HTX như các văn bản pháp luật, TTHC, chính sách mới, yêu cầu cung cấp các thông tin không sẵn có. Phần lớn các DN/HTX (68,08% DN/HTX) cho biết tiếp cận các thông tin trên khá dễ dàng, có cải thiện so với các năm trước nhưng họ cũng cho rằng khi yêu cầu các thông tin không sẵn có thì chưa nhận được nhanh chóng hoặc vẫn cần phải có mối quan hệ với cán bộ mới có được thông tin. Điểm tích cực khác quan sát được là các Sở, ban, ngành đang ngày càng chủ động đăng tải thông tin rộng rãi hơn trên cổng thông tin điện tử để các DN/HTX có thể dễ dàng tìm kiếm. Việc đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin cũng là một giải pháp hữu hiệu mà nhiều cơ quan đã triển khai với những sáng kiến như cung cấp thông tin cập nhật qua mạng xã hội như Zalo, Facebook hoặc gửi thư điện tử... được cộng đồng DN/HTX ủng hộ tích cực. Không gian cải thiện các chỉ tiêu này trong thời gian tới sẽ nằm ở cách trình bày, sắp xếp và tổ chức hệ thống thông tin một cách vừa khoa học vừa dễ hiểu và thu hút với DN/HTX. Đặc biệt là chú trọng tới việc giới thiệu và khuyến khích DN/HTX trải nghiệm và sử dụng cổng thông tin điện tử và cổng dịch vụ công trực tuyến. Khi vẫn còn 34,2% DN/HTX đến trực tiếp cơ quan để thực hiện TTHC; khoảng 1% DN/HTX không thể tra cứu quá trình xử lý hồ sơ; 12,94% DN/HTX đánh giá các Sở, ban, ngành chưa ứng dụng hiệu quả CNTT/ phương thức mới trong việc công khai thông tin và giải đáp thắc mắc cho DN/HTX. Tỷ lệ này tập trung cao hơn ở Sở Du lịch, Sở KH&CN, Sở TN&MT, Sở XD khi so sánh với các sở, ban, ngành khác. Chú trọng ứng dụng, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, các website, các phương tiện truyền thông xã hội (Zalo, Facebook, Tiktok, Youtube...) vào công tác tuyên truyền; chuyển từ “tuyên truyền” sang “truyền thông”, từ tuyên truyền một chiều sang tuyên truyền kết hợp đối thoại, tương tác, tiếp nhận thông tin phản biện hai chiều là một

trong những giải pháp giúp cải thiện khả năng tiếp cận thông tin mà các cơ quan đã và đang áp dụng khá thành công.

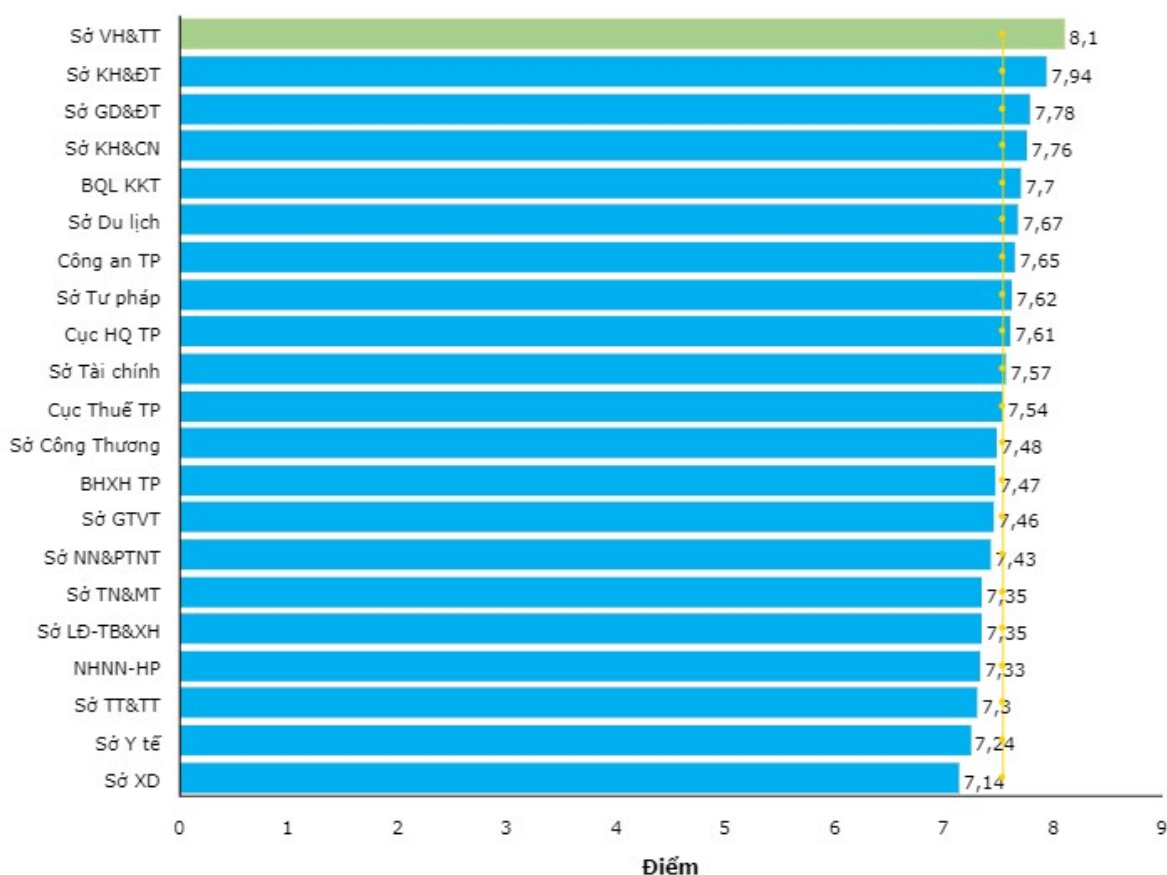
Biểu đồ 3.8. Mức độ ứng dụng CNTT/phương thức mới trong việc công khai thông tin và giải đáp thắc mắc cho DN/HTX



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

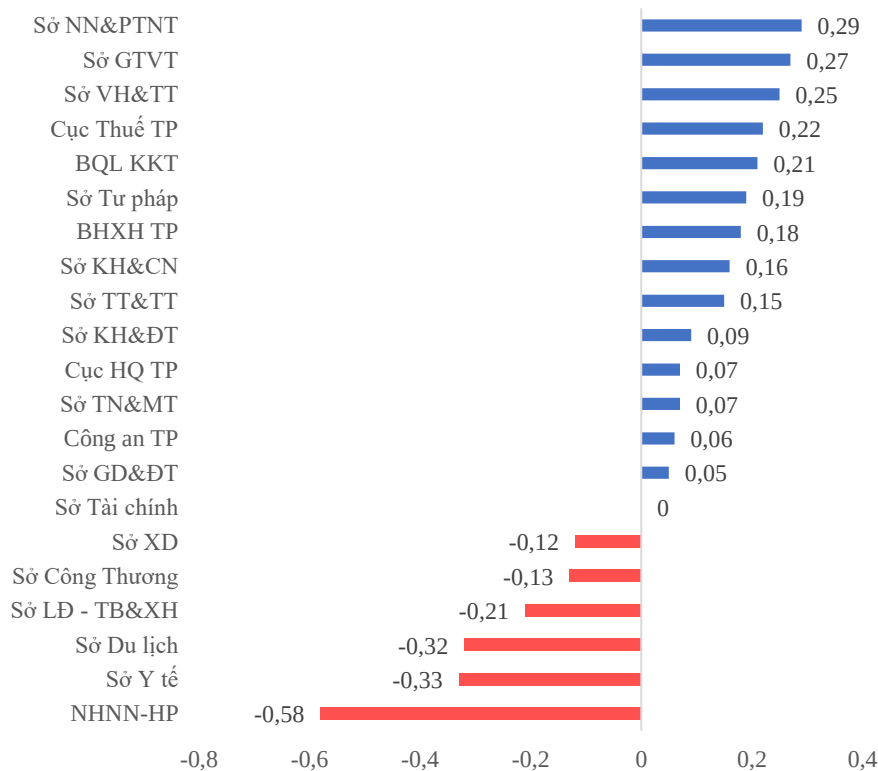
3.3.3. Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành

Biểu đồ 3.9. Điểm số của CSTP tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành năm 2023



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Biểu đồ 3.10. Mức thay đổi điểm số của chỉ số tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành năm 2022-2023



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

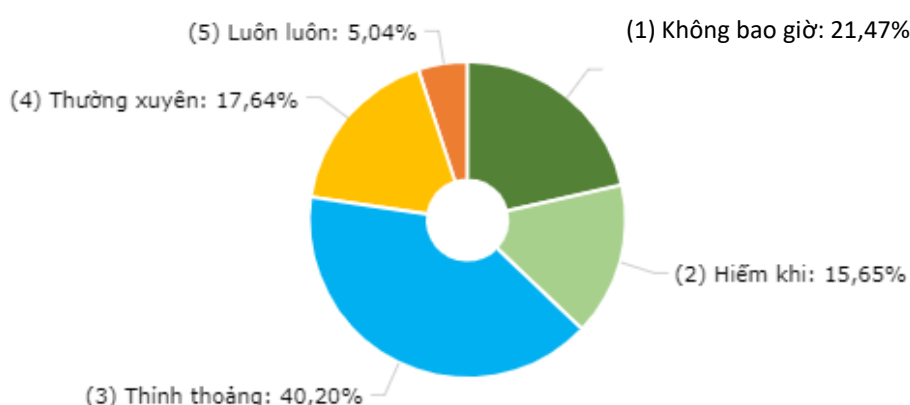
Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành tiếp tục là chỉ số được cộng đồng DN/HTX đánh giá tích cực, khá tương đồng với kết quả của chỉ số tính năng động và tiên phong trong PCI các năm gần đây. Các DN/HTX ghi nhận sự nỗ lực và quyết tâm cải cách của các cấp, các ngành nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại thành phố. Điểm số của chỉ số này năm 2023 là 7,55 điểm, tăng 0,03 điểm so với năm 2022 và tiếp tục duy trì mức tăng qua các năm. Sở VH&TT là Sở duy nhất thuộc nhóm điểm tốt với 8,1 điểm, dẫn đầu các Sở, ban, ngành. Các cơ quan khác có điểm số khá sát sao trong dải điểm từ 7,1 - 7,9 điểm.

Năm 2023, có 76,88% DN/HTX cho rằng các Sở, ban, ngành đã thực hiện hiệu quả và linh hoạt các chương trình, chủ trương của UBND thành phố trong khuôn khổ pháp luật, nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các DN/HTX; có 72,3% DN/HTX cho rằng lãnh đạo Sở, ban, ngành rất sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định và giải quyết các vấn đề phát sinh mới lần lượt đạt 7,92 điểm và 7,81 điểm. So sánh với năm 2022, tuy có giảm điểm nhẹ nhưng vẫn giữ ở mức tiệm cận khá gần với mức điểm tốt.

Khía cạnh cải thiện đáng khích lệ trong thời gian qua là nỗ lực đối thoại cùng DN/HTX trên địa bàn thành phố. Kết quả khảo sát năm 2023 cho thấy có 22,68% DN/HTX thường xuyên được mời tham gia vào các hoạt động đối thoại ở các Sở, ban, ngành, cao hơn mức 15,68% của năm 2022. Điểm số của chỉ tiêu về chất lượng các cuộc đối thoại cũng tăng từ 7,17 điểm năm 2022 lên 7,4 điểm năm 2023. Năm 2023, thành phố đã duy trì tổ chức đối thoại thường kỳ với DN/HTX nhằm lắng nghe tâm tư, nguyện vọng cũng những chia sẻ, đề xuất của doanh nghiệp thành phố tập trung vào các nhóm vấn đề như đầu tư, đấu thầu, du lịch, thủ tục hành chính, bảo hiểm xã hội ...; đặc biệt là các nhóm lĩnh vực mà doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, là đất đai, xây dựng, giao thông vận tải; nhóm lĩnh vực về tài

chính, thuế, tín dụng; nhóm lĩnh vực về xây dựng, phát triển tổ chức đảng và đảng viên trong doanh nghiệp³. Thực hiện Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 10/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc tổ chức Hội nghị đối thoại doanh nghiệp thành phố năm 2023, khảo sát nhanh ở các Sở, ban, ngành trong thành phố, hầu hết các cơ quan cũng đều tổ chức đối thoại hàng năm hoặc định kỳ. Tuy nhiên, số lượng DN/HTX tham gia vẫn là khá thấp, nhất là nhóm DN/HTX nhỏ và siêu nhỏ nếu so sánh với tổng số DN/HTX trên địa bàn thành phố. Điều này thể hiện qua con số 21,47% DN/HTX cho biết chưa từng tham gia các hoạt động này. Bên cạnh đó, DN/HTX mong muốn nội dung các chương trình đối thoại sát với yêu cầu của doanh nghiệp hơn nữa, đặc biệt các vướng mắc, kiến nghị của DN/HTX được giải quyết nhanh chóng. Công tác tổ chức đối thoại nên được phổ biến rộng rãi tới các đối tượng và khuyến khích sự tham gia của các DN/HTX ở nhiều hình thức như tham gia đối thoại trực tiếp và trực tuyến với DN/HTX không tham gia trực tiếp được và có chủ đề đối thoại rõ ràng và đi thẳng vào vấn đề quan tâm của DN/HTX. Các DN/HTX đang đặt kì vọng lớn hơn vào số lượng, chất lượng và giải quyết vấn đề sau đối thoại của các Sở, ban, ngành có nhiều tương tác với cộng đồng doanh nghiệp. Không gian cải thiện các chỉ tiêu này vẫn là đáng kể để rút ngắn khoảng cách giữa DN/HTX và cơ quan chính quyền.

Biểu đồ 3.11. Tỷ lệ DN/HTX được mời tham gia góp ý kiến bằng văn bản hoặc tham gia các hội nghị đối thoại



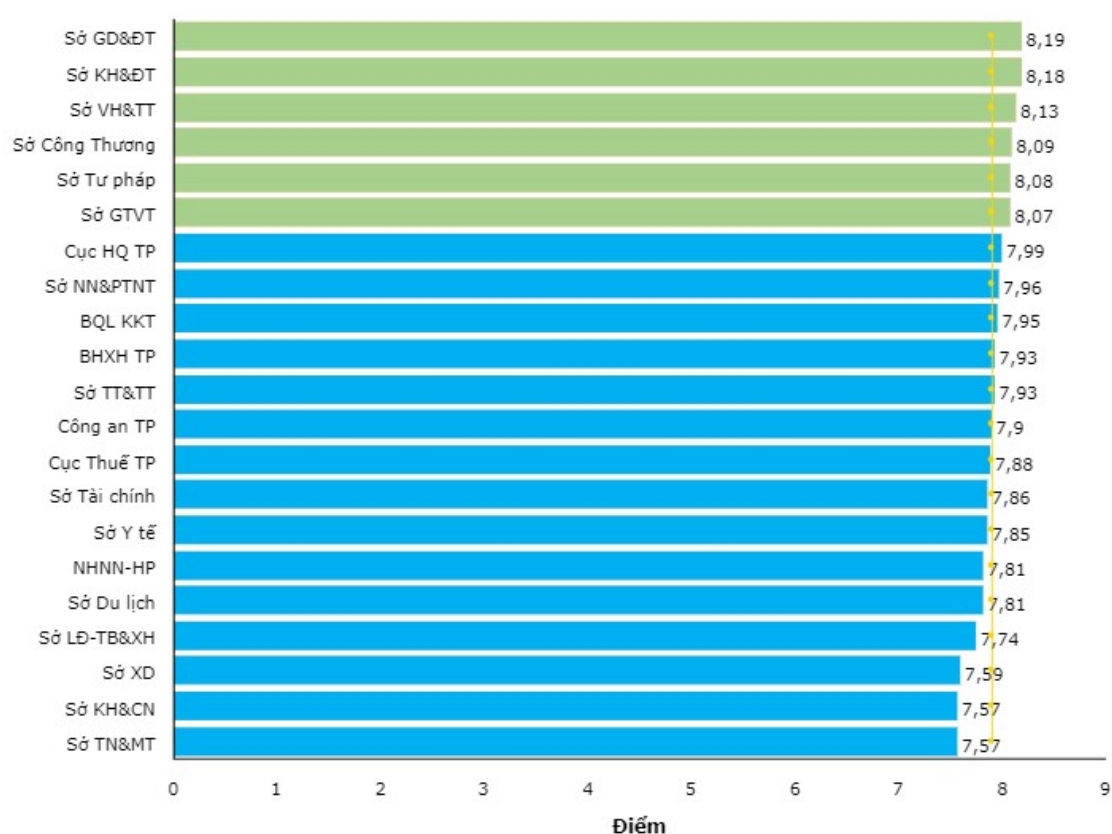
Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

3.3.4. Chi phí thời gian

Năm 2023, chỉ số chi phí thời gian đạt điểm số trung bình là 7,91 điểm, giảm 0,09 điểm so với năm 2022. Chỉ số chi phí thời gian luôn là chỉ số được đánh giá tích cực nhất trong 4 năm đánh giá DDCI, song đây lại là năm đầu tiên chỉ số này giảm điểm dù mức giảm không quá nhiều. Điều này cho thấy chất lượng giải quyết TTHC của các cơ quan ở thành phố nhìn chung đã có cải thiện nhưng chưa đáp ứng được kì vọng mà DN/HTX yêu cầu. Kết quả năm 2023 có một số cơ quan được đánh giá chất lượng thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật ở nhóm tốt như Sở GD&ĐT, Sở KH&ĐT, Sở VH&TT, Sở Công Thương, Sở Tư pháp và Sở GTVT. Các cơ quan dù ở nhóm cuối bảng nhưng khoảng cách chênh lệch cũng không quá lớn với nhóm đứng đầu trong khoảng 0,5-0,6 điểm. Đối chiếu với năm 2022, mức cải thiện điểm số của các Sở, ban, ngành đều có phần chững lại và giảm sút, chỉ có một vài Sở, ban, ngành có cải thiện nhưng chưa thực sự mạnh mẽ như Sở TT&TT, Sở Tư pháp, Sở GD&ĐT, Sở NN&PTNT, BHXH TP và Sở Y tế.

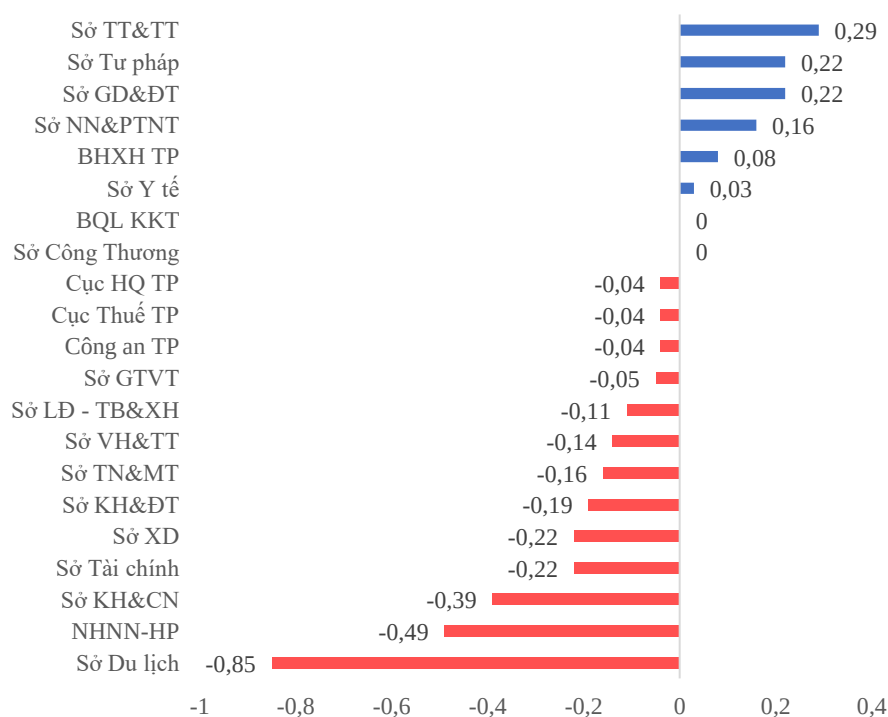
³ <https://haiphong.gov.vn/tin-tuc-su-kien/Thuong-truc-Thanh-uy-gap-go-doi-thoai-voi-doanh-nghiep-thanh-pho-nam-2023-127419.html>

Biểu đồ 3.12. Điểm số CSTP chi phí thời gian



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

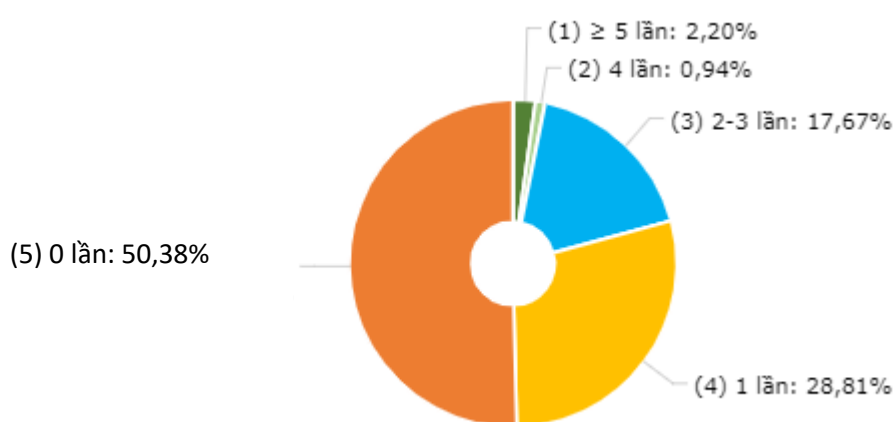
Biểu đồ 3.13. Mức thay đổi điểm số chỉ số chi phí thời gian của Sở, ban, ngành năm 2022-2023



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Kết quả khảo sát DDCI năm 2023 có 64,3% DN/HTX cho biết thời gian thực hiện TTHC ở các cơ quan là đúng thời hạn theo quy định, chỉ có 7,57% DN/HTX đánh giá thủ tục nhanh chóng và gần 4% DN/HTX cho biết vẫn mất khá nhiều thời gian làm việc, tập trung cao ở lĩnh vực đất đai. Khía cạnh khác của chỉ số chi phí thời gian là đánh giá về hoạt động thanh tra, kiểm tra. Khía cạnh này đang có chiều hướng tiêu cực khi cả 2 năm gần đây 2022-2023, số lần thanh tra, kiểm tra này đang có dấu hiệu tăng. Tỷ lệ DN/HTX phải tiếp đón các đoàn thanh tra, kiểm tra từ 2 lần trở nên tăng từ 18,11% năm 2022 lên 20,81% năm 2023. Gánh nặng tuân thủ về thanh tra, kiểm tra trong năm 2023 đang tăng nhẹ khi điểm số của các chỉ tiêu về thời gian đón tiếp, chất lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra và tính trạng cán bộ lợi dụng cơ hội để nhũng nhiễu đều giảm so với năm 2022. Để cải thiện nội dung này, các cơ quan cần thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 20/CT-TTg về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kế thừa kết quả của nhau, chỉ thanh tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm (VCCI, 2022).

Biểu đồ 3.14. Số lần thanh tra, kiểm tra

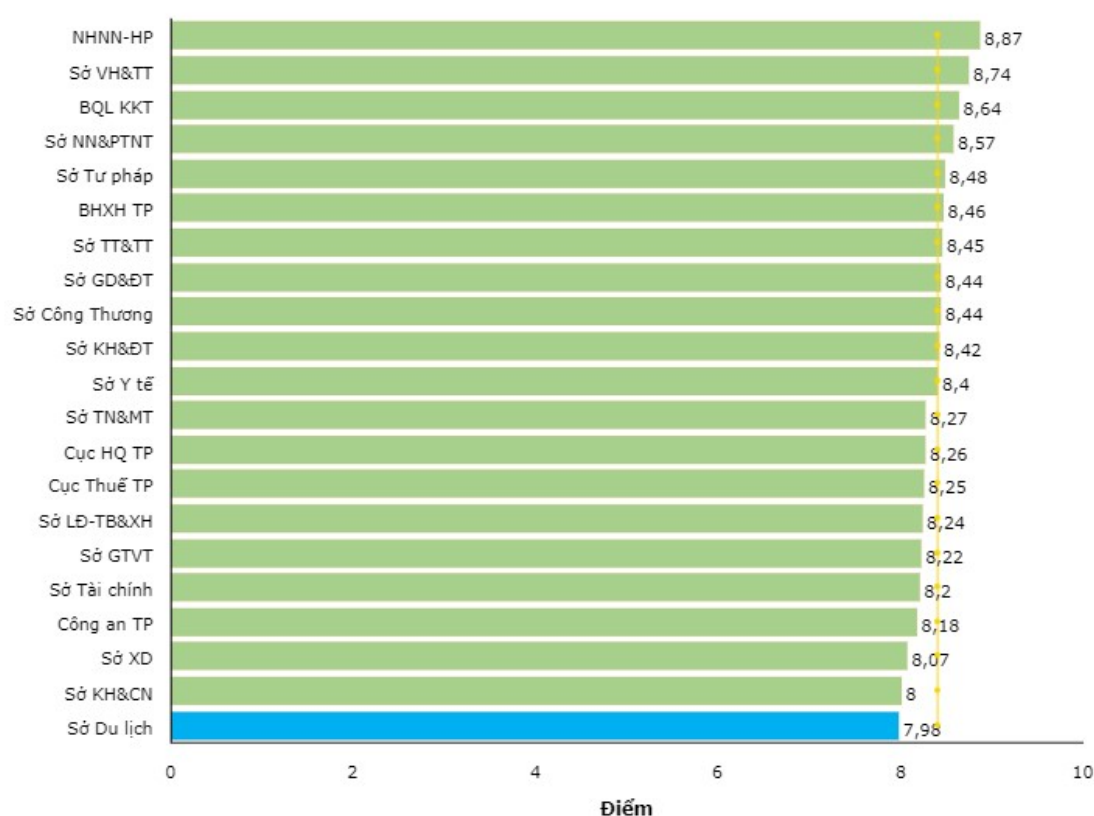


Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Ứng dụng CNTT vào thực hiện TTHC được coi là bước tiến đáng ghi nhận, giúp DN/HTX tiết kiệm được thời gian, chi phí, giảm bớt giấy tờ khi được 76% DN/HTX ủng hộ việc chuyển đổi này. Tuy nhiên, theo đánh giá của DN/HTX, việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến chưa thực sự dễ thực hiện. Nhiều DN/HTX phản ánh một số vấn đề hạn chế như: Dịch vụ công trực tuyến chưa được toàn phần, một số thủ tục vừa phải thực hiện trực tuyến vừa phải nộp bản cứng hoặc phải đến trực tiếp cơ quan để được hướng dẫn; chưa trả kết quả trực tuyến; trong quá trình thực hiện gặp khó khăn lại thiếu hướng dẫn chi tiết nhưng không liên lạc được cán bộ xử lý; cơ sở hạ tầng kỹ thuật cung cấp còn chậm và hay gặp sự cố; trình độ tiếp cận CNTT của DN/HTX còn hạn chế. Những hạn chế trên đã khiến DN/HTX chưa hài lòng về dịch vụ công trực tuyến. Điều này không phải phủ nhận những tiến bộ tích cực của ứng dụng CNTT đang triển khai mà giải thích về hiện tượng “lợi ích biên” giảm dần theo thời gian. Khi chuyển từ hình thức truyền thống sang hình thức trực tuyến, các DN/HTX đánh giá rất cao sự tiện lợi mang lại nhưng khi thực hiện một thời gian dài, các vấn đề dần dần phát sinh nhưng lại chưa được kịp thời xử lý trong khi yêu cầu của DN/HTX về chuyển đổi ngày càng tăng thì sự tiện ích sẽ giảm dần so với ban đầu. Điều này cho thấy các Sở, ban, ngành cần quan tâm hơn đến việc hỗ trợ DN/HTX trong việc hướng dẫn thực hiện, cải thiện và nâng cấp hệ thống dịch vụ và hỗ trợ các nguồn lực phù hợp cho DN/HTX thực hiện.

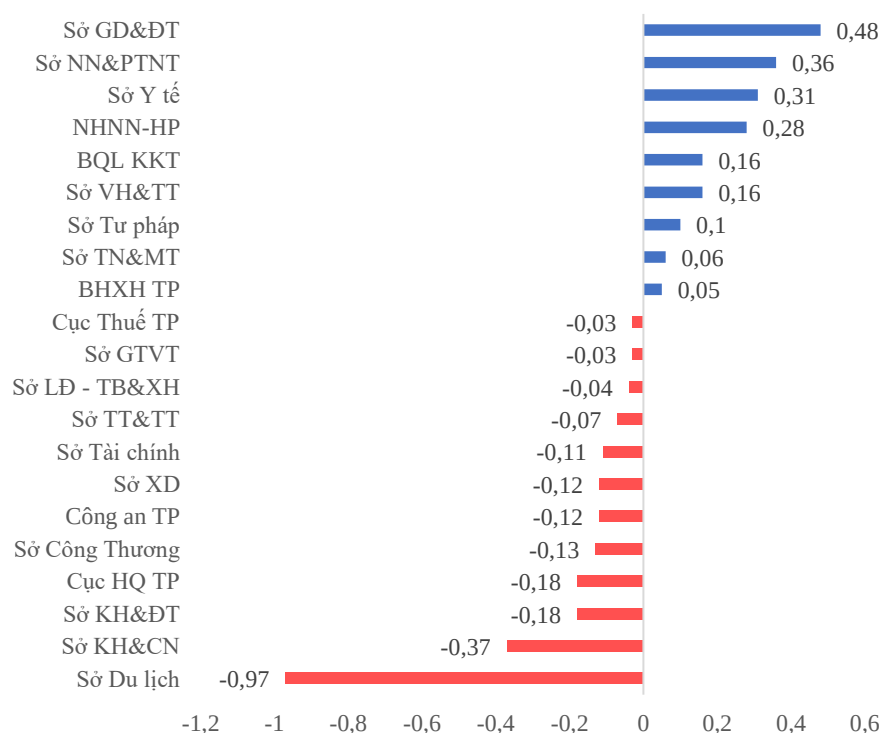
3.3.5. Chi phí không chính thức

Biểu đồ 3.15. Điểm số CSTP chi phí không chính thức



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Biểu đồ 3.16. Mức thay đổi điểm số CSTP chi phí không chính thức trong năm 2022-2023

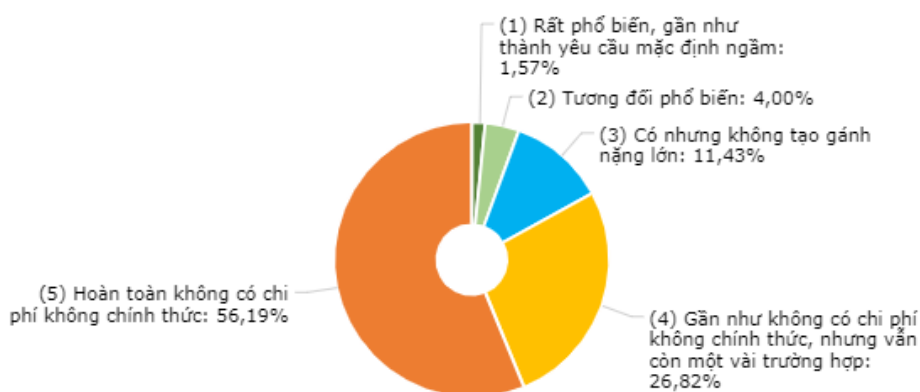


Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Chỉ số chi phí không chính thức đạt 8,36 điểm, giảm nhẹ 0,02 điểm so với năm 2022 nhưng vẫn là chỉ số được đánh giá cao nhất trong 8 CSTP. Phổ điểm của các cơ quan ở chỉ số này cũng khá đồng đều, tập trung ở nhóm điểm tốt, ngoại trừ Sở Du lịch ở nhóm khá với 7,98 điểm, nhưng cũng là điểm số tiệm cận rất gần với các Sở, ban, ngành ở nhóm trên. So sánh kết quả với năm 2022, số lượng các cơ quan tăng điểm (9/21 Sở, ban, ngành) ít hơn so với số cơ quan giảm điểm (12/21 Sở, ban, ngành). Các cơ quan cải thiện nhiều nhất là Sở GD&ĐT, Sở NN&PTNT, Sở Y tế, NHNN-HP nhưng mức cải thiện điểm cũng chưa thực sự ấn tượng,

Năm 2023, tỉ lệ DN/HTX phản ánh việc chi trả các khoản chi phí không chính thức ở mức phổ biến là 5,51%, thấp hơn mức 6% của năm 2022; 82,18% DN/HTX cho rằng gần như không có chi phí không chính thức và 11,32% DN/HTX đánh giá có chi trả nhưng mức chi trả không tạo gánh nặng lớn. Điểm đáng lưu ý ở chỉ số này là việc DN/HTX cho rằng dù có chi trả chi phí không chính thức thì công việc vẫn ít khi được giải quyết như mong đợi. Tỉ lệ DN/HTX phản ánh vấn đề này là 22,28%, tăng nhẹ so với mức 21,15% của năm 2022. Theo đánh giá chung của DN/HTX, xu thế chung của các khoản chi phí không chính thức đã có chiều hướng giảm, cùng mức điểm với năm 2022, song có lẽ vẫn cần quyết liệt hơn nữa để cải thiện trong thời gian tới.

Biểu đồ 3.17. Đánh giá về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức



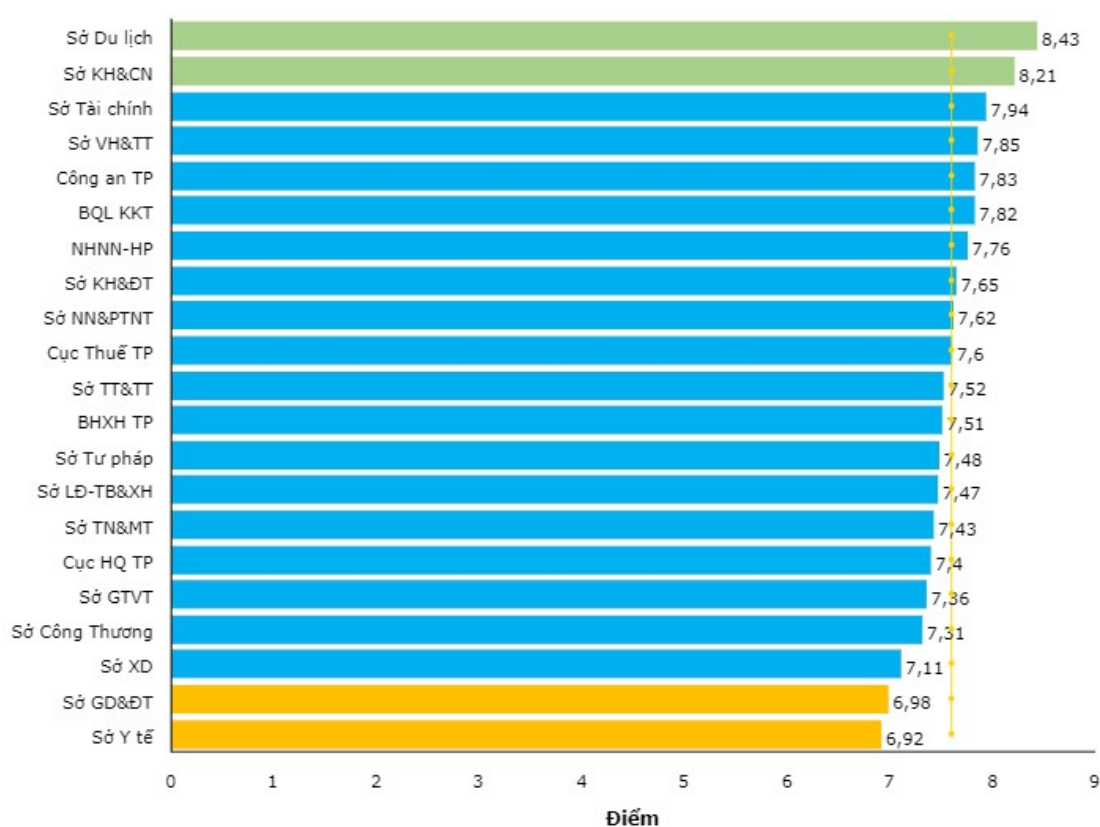
Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Nhìn chung, các chỉ tiêu của chỉ số chi phí không chính thức chỉ giảm nhẹ so với năm 2022 nhưng quan sát theo chuỗi thời gian, chỉ số này có chiều hướng kém đi khi giảm liên tiếp trong 2 năm 2023-2022. Điều này đặt ra yêu cầu nghiêm túc với các Sở, ban, ngành đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, chấn chỉnh các hành vi nhũng nhiễu và xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm, đồng thời truyền thông tới DN/HTX về văn hóa kinh doanh liêm chính, làm việc minh bạch.

3.3.6. Cuộc tranh bình đẳng

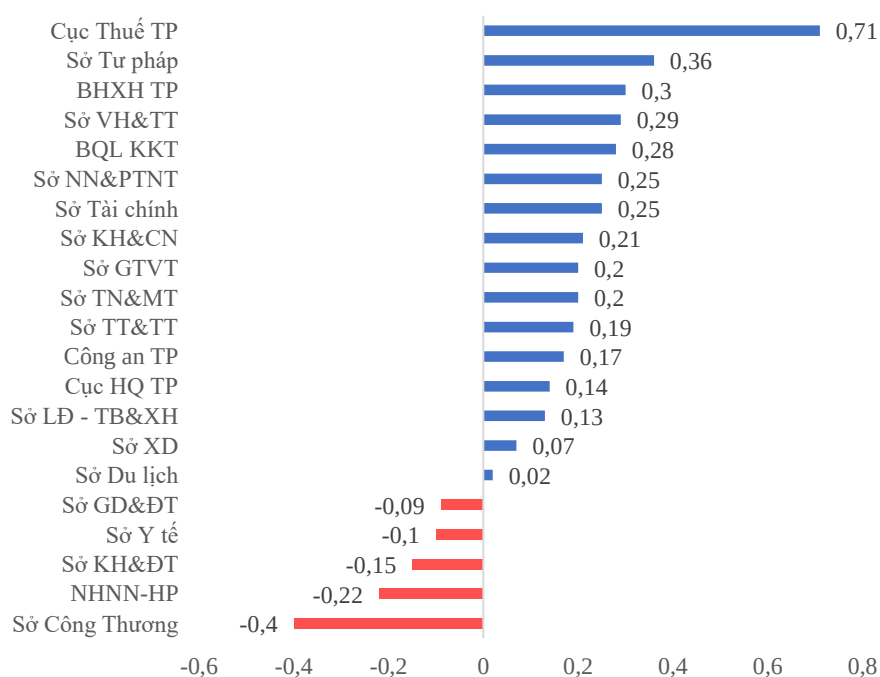
Năm 2023, chỉ số cạnh tranh bình đẳng là chỉ số có nhiều tiến bộ nhất trong 8 CSTP, đạt 7,58 điểm, tăng 0,13 điểm so với năm 2022. Song, đây cũng là chỉ số có sự phân loại nhóm riêng biệt: Nhóm điểm có điểm số tốt trên 8 điểm gồm Sở Du lịch và Sở KH&CN; nhóm trung bình khá ở mức điểm 6,9 điểm là Sở GD&ĐT và Sở Y tế còn lại 15 Sở, ban, ngành thuộc nhóm khá trong mức điểm từ 7,11 - 7,94 điểm. Với kết quả này, các cơ quan ở nhóm cuối cần quan tâm, thúc đẩy hỗ trợ nhóm DN/HTX vừa và nhỏ nhiều hơn trong hoạt động quản lý điều hành để cải thiện cảm nhận của DN/HTX. So sánh với điểm số năm 2022, có thể thấy phần lớn các cơ quan (16/21 Sở, ban, ngành) đều tăng điểm ở chỉ số này với sự cải thiện tiêu biểu nhất là Cục Thuế tăng 0,71 điểm. Điều này cho thấy các Sở, ban, ngành đang nỗ lực không ngừng trong việc tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi và bình đẳng.

Biểu đồ 3.18. Điểm số CSTP cạnh tranh bình đẳng



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Biểu đồ 3.19. Mức thay đổi điểm số chỉ số cạnh tranh bình đẳng của các Sở, ban, ngành năm 2022-2023



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

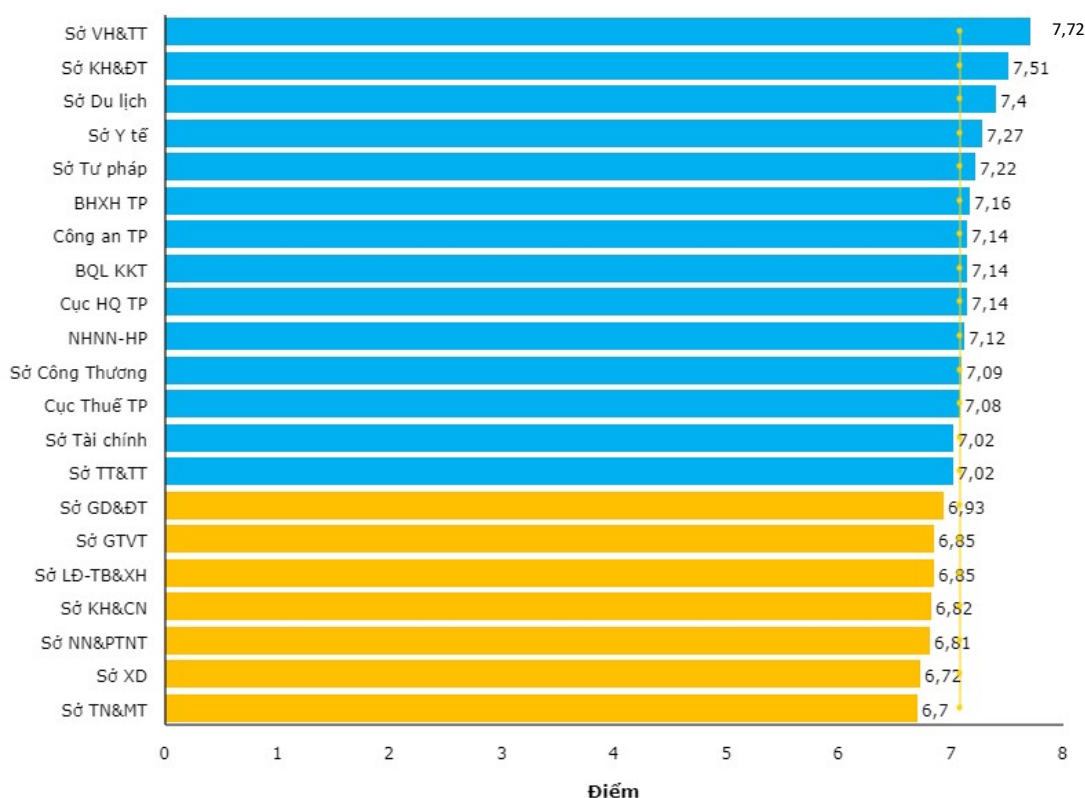
Năm 2023, các chỉ tiêu của chỉ số cạnh tranh bình đẳng đều có sự cải thiện so với năm 2022. Phần lớn các DN/HTX (chiếm 63,34%) tham gia đánh giá nhận định các cơ quan đối xử khá công bằng giữa các thành phần kinh tế trong việc cung cấp thông tin, cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi; 64,14% DN/HTX đồng ý rằng không có ưu ái nào khác biệt trong việc giải quyết kiến nghị, khó khăn, vướng mắc cho DN/HTX; 66,48% DN/HTX đồng ý về hoạt động thanh tra, kiểm tra tương đối công bằng. Điểm số của các chỉ tiêu dao động ở mức trên 7,5 điểm, tiếp tục trên đà cải thiện.

Trong bối cảnh Hải Phòng đang tăng tốc và bứt phá trong thu hút đầu tư, một môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng, công khai, các TTHC được tiếp cận một cách thuận lợi là điều kiện đầu vào quan trọng để gia tăng sức hấp dẫn của môi trường kinh doanh với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Do đó, nỗ lực bền bỉ và chú trọng đến tính bền vững trong đẩy mạnh các biện pháp tạo cạnh tranh bình đẳng là nhiệm vụ cần tiếp tục duy trì trong thời gian tới tại tất cả các Sở, ban, ngành.

3.3.7. Hỗ trợ sản xuất kinh doanh

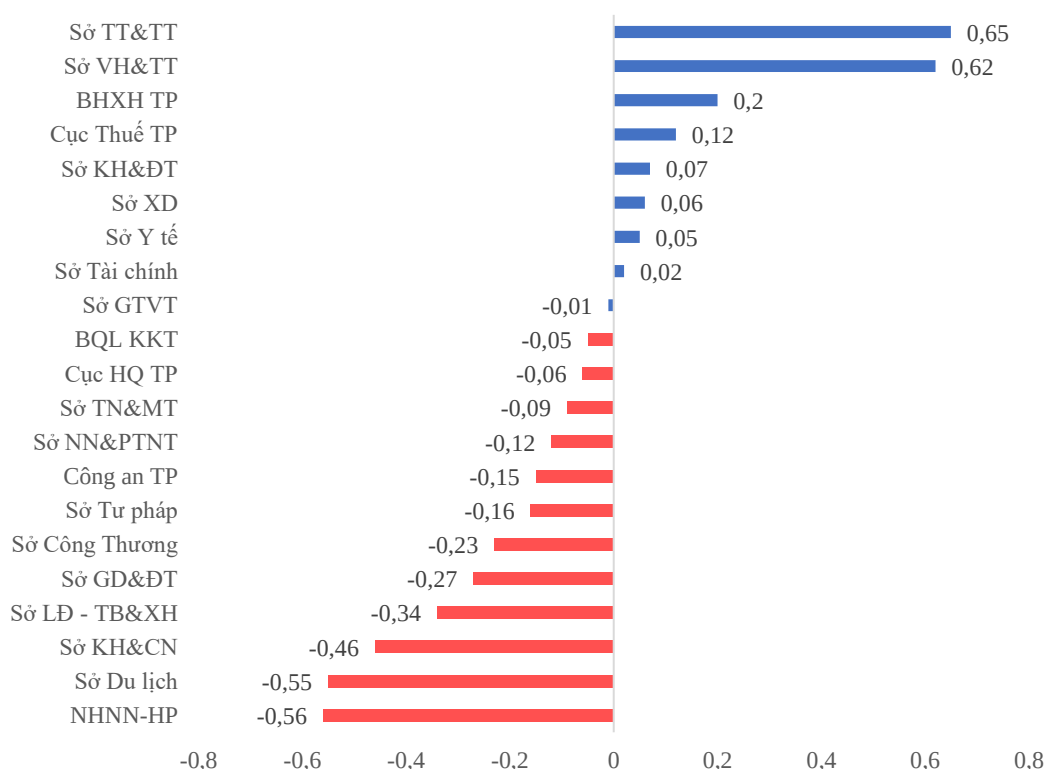
Chỉ số hỗ trợ SXKD ở các Sở, ban, ngành đạt mức điểm 7,08 điểm. Đây vẫn là chỉ số có đánh giá kém nhất trong 8 CSTP, cũng là chỉ số bị giảm điểm, giảm 0,06 điểm trong năm 2023 so với năm 2022. Nhìn vào bảng màu chủ đạo của chỉ số này dễ dàng nhận thấy 2 nhóm điểm khác nhau: nhóm điểm khá với sự dẫn đầu thuộc về Sở VH&TT, Sở KH&ĐT và Sở Du lịch; còn nhóm cuối bảng là 5 cơ quan có điểm số dưới 7 điểm là Sở TN&MT, Sở Xây dựng, Sở KH&CN, Sở GTVT, Sở LĐ-TB&XH và Sở GD&ĐT. Điểm số của các Sở, ban, ngành cũng phân bố khá đồng đều, không có sự chênh lệch nào quá lớn. Xét về sự thay đổi điểm số giữa 2 năm 2023 và 2022, năm 2023 chứng kiến nhiều Sở, ban, ngành triển khai các hoạt động hỗ trợ chưa đáp ứng được kỳ vọng của DN/HTX khi có tới 13/21 cơ quan giảm điểm.

Biểu đồ 3.20. Điểm số CSTP hỗ trợ SXKD



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

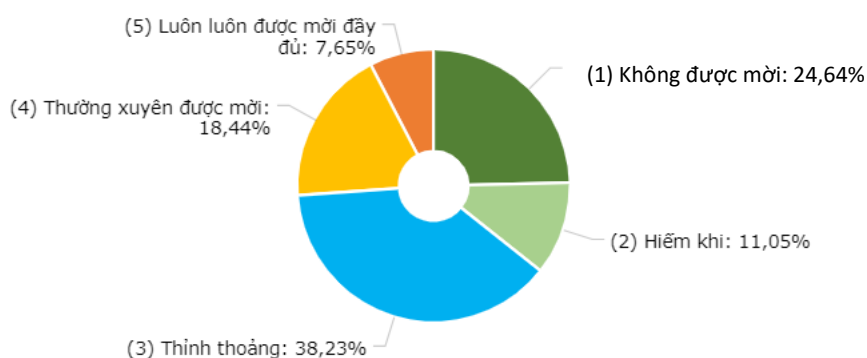
Biểu đồ 3.21. Mức thay đổi điểm số của CSTP hỗ trợ SXKD năm 2022-2023



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Đi sâu vào phân tích kết quả chỉ số này, nguyên nhân giảm điểm chủ yếu là do tỉ lệ DN/HTX được mời/tham gia các chương trình, chính sách, tập huấn hỗ trợ SXKD còn khá thấp. Kết quả khảo sát năm 2023 chỉ ra 24,64% DN/HTX chưa từng được mời và 11,05% DN/HTX hiếm khi được mời. Những con số này đều có phần cao hơn một chút so với năm 2022, dẫn đến điểm số chỉ tiêu này giảm đi. Ngoài ra, hơn 30% DN/HTX cho rằng chất lượng của các chương trình hỗ trợ SXKD chưa thực sự hiệu quả và thủ tục để được hưởng chính sách vẫn còn khá rắc rối. Điều này đồng nghĩa với việc nhu cầu, nguyện vọng của các DN/HTX chưa được tiếp cận kịp thời, dẫn đến khoảng cách giữa các chính sách hỗ trợ và người tiếp cận hỗ trợ càng thêm nói rộng. Theo các ý kiến của DN/HTX, ngoài các chương trình, chính sách hỗ trợ của nhà nước, các DN/HTX mong muốn các cơ quan tăng cường cải cách hành chính, cung cấp thông tin, công khai, minh bạch các cơ chế, chính sách; thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố... là những biện pháp hỗ trợ có ý nghĩa thiết thực cho DN/HTX. Thành phố Hải Phòng cũng triển khai nhiều sáng kiến hỗ trợ DN về TTHC, như: Mô hình “Hỗ trợ đăng ký doanh nghiệp” tại 30 cơ quan, đơn vị theo phương châm “lắng nghe - chia sẻ - đồng hành cùng doanh nghiệp” bằng nhiều cải cách về phương thức làm việc, thái độ giao dịch và triển khai mở rộng các tiện ích hỗ trợ, hoàn thiện hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trực tiếp hoặc thông qua các ứng dụng điện tử mẫu hóa tài liệu để cung cấp cho người dân, doanh nghiệp; khai thác hiệu quả việc sử dụng mạng điện tử, như website, email, zalo, teamviewer... để hướng dẫn doanh nghiệp. Đây có thể được coi là những giải pháp hỗ trợ DN/HTX thiết thực nhất và tiết kiệm nhất.

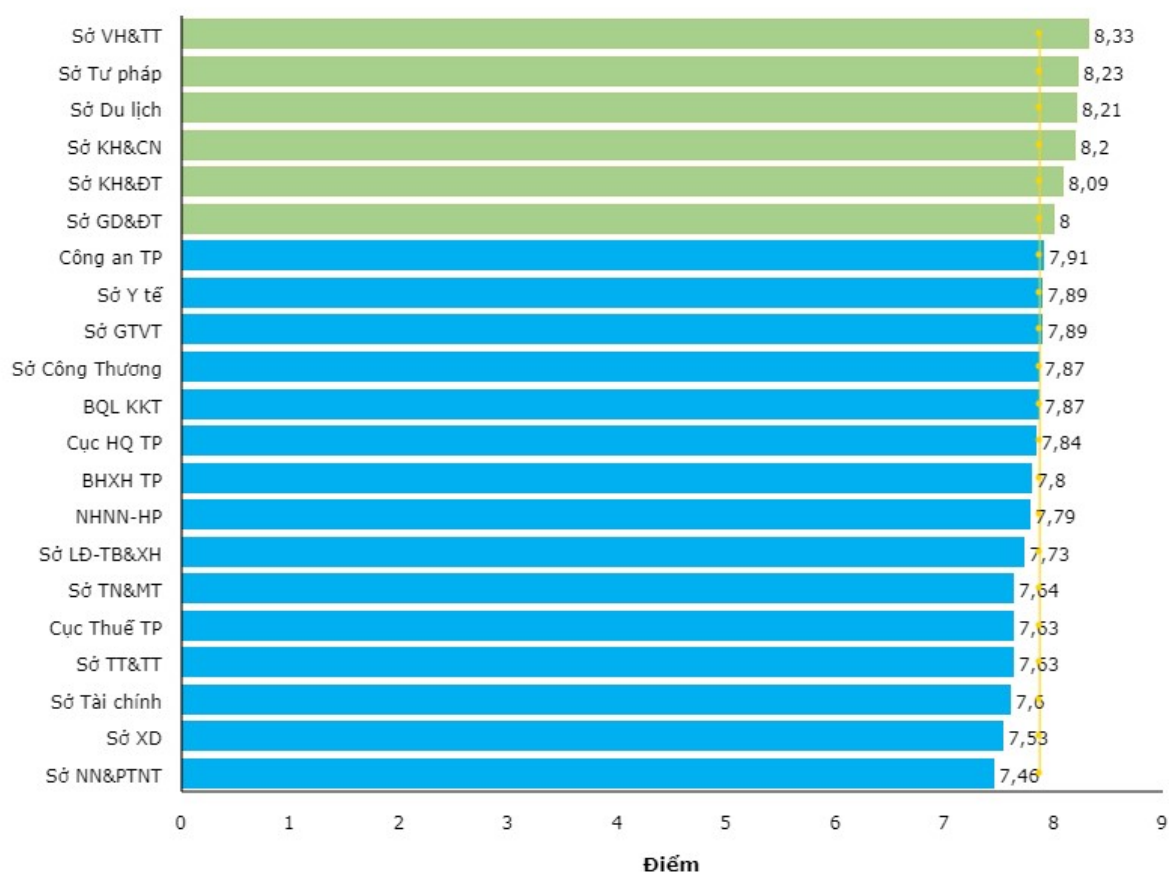
Biểu đồ 3.22. Tỷ lệ DN/HTX được mời/ tham gia các chương trình, chính sách hỗ trợ SXKD



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

3.3.8. Hiệu lực thiết chế

Biểu đồ 3.23. Điểm số CSTP hiệu lực thiết chế

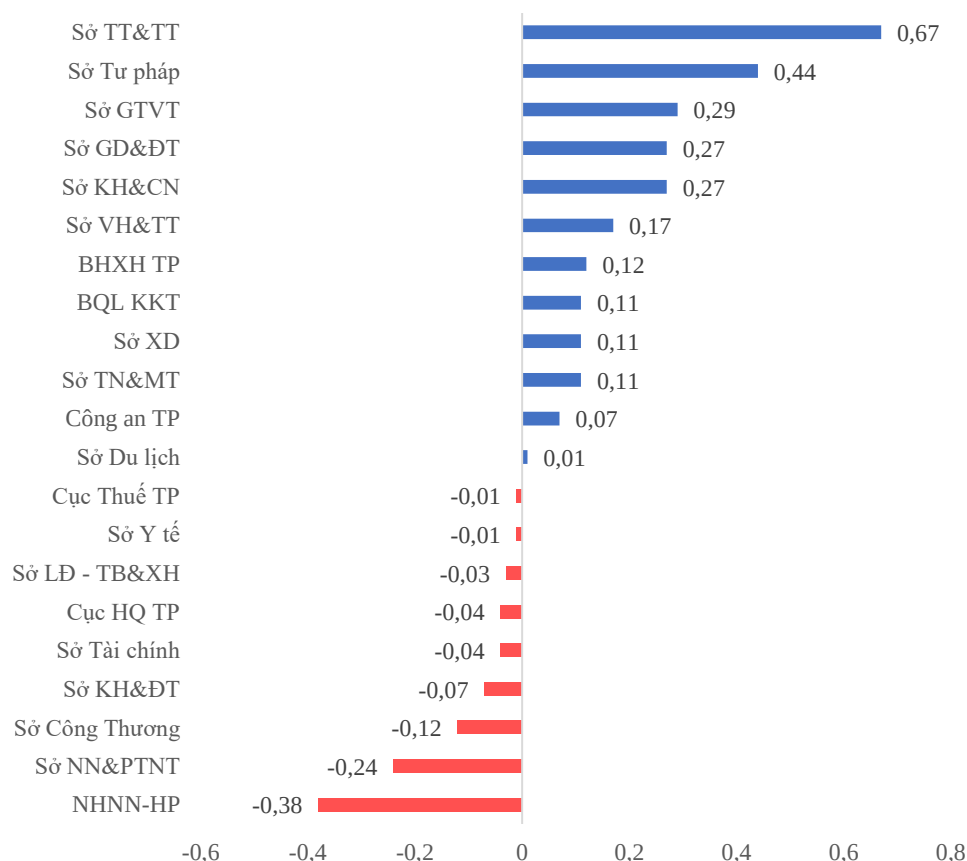


Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Chỉ số hiệu lực thiết chế được ghi nhận có nhiều thay đổi tích cực tại thành phố trong năm 2023. Kết quả DDCI năm 2023 của chỉ số này đạt 7,86 điểm, tăng 0,08 điểm so với năm 2022. Theo DDCI, Sở VH&TT, Sở Tư pháp, Sở KH&CN, Sở KH&ĐT, Sở GD&ĐT là các đơn vị dẫn đầu điểm số về hiệu lực thiết chế với điểm số trên 8 điểm. Đây là những tín hiệu tích cực, bởi lẽ có thêm nhiều Sở, ban, ngành vào nhóm điểm số tốt, cho phép thành phố kỳ vọng vào kết quả tốt hơn của hiệu lực thiết chế trong thời

gian tới trên bảng xếp hạng PCI. Quan sát kết quả của 2 năm 2022 và 2023, số cơ quan tăng điểm nhiều hơn cơ quan bị giảm điểm với 12/21 cơ quan, đặc biệt là mức cải thiện điểm của Sở TT&TT và Sở Tư pháp khá ấn tượng, lần lượt tăng 0,67 điểm và 0,44 điểm.

Biểu đồ 3.24. Mức thay đổi điểm số chỉ số hiệu lực thiết chế của các Sở, ban, ngành năm 2022-2023



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

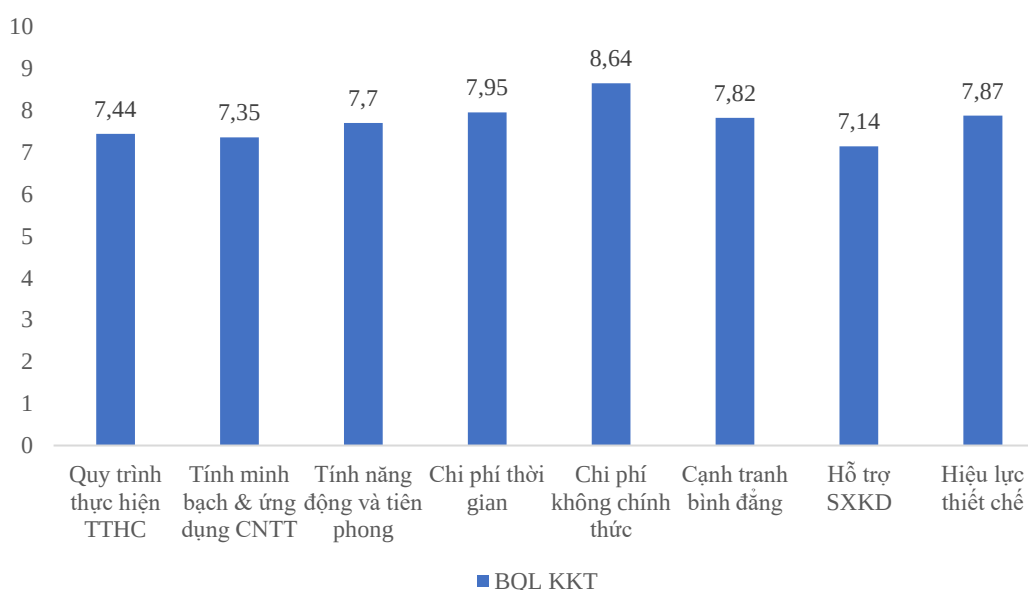
Liên quan đến hiệu lực thiết chế, hoạt động công khai, tuyên truyền, phổ biến và triển khai các chính sách, văn bản pháp luật thuộc thẩm quyền của các Sở, ban, ngành cũng được chú trọng. Chính vì vậy, đây là các chỉ tiêu đạt điểm số khá cao, trên 7,8 điểm với sự ủng hộ của hơn 70% DN/HTX tham gia khảo sát, tăng nhẹ so với năm 2022. Các chỉ tiêu liên quan tới cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo, đơn từ và tiếp dân cũng được đánh giá khá tốt, với điểm số trung bình trên 7,8 điểm. Thời gian qua, thành phố Hải Phòng mở rộng các kênh tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị của DN/HTX dưới nhiều hình thức, như công khai “đường dây nóng” hỗ trợ doanh nghiệp; duy trì các chuyên mục “Đổi thoại doanh nghiệp”, “Phản ánh kiến nghị doanh nghiệp”, “Chuyển đổi số”, “Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp”, “Tiếp cận thông tin”... trên cổng thông tin điện tử thành phố, các sở, ban, ngành, địa phương, để tiếp nhận các ý kiến phản ánh, kiến nghị của DN/HTX/HKD, những đóng góp xây dựng cơ chế, chính sách của cộng đồng DN/HTX/HKD; chỉ đạo các Sở, ban, ngành, địa phương trả lời đúng thời hạn, giải quyết kịp thời, dứt điểm kiến nghị của DN/HTX/HKD. Nhìn chung, ở chỉ số này, các Sở, ban, ngành có chất lượng thực thi văn bản, chính sách khá đồng đều, cần duy trì và phát huy trong những năm tiếp theo.

3.4. Kết quả DDCI của 21 Sở, ban, ngành

3.4.1. Ban quản lý Khu kinh tế

Điểm DDCI của BQL KKT năm 2023 đạt 77,39 điểm, tăng 1,21 điểm so với năm 2022, đứng thứ 5/21 Sở, ban, ngành được đánh giá. Sự cải thiện tích cực này đến từ sự cải thiện của 6/8 CSTP so với năm 2022 là: Chỉ số cạnh tranh bình đẳng tăng 0,28 điểm; quy trình thực hiện TTHC tăng 0,24 điểm; tính năng động và tiên phong tăng 0,21 điểm; chi phí không chính thức tăng 0,16 điểm; hiệu lực thiết chế và tính minh bạch và ứng dụng CNTT tăng nhẹ 0,11 điểm và 0,02 điểm. Chỉ số hỗ trợ SXKD giảm nhẹ 0,05 điểm.

Biểu đồ 3.25. Điểm số các CSTP của BQL KKT



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các chỉ số thành phần được DN/HTX đánh giá cao là chỉ số chi phí không chính thức (8,64 điểm), chi phí thời gian (7,95 điểm), hiệu lực thiết chế (7,87 điểm) và cạnh tranh bình đẳng (7,82 điểm). Các DN/HTX phản hồi về khía cạnh hài lòng nhất của BQL KKT trong năm 2023 gồm: triển khai hệ thống nộp văn bản trực tuyến, rút ngắn thời gian cho DN; Cán bộ hướng dẫn hồ sơ tận tình; TTHC xử lý nhanh gọn, đúng hẹn; tổ chức nhiều chương trình kết nối và hỗ trợ DN. Năm 2023, BQL KKT đã tổ chức nhiều hoạt động kết nối DN như “Diễn đàn kết nối các doanh nghiệp phụ trợ và các nhà đầu tư nước ngoài (FDI) tại TP Hải Phòng”; tổ chức đối thoại ở các KCN giải đáp các khó khăn, thắc mắc cho DN trong quá trình hoạt động.

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Hỗ trợ SXKD: BQL KKT cần tổ chức các chương trình tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới..., với sự tham gia của nhiều DN hơn nữa, cũng như nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc và triển khai các chương trình và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ DN hoạt động hiệu quả hơn. Hiện nay, điểm số của các chỉ tiêu này đang thấp điểm.
- Tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Nhiều DN cho biết việc cung cấp thông tin và giải đáp thông tin vẫn chưa kịp thời. Các văn bản, quy định pháp luật cần được cập nhật kịp thời, phổ biến rộng rãi, theo hướng dễ hiểu, dễ thực hiện cho DN. Bên cạnh đó, DN cũng đề xuất việc

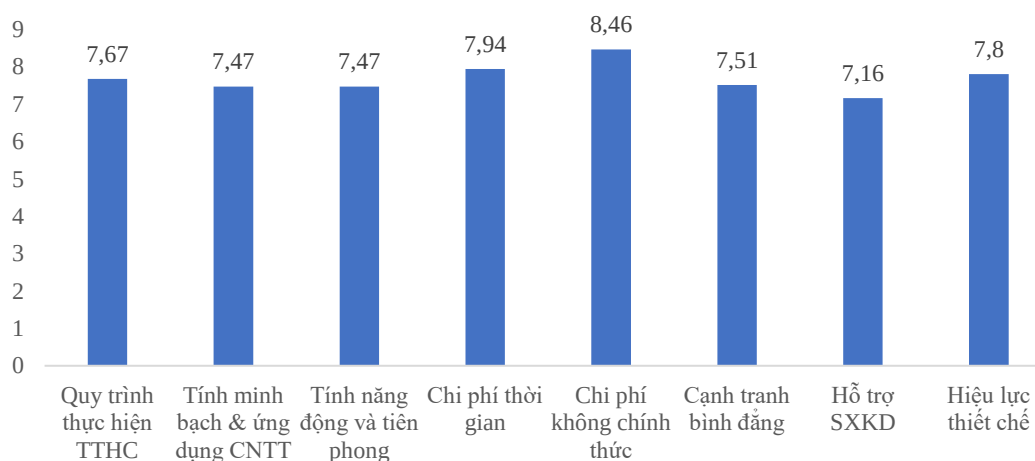
xây dựng, chia sẻ, kết nối cơ sở dữ liệu chung về thông tin, báo cáo thống kê của các DN trong KCN giữa các phòng ban nhằm giúp DN giảm bớt việc báo cáo, nhập dữ liệu nhiều lần với cùng một nội dung/dữ liệu yêu cầu gửi các Phòng/Ban khác nhau.

- Quy trình thực hiện TTHC: DN cũng phản ánh tình trạng phải sửa đổi hồ sơ nhiều lần và cán bộ chưa rà soát kỹ để tổng hợp hết các lỗi khi yêu cầu DN sửa hồ sơ. Một số thủ tục, DN vẫn phải lên trực tiếp nhận kết quả. Mặt khác, việc gửi kết quả hồ sơ qua đường bưu điện lại chưa có hóa đơn, thiếu chứng từ hợp lệ và không thể thanh toán theo tháng, khiến DN gặp khó khăn khi kê khai chi phí này.

3.4.2. Bảo hiểm xã hội thành phố

Điểm DDCI năm 2023 của BHXH TP đạt 76,85 điểm, tăng 1,39 điểm so với năm 2022, xếp thứ 9/21 Sở, ban, ngành. So sánh với năm 2022, BHXH TP có 7 CSTP tăng điểm là cạnh tranh bình đẳng tăng 0,3 điểm, hỗ trợ SXKD tăng 0,2 điểm; quy trình thực hiện TTHC, tính năng động và tiên phong và hiệu lực thiết chế tăng 0,1 điểm; chi phí thời gian và chi phí không chính thức tăng hơn 0,05 điểm. BHXH TP luôn xác định ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện giao dịch điện tử là phương thức tối ưu để giảm số lần và số giờ thực hiện các TTHC⁴. Hiện tại, toàn ngành BHXH đang có gần 30 hệ thống ứng dụng CNTT quản lý các quy trình nghiệp vụ, về cơ bản các thủ tục được thực hiện trên môi trường số, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí trong các giao dịch với cơ quan BHXH. Năm 2023, BHXH TP đã chủ động phối hợp với các cơ quan đẩy mạnh khâu tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng ứng dụng VssID, CCCD gắn chip hoặc VNeID khi đi khám, chữa bệnh, bảo đảm mọi người dân đều được hưởng những tiện ích chuyển đổi số đem lại, từng bước hướng tới thực hiện mục tiêu Chính phủ số, công dân số, giúp công tác quản lý tập trung, minh bạch, thuận lợi, tiết kiệm⁵.

Biểu đồ 3.26. Điểm số các CSTP của BHXH TP



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các lĩnh vực được DN/HTX đánh giá cao: Chi phí không chính thức, chi phí thời gian và hiệu lực thiết chế đều đạt trên 7,8 điểm. Ngoài ra, DN cũng ghi nhận những điểm hài lòng nhất là ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách thủ tục hành chính giúp DN tiết kiệm được thời gian, chi phí với 82,4% DN/HTX đánh giá tích cực; 78,13% DN/HTX hài lòng về thời gian thực hiện TTHC đúng hạn và nhanh chóng.

⁴ <https://haiphong.baohiemxahoi.gov.vn/tintuc/Pages/thanh-pho-hai-phong.aspx?CateID=269&ItemID=4001>

⁵ <https://thanhphohaiphong.gov.vn/chuyen-doi-so-trong-linh-vuc-bao-hiem-y-te-tao-thuan-loi-hon-voi-nguoi-dan.html>

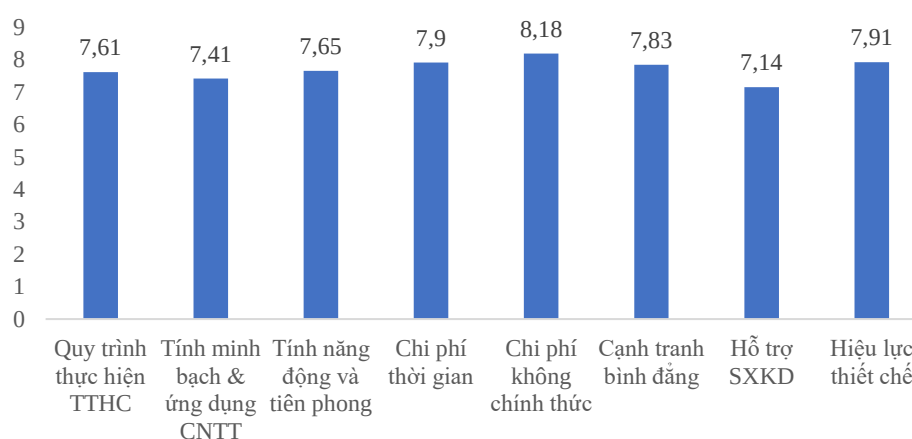
Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Hỗ trợ SXKD: Phần lớn các DN/HTX mong muốn được tham gia đối thoại nhiều hơn với cơ quan để phản ánh những vấn đề DN và người lao động đang gặp phải. Điểm số của chỉ tiêu này khá thấp, chỉ đạt 5,86 điểm. Đặc biệt, các chương trình hỗ trợ, chính sách hỗ trợ DN cần kịp thời, xử lý hồ sơ tiếp nhận chính sách nhanh chóng hơn và triển khai các chính sách cần hiệu quả, mang ý nghĩa thiết thực.
- Quy trình thực hiện TTHC: Các DN/HTX đề xuất đẩy mạnh các TTHC trực tuyến nhiều hơn vì hiện tại vẫn còn một số hồ sơ, giấy tờ phải nộp bản cứng ví dụ như hồ sơ của người lao động nghỉ thai sản. Một số quy định về giấy khám chữa bệnh còn chưa thống nhất giữa BHXH và các cơ sở khám chữa bệnh gây khó khăn trong việc giải quyết chế độ cho người lao động; thống nhất quy trình, mẫu biểu để tạo thuận tiện cho DN khi thực hiện các thủ tục tại BHXH. Các trường hợp hồ sơ bị sai, thiếu cần gửi trả hồ sơ sớm để DN/HTX hoàn thiện, kịp thực hiện chế độ cho người lao động.
- Chi phí thời gian: Nhiều DN phản ánh việc thời gian giải quyết đúng thời hạn nhưng chưa nhanh chóng so với yêu cầu của DN. Đặc biệt, thời gian chờ kết quả xử lý các chính sách, chế độ cho người lao động vẫn mất khá nhiều thời gian như chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động...
- Tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Các văn bản hướng dẫn chưa rõ ràng và còn khó hiểu với DN/HTX; việc phản hồi các yêu cầu thông tin của DN/HTX chưa kịp thời. Về ứng dụng CNTT, các DN/HTX cho biết hệ thống BHXH vẫn hay bị lỗi mạng, truy cập chậm; ứng dụng VssID chưa hoàn thiện, chưa dễ thực hiện đối với một số người lao động và DN/HTX.

3.4.3. Công an thành phố

Điểm DDCI của Công an thành phố năm 2023 đạt 77,04 điểm, đứng thứ 6/21 Sở, ban, ngành đánh giá. Trong 2 lĩnh vực chính được đánh giá gồm PCCC và Quản lý phương tiện giao thông cơ giới/ TTHC về trật tự xã hội, lĩnh vực Quản lý phương tiện giao thông cơ giới/ TTHC về ngành nghề kinh doanh có điều kiện, trật tự xã hội được đánh giá tốt hơn so với lĩnh vực PCCC. Lĩnh vực PCCC của Công an TP chưa được đánh giá cao và cần có nhiều giải pháp cải thiện để giảm bớt các TTHC cho DN/HTX trên địa bàn thành phố. So với năm 2022, Công an TP có 4 chỉ số cải thiện điểm là: Cạnh tranh bình đẳng (tăng 0,17 điểm); quy trình thực hiện TTHC tăng 0,08 điểm; hiệu lực thiết chế tăng 0,07 điểm và tính năng động và tiên phong tăng 0,06 điểm.

Biểu đồ 3.27. Điểm số các CSTP của Công an TP



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các chỉ số được đánh giá cao trong năm 2023 là: Hiệu lực thiết chế; chi phí thời gian và cạnh tranh bình đẳng, đạt mức điểm trên 7,8 điểm trở nên. Các DN/HTX cũng ghi nhận một số điểm hài lòng trong năm 2023 của Công an TP như thời gian thực hiện TTHC đã được rút ngắn, ứng dụng CNTT trong thực hiện TTHC. Đặc biệt, công tác tổ chức các buổi tuyên truyền, tập huấn kỹ năng, kiến thức về phòng cháy chữa cháy (PCCC) rất chi tiết, hiệu quả và thiết thực, được các DN/HTX ủng hộ cao.

Với phương châm “Lấy người dân làm trung tâm”, Công an thành phố đã chủ động xây dựng Công văn số 314/CAHP-PV01 ngày 02/3/2023 để triển khai Phiếu đo lường mức độ hài lòng của người dân và tổ chức, gồm: Phiếu đo lường điện tử (truy cập thông qua quét mã QR) và Phiếu đo lường giấy (nhỏ gọn, đơn giản) theo từng lĩnh vực (Quản lý hành chính về trật tự xã hội; Phòng cháy, chữa cháy; Xuất, nhập cảnh và Giao thông đường bộ). Theo đó, tỷ lệ đánh giá hài lòng và rất hài lòng đạt 98%, phiếu chưa hài lòng đạt 2%⁶. Công an TP cũng triển khai thí điểm một số mô hình theo Đề án 06/ CP của Chính phủ như mô hình triển khai nền tảng quản lý lưu trú tại khách sạn, căn hộ, biệt thự, nhà nghỉ, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, tàu thủy lưu trú du lịch, nhà trọ, nhà khách, nhà công vụ; Quản lý lưu trú tại cơ sở khám, chữa bệnh; Khám, chữa bệnh sử dụng thẻ CCCD và VNeID; Tổ giác tội phạm qua ứng dụng VneID⁷.

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Tăng cường tổ chức hiệu quả các buổi đối thoại và có sự tiếp thu, thay đổi hoạt động quản lý hành chính nói chung sau đối thoại; tổ chức nhiều các chương trình tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,... Bên cạnh đó, nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc và triển khai các chương trình và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ DN hoạt động hiệu quả hơn.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Các DN/HTX mong muốn nhận được kịp thời thông tin về các chính sách, quy định mới, đặc biệt là cung cấp các văn bản hướng dẫn chi tiết, cụ thể, dễ hiểu đối với DN/HTX. Nhiều DN/HTX phản ánh về việc mất thời gian tra cứu thông tin vì thuộc nhiều văn bản quy định khác nhau, dễ bị thiếu sót trong quá trình làm. Về triển khai ứng dụng CNTT, DN/HTX phản ánh tình trạng hệ thống mạng xử lý còn chậm, bị lỗi, chưa hoàn thiện nên một số trường hợp DN/HTX không nộp được hồ sơ.
- Chi phí thời gian và chi phí không chính thức: DN/HTX phản ánh tình trạng phải chi trả chi phí không chính thức trong hoạt động thanh tra, kiểm tra và hoạt động thanh tra, kiểm tra vẫn đang gây áp lực cho DN/HTX khi đón tiếp và làm báo cáo, chủ yếu tập trung ở lĩnh vực PCCC,
- Chỉ số quy trình thực hiện TTHC: DN/HTX nhìn chung đánh giá việc thực hiện TTHC ở lĩnh vực Quản lý phương tiện giao thông cơ giới/ TTHC về trật tự xã hội tương đối thuận lợi. Song ở lĩnh vực PCCC, DN/HTX cho rằng quy trình thực hiện và thủ tục vẫn còn phức tạp. Một số TTHC vẫn yêu cầu nộp cả bản cứng và một số giấy tờ liên quan dù đã thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Bộ hồ sơ cần nhiều loại giấy tờ phải cung cấp và còn nhiều yêu cầu về thủ tục.

3.4.5. Sở Công Thương

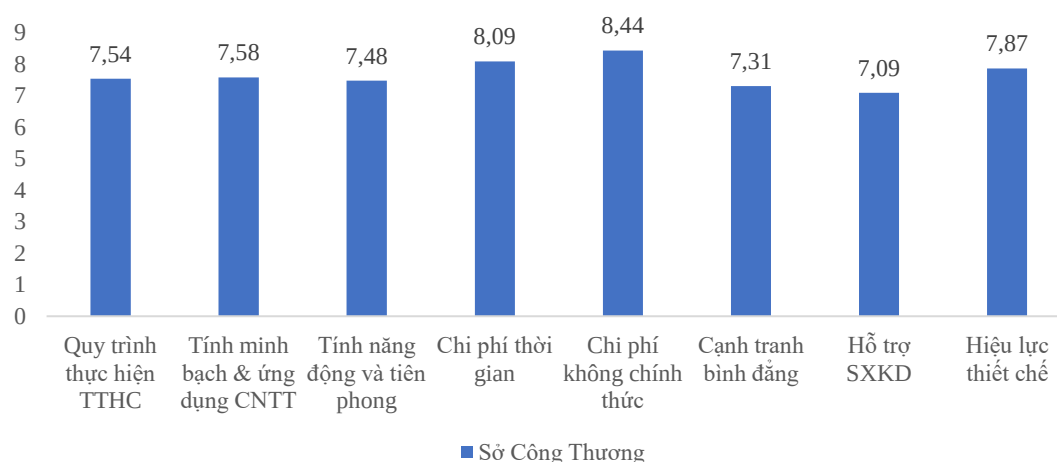
Năm 2023, Sở Công Thương đạt 76,75 điểm, giảm 1,18 điểm so với năm 2022, xếp thứ 11/21 Sở, ban, ngành. Nguyên nhân giảm điểm là do Sở Công Thương chỉ có chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT tăng 0,07 điểm; 2 chỉ số là quy trình thực hiện TTHC và chi phí thời gian không thay đổi và 5 chỉ số

⁶ <https://cand.com.vn/Hoat-dong-LL-CAND/98-nguoi-dan-hai-phong-hai-long-voi-cai-cach-thu-tuc-hanh-chinh-cua-luc-luong-cong-an-i694634/>

⁷ <https://congan.haiphong.gov.vn/Tin-hoat-dong-cua-CATP/Cai-cach-hanh-chinh/Cong-an-huyen-Thuy-Nguyen-Cai-dat-phan-mem-ASM-doi-voi-40-co-so-136844.html>

còn lại giảm điểm là: Cạnh tranh bình đẳng giảm 0,4 điểm; hỗ trợ SXKD giảm 0,23 điểm; chi phí không chính thức và tính năng động và tiên phong giảm 0,13 điểm; hiệu lực thiết chế giảm 0,12 điểm.

Biểu đồ 3.28. Điểm số các CSTP của Sở Công Thương



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các chỉ số được đánh giá tốt gồm: Chi phí thời gian; chi phí không chính thức và hiệu lực thiết chế. Bên cạnh đó, các DN/HTX cũng đánh giá hài lòng ở một số khía cạnh như: Cải cách thủ tục hành chính rút ngắn thời gian cho DN/HTX; một số DN/HTX phản hồi tích cực về việc tiếp nhận được các chương trình hỗ trợ của Sở Công Thương. Năm 2023, Sở Công Thương đã tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, hội chợ giúp kết nối DN/HTX/HKD như Hội nghị Kết nối giao thương giữa doanh nghiệp Hải Phòng với doanh nghiệp Trung Quốc, Ấn Độ và Nam Phi; Hội chợ Công Thương vùng Đồng bằng sông Hồng - Hải Phòng... Đồng thời, Sở Công Thương cũng tổ chức nhiều đối thoại như tổ chức Hội nghị đối thoại giải quyết kiến nghị doanh nghiệp trong lĩnh vực hội nhập quốc tế và xuất nhập khẩu, với các vấn đề như: Xuất xứ hàng hóa, phòng vệ thương mại, xúc tiến thương mại, chính sách thuế...

Các chỉ số cần phải cải thiện:

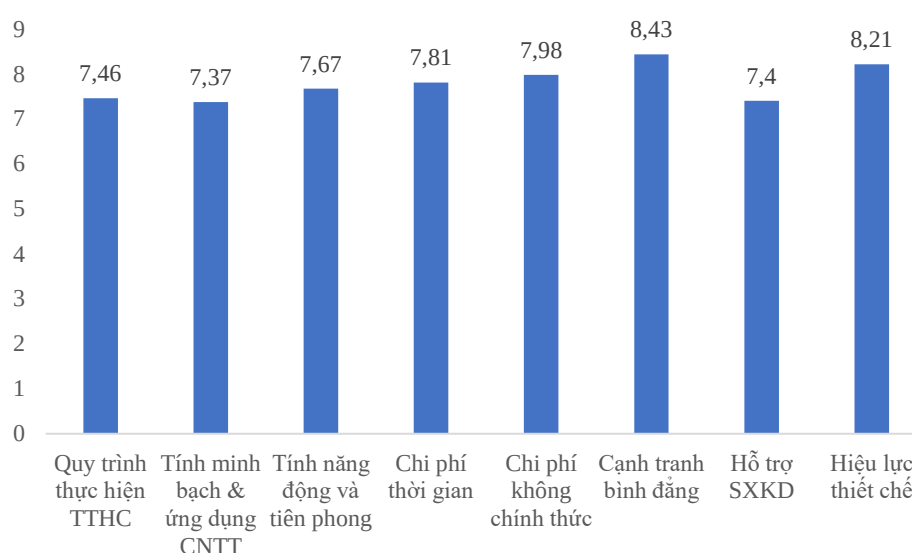
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Tỷ lệ DN/HTX tham gia các chương trình hỗ trợ SXKD còn thấp, chỉ có 20% DN/HTX cho biết thường được mời tham gia. Thủ tục thực hiện để nhận hỗ trợ tương đối phức tạp với DN/HTX muốn nhận hỗ trợ. DN/HTX cũng phản ánh rằng một số chương trình, chính sách chưa mang lại hiệu quả như DN/HTX kỳ vọng (30%).
- Chỉ số cạnh tranh bình đẳng: Khoảng 35% DN/HTX cho rằng vẫn có sự ưu ái đối với các DN lớn, DN FDI, DN “thân hữu” với chính quyền trong việc tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh, thực hiện TTHC và giải quyết vướng mắc, kiến nghị.
- Chỉ số quy trình thực hiện TTHC và chi phí thời gian: DN/HTX phản ánh về thực trạng mất nhiều thời gian tìm hiểu quy trình thực hiện TTHC, chỉnh sửa hồ sơ để được coi hợp lệ. Thời gian xử lý hồ sơ của một số thủ tục còn khá chậm, nhất là các thủ tục liên quan giữa các Sở, ngành. Bên cạnh đó, theo ý kiến của DN/HTX, hoạt động thanh tra, kiểm tra vẫn tốn nhiều thời gian của DN/HTX.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Các DN/HTX cho biết đã tiếp cận được thông tin văn bản pháp luật nhưng thiếu các văn bản hướng dẫn chi tiết cho DN/HTX thực hiện hoặc đôi khi nhận kết quả còn chậm trễ. Một số DN/HTX đề nghị thêm một số hình thức nhận thông tin từ Sở Công Thương như gửi thư điện tử. Về ứng dụng CNTT, dịch vụ công trực tuyến toàn phần vẫn chưa được áp dụng đối với một số TTHC; hệ thống thực hiện thanh toán vẫn bị lỗi, khiến DN/HTX phải thực hiện lại nhiều lần để nộp hồ sơ.

- Chỉ số chi phí không chính thức: DN/HTX cho biết vẫn còn tình trạng phải chi trả chi phí không chính thức để công việc được thuận lợi.

3.4.6. Sở Du lịch

Năm 2023, điểm số của Sở Du lịch đạt 77,91 điểm, giảm 4,25 điểm so với năm 2022, đứng thứ 4/21. Năm 2022, Sở Du lịch được đánh giá là điểm sáng cải cách với những sáng kiến đổi mới như bản đồ du lịch, foodtour Hải Phòng... tạo hiệu ứng truyền thông tích cực, được đông đảo DN/HTX/HKD và người dân đánh giá cao. Song, bước năm 2023, Sở Du lịch chưa có nhiều cải cách đột phá như năm 2022. Theo đánh giá của nhiều nhà quản lý, chuyên gia, ngành du lịch thành phố cần tiếp tục đa dạng, chuyên nghiệp cách thức truyền thông, quảng bá, giới thiệu tiềm năng du lịch địa phương hơn nữa⁸. Trong khi đó, môi trường kinh doanh của DN/HTX trong năm 2023 đang trở nên khó khăn và yêu cầu đặt ra của DN/HTX ngày càng cao với việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thông thoáng. Áp lực cải cách đối với các Sở, ban, ngành ở nhóm dẫn đầu là phải duy trì được các sáng kiến liên tục, điều này không dễ để thực hiện.

Biểu đồ 3.29. Điểm số các CSTP của Sở Du lịch



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Năm 2023, trong 8 CSTP của Sở Du lịch chỉ có 2 chỉ số cạnh tranh bình đẳng và hiệu lực thiết chế tăng nhẹ lần lượt là 0,02 điểm và 0,01 điểm so với năm 2022. Các chỉ số còn lại đều giảm điểm, giảm nhiều nhất là chỉ số chi phí không chính thức (giảm 0,97 điểm), chi phí thời gian (giảm 0,85 điểm), tính minh bạch và ứng dụng CNTT (giảm 0,57 điểm), hỗ trợ SXKD (giảm 0,55 điểm).

Mặc dù vậy, năm 2023, một số khía cạnh vẫn được DN/HTX đánh giá tích cực như cạnh tranh bình đẳng, hiệu lực thiết chế. Ngoài ra, DN/HTX cũng ghi nhận một số nội dung hài lòng nhất trong năm 2023 như thời gian thực hiện TTHC nhanh chóng hơn với việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT, thực hiện dịch vụ công trực tuyến; cán bộ hướng dẫn nhiệt tình. Năm 2023, Sở Du lịch cũng tổ chức hội nghị đổi

⁸ https://thanhphohaiphong.gov.vn/da-dang-cach-thuc-truyen-thong-gioi-thieu-tiem-nang-du-lich-cua-hai-phong.html?fbclid=IwAR2yIMqA1aXqWGACZSQeQp71O39ryOVbINOSn5J4B5XdNbmjvDNPF-z_OGE

thoại với DN trong lĩnh vực du lịch và tổ chức tập huấn chuyển đổi số cho DN⁹, hội thảo giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực du lịch tại Hải Phòng¹⁰...

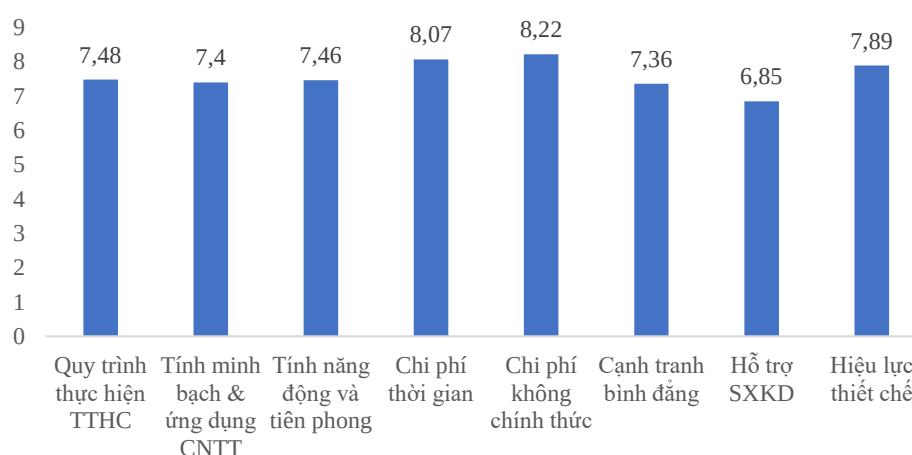
Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Nhiều DN/HTX cho biết vẫn chưa biết đến hoặc tiếp cận được các chương trình, chính sách hỗ trợ của Sở Du lịch. Thủ tục để hưởng chính sách phức tạp cùng với hiệu quả mang lại chưa cao là những chỉ tiêu đánh giá kém trong chỉ số này. Một số DN/HTX cũng kiến nghị về công tác tổ chức hội thảo còn hạn chế như nội dung thiếu hấp dẫn, địa điểm và trang thiết bị chưa đáp ứng tốt.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Việc yêu cầu cung cấp thông tin không sẵn có cho DN/HTX chưa được kịp thời và mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của DN/HTX cũng chưa cao là các chỉ tiêu hiện đang có điểm số thấp.
- Chỉ số quy trình thực hiện TTHC và chi phí thời gian: Một số DN/HTX phản ánh thủ tục hành chính vẫn còn khá rắc rối, đôi khi trùng lặp, khiến DN/HTX mất nhiều thời gian thực hiện.
- Chỉ số chi phí không chính thức: Vẫn còn một tỉ lệ nhỏ DN/HTX (13,33%) DN/HTX cho biết vẫn phải chi trả chi phí không chính thức và đôi khi việc chi trả này cũng không mang lại hiệu quả công việc, gây lãng phí cho DN/HTX.

3.4.7. Sở Giao thông vận tải

Điểm số DDCI năm 2023 của Sở Giao thông vận tải đạt 75,91 điểm, tăng 1,17 điểm so với năm 2022, xếp thứ 14/21 Sở, ban, ngành đánh giá. Năm 2023, Sở GTVT có 5 chỉ số cải thiện điểm gồm chỉ số hiệu lực thiết chế (tăng 0,29 điểm), tính năng động và tiên phong (tăng 0,27 điểm), chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT (tăng 0,22 điểm), chỉ số cạnh tranh bình đẳng (tăng 0,2 điểm) và chỉ số quy trình thực hiện TTHC (tăng 0,05 điểm). 3 chỉ số còn lại của Sở GTVT chỉ giảm nhẹ điểm số như chi phí thời gian (giảm 0,05 điểm), chi phí chi phí không chính thức (giảm 0,03 điểm), chỉ số hỗ trợ SXKD (giảm 0,01 điểm).

Biểu đồ 3.30. Điểm số các CSTP của Sở GTVT



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

⁹ <https://haiphong.gov.vn/tin-tuc-su-kien/Tap-huan-huong-dan-Chuyen-doi-so-trong-linh-vuc-Du-lich-118687.html>

¹⁰ <https://thanhphohaiphong.gov.vn/hoi-thao-ban-cac-giai-phap-thao-go-diem-nghen-doi-voi-cac-du-an-dau-tu-trong-linh-vuc-du-lich-tai-hai-phong.html?highlight=c%C3%B4ng%20th%C6%B0%C6%A1ng>

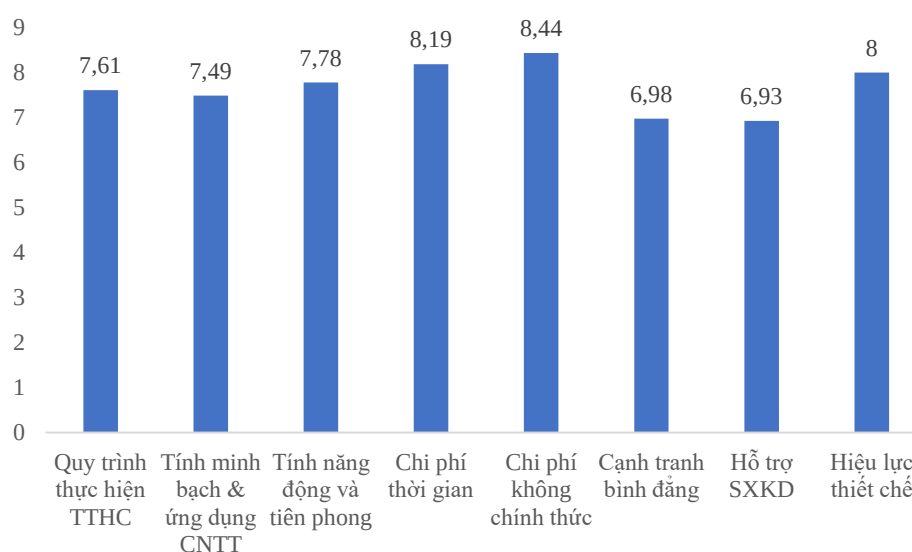
Các chỉ số được đánh giá cao là chỉ số chi phí không chính thức, chi phí thời gian và hiệu lực thiết chế. Các DN/HTX cũng ghi nhận một số điểm hài lòng nhất ở Sở GTVT trong năm qua là: Thủ tục hành chính một cửa nhanh chóng, thực hiện TTHC trực tuyến giúp cắt giảm thời gian cho DN/HTX; thái độ phục vụ và hướng dẫn tận tình; cơ sở vật chất của Sở càng ngày càng được nâng cấp, khang trang, thuận tiện cho DN/HTX đến làm việc; trang thông tin của Sở cũng được cập nhật thông tin liên tục với giao diện tra cứu thủ tục dễ dàng. Thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023, Sở Giao thông vận tải triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình với 87/134 TTHC.

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số hỗ trợ SXKD bị đánh giá thấp ở một số chỉ tiêu như tỉ lệ DN/HTX tham gia các chương trình, chính sách hỗ trợ còn thấp; thủ tục hưởng các chính sách hỗ trợ chưa thuận lợi; các chương trình, chính sách chưa kịp thời và hiệu quả với DN/HTX.
- Chỉ số cạnh tranh bình đẳng: Sở GTVT cần cải thiện mức độ công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh, tiếp cận các nguồn vốn, trong việc thực hiện TTHC, dịch vụ công và tiếp cận các chính sách ưu đãi.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Các DN/HTX phản ánh rằng có nhiều văn bản mới DN/HTX không cập nhật hết, nội dung văn bản khó hiểu. Các DN/HTX mong muốn có văn bản hướng dẫn cụ thể và cán bộ hướng dẫn chi tiết cho các DN/HTX. Về ứng dụng CNTT, DN/HTX cho biết hệ thống còn mới đối với DN/HTX nên chưa thành thạo thao tác, trong khi đó hệ thống thực hiện TTHC thỉnh thoảng gặp trục trặc, khiến DN/HTX phải mất thời gian nộp hồ sơ.
- Chỉ số quy trình thực hiện TTHC và chi phí thời gian: DN/HTX cho biết vẫn còn nhiều TTHC rắc rối, yêu cầu nhiều giấy tờ, thủ tục và một số TTHC chưa triển khai trực tuyến toàn phần. Một số trường hợp hồ sơ sai sót, cán bộ chưa hướng dẫn chi tiết, DN/HTX phải chỉnh sửa nhiều lần, mất thời gian. Chỉ tiêu về thời gian tìm hiểu thực hiện TTHC và rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ là chỉ tiêu cần cải thiện nhiều trong thời gian tới.

3.4.8. Sở Giáo dục và Đào tạo

Biểu đồ 3.31. Điểm số các CSTP của Sở GD&ĐT



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Theo kết quả DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2023, Sở Giáo dục và Đào tạo đạt 76,78 điểm, tăng 1,5 điểm, đứng thứ 10/21 Sở, ban, ngành. Sở GD&ĐT có 6/8 CSTP cải thiện điểm số so với năm 2022. Trong đó, chỉ số chi phí không chính thức (tăng 0,48 điểm), chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT (tăng 0,36 điểm), hiệu lực thiết chế (tăng 0,27 điểm) là các chỉ số có mức tăng điểm nhiều. Sở GD&ĐT chỉ có 2 chỉ số giảm điểm là hỗ trợ SXKD (giảm 0,27 điểm) và cạnh tranh bình đẳng (giảm 0,09 điểm).

Các chỉ số được đánh giá tốt của Sở GD&ĐT trong năm 2023 là chi phí không chính thức, chi phí thời gian và hiệu lực thiết chế. Các DN ghi nhận một số nội dung nổi bật trong năm 2023 của Sở GD&ĐT như các thủ tục hành chính thực hiện trực tuyến, có thời gian nhận, giao kết quả công khai, rõ ràng; các cán bộ ở Sở nắm rõ các thủ tục, hướng dẫn và trao đổi nhiệt tình; cho phép gia hạn cấp phép hoạt động giáo dục 2 năm/lần; linh hoạt giải quyết thắc mắc cho DN. Năm 2023, Sở GD&ĐT cũng đã tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo là một hoạt động thể hiện sự nỗ lực và quyết tâm của Sở GD&ĐT trong công tác quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo, thực hiện nhiệm vụ được UBND thành phố giao phó, góp phần thúc đẩy sự phát triển của sự nghiệp giáo dục đào tạo thành phố¹¹.

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số tính năng động và tiên phong: Các DN mong muốn được đối thoại thường xuyên và hiệu quả, thực chất hơn với lãnh đạo Sở GD&ĐT để kịp thời phản ánh các kiến nghị và vướng mắc; việc triển khai quy định xuống các cấp dưới ở các phòng, ban chưa nhanh chóng.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Nhiều DN chưa biết đến và tham gia các hoạt động, chương trình, chính sách hỗ trợ của Sở. Các chính sách, chương trình hỗ trợ cần kịp thời và bám sát yêu cầu thực tế của DN để mang lại hiệu quả tốt nhất. DN đề nghị có mô hình kết nối các DN trong cùng lĩnh vực giáo dục ở thành phố để cùng chia sẻ, trao đổi thông tin, kinh nghiệm.
- Chỉ số quy trình thực hiện TTHC và chi phí thời gian: Các DN cho biết tốn khá nhiều thời gian ở việc tìm hiểu thực hiện TTHC do TTHC vẫn còn rườm rà, một số TTHC phải chờ kết quả khá lâu. Các TTHC chưa triển khai đồng bộ trực tuyến toàn phần, đặc biệt một số thủ tục làm trực tiếp tại Sở vẫn mất nhiều thời gian.
- Chỉ số cạnh tranh bình đẳng: Cần tạo sự bình đẳng trong giải quyết các vấn đề, vướng mắc cho DN; hỗ trợ các DN vừa và nhỏ trong tiếp cận các thông tin, cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi, hỗ trợ khi các DN cho biết vẫn có sự ưu ái với DN lớn, “thân hữu” với chính quyền.

3.4.9. Cục Hải quan thành phố

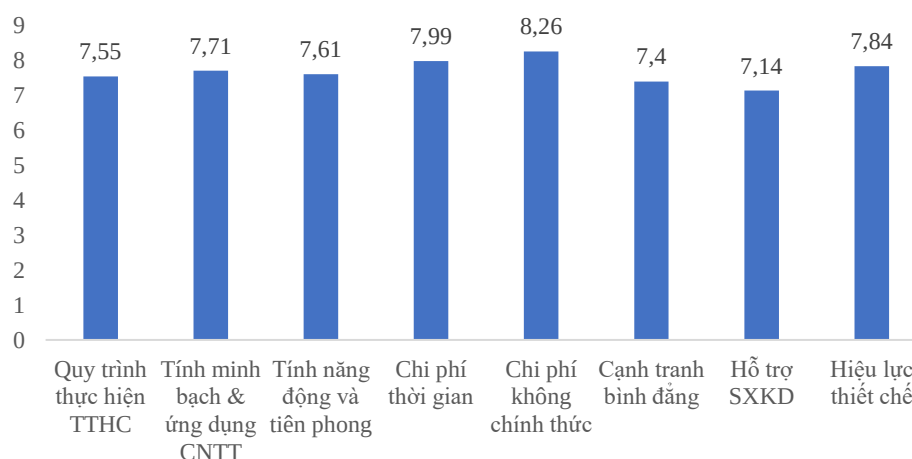
Điểm DDCI năm 2023 của Cục Hải quan thành phố đạt 76,88 điểm, giảm 0,41 điểm, đứng thứ 7/21 Sở, ban, ngành. Kết quả năm 2023 so sánh với năm 2022 của Cục Hải quan có 2 chỉ số cải thiện là tính năng động và tiên phong tăng 0,07 điểm và cạnh tranh bình đẳng tăng 0,14 điểm. 6 chỉ số còn lại giảm điểm nhưng phần lớn đều giảm nhẹ so với năm 2022, chỉ có chỉ số quy trình thực hiện TTHC và chi phí không chính thức giảm nhiều hơn, giảm lần lượt 0,2 điểm và 0,18 điểm.

Các chỉ số được đánh giá cao gồm hiệu lực thiết chế (7,84 điểm), chi phí thời gian (7,99 điểm) và chi phí không chính thức (8,26 điểm). Các khía cạnh được DN/HTX đánh giá hài lòng nhất là việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT thực hiện TTHC, TTHQ được nhanh gọn hơn, giảm thời gian và đi lại cho DN; việc hướng dẫn DN thực hiện các thủ tục hải quan được cải thiện rõ rệt; chia sẻ thông tin văn bản quy định pháp luật trên các nhóm diễn đàn. Hiện tại, 99% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu được Cục Hải quan Hải Phòng thực hiện hải quan điện tử; với hàng hóa tờ khai luồng xanh có thể thông quan từ 1 đến

¹¹ <https://haiphong.edu.vn/tin-tuc-su-kien/so-giao-duc-va-dao-tao-to-chuc-hoi-nghi-doi-thoai-voi-cac-doanh-nghiep-hoat-don/ctmb/10/4248>

3 ngày; tỉ lệ kiểm tra thực tế hàng hóa giảm từ 4,94% năm 2020 xuống 3,42% năm 2023, tạo thuận lợi tối đa trong hoạt động xuất nhập khẩu¹²; chủ động triển khai nhiều đề tài, dự án hiệu quả. Năm 2023, Cục Hải quan thành phố đã tổ chức hội nghị đối thoại DN, tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho DN/HTX.

Biểu đồ 3.32. Điểm số các CSTP của Cục HQ TP



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số hỗ trợ DN/HTX: DN/HTX chưa được tiếp cận với nhiều chương trình, chính sách hỗ trợ, gần với thực tế, mang lại hiệu quả thiết thực; hoạt động tập huấn nghiệp vụ, cập nhật quy định, chính sách mới cũng chưa được triển khai nhiều.
- Chỉ số tính năng động và tiên phong: DN/HTX mong muốn tổ chức đối thoại với sự tham gia của nhiều DN/HTX và các vấn đề, vướng mắc sau đối thoại được giải quyết kịp thời, triệt để.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Có nhiều quy định mới mà DN chưa kịp cập nhật; việc trả lời phúc đáp qua email còn tương đối chậm, chưa nhanh; tổng đài để giải quyết hoặc hướng dẫn thủ tục khi vướng mắc chưa có cán bộ trực thường xuyên để giải đáp. Về ứng dụng CNTT, hệ thống phần mềm chưa hoàn thiện là vấn đề DN/HTX phản ánh nhiều nhất trong khảo sát DDCI. Các DN/HTX cho biết hệ thống VNACSS hải quan thường xuyên bị lỗi, quá tải, gặp sự cố, đôi khi còn bị lỗi kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ DN khai tờ khai hải quan, ảnh hưởng đến khai báo hàng xuất khẩu.
- Chỉ số quy trình thực hiện TTHC và chi phí thời gian: DN/HTX cho biết vẫn còn một số TTHC rắc rối, mất thời gian thực hiện và chờ kết quả; hướng dẫn giải đáp cho DN/HTX vẫn chưa cụ thể, rõ ràng. DN/HTX đề nghị có thêm các hướng dẫn trực tuyến với các trường hợp DN/HTX hay gặp phải sự cố. Sự phối hợp giữa các bộ phận/đơn vị liên quan chưa được thông suốt, mất thời gian cho việc chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ, liên lạc, tiếp xúc. Một số thủ tục kiểm tra chuyên ngành còn phức tạp, chồng chéo, gây lãng phí thời gian.

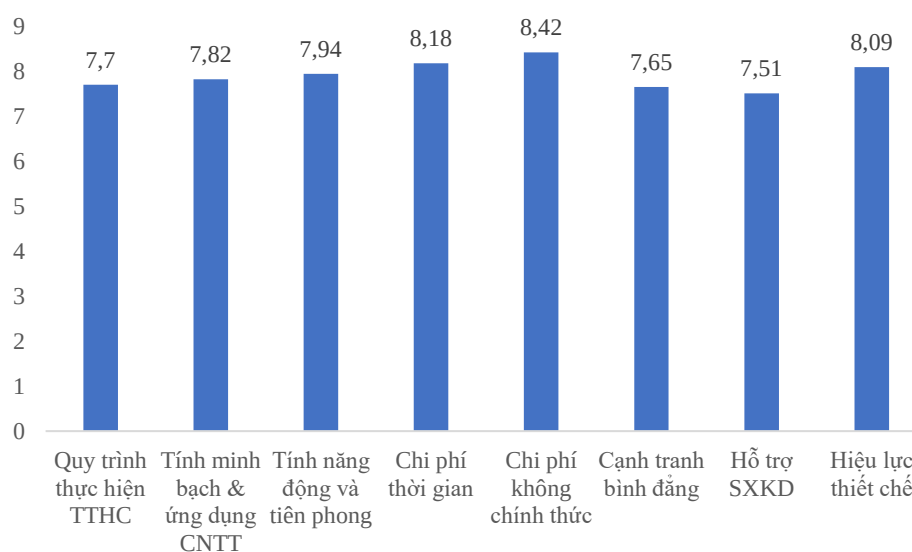
3.4.10. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở KH&ĐT là đơn vị duy nhất trong 4 năm 2020-2023 liên tiếp nằm trong top 5 cơ quan có kết quả cao nhất khối Sở, ban, ngành, kết quả tăng dần qua 4 năm. Kết quả DDCI năm 2023 của Sở KH&ĐT đứng thứ 2/21 Sở, ban, ngành, tăng 1 bậc so với năm 2022. Kết quả khảo sát cho thấy, Sở Kế hoạch và Đầu

¹² <https://baohaiphong.com.vn/baohp/vn/home/InfoDetail.jsp?ID=83812&cat=25>

tư đã xây dựng chiến lược cải cách đồng bộ, liên tục có nhiều sáng kiến trong cải cách thủ tục hành chính, thực hiện nhiều mô hình hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư. Năm 2023, điểm số của Sở KH&ĐT đạt 79,14 điểm, giảm 0,56 điểm so với năm 2022. Sở KH&ĐT được đánh giá ở 2 lĩnh vực là ĐKKD và đầu tư. Trong khi lĩnh vực ĐKKD được đánh giá có nhiều cải thiện, lĩnh vực đầu tư có đánh giá kém tích cực hơn, dẫn đến tổng số điểm của Sở KH&ĐT bị giảm. Các chỉ số có cải thiện trong năm 2023 so với năm 2022 là chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT, chỉ số tính năng động và tiên phong và chỉ số hỗ trợ SXKD. Trong đó, chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT có mức tăng nhiều nhất với 0,1 điểm. Sở có 5 chỉ số giảm điểm là: chi phí thời gian giảm 0,19 điểm; chi phí không chính thức giảm 0,18 điểm; cạnh tranh bình đẳng giảm 0,15 điểm; quy trình thực hiện TTHC giảm 0,12 điểm; hiệu lực thiết chế giảm 0,07 điểm.

Biểu đồ 3.33. Điểm số các CSTP của Sở KH&ĐT năm 2023



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các chỉ số được DN/HTX đánh giá cao trong năm 2023 là chỉ số chi phí không chính thức, chi phí thời gian và hiệu lực thiết chế. Các chỉ số này đều đạt điểm số tốt, trên 8 điểm. DN/HTX cũng ghi nhận những điểm hài lòng nhất ở Sở KH&ĐT gồm: Ứng dụng CNTT hiệu quả để thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian cho DN/HTX; thủ tục giấy đăng ký doanh nghiệp nhanh chóng, được hỗ trợ đầy đủ; cán bộ nhiệt tình hỗ trợ, giải đáp. Các chỉ tiêu về mức độ thuận lợi khi tiếp cận thông tin, mức độ hữu ích thông tin trên trang web và mức độ minh bạch thông tin đều được phần lớn DN/HTX đánh giá khá tốt. Trong năm 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã sử dụng Hệ thống trả lời tự động bằng trí tuệ nhân tạo (AI) bằng tiếng Anh và tiếng Việt trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp, đầu tư trên Cổng thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư; sử dụng trang Zalo page “Phòng Đăng ký kinh doanh Hải Phòng” nhằm dễ dàng truyền tải kịp thời những thông tin, nội dung hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp nhanh chóng gia nhập thị trường¹³.

Chỉ số hỗ trợ SXKD cũng được đánh giá có cải thiện. Năm 2023, Sở KH&ĐT đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ DN/HTX trên địa bàn thành phố như tổ chức các khóa học về quản trị doanh nghiệp, nhân sự, marketing...; triển khai chính sách hỗ trợ chuyển đổi số giai đoạn 2023-2025 với việc tư vấn hỗ trợ về chữ ký số, hóa đơn điện tử cho DN/HTX; tổ chức hội nghị hỗ trợ DNNVV trong chuyển đổi số; ký

¹³ <https://thanhphohaiphong.gov.vn/ho-tro-doanh-nghiep-nho-va-vua-thanh-pho-hai-phong-thuc-hien-chuyen-doi-so-giai-doan-2023-2025.html>

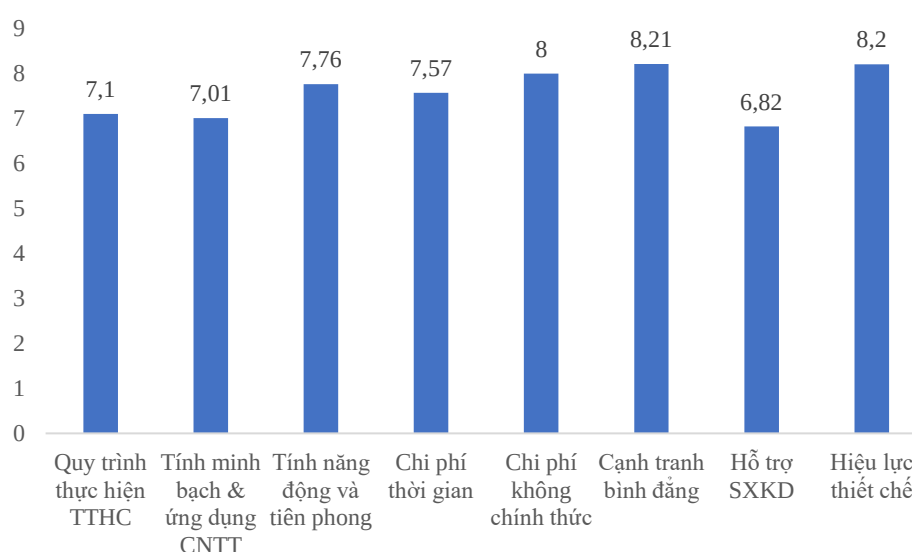
kết thỏa thuận hợp tác với các đơn vị cung cấp dịch vụ chuyển đổi số; tổ chức ngày hội tư vấn, hỗ trợ thủ tục đăng ký kinh doanh và đầu tư với sự tham gia của các doanh nghiệp trong và ngoài nước trên địa bàn thành phố.

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số hỗ trợ SXKD cần cải thiện ở các chỉ tiêu về tỉ lệ DN/HTX được thụ hưởng các chương trình, chính sách hỗ trợ và triển khai hiệu quả các chương trình hỗ trợ. Tổ chức nhiều hơn nữa các hoạt động đối thoại với doanh nghiệp, đặc biệt là hỗ trợ DN/HTX trong quá trình thực hiện thủ tục cấp phép đầu tư.
- Chỉ số quy trình thực hiện TTHC: DN/HTX vẫn gặp khó khăn trong tìm hiểu quy trình thực hiện TTHC. DN/HTX cho rằng hồ sơ, thủ tục vẫn khá phức tạp và khó hiểu, cần phải hướng dẫn thêm, phản ánh tập trung ở lĩnh vực đầu tư của Sở. Thời gian để hoàn thành xong bộ hồ sơ và nhận được kết quả vẫn mất khá nhiều thời gian, chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư. DN/HTX phải chỉnh sửa hồ sơ hoặc phải đi lại nhiều lần để nộp hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp, DN/HTX bị trả hồ sơ chưa hợp lệ, gặp khó khăn trong việc liên hệ với cán bộ thực hiện và chưa nhận được hướng dẫn rõ ràng, nhiệt tình. Một số TTHC chưa được thực hiện trực tuyến toàn phần, phải nộp bổ sung bản cứng.
- Chỉ phí thời gian giảm nhẹ trong năm 2023 do DN/HTX kì vọng cao vào việc rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ. Theo DN/HTX phản ánh, thực hiện TTHC trực tuyến rút ngắn thời gian song có một số thủ tục, DN/HTX vẫn phải nộp cả bản cứng, nhiều loại giấy tờ trong khi hướng dẫn cho DN/HTX chưa cụ thể. Hoạt động thanh tra, kiểm tra gây phiền hà cho DN/HTX là nội dung DN/HTX chưa hài lòng ở chỉ số này.
- Chỉ số tính minh bạch và tiếp cận CNTT: Các DN/HTX cũng phản ánh ý kiến về việc cập nhật và giải thích rõ các nội dung thay đổi khi quy định pháp luật thay đổi để DN/HTX kịp thời điều chỉnh. Về thực hiện TTHC trực tuyến, hệ thống đăng ký kinh doanh còn chậm, cần nâng cấp; hướng dẫn chưa cụ thể cho DN thực hiện trực tuyến, nhất là các DN nhỏ và siêu nhỏ, hạn chế trong sử dụng CNTT.

3.4.11. Sở Khoa học và Công nghệ

Biểu đồ 3.34. Điểm số các CSTP của Sở KH&CN



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Điểm số DDCI năm 2023 của Sở KH&CN đạt 75,84 điểm, giảm 1,6 điểm so với năm 2022, đứng thứ 15/21 Sở, ban, ngành. Điểm số của Sở KH&CN giảm do chỉ có 3/8 chỉ số tăng điểm là chỉ số hiệu lực thiết chế (tăng 0,27 điểm), chỉ số cạnh tranh bình đẳng (tăng 0,21 điểm) và tính năng động và tiên phong tăng 0,16 điểm. Các chỉ số còn lại đều giảm hơn 0,3 điểm: Hỗ trợ SXKD (giảm 0,46 điểm), chi phí thời gian (giảm 0,39 điểm), quy trình thực hiện TTHC và chi phí không chính thức giảm 0,37 điểm; tính minh bạch và ứng dụng CNTT giảm 0,33 điểm.

Các chỉ số thành phần được đánh giá cao là chỉ số cạnh tranh bình đẳng, hiệu lực thiết chế và chi phí không chính thức (đều trên 8 điểm). Các khía cạnh khác được DN/HTX ghi nhận hài lòng nhất là: Thủ tục trực tuyến nhanh gọn, tiết kiệm thời gian, chi phí; ứng dụng CNTT hiệu quả; có nhiều hoạt động thúc đẩy mối quan hệ liên kết các DN/HTX cùng phát triển. Năm 2023, Sở KH&CN đã tổ chức đối thoại giải quyết kiến nghị của DN trong lĩnh vực KH&CN, giải đáp các vướng mắc, kiến nghị cho DN trong ngành.

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số chi phí thời gian: DN/HTX cho biết nhiều TTHC phải làm trực tiếp hoặc phải bổ sung thêm bản cứng, chưa thực hiện toàn phần. Lĩnh vực DN/HTX phản ánh còn nhiều bất cập là hoạt động thanh tra, kiểm tra mất nhiều thời gian cho DN/HTX. Trong một số trường hợp, DN/HTX phản ánh tình trạng thanh tra, kiểm tra gây áp lực, phiền hà cho DN/HTX, phải chi trả các khoản chi phí không chính thức.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: DN/HTX chưa thấy có nhiều chương trình, chính sách hỗ trợ DN trong ngành công nghệ hiệu quả. DN/HTX mong muốn tiếp cận nguồn vốn, chuyển giao khoa học công nghệ, tổ chức các hoạt động kết nối, hỗ trợ DN trong ngành và ngoài ngành.
- Chỉ số quy trình thực hiện TTHC: DN/HTX phản ánh mất nhiều thời gian tìm hiểu quy trình, quy định liên quan; thời gian hoàn thiện hồ sơ và chờ kết quả khá dài; nhận hồ sơ và phiếu trả kết quả vẫn trực tiếp, mất thời gian cho DN. Khi hồ sơ của DN/HTX có vấn đề, DN/HTX khó liên lạc gặp người phụ trách để sửa đổi, bổ sung hồ sơ.
- Chỉ số tính minh bạch và tiếp cận CNTT: DN/HTX gặp khó khăn trong việc tìm hiểu thông tin về các văn bản pháp luật, thiếu các văn bản hướng dẫn chi tiết. Trường hợp DN/HTX cần thông tin, phản hồi chưa nhanh chóng, thiếu hướng dẫn cụ thể. Về ứng dụng CNTT, hệ thống thực hiện TTHC trực tuyến chưa hoàn thiện, hay gặp vấn đề, không nộp được hồ sơ.

3.4.12. Sở Lao động - Thương binh & Xã hội

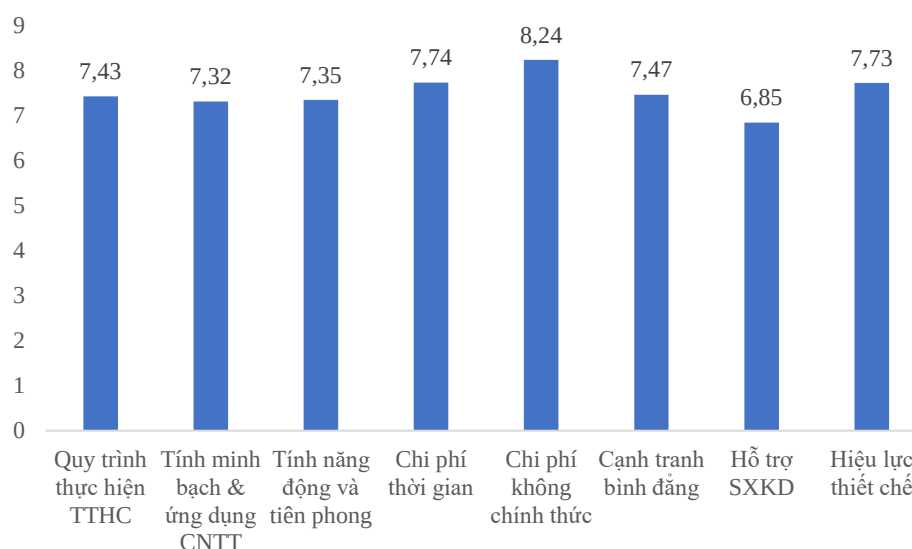
Năm 2023, Sở LĐ-TB&XH đạt 75,16 điểm, giảm 0,44 điểm so với năm 2022, đứng thứ 19/21 Sở, ban, ngành. Nguyên nhân giảm điểm của Sở LĐ - TB&XH là Sở có 5/8 CSTP giảm điểm so với năm 2022. Các chỉ số chỉ giảm nhẹ là chỉ số hiệu lực thiết chế (giảm 0,03 điểm), chi phí không chính thức giảm 0,04 điểm và chi phí thời gian giảm 0,11 điểm. Các chỉ số giảm điểm nhiều là chỉ số hỗ trợ SXKD (giảm 0,34 điểm), tính năng động và tiên phong (giảm 0,21 điểm).

Các chỉ số thành phần có điểm số cao là chỉ số chi phí không chính thức (8,24 điểm), chi phí thời gian và hiệu lực thiết chế (trên 7,7 điểm). Các DN/HTX cũng ghi nhận những khía cạnh hài lòng trong năm 2023 của Sở là: Triển khai giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến nhanh chóng, mất ít thời gian; đã đẩy mạnh ứng dụng CNTT; hướng dẫn cẩn thận, chi tiết, giải quyết hồ sơ nhanh gọn; cán bộ chuyên ngành hỗ trợ có nghiệp vụ, nhiệt tình. Thời gian qua, Sở LĐ-TB&XH đã phối hợp với Viettel triển khai dịch vụ nhắn tin mã hồ sơ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tới DN/HTX; sử dụng ứng dụng Zalo phục vụ hoạt động, công tác chuyên môn, chia sẻ thông tin, trao đổi và giải quyết công việc¹⁴.

¹⁴ <https://baohaiphong.com.vn/baohp/vn/home/InfoDetail.jsp?ID=83342&cat=88>

Năm 2023, Sở LD-TB&XH đã tổ chức hội nghị đối thoại giải đáp những vướng mắc của doanh nghiệp về chính sách an toàn, vệ sinh lao động; chính sách quan hệ lao động, tiền lương.

Biểu đồ 3.35. Điểm số các CSTP của Sở LD-TB&XH



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các chỉ số cần phải cải thiện:

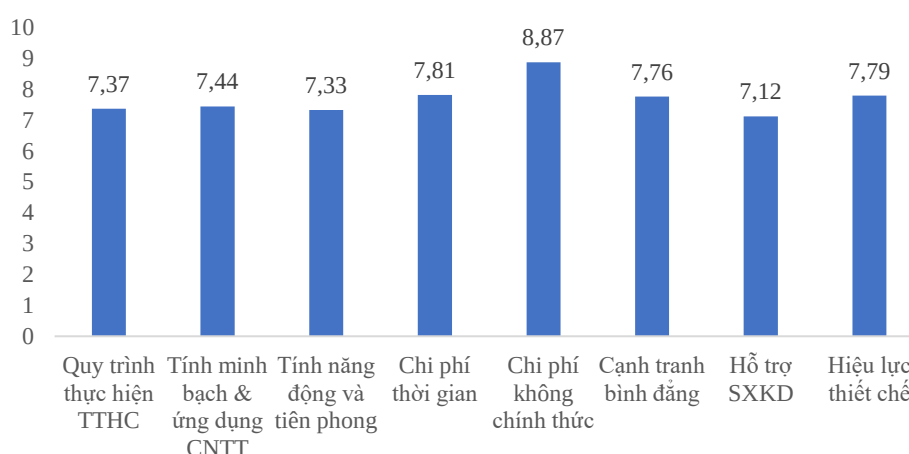
- Chỉ số chi phí thời gian: Việc thiện hiện dịch vụ công chưa toàn phần, vẫn phải lên trực tiếp Sở để nộp hồ sơ và nhận kết quả. Một số TTHC vẫn phải nộp bổ sung bản cứng, tốn thời gian của DN/HTX. Một số DN/HTX phản ánh tình trạng thanh tra, kiểm tra tạo gánh nặng về thời gian và áp lực.
- Chỉ số quy trình thực hiện TTHC: Hồ sơ phải nộp lại nhiều lần do quá trình hướng dẫn chưa chi tiết, rõ ràng. Một số cán bộ thực hiện TTHC chưa nhiệt tình trong hỗ trợ TTHC cho DN/HTX. Thời gian xử lý hồ sơ của DN/HTX vẫn mất thời gian.
- Chỉ số tính minh bạch và tiếp cận CNTT: Việc yêu cầu thông tin không có sẵn chưa được cung cấp kịp thời. Về ứng dụng CNTT, DN/HTX phản ánh cần cập nhật đầy đủ văn bản, chính sách và các mẫu biểu trên trang thông tin theo cách dễ tìm kiếm; hệ thống thực hiện TTHC còn chậm, hay gặp vấn đề khi nộp hồ sơ.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: DN/HTX phản ánh về việc chưa tiếp cận được các thông tin về chương trình, chính sách hỗ trợ SXKD của Sở. DN/HTX cũng đề xuất tổ chức nhiều buổi đào tạo và hướng dẫn DN/HTX để ứng dụng kịp thời CNTT trong quá trình thực hiện TTHC.
- Chỉ số tính năng động và tiên phong: Tỷ lệ DN/HTX tham gia đối thoại còn thấp và DN/HTX đánh giá chất lượng của hoạt động đối thoại chưa giải quyết được triệt để các vấn đề, vướng mắc của DN/HTX.

3.4.12. Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh Hải Phòng

Năm 2023, NHNN - HP đạt 76,86 điểm, giảm 3,55 điểm so với năm 2022, đứng thứ 8/21 Sở, ban, ngành được đánh giá. Phần lớn điểm số các CSTP của NHNN - HP đều giảm điểm so với năm 2022, chỉ có chỉ số chi phí không chính thức tăng 0,28 điểm so với năm 2022. Trong đó, các chỉ số giảm nhiều là chỉ số quy trình thực hiện TTHC (giảm 0,72 điểm), tính năng động và tiên phong (giảm 0,58 điểm), hỗ trợ SXKD (giảm 0,56 điểm) và chi phí thời gian (giảm 0,49 điểm).

Các chỉ số thành phần được đánh giá cao là chỉ số chi phí không chính thức (đạt 8,87 điểm), chi phí thời gian (7,81 điểm) và hiệu lực thiết chế (7,79 điểm). Các DN/HTX cũng ghi nhận một số khía cạnh nổi bật trong năm là: nộp hồ sơ trực tuyến, tiết kiệm thời gian chi phí đi nộp hồ sơ cho doanh nghiệp; sát sao trong công tác quản lý; ứng dụng công nghệ thông tin nên hiệu quả công việc nhanh hơn. Năm 2023, NHNN - HP đã chỉ đạo các chi nhánh TCTD tiếp tục đẩy mạnh triển khai gói tín dụng 120.000 tỷ đồng cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo, xây dựng chung cư cũ theo Nghị quyết số 33/NQ-CP của Chính phủ; Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn,...

Biểu đồ 3.36. Điểm số CSTP của NHNN - HP



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các chỉ số cần phải cải thiện:

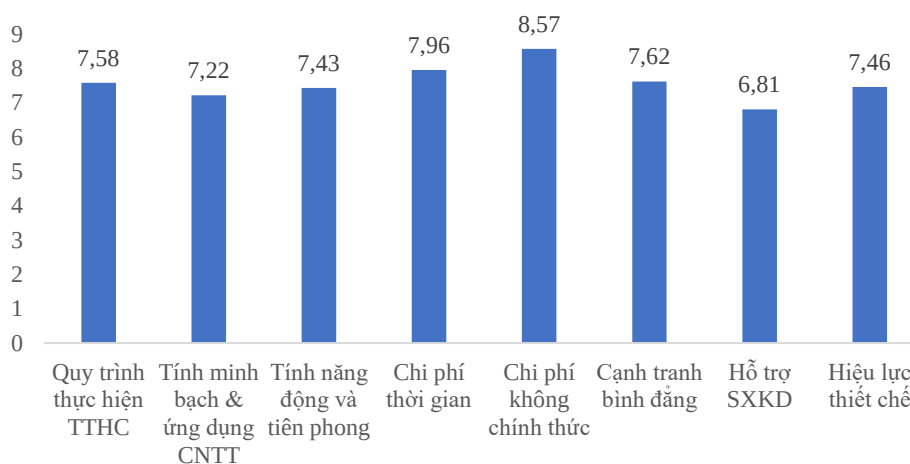
- Chỉ số quy trình thực hiện TTHC và chi phí thời gian: DN/HTX cho biết quy trình thực hiện TTHC tương đối khó hiểu với họ. DN/HTX vẫn phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ nhiều lần để hợp lệ. Một số TTHC mà DN/HTX thực hiện chưa có hướng dẫn rõ ràng hoặc hướng dẫn thực hiện TTHC chưa đồng bộ. Thời gian xử lý hồ sơ và chờ kết quả một số TTHC tuy đúng hạn nhưng vẫn mất thời gian hoặc đôi khi chưa đúng hạn trả hồ sơ.
- Chỉ số tính năng động và tiên phong: Các chỉ tiêu về đối thoại với DN/HTX có điểm số khá thấp như tỉ lệ DN/HTX tham gia đối thoại và chất lượng hoạt động đối thoại cũng như việc thực hiện các cam kết sau đối thoại.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: DN/HTX phản ánh về thực trạng có nhiều văn bản, quy định mới nhưng thiếu hướng dẫn rõ ràng, gây hiểu nhầm trong thực hiện chính sách của DN/HTX. Về ứng dụng CNTT, chưa áp dụng phổ biến các TTHC trực tuyến. DN/HTX đề nghị cần hướng dẫn D/HTX chi tiết, cụ thể khi sử dụng CNTT vào việc nộp hồ sơ online, tránh mất thời gian của DN/HTX.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Nhiều DN/HTX cho biết không biết đến/ chưa được tham gia các chương trình, chính sách hỗ trợ SXKD. Thủ tục để hưởng hỗ trợ, chính sách đối với DN/HTX vẫn khá phức tạp và rắc rối.

3.4.13. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Điểm số DDCI năm 2023 của Sở NN&PTNT đạt 75,81 điểm, tăng 1,55 điểm so với năm 2022 và đứng thứ 16/21 Sở, ban, ngành. Kết quả tích cực này là nhờ sự cải thiện tương đối đồng đều ở các chỉ số

thành phần gồm: Chỉ số chi phí không chính thức (tăng 0,36 điểm), chỉ số quy trình thực hiện TTHC (tăng 0,31 điểm), chỉ số tính năng động và tiên phong (tăng 0,29 điểm), chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT (tăng 0,23 điểm), chỉ số cạnh tranh bình đẳng (tăng 0,25 điểm), chỉ số chi phí thời gian (tăng 0,16 điểm). Chỉ có 2 chỉ số hỗ trợ SXKD và hiệu lực thiết chế giảm điểm lần lượt là 0,12 điểm và 0,24 điểm.

Biểu đồ 3.37. Điểm số CSTP của Sở NN&PTNT



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các chỉ số được đánh giá cao là chỉ số chi phí không chính thức (8,57 điểm), chỉ số chi phí thời gian (7,96 điểm) và chỉ số cạnh tranh bình đẳng (7,62 điểm). Các DN/HTX đã ghi nhận một số khía cạnh tiêu biểu của Sở NN&PTNT trong năm 2023 là: Thủ tục hành chính nhanh chóng và tiện lợi hơn; ứng dụng CNTT trong phục vụ DN/HTX giúp tiết kiệm thời gian và chi phí; quan tâm và lắng nghe tới DN/HTX nhiều hơn trước đây. Năm 2023, Sở NN&PTNT đã tập trung nghiên cứu nhiều giải pháp cải thiện chất lượng quản lý và điều hành. Sở đã cắt giảm 20% thời gian giải quyết đối với một số TTHC, tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa đối với 42/52 TTHC có phát sinh hồ sơ, góp phần giảm sự phức tạp, khó khăn, lặp lại đối với thực hiện các hồ sơ, thủ tục cho DN¹⁵; tăng cường tuyên truyền qua các hình thức khác nhau; tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ DN như hội nghị đối thoại DN với nhiều chuyên đề riêng biệt như chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), sản xuất chăn nuôi; tổ chức nhiều hội nghị tập huấn.

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Các DN/HTX cho biết các chính sách, chương trình hỗ trợ SXKD còn khó tiếp cận, đặc biệt là thiếu các chương trình hỗ trợ phát triển nông nghiệp xanh hiện đại. Các DN/HTX mong muốn các chương trình, chính sách hỗ trợ phải sát sao hơn, kịp thời và mang lại hiệu quả thiết thực.
- Chỉ số tính năng động và tiên phong: Hoạt động đối thoại DN/HTX cần duy trì tổ chức thường xuyên, gắn với việc giải quyết hiệu quả các vấn đề, vướng mắc của DN/HTX.
- Chỉ số hiệu lực thiết chế: DN/HTX cho rằng Sở cần linh hoạt và kịp thời hơn trong việc triển khai các cơ chế, chính sách cho DN/HTX; tăng cường hoạt động phổ biến pháp luật, quy định cho DN/HTX theo hướng dễ hiểu, dễ thực hiện.
- Chỉ số quy trình thực hiện TTHC và chi phí thời gian: TTHC vẫn còn phức tạp, mất nhiều thời gian thực hiện với DN/HTX. Việc giải quyết một số TTHC còn qua nhiều cơ quan trung gian.

¹⁵ <https://baohaiphong.com.vn/baohp/vn/home/InfoDetail.jsp?ID=79573&cat=101>

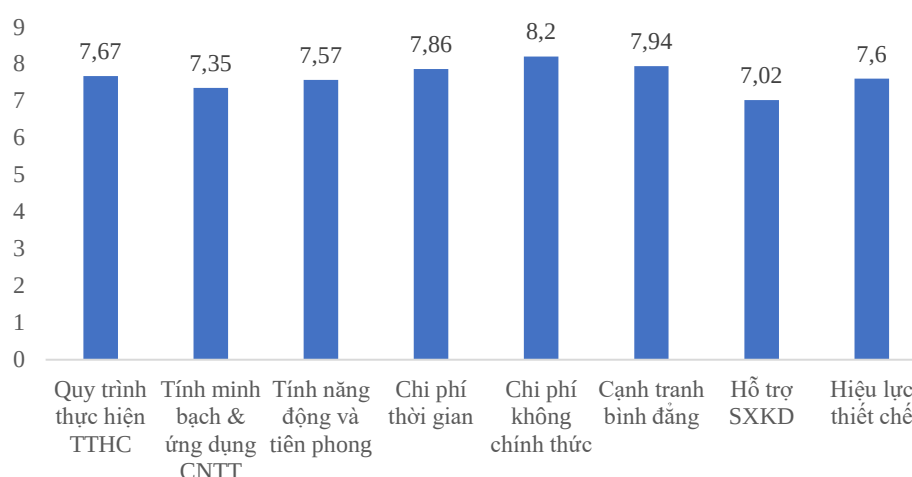
DN/HTX cần phải liên lạc nhiều lần qua điện thoại để được hỗ trợ thông tin trong quá trình thực hiện TTHC. Việc hướng dẫn hồ sơ, giải đáp thắc mắc chưa rõ ràng, cụ thể.

- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Mức độ triển khai TTHC toàn phần chưa hoàn thiện, đồng đều khi có nhiều TTHC phải nộp bản cứng; cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng tốt khi hệ thống mạng hay gặp vấn đề. DN/HTX đề nghị hướng dẫn cụ thể, chi tiết việc sử dụng các hệ thống, phần mềm của Sở trong quá trình thực hiện TTHC trực tuyến.

3.4.14. Sở Tài chính

Kết quả DDCI năm 2023 của Sở Tài chính đạt 76,51 điểm, tăng 0,33 điểm so với năm 2022, đứng thứ 12/21 Sở, ban, ngành. Sự tăng điểm này là có sự đóng góp của 4 CSTP đã có cải thiện so với năm 2022: Chỉ số quy trình thực hiện TTHC (tăng 0,36 điểm); cạnh tranh bình đẳng (tăng 0,25 điểm); hỗ trợ SXKD và tính minh bạch và ứng dụng CNTT tăng nhẹ lần lượt tăng 0,01 điểm và 0,02 điểm. Chỉ số chi phí thời gian giảm 0,22 điểm, chỉ số chi phí không chính thức giảm 0,11 điểm và chỉ số hiệu lực thiết chế giảm 0,04 điểm.

Biểu đồ 3.38. Điểm số CSTP của Sở Tài chính



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các chỉ số thành phần được đánh giá cao gồm: Chỉ số chi phí không chính thức (8,2 điểm), chỉ số cạnh tranh bình đẳng (7,94 điểm) và chi phí thời gian (7,86 điểm). Các DN/HTX đánh giá một số khía cạnh nổi bật của Sở trong năm qua là: TTHC nhanh chóng; ứng dụng CNTT giúp DN/HTX thực hiện nhanh, hiệu quả công việc; thông tin TTHC công khai hơn trước; dịch vụ công trực tuyến hiệu quả, tiết kiệm chi phí cho DN/HTX.

Các chỉ số cần phải cải thiện:

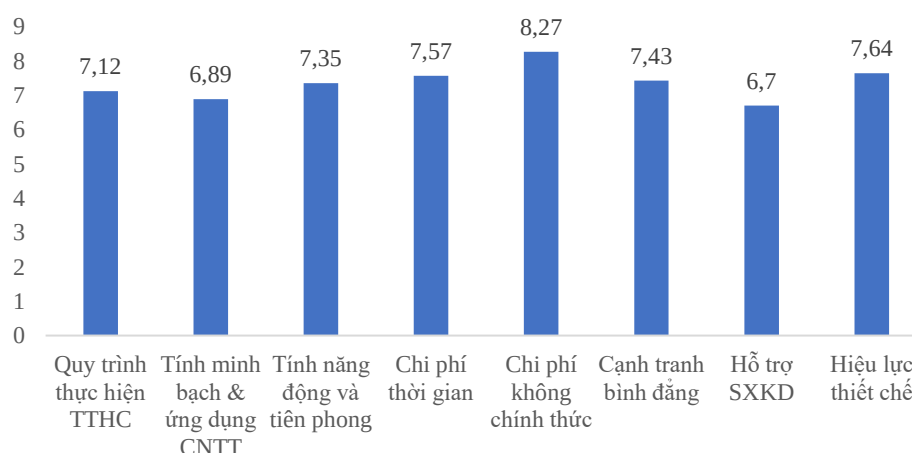
- Chỉ số chi phí thời gian: DN/HTX cho biết một số thủ tục DN/HTX vẫn phải đến trực tiếp để thực hiện thủ tục. Một số thủ tục yêu cầu nhiều giấy tờ, công đoạn thực hiện. DN/HTX cho biết mất nhiều thời gian tìm hiểu quy trình thực hiện và thời gian chờ đợi kết quả. Hoạt động thanh tra, kiểm tra cũng là chỉ tiêu DN/HTX cho rằng cần cải thiện chất lượng trong thời gian tới.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: DN/HTX cho biết chưa tham gia hoặc chưa biết đến các chương trình, chính sách hỗ trợ SXKD. Chất lượng của các chính sách hỗ trợ và các buổi đối thoại lấy ý kiến vẫn chưa thiết thực, nặng hình thức.

3.4.15. Sở Tài nguyên và Môi trường

Năm 2023, kết quả điểm số DDCI của Sở TN&MT đạt 73,71 điểm, giảm nhẹ 0,04 điểm so với năm 2022, đứng thứ 20 trên bảng xếp hạng. Sở TN&MT đánh giá 2 lĩnh vực chính là đất đai và tài nguyên môi trường khác (ngoài đất đai). Trong khi lĩnh vực tài nguyên môi trường khác được đánh giá ở nhóm khá thì lĩnh vực đất đai vẫn là “điểm nghẽn” nhiều năm nay và là lĩnh vực DN/HTX đánh giá có ít cải thiện. Trong 8 CSTP so với năm 2022, Sở TN&MT có 4 chỉ số tăng điểm là: Cuộc tranh bình đẳng tăng 0,2 điểm; hiệu lực thiết chế tăng 0,11 điểm; hai chỉ số tính năng động và tiên phong và chi phí không chính thức cải thiện nhẹ, tăng lần lượt 0,07 điểm và 0,06 điểm. Các chỉ số giảm điểm trong năm 2023 so với năm 2022 là chi phí thời gian (giảm 0,16 điểm); quy trình thực hiện TTHC (giảm 0,12 điểm); tính minh bạch và ứng dụng CNTT (giảm 0,1 điểm) và hỗ trợ SXKD giảm 0,09 điểm.

Các chỉ số có điểm số cao là chi phí không chính thức (8,27 điểm); hiệu lực thiết chế (7,64 điểm) và chi phí thời gian (7,57 điểm). Các DN/HTX ghi một số chuyển biến tích cực của Sở TN&MT gồm: Đã ứng dụng CNTT ở mức độ cao hơn; bộ phận một cửa giúp giảm thời gian tương đối cho DN/HTX; thông tin về TTHC tương đối rõ ràng; thái độ phục vụ được cải thiện. Năm 2023, Sở TN&MT đã không ngừng nỗ lực trong việc cải cách hành chính như: tại bộ phận một cửa bố trí bàn sử dụng tiện ích miễn phí; cán bộ hỗ trợ thực hiện đăng ký và sử dụng dịch vụ công trực tuyến; trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cán bộ chủ động liên hệ với DN/HTX để hướng dẫn, không để bổ sung hồ sơ từ 2 lần trở lên¹⁶. Sở cũng chủ động tổ chức 2 hội nghị đối thoại với DN nhằm tháo gỡ khó khăn của DN/HTX trong lĩnh vực đất đai.

Biểu đồ 3.39. Điểm số CSTP của Sở TN&MT



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số quy trình thực hiện TTHC: Thủ tục hành chính nhiều, phức tạp là vấn đề DN/HTX gặp khó khăn khi thực hiện. Một số cán bộ chưa thân thiện, nhiệt tình hỗ trợ DN/HTX, thiếu cán bộ công tác chuyên môn để giải đáp đầy đủ, chính xác cho DN/HTX.
- Chỉ số chi phí thời gian: Thời gian giải quyết hồ sơ khá lâu. Việc thực hiện TTHC trực tuyến cũng chưa hoàn toàn dễ thực hiện, khi vẫn còn một số thủ tục làm trực tiếp hoặc phải bổ sung bản cứng. Ngoài ra, DN/HTX cũng đề nghị trả hồ sơ qua hệ thống bưu chính công ích, giảm việc đi lại cho DN/HTX.

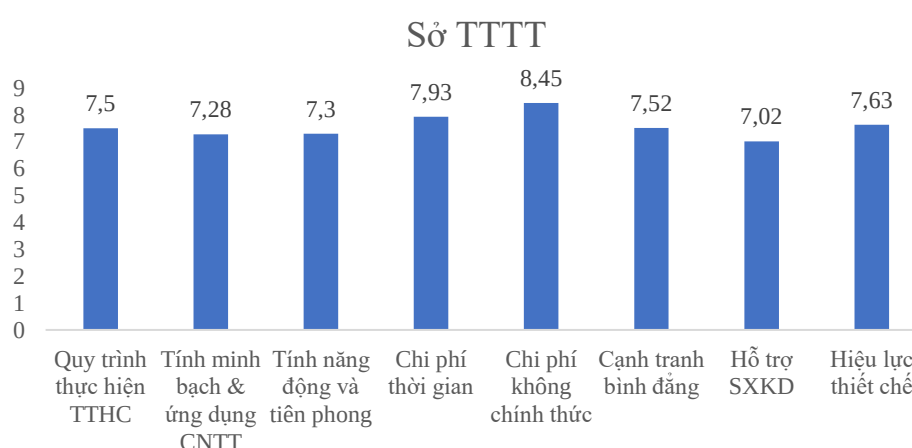
¹⁶ <https://baohaiphong.com.vn/baohp/vn/home/InfoDetail.jsp?ID=77603&cat=101>

- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: DN/HTX khó tiếp cận các thông tin, văn bản, chính sách mới và các văn bản hướng dẫn còn dài, khó hiểu cho DN/HTX thực hiện. DN/HTX cho biết việc phản hồi, giải đáp các yêu cầu thông tin, công văn của DN/HTX còn chậm, chưa kịp thời.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD và tính năng động và tiên phong: DN/HTX mong muốn Sở linh hoạt và chủ động xử lý các vấn đề, vướng mắc cho DN/HTX. Các hoạt động đối thoại, phổ biến chính sách, chương trình hỗ trợ SXKD duy trì đều đặn và tăng cường sự tham gia của DN/HTX vì có nhiều DN/HTX cho biết chưa tham gia các nội dung này của Sở TN&MT. Đồng thời, chất lượng của các hoạt động trên cũng cần thiết thực, giải quyết được các bức xúc, vướng mắc của DN/HTX.

3.4.16. Sở Thông tin và Truyền thông

Năm 2023, điểm số DDCI của Sở TT&TT đạt 75,79 điểm, tăng 2,54 điểm so với năm 2022, đứng thứ 17/21 Sở, ban, ngành. Kết quả tích cực này thể hiện qua sự tăng điểm của 6/8 CSTP là chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT, tính năng động và tiên phong, chi phí thời gian, cạnh tranh bình đẳng, hỗ trợ SXKD và hiệu lực thiết chế. Trong đó, 2 chỉ số tăng điểm nhiều nhất là chỉ số hiệu lực thiết chế (tăng 0,67 điểm) và chỉ số hỗ trợ SXKD (tăng 0,65 điểm). Chỉ có 2 chỉ số quy trình thực hiện TTHC và chi phí không chính thức giảm nhẹ so với năm 2022, giảm lần lượt 0,05 điểm và 0,07 điểm.

Biểu đồ 3.40. Điểm số CSTP của Sở TT&TT



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các chỉ số thành phần được đánh giá cao là chỉ số chi phí không chính thức (8,45 điểm); chi phí thời gian (7,93 điểm) và hiệu lực thiết chế (7,63 điểm). Các DN/HTX đánh giá một số điểm tích cực của Sở TTTT như: Công khai, minh bạch quy trình giải quyết các TTHC; bộ phận tiếp nhận một cửa của Sở nhiệt tình hướng dẫn DN/HTX trong việc giải quyết các TTHC; thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết kiệm thời gian.

Các chỉ số cần phải cải thiện:

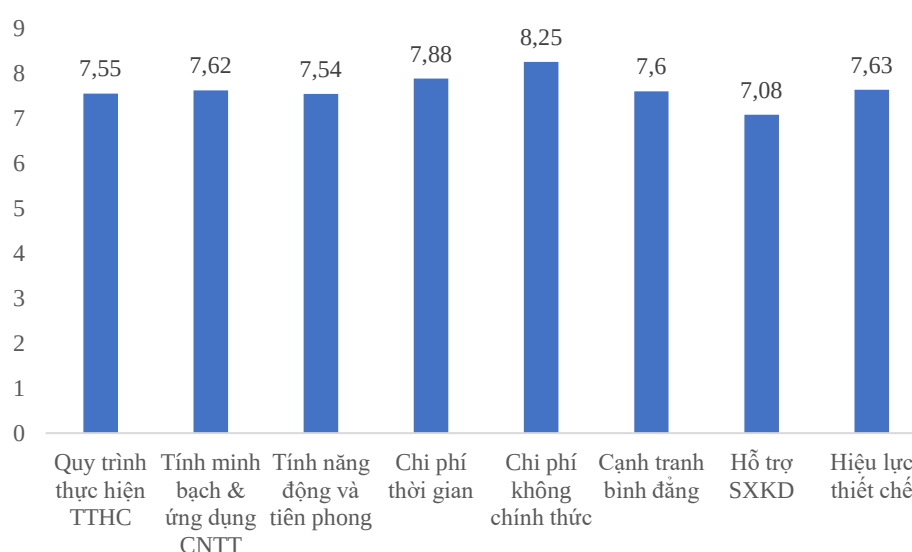
- Chỉ số quy trình thực hiện TTHC và chi phí thời gian: DN/HTX cho rằng quy trình thực hiện vẫn còn nhiều thủ tục để tìm hiểu cũng như thời gian xử lý hồ sơ trong hoạt động cấp phép vẫn còn khá lâu cho DN/HTX. Một số TTHC vẫn chưa thực hiện trực tuyến toàn phần và phải nộp bổ sung bản cứng hoặc làm trực tiếp. Ngoài ra, DN/HTX cũng đề xuất việc trả kết quả trực tuyến hoặc trả qua dịch vụ bưu chính công ích thay vì nhận kết quả trực tiếp, giảm số lần đi lại của DN/HTX.

- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: DN/HTX chưa tiếp cận được các thông tin, văn bản, chính sách một cách dễ dàng và các văn bản cũng chưa được cung cấp kịp thời cho DN/HTX. Hệ thống dịch vụ công trực tuyến cũng là vấn đề DN/HTX phản ánh còn chậm và hay bị lỗi.

3.4.17. Cục Thuế thành phố

Kết quả DDCI năm 2023 của Cục Thuế thành phố đạt 76,44 điểm, tăng 1,76 điểm so với năm 2022, đứng thứ 13/21 Sở, ban, ngành. Kết quả tích cực này nhờ vào sự cải thiện điểm số của hầu hết các chỉ số thành phần như chỉ số cạnh tranh bình đẳng tăng 0,71 điểm; các chỉ số quy trình thực hiện TTHC, tính minh bạch và ứng dụng CNTT và tính năng động và tiên phong cùng tăng 0,22 điểm; chỉ số hỗ trợ SXKD tăng 0,12 điểm so với năm 2022. Ba chỉ số còn lại giảm điểm nhưng mức giảm không quá nhiều là chỉ số chi phí thời gian giảm 0,04 điểm; chỉ số chi phí không chính thức giảm 0,03 điểm và chỉ số hiệu lực thiết chế giảm 0,01 điểm.

Biểu đồ 3.41. Điểm số CSTP của Cục Thuế TP



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các chỉ số thành phần được đánh giá cao là chỉ số chi phí không chính thức (8,25 điểm) và chi phí thời gian (7,88 điểm). Các DN/HTX cũng ghi nhận một số nỗ lực của Cục Thuế trong năm 2023 như: Cải cách thủ tục hành chính, nộp hồ sơ nhanh; ứng dụng CNTT của cơ quan thuế hỗ trợ nhiều cho DN/HTX; thủ tục đơn giản hóa hơn; thái độ cán bộ đã có cải thiện; phản hồi, trả lời DN/HTX tương đối nhanh chóng. Năm 2023, Cục Thuế Hải Phòng đã không ngừng đưa ra các sáng kiến nhằm rút ngắn thời gian thực hiện các TTHC; đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào các quy trình quản lý, mở rộng số lượng DN khai và nộp thuế điện tử, giúp rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ như công khai minh bạch các TTHC, đường dây nóng của cơ quan thuế, người đứng đầu; bố trí thùng thư góp ý nhằm thu nhận kiến nghị; chủ động triển khai các giải pháp hỗ trợ, tư vấn trực tiếp tại cơ quan thuế, hoặc trả lời bằng văn bản, qua điện thoại cho người nộp thuế; truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng; cung cấp miễn phí các loại ấn phẩm, tờ rơi tuyên truyền, hướng dẫn chính sách thuế tới người nộp thuế. Bên cạnh đó, Cục Thuế Hải Phòng đẩy mạnh công tác đối thoại với người dân, DN định kỳ và theo yêu cầu thực tế, nhằm giải đáp kịp thời các vướng mắc của tổ chức, cá nhân về chính sách, thủ tục hành chính thuế¹⁷.

¹⁷ <https://thuenhanuoc.vn/tapchi/chuyen-muc/nhip-song-thue/ef47363e-e044-4f51-bad7-517908e5a30f>

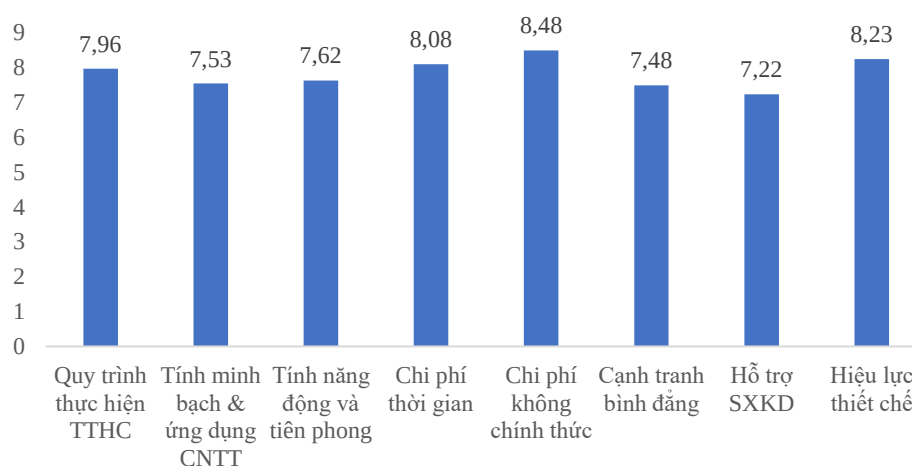
Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số quy trình thực hiện TTHC và chi phí thời gian: Đôi khi vẫn phải bổ sung các hồ sơ thủ công mặc dù đã ứng dụng công nghệ thông tin. DN/HTX mong muốn đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến nhiều hơn hiện nay với mức độ toàn phần. Quy trình thực hiện của một số TTHC vẫn còn rắc rối, mất nhiều thời gian thực hiện và chờ đợi xử lý kết quả.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: DN/HTX cho biết các thông tư, nghị định hướng dẫn chưa rõ ràng, việc giải thích của cán bộ Cục Thuế lại khó hiểu nên DN/HTX chưa hiểu rõ chính sách, quy định mới. Một số văn bản giải đáp các vướng mắc về thuế của Cơ quan thuế cho DN nhiều lúc chưa trả lời thẳng vấn đề mà còn trả lời bằng viện dẫn nhiều nội dung trong Luật, quy định dẫn đến DN rất lúng túng khi áp dụng. DN/HTX đề nghị các hướng dẫn về thay đổi hay các điểm mới của các quy định mới được ban hành cần chi tiết, cụ thể và sớm nhất có thể gửi tới DN.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Tăng cường sự tham gia của các DN/HTX trong các chương trình tập huấn, đào tạo, hỗ trợ SXKD..., nhất là nhóm DN/HTX vừa và nhỏ rất mong muốn được tiếp cận các chương trình này.

2.4.18. Sở Tư pháp

Năm 2023, điểm số DDCI của Sở Tư pháp đạt 78,25 điểm, tăng 2,8 điểm so với năm 2022, xếp thứ 3/21 Sở, ban, ngành được đánh giá. Thay đổi tích cực này được thể hiện qua sự cải thiện của 7/8 CSTP cấu thành. Trong đó, các chỉ số có cải thiện đáng kể là chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT tăng 0,55 điểm; quy trình thực hiện TTHC tăng 0,54 điểm; hiệu lực thiết chế tăng 0,44 điểm và cạnh tranh bình đẳng tăng 0,36 điểm. Các chỉ số khác cũng được cải thiện như chỉ số chi phí thời gian tăng 0,22 điểm; chỉ số tính năng động và tiên phong tăng 0,19 điểm; chỉ số chi phí không chính thức tăng 0,1 điểm. Sở TP chỉ có chỉ số hỗ trợ SXKD giảm điểm so với năm 2022, giảm 0,16 điểm.

Biểu đồ 3.42. Điểm số CSTP của Sở Tư pháp



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các chỉ số thành phần có điểm số cao là chỉ số chi phí không chính thức, chi phí thời gian và hiệu lực thiết (đều trên 8 điểm). Các DN/HTX cũng ghi nhận một số khía cạnh nổi bật trong năm 2023 là: Ứng dụng CNTT vào các hoạt động TTHC nhanh chóng, thuận tiện; ứng xử với DN nhẹ nhàng, thiện cảm, đúng mực, hướng dẫn cụ thể, thực hiện theo đúng quy định pháp luật; thông tin cập nhật, tra cứu dễ dàng. Năm 2023, Sở Tư pháp tổ chức nhiều hội nghị tập huấn nhằm mục đích tiếp tục bồi dưỡng kiến thức pháp lý, nâng cao năng lực và kỹ năng hành nghề.

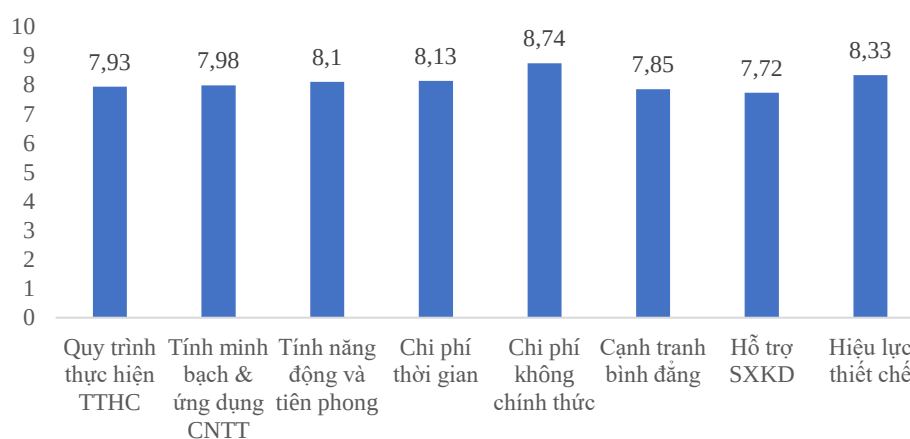
Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Duy trì và tổ chức thêm nhiều hoạt động tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao kiến thức pháp luật với sự tham gia của nhiều DN/HTX hiệu quả và kịp thời. Các thủ tục nhận hỗ trợ các chương trình, chính sách cũng cần được đơn giản hóa để DN/HTX thuận lợi trong việc thụ hưởng.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Việc hỗ trợ thông tin công chứng còn chậm. Việc tra cứu thông tin về đất đai, hồ sơ công chứng... chưa được ứng dụng CNTT hoặc đôi khi chưa cập nhật kịp thời.
- Chỉ số quy trình thực hiện TTHC: DN/HTX cho biết vẫn còn nhiều TTHC rườm rà, chưa được đơn giản hóa. Nhiều TTHC chưa được triển khai trực tuyến, vẫn phải nộp bản cứng hoặc làm trực tiếp như hồ sơ thành lập văn phòng luật sư. Quá trình xử lý hồ sơ và hướng dẫn thực hiện hồ sơ đôi khi còn chậm và thiếu hướng dẫn chi tiết, cụ thể.

2.4.19. Sở Văn hóa và Thể thao

Sở VH&TT là một trong những cơ quan có thành tích khá cao duy trì qua 4 năm triển khai DDCI, tuy nhiên kết quả đạt được qua các năm không ổn định. Năm 2023, Sở VH&TT trở lại vị trí đứng đầu với 80,98 điểm, tăng 2,03 điểm, là Sở duy nhất có kết quả đánh giá thuộc nhóm điều hành tốt. Sự cải thiện này xuất phát từ những cải thiện đồng bộ của phần lớn các CSTP đóng góp. So sánh với năm 2022, Sở VH&TT có 7/8 CSTP tăng điểm là chỉ số hỗ trợ SXKD tăng 0,6 điểm; chỉ số cạnh tranh bình đẳng tăng 0,29 điểm; chỉ số tính năng động và tiên phong tăng 0,25 điểm; chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT tăng 0,24 điểm; chỉ số hiệu lực thiết chế tăng 0,17 điểm; chỉ số chi phí không chính thức tăng 0,16 điểm và chỉ số quy trình thực hiện TTHC tăng 0,03 điểm. Sở VH&TT chỉ có chỉ số chi phí thời gian giảm 0,14 điểm so với năm 2022.

Biểu đồ 3.43. Điểm số CSTP của Sở VH&TT



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các chỉ số thành phần được đánh giá cao là chỉ số chi phí không chính thức, hiệu lực thiết chế và tính năng động và tiên phong (đều đạt trên 8 điểm). Các khía cạnh được DN/HTX đánh giá nổi bật nhất trong năm 2023 của Sở VH&TT là: Nộp hồ sơ trực tuyến không mất nhiều thời gian đi lại; cán bộ nhanh nhẹn, nhiệt tình; TTHC nhanh chóng, thuận tiện. Năm 2023, Sở VH&TT cũng tổ chức đối thoại DN để

giải quyết kiến nghị doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính về lĩnh vực quảng cáo, tu bổ di tích¹⁸.

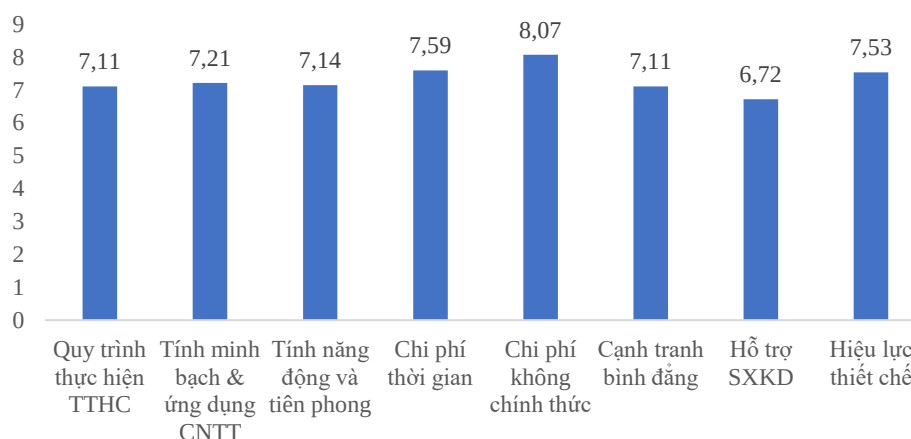
Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Hoạt động, chương trình, chính sách hỗ trợ SXKD cho DN/HTX chưa được phổ biến rộng rãi tới DN/HTX để tiếp cận. DN/HTX cũng đề xuất Sở VH&TT duy trì và tăng cường các hoạt động hỗ trợ SXKD, đối thoại với DN/HTX hiệu quả, thực chất và kết nối các DN/HTX trong ngành cùng trao đổi, học hỏi.
- Chỉ số quy trình thực hiện TTHC và chi phí thời gian: DN/HTX phản ánh một số thủ tục còn rườm rà, khó hiểu, thiếu các văn bản hướng dẫn chi tiết. Một số TTHC chưa thực hiện trực tuyến, DN/HTX vẫn phải đến trực tiếp để thực hiện, tốn nhiều thời gian và đi lại. Thời gian xử lý và chờ kết quả tuy đúng thời hạn nhưng vẫn cần rút ngắn hơn nữa. Một số DN/HTX cũng phản ánh việc nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích vẫn còn chậm. Ngoài ra, một số HKD đề nghị thủ tục cấp phép kinh doanh hoạt động karaoke nên được phân quyền cho quận/huyện quản lý.

3.4.20. Sở Xây dựng

Kết quả DDCI năm 2023 của Sở Xây dựng đạt 73,1 điểm, giảm 0,24 điểm so với năm 2022, đứng thứ 21 trên bảng xếp hạng. So với năm 2022, Sở Xây dựng có 4 chỉ số cải thiện điểm là: Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT tăng 0,14 điểm; chỉ số hiệu lực thiết chế tăng 0,11 điểm; chỉ số hỗ trợ SXKD và cạnh tranh bình đẳng tăng nhẹ lần lượt tăng 0,06 điểm và 0,07 điểm. Sở XD cũng có 4 chỉ số giảm điểm là chỉ số chi phí thời gian giảm 0,22 điểm, chỉ số tính năng động và tiên phong và chỉ số chi phí không chính thức giảm 0,12 điểm, chỉ số quy trình thực hiện TTHC giảm 0,11 điểm.

Biểu đồ 3.44. Điểm số CSTP của Sở XD



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các chỉ số được đánh giá cao của Sở XD là chỉ số chi phí không chính thức đạt 8,07 điểm; chỉ số chi phí thời gian và hiệu lực thiết chế đạt trên 7,5 điểm. Năm 2023, Sở XD đã tăng cường công tác thông tin tuyên truyền; khuyến khích các DN/HTX sử dụng dịch vụ công và truy cập thông tin trên Cổng thông tin điện tử, facebook của Sở; thiết lập kênh tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị; niêm yết công

¹⁸ <http://anhp.vn/so-van-hoa-va-the-thao-doi-toai-giai-dap-nhung-kho-khan-vuong-mac-ve-thu-tuc-hanh-chinh-trong-linh-vuc-quang-cau-va-tu-bo-di-tich-d54252.html>

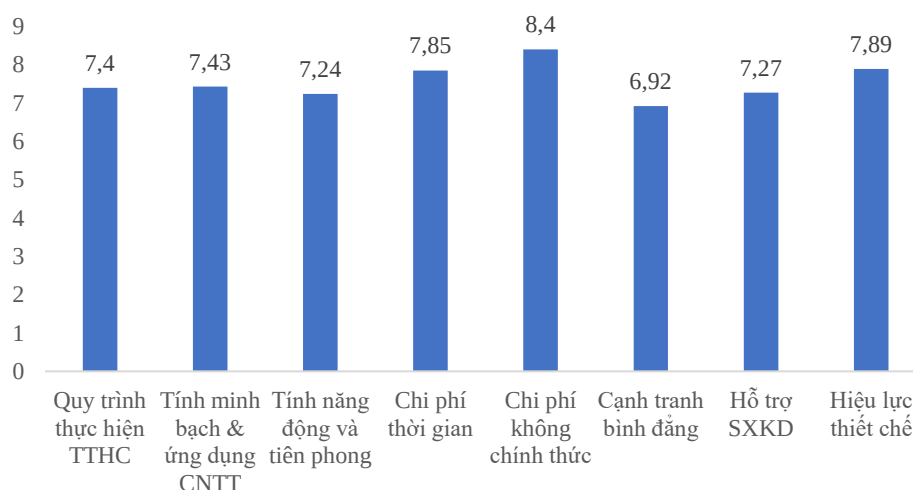
khai các thông tin về quy trình thực hiện¹⁹. Năm 2023, Sở XD là một trong những Sở, ngành tổ chức nhiều đối thoại định kỳ, tại các buổi đối thoại, các kiến nghị, vướng mắc của các doanh nghiệp đã được tiếp thu và kịp thời phản hồi sớm. Các DN/HTX cũng đã ghi nhận một số khía cạnh nổi bật của Sở XD gồm: Ứng dụng CNTT làm quy trình thủ tục được thuận tiện, nhanh gọn; việc chuyển đổi CNTT đã được nâng cao; thông tin khá minh bạch, dễ tiếp cận; có tiếp nhận và phản hồi thông tin. Những cố gắng nỗ lực trên của Sở XD nếu tiếp tục được duy trì trong thời gian tới sẽ giúp DN/HTX cắt giảm đáng kể thời gian thực hiện TTHC, đồng thời cũng giúp Sở XD nâng cao chất lượng điều hành, phục vụ DN/HTX và cải thiện điểm số, thứ hạng DDCI.

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số quy trình thực hiện TTHC: Do nhiều thủ tục phức tạp nên DN/HTX phản ánh mất nhiều thời gian để tìm hiểu và thực hiện, phải qua nhiều phòng, ban để phê duyệt. Theo phản ánh của DN/HTX, cán bộ hướng dẫn vẫn chưa nhiệt tình và hướng dẫn chưa chi tiết nên phải sửa hồ sơ nhiều lần hoặc thuê dịch vụ bên ngoài. Hồ sơ của DN/HTX nếu bị thiếu hoặc chưa đạt yêu cầu, cán bộ thụ lý cần đánh giá, mô tả chi tiết các lỗi của hồ sơ để DN/HTX điều chỉnh, bổ sung. DN/HTX cũng đề xuất đơn giản hóa các quy trình gia hạn cấp phép hành nghề xây dựng.
- Chỉ số chi phí thời gian: Thời gian xử lý hồ sơ nhìn chung chưa nhanh. Về bộ phận một cửa, thời gian xếp hàng lấy số khá lâu do số lượng người đến làm việc nhiều; cơ sở vật chất chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế. Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến vẫn chưa cao, do nhiều thủ tục vẫn phải làm trực tiếp hoặc nộp bản cứng.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Việc giải thích hỗ trợ thông tin đối với DN muốn tự tiếp cận còn hạn chế, đặc biệt hướng dẫn DN/HTX thực hiện các thủ tục trực tuyến trên trang thông tin của Sở một cách trực quan, dễ tìm kiếm. DN/HTX đề nghị Sở XD cung cấp và phản hồi kịp thời các yêu cầu, văn bản của DN/HTX. Ngoài ra, một số DN/HTX cũng đề xuất Sở XD sớm cập nhật các nội dung liên quan tới quy hoạch và quản lý quy hoạch.

3.4.21. Sở Y tế

Biểu đồ 3.45. Điểm số CSTP của Sở Y tế



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

¹⁹ <https://haiphong.gov.vn/Chuyen-de/Cai-cach-hanh-chinh-thanh-pho-Hai-Phong/So-Xay-dung-Ty-le-giai-quyet-ho-so-thu-tuc-hanh-chinh-dung-han-dat-9477-136198.html>

Năm 2023, điểm số DDCI của Sở Y tế đạt 75,5 điểm, tăng 0,19 điểm so với năm 2022, đứng thứ 18 trên bảng xếp hạng. Những cải thiện của Sở Y tế được thể hiện qua các chỉ số tăng điểm so với năm 2022 là: Chỉ số chi phí không chính thức tăng 0,31 điểm; quy trình thực hiện TTHC tăng 0,29 điểm; chi phí thời gian và hỗ trợ SXKD tăng nhẹ lần lượt là 0,03 điểm và 0,05 điểm. Song, Sở Y tế cũng có 4 chỉ số giảm điểm là: Chỉ số tính năng động và tiên phong giảm 0,33 điểm; cạnh tranh bình đẳng giảm 0,1 điểm; tính minh bạch và ứng dụng CNTT giảm 0,09 điểm và hiệu lực thiết chế giảm nhẹ 0,01 điểm.

Các chỉ số có điểm số cao của Sở Y tế trong năm 2023 là chỉ số chi phí không chính thức (8,4 điểm), hiệu lực thiết chế (7,89 điểm) và chi phí thời gian (7,85 điểm). Các khía cạnh nổi bật của Sở Y tế được DN/HTX đánh giá cao là: Thủ tục hành chính được thực hiện nhanh chóng, hồ sơ nộp dễ dàng và được hướng dẫn tỉ mỉ chi tiết khi có vướng mắc; ứng dụng CNTT nâng cao hiệu quả quản lý; các quy định công khai, rõ ràng; bộ phận 1 cửa tiếp nhận hồ sơ hiệu quả.

Các chỉ số cần cải thiện:

- Chỉ số cạnh tranh bình đẳng: DN/HTX cho rằng vẫn có sự ưu ái nhất định dành cho các DN/HTX lớn, DN FDI, DN “thân hữu” với chính quyền trong giải quyết kiến nghị, khó khăn; tiếp cận thông tin, chính sách, thực hiện TTHC và thanh tra, kiểm tra.
- Chỉ số tính năng động và tiên phong: Sở cần chủ động nắm bắt tình hình hoạt động của DN/HTX, tham mưu với các cấp trong việc hỗ trợ SXKD. Đặc biệt, công tác đối thoại cần được quan tâm và chú trọng hơn nữa với sự tham gia của nhiều DN/HTX, cũng như cam kết giải quyết các vấn đề cho DN/HTX sau đối thoại khi chỉ tiêu DN/HTX chưa từng tham gia đối thoại khá thấp điểm.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Một số Thông tư, Nghị định, quy định pháp luật chưa rõ ràng, các DN/HTX đề nghị cần có các văn bản hướng dẫn chi tiết để DN/HTX thực hiện đúng và đầy đủ. Việc hỗ trợ cung cấp thông tin chưa được kịp thời khi DN/HTX có vướng mắc hoặc yêu cầu cung cấp thông tin không sẵn có. Về ứng dụng CNTT, hệ thống thực hiện dịch vụ công vẫn xảy ra lỗi, tốc độ xử lý chậm. Còn nhiều TTHC chưa chuyển sang trực tuyến cũng như TTHC trực tuyến chưa được xử lý toàn phần.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Tổ chức các chương trình tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới...chưa có sự tham gia của nhiều DN/HTX; chưa có nhiều sáng kiến triển khai các chương trình hỗ trợ một cách hiệu quả tới DN/HTX.



DDCI²⁰²³
HẢI PHÒNG

CHƯƠNG IV

**KẾT QUẢ DDCI CẤP
ĐỊA PHƯƠNG**

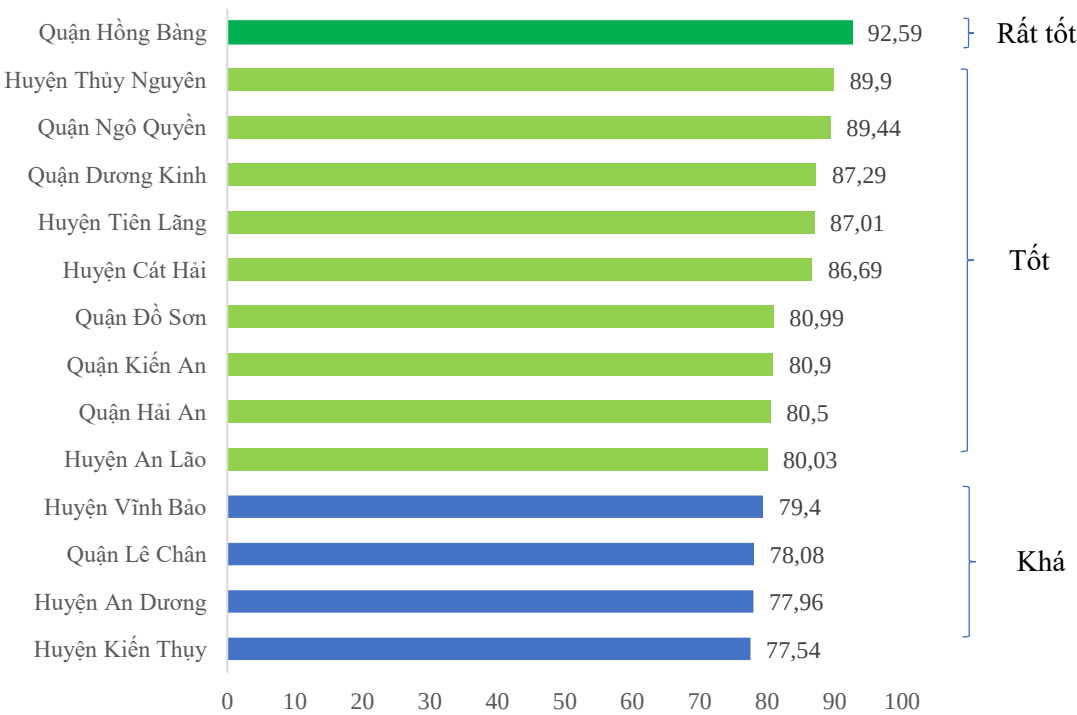


CHƯƠNG IV: KẾT QUẢ DDCI CẤP ĐỊA PHƯƠNG

Báo cáo DDCI năm 2023 có sự điều chỉnh về cách trình bày và phân tích. Báo cáo sẽ tập trung phân tích vào sự thay đổi điểm số của các cơ quan, không phân tích chi tiết sự thay đổi thứ hạng của từng cơ quan, nhằm hướng đến sự nỗ lực và cải thiện chất lượng một cách thực chất. Mặc dù vậy, kết quả chi tiết của các cơ quan vẫn được cung cấp đầy đủ trong báo cáo tóm tắt DDCI Hải Phòng 2023.

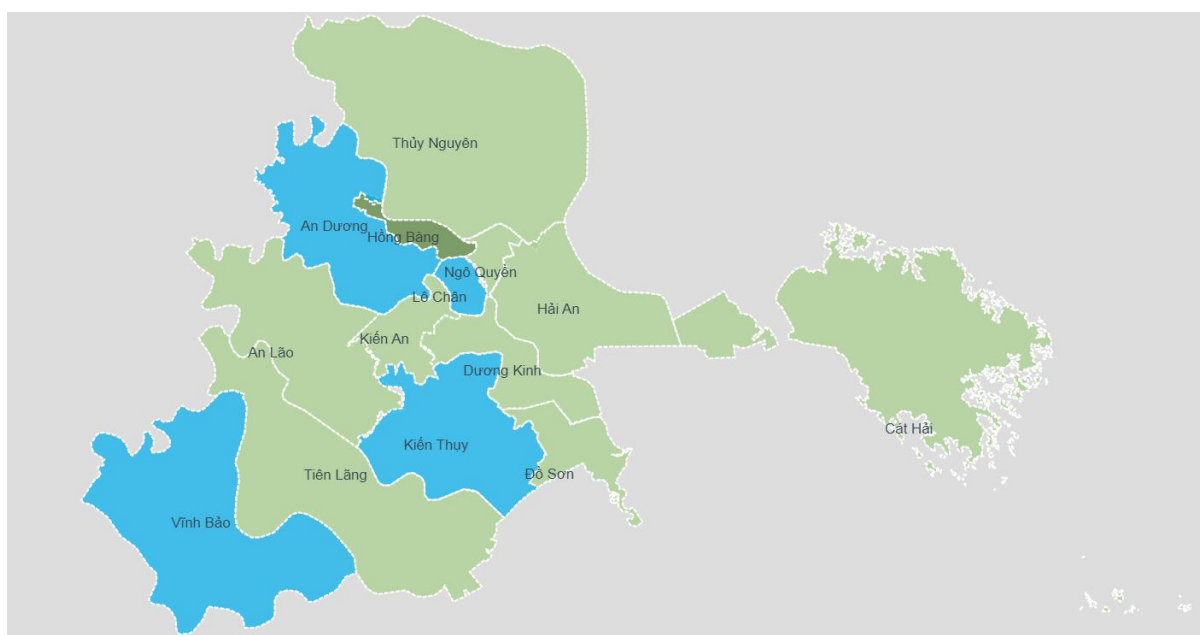
4.1. Kết quả và xếp hạng

Biểu đồ 4.1. Kết quả DDCI cấp địa phương năm 2023



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Bản đồ 4.1. Bản đồ phân phối điểm DDCI cấp địa phương năm 2023



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Năm 2023, điểm tổng DDCI cấp địa phương được tổng hợp từ 8 CSTP tương tự như chỉ số DDCI cấp Sở, ban, ngành. Điểm trung bình DDCI cấp địa phương năm 2023 đạt 83,44 điểm, tăng 2,66 điểm so với năm 2022. Phân bổ điểm số năm 2023 được chia làm 3 nhóm chính như sau:

- Nhóm có chất lượng điều hành rất tốt, có điểm số từ 90 điểm trở nên: Quận Hồng Bàng là địa phương duy nhất thuộc nhóm này, xuất sắc trở thành địa phương dẫn đầu toàn thành phố với 92,59 điểm.
- Nhóm có chất lượng điều hành tốt gồm 9 quận, huyện có điểm số từ 80 - dưới 90 điểm lần lượt là: Huyện Thủy Nguyên xếp vị trí thứ 2 với 89,9 điểm, quận Ngô Quyền xếp vị trí thứ 3 với 89,44 điểm. Tiếp theo ở mức 86-87 điểm là quận Dương Kinh, huyện Tiên Lãng và huyện Cát Hải. Mức 80 điểm có 4 quận, huyện là quận Đồ Sơn, quận Kiến An, quận Hải An và huyện An Lão.
- Nhóm khá có 4 địa phương là huyện Vĩnh Bảo, quận Lê Chân, huyện An Dương và huyện Kiến Thụy.

Khoảng cách giữa địa phương có điểm số cao nhất và thấp nhất năm 2023 là 15,05 điểm, rút ngắn hơn so với mức 19,28 điểm năm 2022. Điều này cho thấy chất lượng điều hành, quản lý ở các quận, huyện đang dần đồng đều và cạnh tranh hơn.

Xét về các chỉ số thành phần đánh giá, các chỉ số được đánh giá cao trong năm 2023 là chỉ số chi phí không chính thức đạt 8,93 điểm, chỉ số hiệu lực thiết chế và ANTT đạt 8,73 điểm và chỉ số chi phí thời gian đạt 8,6 điểm. Hai chỉ số cần nhiều nỗ lực cải thiện trong thời gian tới ở các địa phương là chỉ số hỗ trợ SXKD (7,95 điểm) và tính minh bạch và ứng dụng CNTT (7,62 điểm).

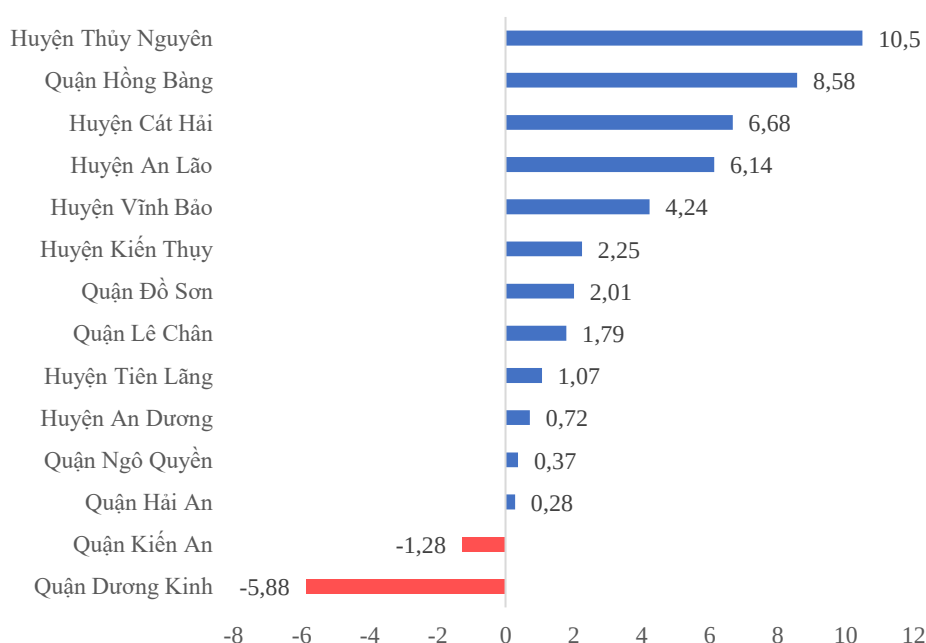
4.2. Sự thay đổi kết quả DDCI năm 2023

Điểm số trung bình của DDCI cấp địa phương năm 2023 duy trì mức tăng trong 4 năm khảo sát 2020-2023, cho thấy chất lượng quản lý, điều hành của các quận, huyện đang cải thiện theo xu hướng khả quan. So sánh về cải thiện điểm số trong năm 2023 so với năm 2022, phần lớn các địa phương đều có cải thiện điểm số khi có 12/14 quận, huyện tăng điểm và 2 quận giảm điểm. Cụ thể:

- Nhóm địa phương có điểm số tăng: Huyện Thủy Nguyên, quận Hồng Bàng, huyện Cát Hải, huyện An Lão là 4 quận, huyện có điểm số tăng nhiều nhất trong các quận, huyện, giúp các quận, huyện này thăng hạng trên bảng xếp hạng như huyện Thủy Nguyên, quận Hồng Bàng và huyện An Lão. Các quận, huyện khác như huyện Vĩnh Bảo, huyện Kiến Thụy, quận Đồ Sơn, quận Lê Chân, huyện Tiên Lãng, huyện An Dương, quận Ngô Quyền và quận Hải An có mức tăng điểm thấp hơn nên một số địa phương không giữ được thứ hạng như năm 2022.

- Nhóm địa phương có điểm số giảm: Quận Dương Kinh giảm 5,88 điểm, dẫn đến giảm thứ hạng xuống vị trí thứ 4. Quận Kiến An cũng giảm 1,28 điểm nên giảm 3 bậc thứ hạng.

Biểu đồ 4.2 Mức thay đổi điểm số DDCI của các địa phương năm 2022-2023



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Quan sát kết quả của 2 năm 2022 và năm 2023, nhóm các quận, huyện ở nhóm giữa bảng năm 2022 đang nỗ lực cải thiện với điểm số tăng mạnh. Trong khi đó, các quận, huyện ở nhóm đầu và cuối bảng đang cho thấy sự chững lại của hoạt động cải cách và áp lực phải liên tục đổi mới, có thêm những sáng kiến mới để duy trì điểm số và thứ hạng.

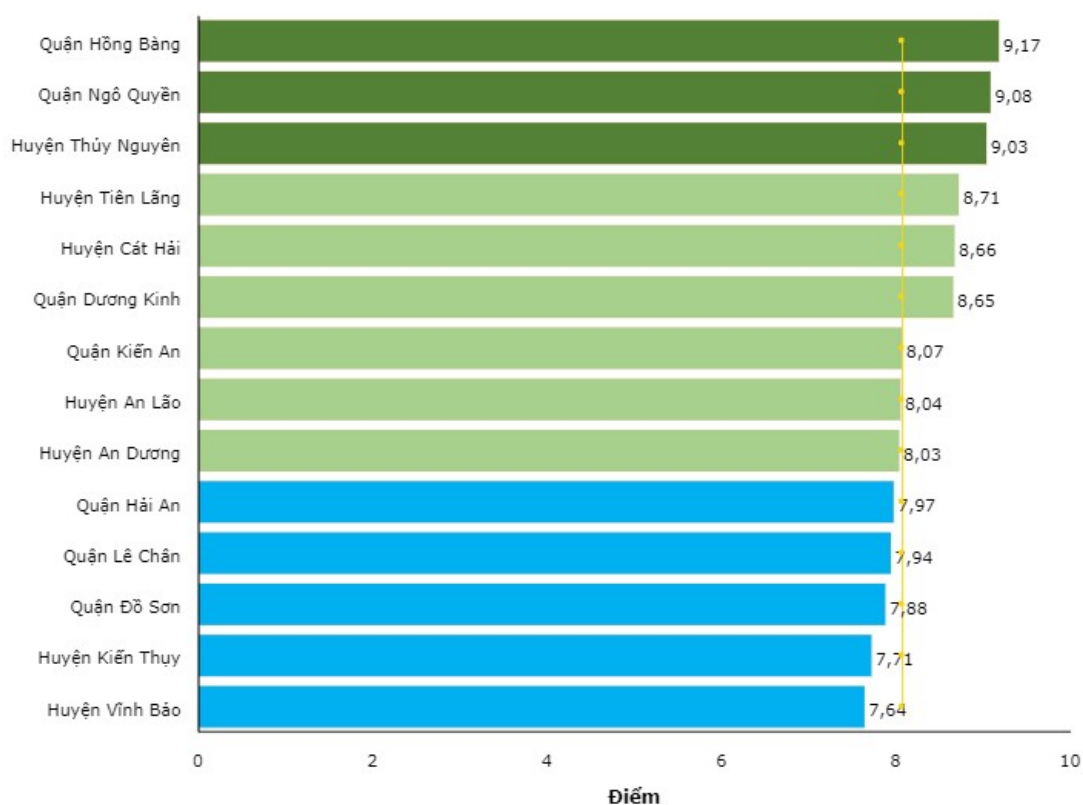
4.3. Kết quả DDCI cấp địa phương theo chỉ số thành phần

4.3.1. Quy trình thực hiện TTHC

Chỉ số quy trình thực hiện TTHC của khối địa phương lần đầu tiên đạt mức điểm tốt với 8,33 điểm năm 2023, tăng 0,39 điểm so với năm 2022. Đây là kết quả của những nỗ lực cải cách hành chính hướng tới người dân trong suốt thời gian qua của các cấp, các ngành. Nếu như những năm trước, chỉ số quy trình thực hiện TTHC vẫn còn những địa phương thuộc nhóm ngành trung bình khá thì năm 2023, các địa phương đều đạt từ 7,6 điểm - mức điểm khá trở lên. 3 địa phương dẫn đầu ở chỉ số này cũng là 3 địa phương đứng đầu bảng xếp hạng với mức điểm trên 9 điểm là quận Hồng Bàng, quận Ngô Quyền, huyện Thủy Nguyên. Nhóm địa phương được đánh giá có sự cải thiện rõ nét ở chỉ số này là huyện Thủy Nguyên, huyện An Lão và quận Hồng Bàng đều tăng hơn 1 điểm. Các quận, huyện này trong năm 2023 đã có rất nhiều mô hình sáng tạo trong cải cách hành chính, đơn giản hóa quy trình như mô hình hỗ trợ

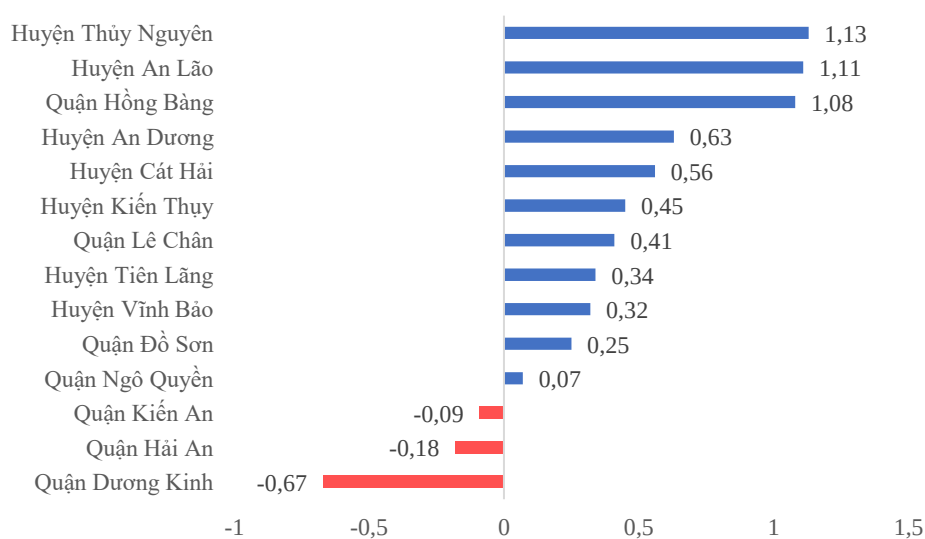
thực hiện TTHC trực tuyến tại nhà, mô hình hỗ trợ thực hiện TTHC tại bộ phận một cửa... Đây là những mô hình hay và sáng tạo mà các địa phương ở nhóm cuối có thể tham khảo và triển khai thử nghiệm ở địa phương mình.

Biểu đồ 4.3. Điểm số CSTP quy trình thực hiện TTHC



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Biểu đồ 4.4. Mức thay đổi điểm số CSTP quy trình thực hiện TTHC của các địa phương năm 2022-2023



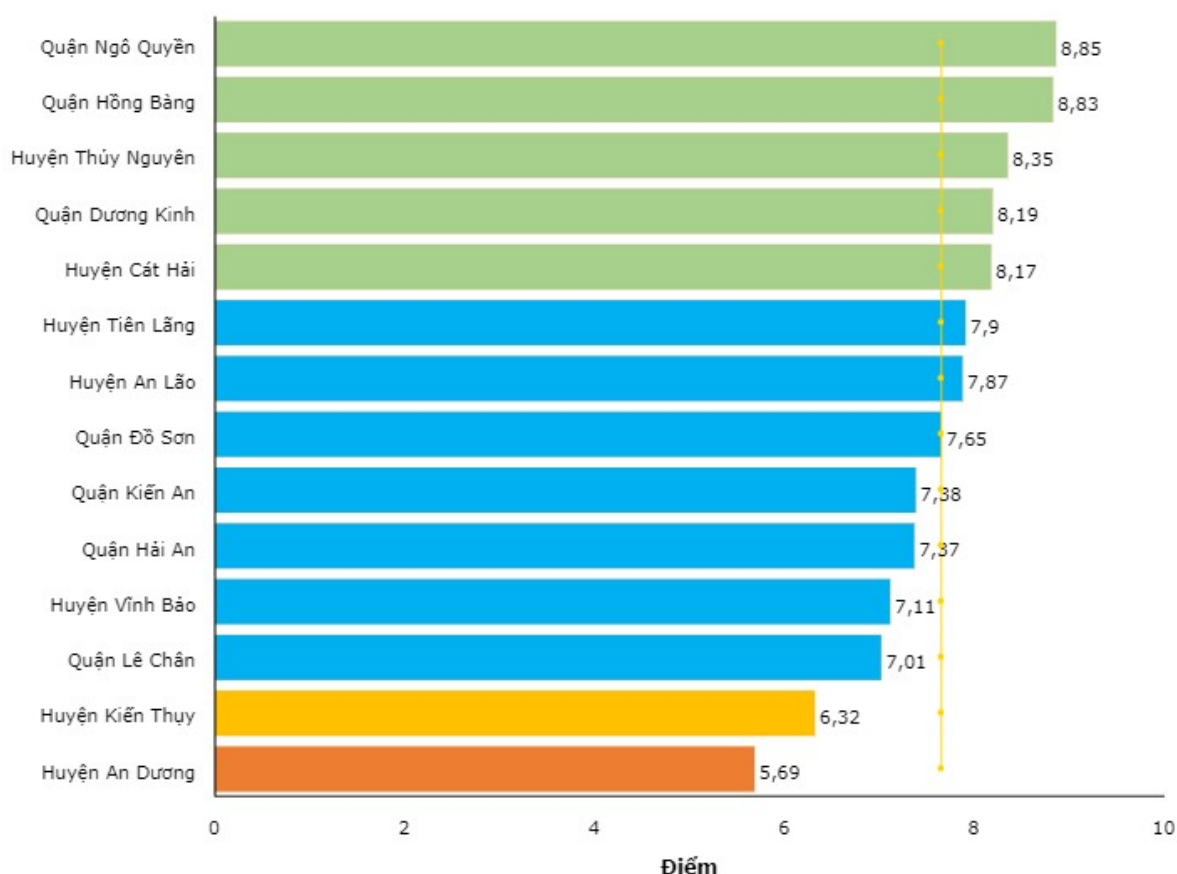
Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Phân tích các chỉ tiêu của chỉ số quy trình thực hiện TTHC, các HKD nhìn chung có những đánh giá tích cực về khía cạnh: chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc của cán bộ; thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ; quy trình thực hiện TTHC với sự hài lòng khoảng 90%, cao hơn mức 87% của năm 2022, đạt mức điểm trung bình khoảng 8,8 điểm. Kết quả DDCI 2023 một mặt cho thấy những điểm tích cực trong thực hiện TTHC nhưng cũng quan sát được sự cải thiện không đồng đều giữa các lĩnh vực. Trong số các lĩnh vực chính ở cấp quận, huyện, lĩnh vực đất đai, tài nguyên - môi trường và xây dựng là nhóm lĩnh vực còn nhiều khó khăn khi thực hiện, có điểm số thấp nhất. Không gian cải thiện những chỉ tiêu này còn rất lớn, đòi hỏi sự kiên trì của các cấp chính quyền cùng cải thiện.

Điều lưu ý khác ở chỉ số quy trình thực hiện TTHC là việc HKD vẫn mất thời gian tìm hiểu quy trình thực hiện TTHC và chờ cơ quan xử lý hồ sơ. Kết quả khảo sát cho thấy vẫn còn 13,47% HKD dành hơn 5 ngày để tìm hiểu quy trình, chưa có nhiều thay đổi so với năm 2022 và chỉ có 17,09% HKD hoàn thành tất cả các bước từ tìm hiểu, chuẩn bị, nộp và nhận kết quả trong 1 ngày. Điều này hàm ý rằng các địa phương cần quan tâm hơn nữa đến hiệu quả phổ biến thông tin, quy trình thực hiện TTHC để HKD chuẩn bị hồ sơ tốt hơn.

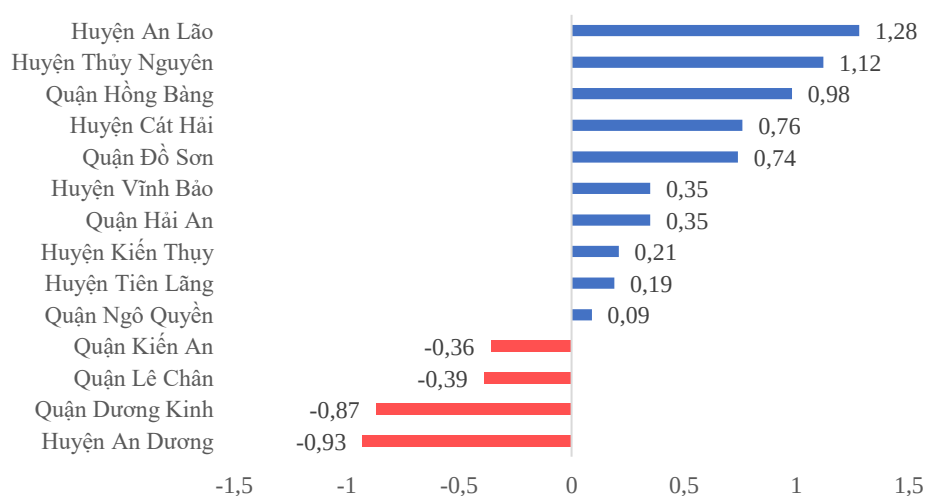
4.3.2. Tính minh bạch và ứng dụng CNTT

Biểu đồ 4.5. Điểm số CSTP tính minh bạch và ứng dụng CNTT



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Biểu đồ 4.6. Mức thay đổi điểm số của chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT năm 2022-2023



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

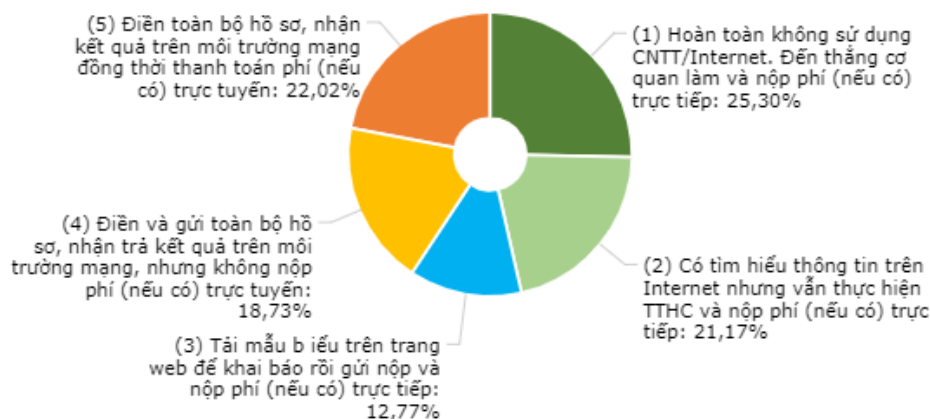
Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT vẫn là chỉ số có đánh giá kém tích cực nhất trong 8 CSTP của khối địa phương. Năm 2023, chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT đạt 7,62 điểm, tăng 0,25 điểm so với năm 2022. Quan sát phân bố điểm số của các địa phương, các địa phương đã cải thiện tích cực khi có nhiều địa phương chuyển từ nhóm trung bình khá sang nhóm khá. Điều này cũng thể hiện qua việc phần lớn các địa phương đều có mức thay đổi dương. Một số địa phương cải thiện nhiều ở chỉ số này là huyện An Lão, huyện Thủy Nguyên, quận Hồng Bàng, đều tăng khoảng 1 điểm so với năm 2022, giúp các quận, huyện này cải thiện thứ hạng đáng kể như quận Hồng Bàng, huyện Thủy Nguyên vươn lên nhóm dẫn đầu ở chỉ số này. Ngược lại, một số địa phương giảm điểm nhiều huyện An Dương và quận Dương Kinh cần lưu ý về việc phổ biến thông tin và đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong thực hiện TTHC.

DDCI Hải Phòng đánh giá việc tiếp cận thông tin qua 4 góc độ chính: các thông tin, văn bản quy phạm pháp luật; TTHC; cơ chế chính sách mới; bản đồ, quy hoạch sử dụng đất của quận, huyện, với các thông tin công khai về giải tỏa và giá đền bù trong giải phóng mặt bằng; dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công và minh bạch về thu, chi ngân sách, đặc biệt là về các khoản thu từ HKD. Điểm số cho các chỉ tiêu này nằm trong dải điểm từ 7,51-8,08 điểm. Trong đó, các thông tin về dự án đầu tư, đấu thầu, mua sắm công được đánh giá là khó tiếp cận nhất (7,51 điểm). Cũng cần lưu ý rằng, phần lớn các loại thông tin này đã được chính quyền địa phương đăng tải. Tuy nhiên, việc làm thế nào để các thông tin trên dễ tiếp cận, dễ tìm kiếm, không phải truy cập nhiều lần, dẫn đến đánh giá, cảm nhận của các cơ sở SXKD chưa tích cực là bài toán đặt ra cho các địa phương có giải pháp cải thiện.

Đánh giá về khía cạnh ứng dụng CNTT, có 65,83% HKD đánh giá các quận, huyện đã triển khai ứng dụng CNTT/ phương thức mới trong quản lý, điều hành. Tuy nhiên, mức độ thực hiện dịch vụ công trực tuyến của các HKD vẫn còn khá thấp, chỉ có 22,02% HKD thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn phần và 25,3% HKD đến làm trực tiếp ở cơ quan. Điểm số của chỉ tiêu này tuy có cải thiện nhưng vẫn ở mức điểm trung bình khá, đạt 5,96 điểm. Một phần nguyên nhân do đối tượng phục vụ tại các địa phương chủ yếu là HKD, khả năng ứng dụng CNTT có đôi phần còn chậm trễ hơn so với các DN/HTX đã quen với cách sử dụng các ứng dụng công nghệ số. Các kết quả cho trên cho thấy các cơ quan địa phương cần quan tâm hơn nữa đến việc hỗ trợ các nguồn lực phù hợp cho HKD để hướng dẫn HKD thực hiện và tự thực hiện tại cơ sở của mình mà không cần đến trực tiếp cơ quan để thực hiện. Các cơ quan xây dựng chính sách và các cơ quan cung ứng dịch vụ công, dịch vụ công trực tuyến cần đặc biệt quan tâm

tới vấn đề này để có giải pháp phù hợp, bảo đảm hiệu quả tốt khi triển khai các chương trình, kế hoạch. Có như vậy, môi trường kinh doanh tại địa phương mới phát triển theo hướng công khai, minh bạch, tạo điều kiện cho HKD theo dõi, giám sát, tăng niềm tin trong cộng đồng HKD.

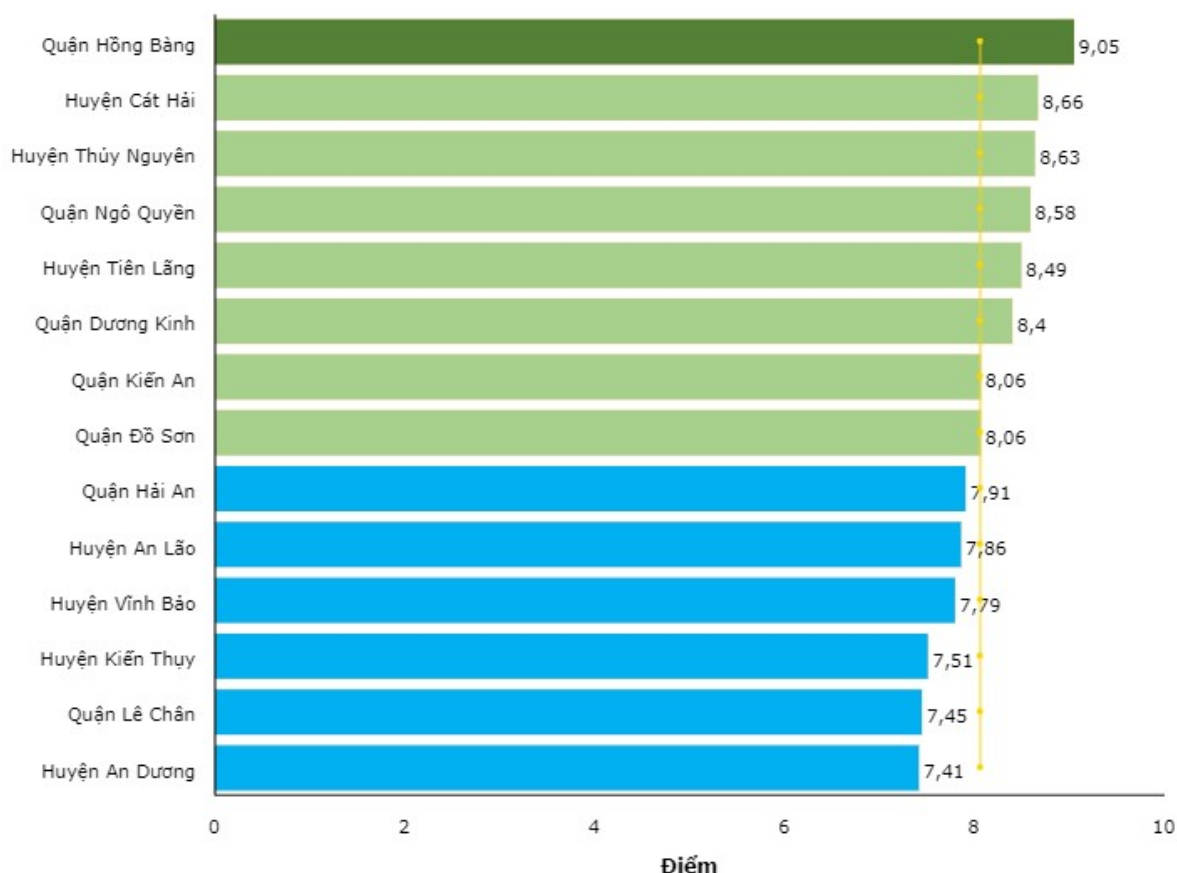
Biểu đồ 4.7. Mức độ sử dụng CNTT/ ứng dụng phương thức mới của HKD



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

4.3.3. Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương

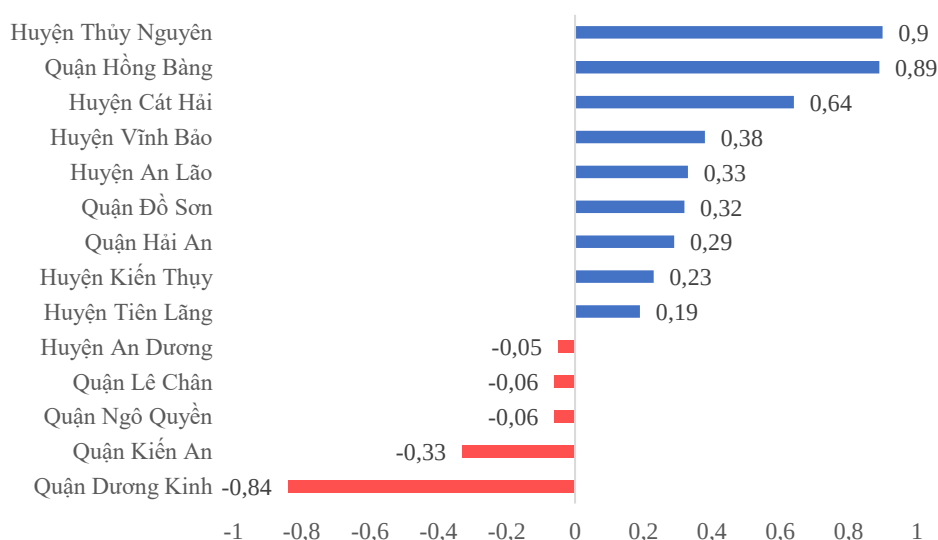
Biểu đồ 4.8. Điểm số của CSTP tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Chỉ số tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương đạt 8,13 điểm, tăng 0,2 điểm so với năm 2022. Theo đó, quận Hồng Bàng tiếp tục đứng đầu ở chỉ số này với 9,05 điểm, tiếp theo là 7 quận, huyện gồm: huyện Cát Hải, huyện Thủy Nguyên, quận Ngô Quyền, huyện Tiên Lãng, quận Dương Kinh, quận Kiến An và quận Đồ Sơn thuộc nhóm tốt. Còn 5 quận, huyện là quận Hải An, huyện An Lão, huyện Vĩnh Bảo, huyện Kiến Thụy, quận Lê Chân và huyện An Dương có điểm số thuộc nhóm khá. So sánh với năm 2022, chỉ số này có 9/14 quận, huyện cải thiện điểm số, trong đó huyện Thủy Nguyên và quận Hồng Bàng là 2 địa phương có mức tăng điểm nhiều nhất (tăng khoảng 0,9 điểm). Ngược lại, quận Dương Kinh và quận Kiến An giảm điểm khá nhiều, giảm lần lượt 0,84 điểm và 0,33 điểm, còn lại huyện An Dương, quận Lê Chân và quận Ngô Quyền giảm nhẹ ở mức 0,05-0,06 điểm.

Biểu đồ 4.9. Mức thay đổi điểm số của chỉ số tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương năm 2022-2023

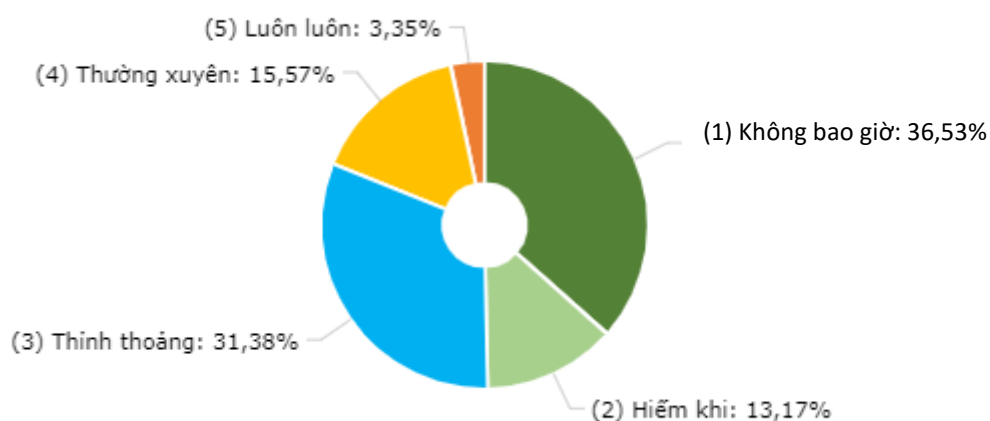


Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Theo kết quả khảo sát DDCI 2023, các HKD ghi nhận các chương trình, chủ trương của UBND thành phố đã được chính quyền địa phương thực thi hiệu quả nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các cơ sở SXKD (đạt 8,54 điểm); không đùn đẩy trách nhiệm giữa các phòng ban cấp địa phương hoặc lên cấp có thẩm quyền cao hơn trong giải quyết các vấn đề liên quan, hỗ trợ cho HKD (8,54 điểm), đều tăng so với năm 2022. Tỷ lệ HKD đồng ý về chất lượng thực thi chính sách và khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn trong phát triển kinh tế địa phương đạt khoảng 87%, cao hơn mức 85% năm 2022, tiếp nối xu hướng cải thiện của những năm trước.

Trong khi đó, không gian cải thiện vẫn còn tương đối rộng cho việc cải thiện hoạt động đối thoại ở các địa phương. Tỷ lệ HKD tham gia các buổi góp ý chính sách, tham gia đối thoại vẫn còn khá thấp, chỉ có 18,92% HKD được luôn được mời tham gia và thường xuyên tham gia. Khảo sát nhanh hoạt động đối thoại ở các quận, huyện, phần lớn các địa phương đều duy trì tổ chức đối thoại định kỳ theo quý nhưng mức độ tham gia của DN/HTX/HKD còn thấp. Khảo sát DDCI ghi nhận lãnh đạo các địa phương đã chú trọng nhiều hơn đến cải thiện môi trường kinh doanh, có hoạt động tiếp xúc DN/HTX/HKD, lắng nghe các khó khăn và tìm cách tháo gỡ cho cộng đồng DN/HTX/HKD, nhưng đánh giá về chất lượng thực thi trong thực tế vẫn là một điểm nghẽn lớn, cần đẩy mạnh các hoạt động trao đổi, góp ý chính sách một cách thiết thực, triệt để, khuyến khích sự tham gia và đóng góp ý kiến của các HKD để hoàn thiện chính sách, cải thiện môi trường kinh doanh tại địa phương.

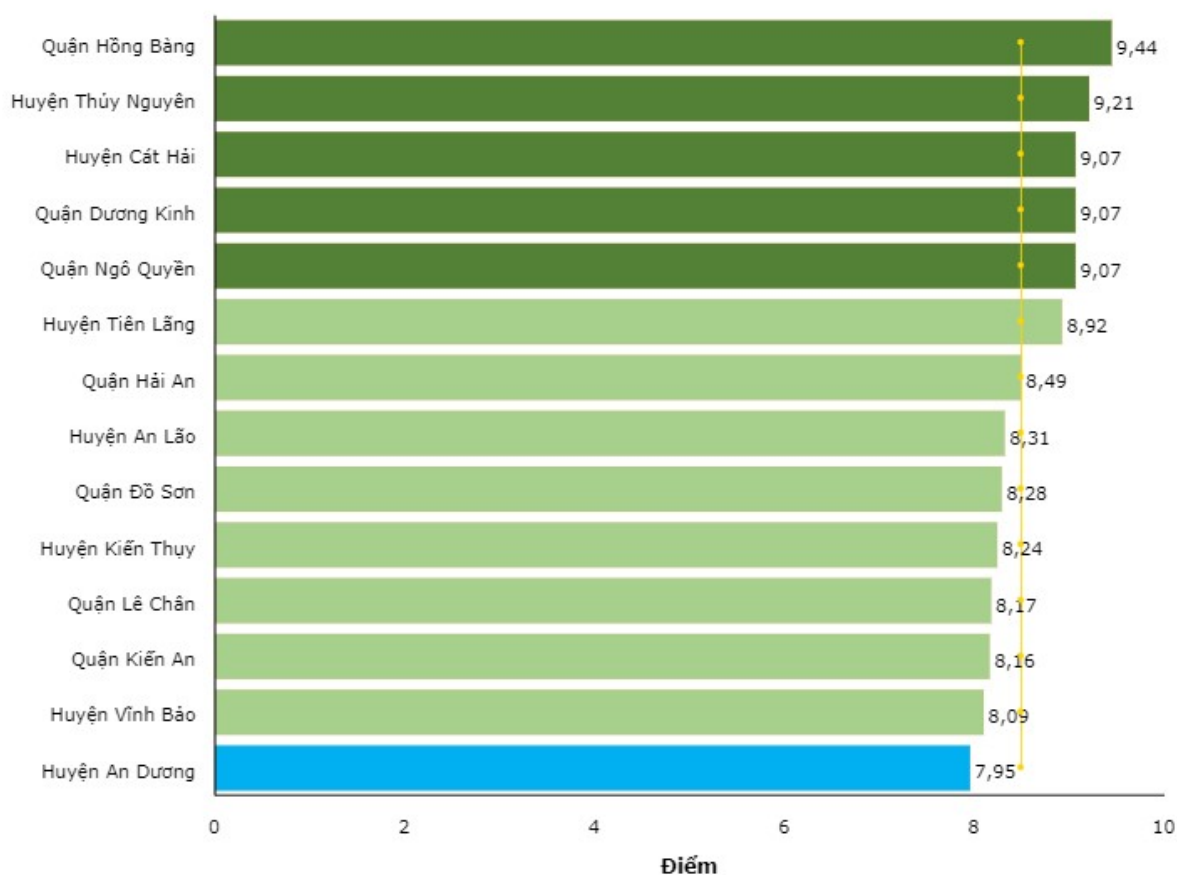
Biểu đồ 4.10. Mức độ tham gia các chương trình đóng góp ý kiến chính sách, đối thoại tại địa phương



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

4.3.4. Chi phí thời gian

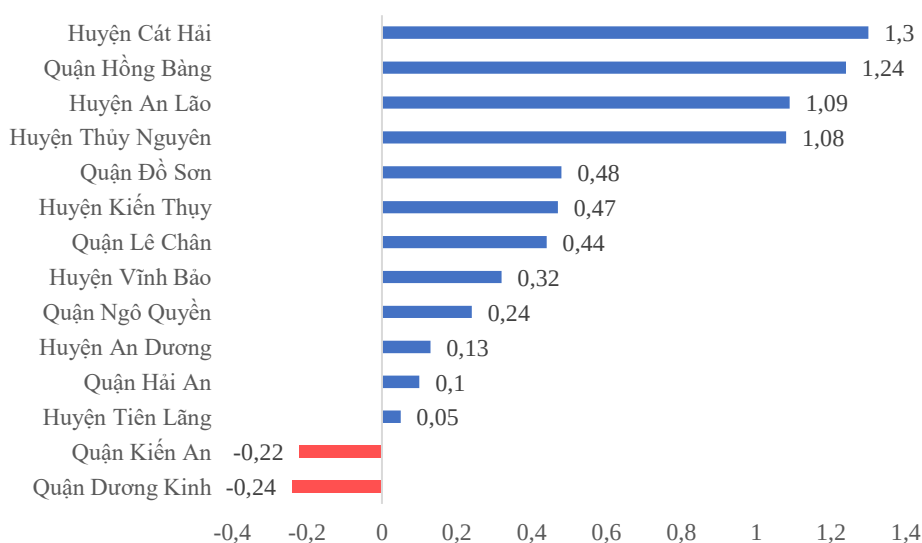
Biểu đồ 4.11. Điểm số CSTP chi phí thời gian



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Chỉ số chi phí thời gian là một trong những chỉ số có kết quả khá cao trong các CSTP. Năm 2023, điểm trung bình của chỉ số chi phí thời gian đạt 8,6 điểm, tăng 0,46 điểm và là chỉ số có cải thiện nhiều nhất khi so sánh với năm 2022. Nếu như năm 2022, kết quả chỉ có 7 địa phương thuộc nhóm điểm tốt và rất tốt thì năm 2023, đã có 14 địa phương đạt mức điểm trên điểm 8 (5 địa phương thuộc nhóm điểm rất tốt và 9 địa phương thuộc nhóm điểm tốt), chỉ có huyện An Dương ở mức điểm khá với 7,95 điểm nhưng cũng tiệm cận rất gần với thang điểm tốt. Xem xét về mức thay đổi điểm số của năm 2022 và năm 2023, phần lớn các quận, huyện (12/14 quận, huyện) đều có cải thiện điểm. Huyện Cát Hải, quận Hồng Bàng, huyện An Lão và huyện Thủy Nguyên đều tăng trên 1 điểm. Hai quận Kiến An và Dương Kinh giảm nhẹ khoảng 0,2 điểm. Các số liệu trên cho thấy những nỗ lực cải cách đang đi đúng hướng và được các HKD hài lòng và ủng hộ cao.

Biểu đồ 4.12. Mức thay đổi điểm số CSTP chi phí thời gian năm 2022-2023

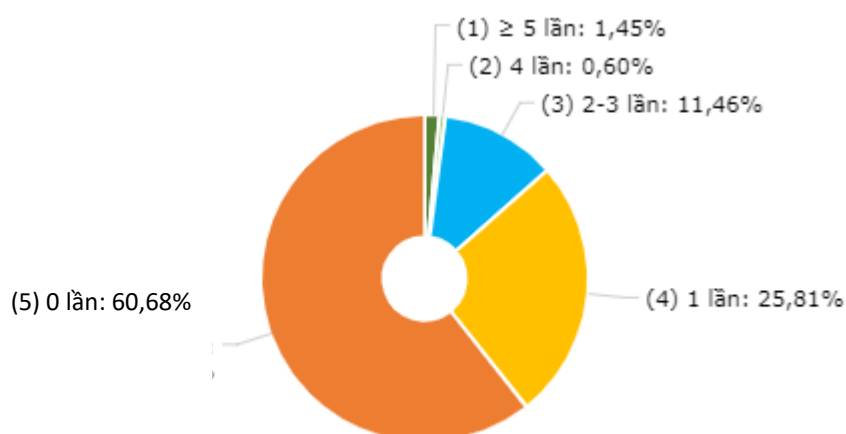


Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Kết quả DDCI 2023 cho thấy có 90,07% HKD cho rằng thời gian thực hiện TTHC ở các địa phương đúng hoặc trước thời hạn, nhanh chóng, thuận tiện, đạt 8,13 điểm, cao hơn mức 7,91 điểm năm 2022. Bên cạnh đó, khoảng 88% đánh giá việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong thực hiện TTHC đã giúp cắt giảm thời gian và chi phí, không phải bỏ sung thêm giấy tờ, cao hơn đáng kể tỉ lệ 77% năm 2022, đạt 8,77 điểm. Song, một số HKD cũng cho biết gặp khó khăn khi sử dụng các TTHC trực tuyến do hạn chế về kỹ năng sử dụng CNTT, hoặc trường hợp HKD vẫn phải đi đến cơ quan trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện trực tuyến hoặc phải đến trực tiếp cơ quan để nhận kết quả hồ sơ. Những lý do này là thực tế mà các địa phương đang triển khai gặp phải, đòi hỏi những nỗ lực sáng tạo, học hỏi các mô hình hay, cách làm mới như tổng đài hỗ trợ tư vấn từ xa, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích... sẽ giúp phục vụ các HKD một cách tốt hơn.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra cũng ghi nhận sự tiến bộ khi tỉ lệ HKD phải đón tiếp đoàn thanh tra, kiểm tra từ 1 lần trở lên đã giảm từ 23,39% năm 2022 xuống còn 13,51% năm 2023. Thời gian và tình trạng những nhiễu của các cuộc thanh tra, kiểm tra cũng có cải thiện so với năm 2022, đạt điểm số lần lượt là 8,39 và 8,42 điểm.

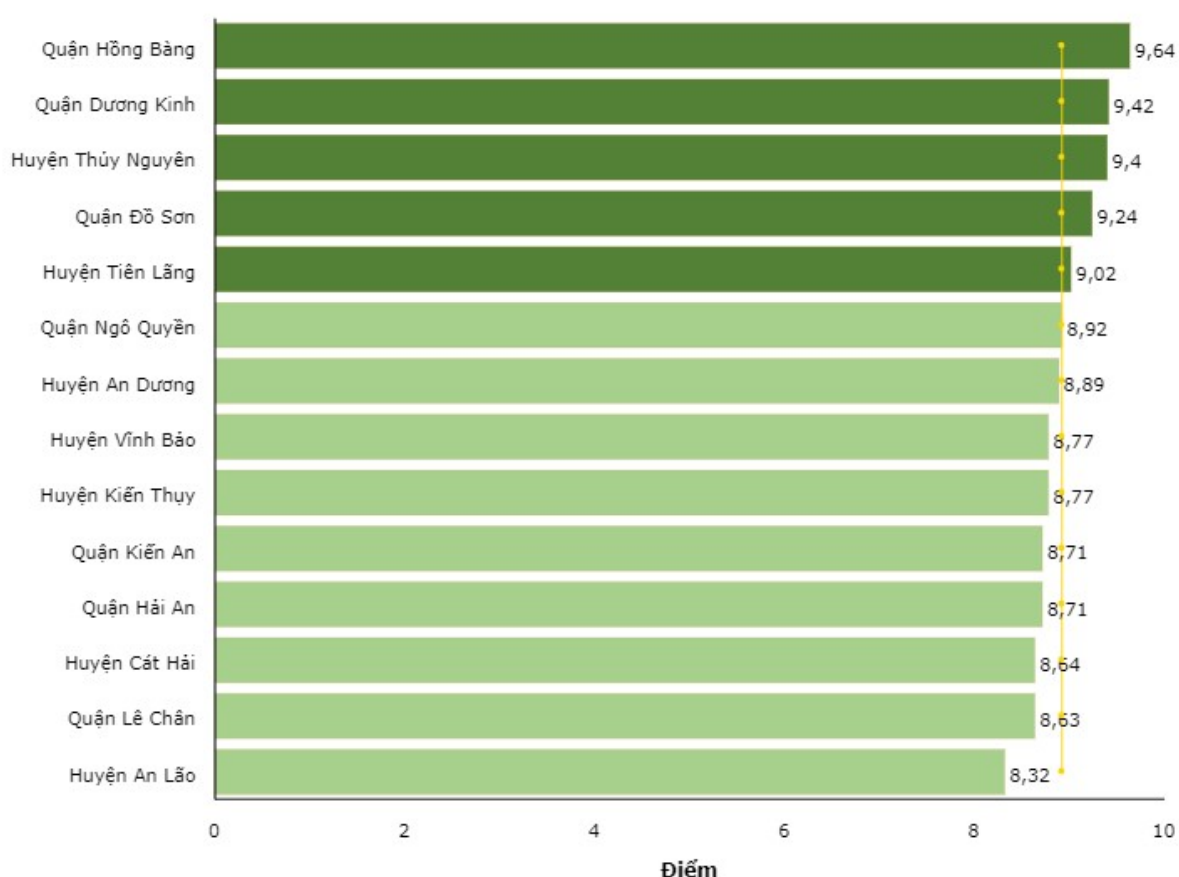
Biểu đồ 4.13. Số lần thanh tra, kiểm tra trong năm 2023



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

4.3.5. Chi phí không chính thức

Biểu đồ 4.14. Điểm số CSTP chi phí không chính thức

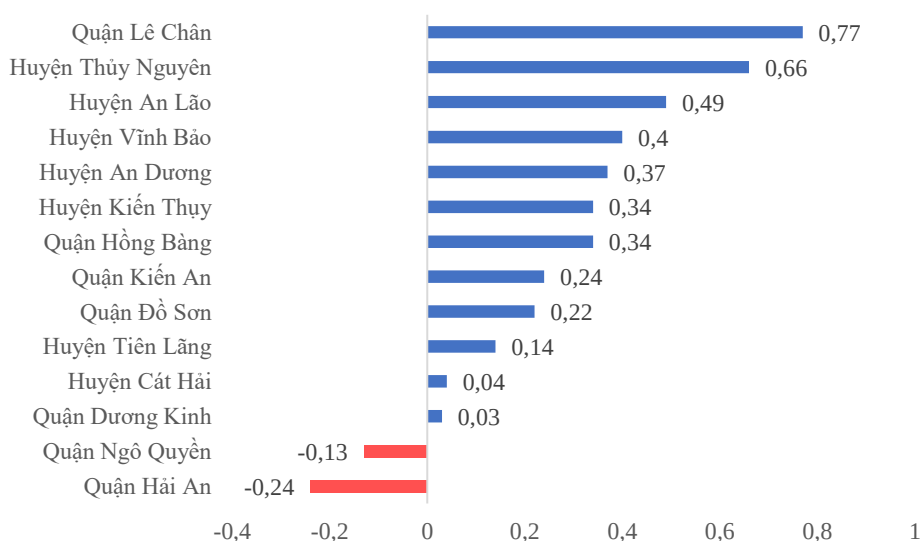


Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Chỉ số chi phí không chính thức trong DDCI cấp địa phương của Hải Phòng năm 2023 được ghi nhận ở mức điểm 8,93 điểm, tăng 0,26 điểm so với năm 2022, tiếp tục là chỉ số đạt kết quả cao nhất trong 8 CSTP. Điểm số của các địa phương cũng đều thuộc nhóm điểm tốt và rất tốt với sự cải thiện đáng khích lệ ở nhóm cuối bảng năm 2022 như quận Lê Chân tăng 0,77 điểm, huyện Thủy Nguyên tăng 0,66 điểm,

huyện An Lão tăng 0,49 điểm và huyện Vĩnh Bảo tăng 0,4 điểm. Mặc dù các địa phương ở nhóm cuối bảng năm 2023 nhưng xét về điểm số vẫn thuộc nhóm điểm số tốt và nhiều không gian để cải thiện.

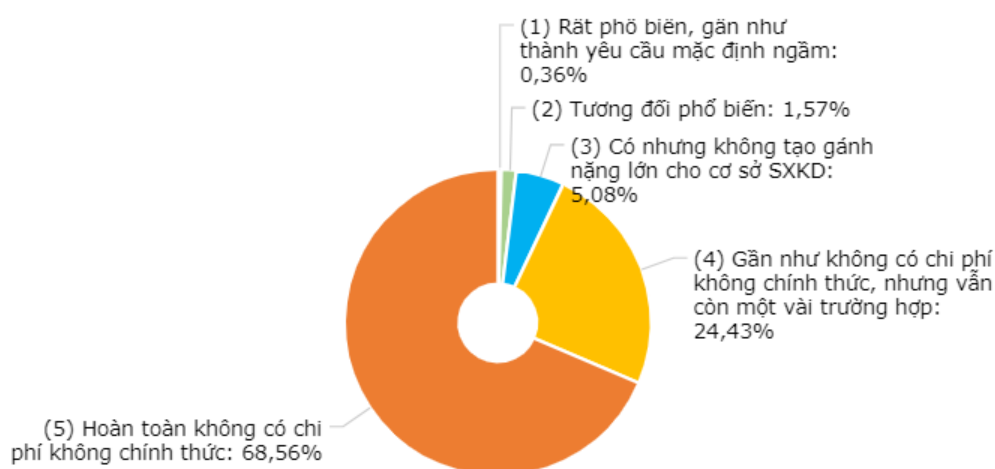
Biểu đồ 4.15. Mức thay đổi điểm số chỉ số chi phí không chính thức năm 2022-2023



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Đánh giá về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức, có 68,56% HKD cho biết hoàn toàn không có chi phí không chính thức (tăng đáng kể so với mức 45,31% năm 2022), 24,43% cho rằng vẫn tồn tại một vài trường hợp và chưa tới 2% HKD cho rằng tình trạng này vẫn còn khá phổ biến. Điểm số của chỉ tiêu này tăng từ 8,73 điểm năm 2022 lên 9,17 điểm năm 2023. 93,49% HKD tin tưởng các chi phí không chính thức đang được đẩy lùi, giảm dần trong thời gian qua. Tuy nhiên, đất đai, xây dựng và tài nguyên - môi trường là các lĩnh vực có tỷ lệ chi phí không chính thức còn tồn tại cao hơn so với các lĩnh vực khác. Nhiều HKD cũng cho rằng dù có chi trả chi phí không chính thức thì công việc có thể không thuận lợi như mong muốn, chỉ tiêu này đạt 6,89 điểm, cho thấy sự lãng phí nguồn lực của HKD chi trả các khoản này và các cơ quan cần yêu cầu cán bộ thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng, chống tham nhũng.

Biểu đồ 4.16. Mức độ phổ biến của chi phí không chính ở địa phương



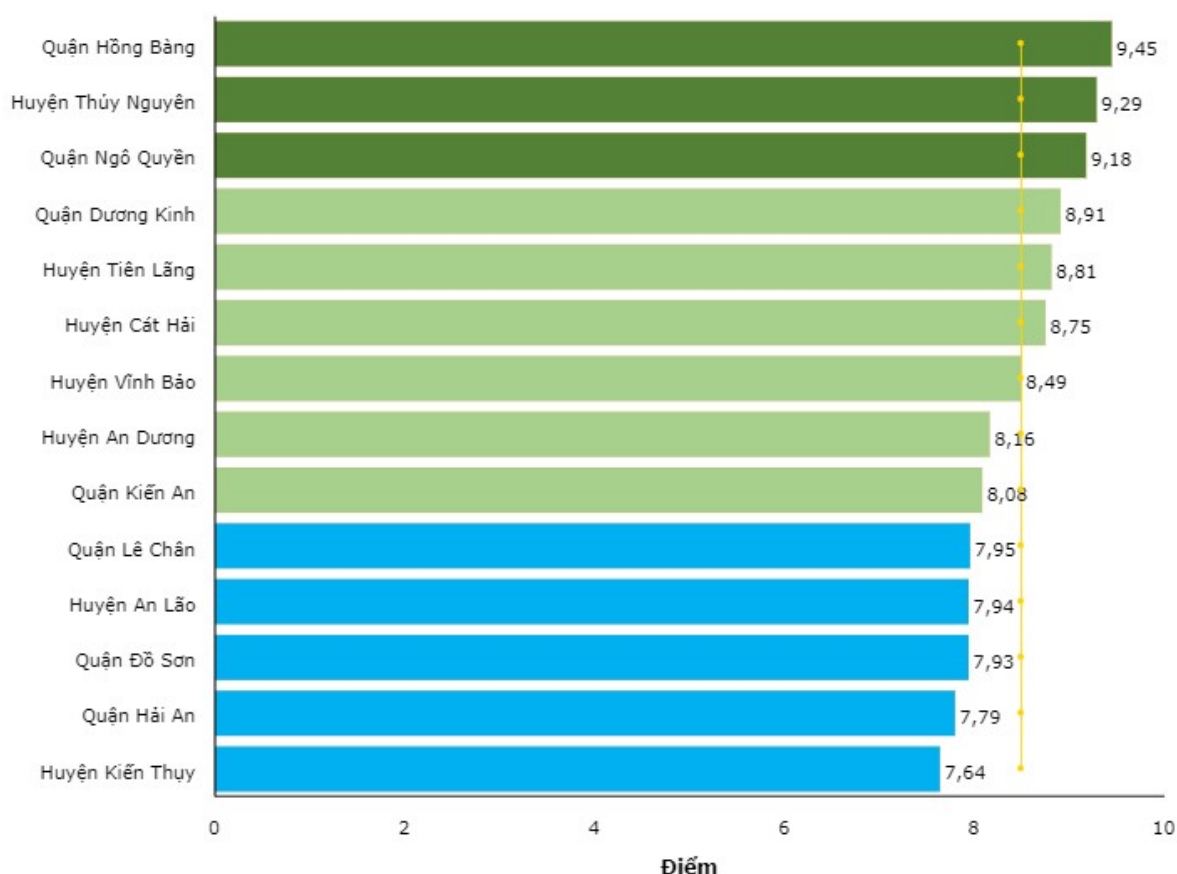
Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

4.3.6. Cạnh tranh bình đẳng

Năm 2023, chỉ số cạnh tranh bình đẳng được đánh giá cao thứ 4 trong 8 CSTP với 8,46 điểm, tăng 0,14 điểm so với năm 2022. Điểm số của chỉ số này có sự phân chia nhóm điểm số. Nhóm điểm số rất tốt trên 9 điểm gồm: Quận Hồng Bàng, huyện Thủy Nguyên và quận Ngô Quyền; nhóm điểm số tốt từ 8,08 điểm đến 8,91 điểm gồm: Quận Dương Kinh, huyện Tiên Lãng, huyện Cát Hải, huyện Vĩnh Bảo, huyện An Dương và quận Kiến An; nhóm điều hành khá có điểm số từ 7,64 điểm - 7,95 điểm gồm: Quận Lê Chân, huyện An Lão, quận Đồ Sơn, quận Hải An và huyện Kiến Thụy. Các địa phương năm nay cũng có sự cải thiện tích cực ở chỉ số này với sự tăng điểm ở 8/14 địa phương. Các địa phương cải thiện mạnh mẽ nhất là huyện Thủy Nguyên và huyện Cát Hải tăng hơn 1 điểm. Trong khi đó ở chiều ngược lại, quận Đồ Sơn, quận Dương Kinh và quận Hải An bị giảm điểm tương đối nhiều hơn 0,6 điểm.

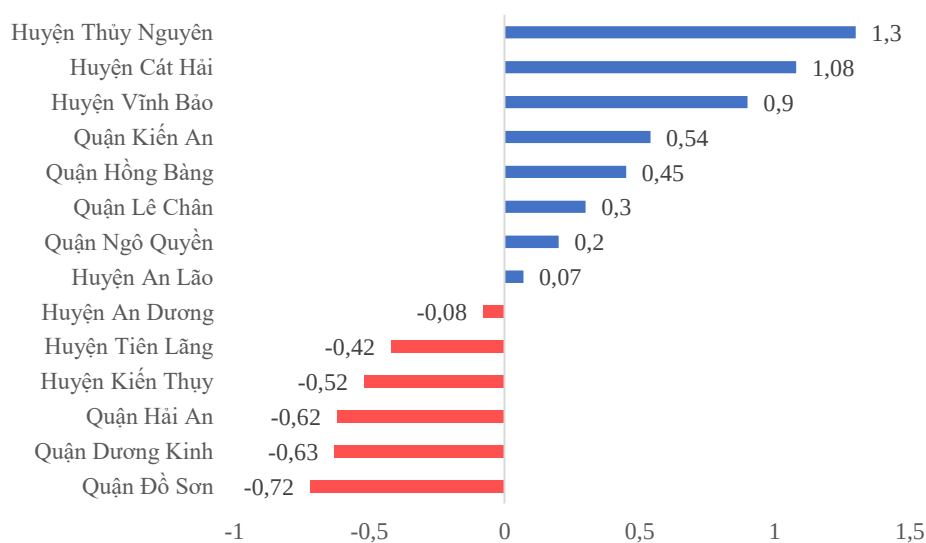
Theo kết quả khảo sát, có khoảng 80% HKD đồng ý về việc môi trường đầu tư, kinh doanh ở địa phương là bình đẳng, không có sự phân biệt đối xử giữa các nhóm đối tượng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi, hỗ trợ; thực hiện TTHC; giải quyết khiếu nại, khó khăn; thanh tra, kiểm tra, cao hơn mức 78% năm 2022. Điểm số của các chỉ tiêu này đều đạt trong khoảng 8,4 - 8,5 điểm, tiếp tục xu hướng cải thiện chung theo thời gian.

Biểu đồ 4.17. Điểm số CSTP cạnh tranh bình đẳng



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

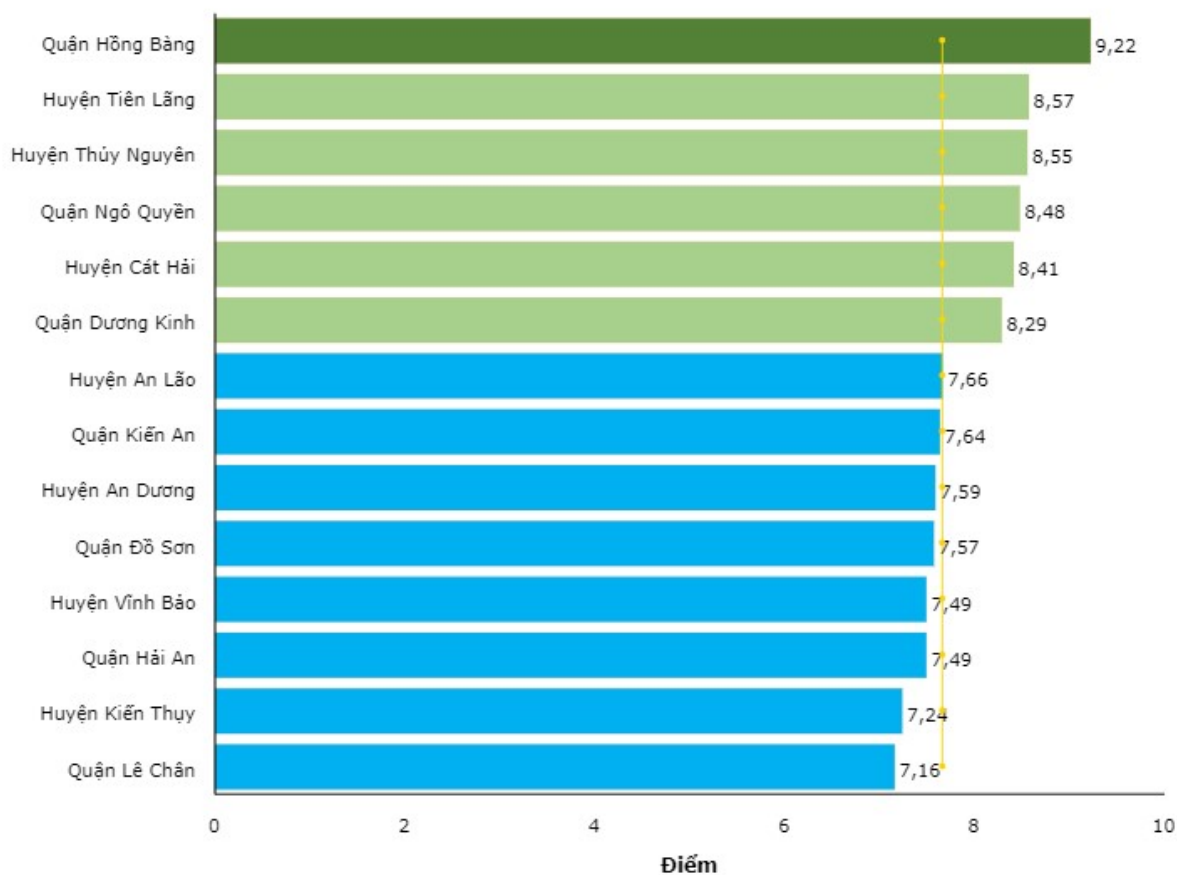
Biểu đồ 4.18. Mức thay đổi điểm số CSTP cạnh tranh bình đẳng năm 2022-2023



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

4.3.7. Hỗ trợ sản xuất kinh doanh

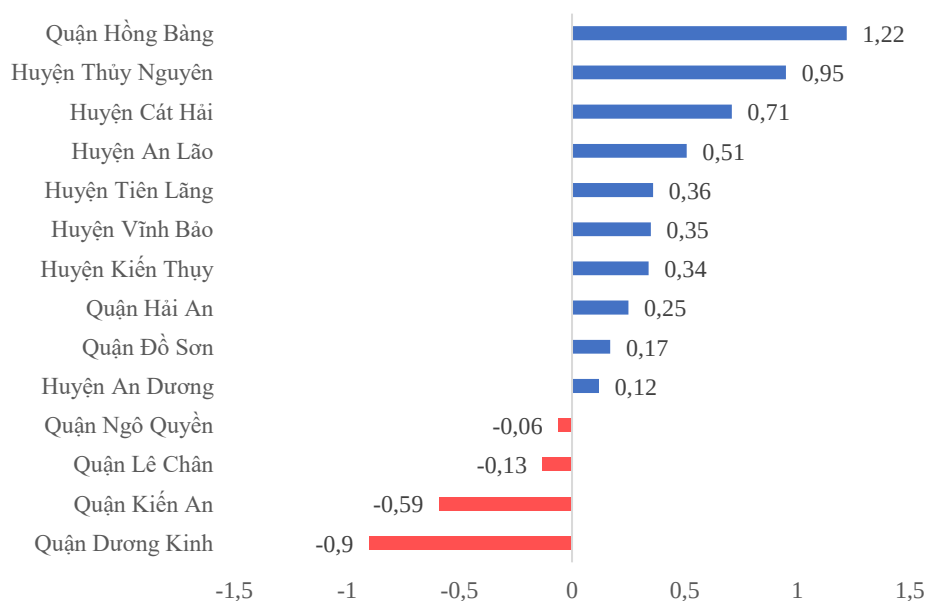
Biểu đồ 4.19. Điểm số CSTP hỗ trợ SXKD



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Năm 2023, hoạt động hỗ trợ SXKD tại các địa phương ghi nhận một số mặt tích cực khi tăng từ 7,72 điểm năm 2022 lên 7,95 điểm năm 2023, song vẫn chưa đạt kì vọng của các HKD vì đây là chỉ số thấp điểm trong 8 CSTP, thuộc mức điểm khá. Các địa phương có hiệu quả hỗ trợ SXKD được đánh giá hiệu quả tốt là quận Hồng Bàng (9,22 điểm), huyện Tiên Lãng (8,57 điểm), huyện Thủy Nguyên (8,55 điểm), quận Ngô Quyền (8,48 điểm), huyện Cát Hải (8,41 điểm) và quận Dương Kinh (8,29 điểm). So sánh với năm 2022, hoạt động hỗ trợ SXKD của các địa phương trên cũng là các địa phương được HKD đánh giá có nhiều thay đổi tích cực. Ngược lại, các địa phương có mức điểm giảm hoặc có sự cải thiện chậm nên thứ hạng bị giảm hoặc ít cải thiện như quận Lê Chân, huyện Kiến Thụy và quận Hải An.

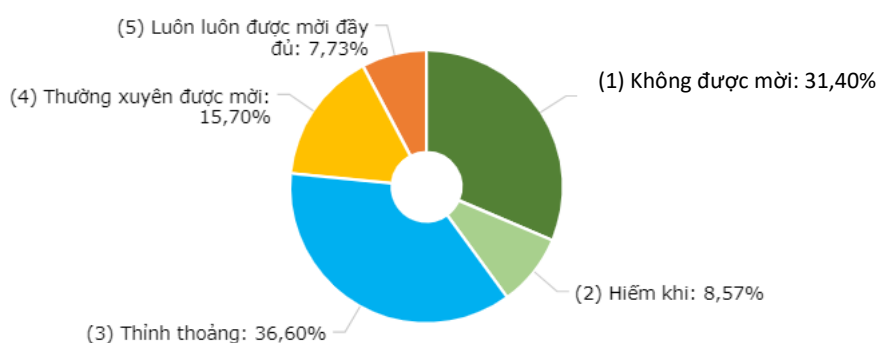
Biểu đồ 4.20. Mức thay đổi điểm số CSTP hỗ trợ SXKD năm 2022-2023



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Kết quả khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023 cho thấy chỉ tiêu về việc được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ cơ sở SXKD (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách vay vốn, nước sạch, nông thôn mới...) vẫn bị đánh giá khá thấp, chỉ đạt 5,25 điểm. Cụ thể, có 31,4% HKD cho biết không được mời tham gia, 8,57% HKD hiếm khi được mời tham gia và 36,6% HKD thỉnh thoảng được mời và 23,43% HKD được tham gia đều đặn. Theo lĩnh vực hỗ trợ, hỗ trợ khởi sự kinh doanh, hỗ trợ thuế và hỗ trợ chương trình liên kết, kết nối tìm kiếm thị trường là các chỉ tiêu thấp điểm nhất, với điểm số khoảng 8,1 điểm. Trong khi đó, theo đánh giá của một số HKD, việc thực hiện các TTHC để hưởng hỗ trợ còn tương đối phức tạp. Như vậy, cũng như những năm trước, khoảng cách giữa chính sách, chương trình hỗ trợ tới các HKD vẫn còn khá xa, đòi hỏi những nỗ lực bền bỉ hơn nữa trong việc triển khai các chính sách.

Biểu đồ 4.21. Tỷ lệ HKD được mời/ tham gia các chương trình, chính sách hỗ trợ SXKD

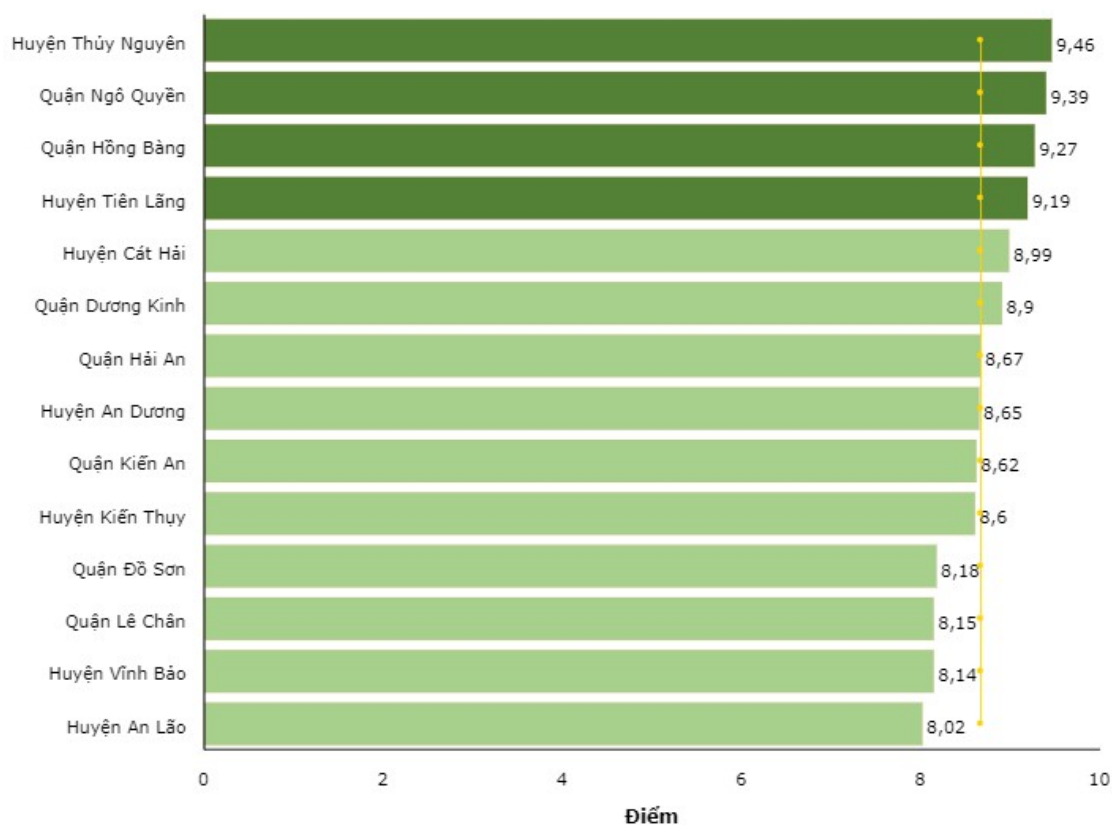


Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

4.3.8. Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự

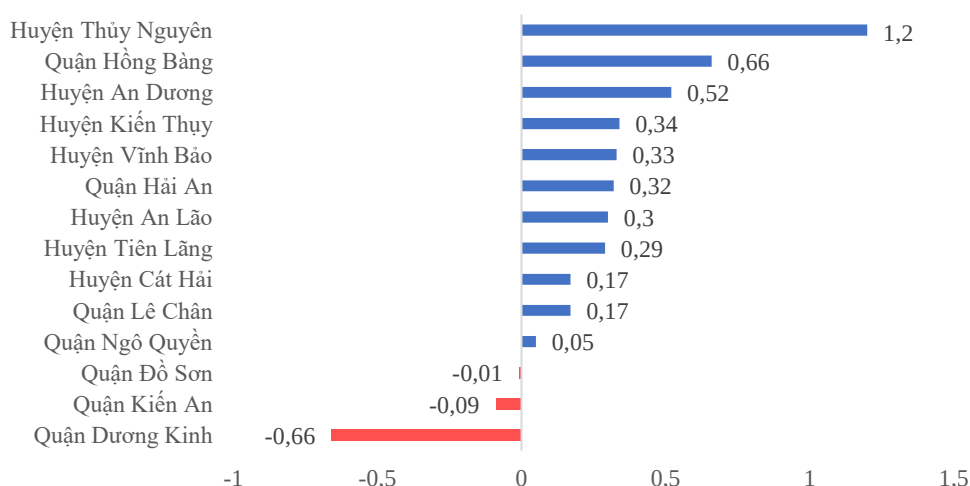
Chỉ số hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự (ANTT) trong năm 2023 tiếp tục là chỉ số được đánh giá cao, đạt 8,73 điểm, tăng 0,25 điểm so với năm 2022. Nhìn tổng quan vào kết quả của các địa phương có thể thấy đây cũng là chỉ số có điểm số tương đối đồng đều với cách biệt không quá lớn. Năm 2023, có 4 địa phương thuộc vào nhóm rất tốt với điểm số trên 9 điểm là huyện Thủy Nguyên, quận Ngô Quyền, quận Hồng Bàng và huyện Tiên Lãng. Đây cũng là nhóm có điểm số cải thiện khá cao, đặc biệt khi huyện Thủy Nguyên tăng hơn 1 điểm và vươn lên vị trí dẫn đầu chỉ số này. Còn lại 10 địa phương thuộc nhóm điểm tốt với điểm số trong khoảng 8-8,9 điểm.

Biểu đồ 4.22. Điểm số CSTP hiệu lực thiết chế và ANTT



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Biểu đồ 4.23. Mức thay đổi điểm số của chỉ số hiệu lực thiết chế và ANTT năm 2022-2023



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

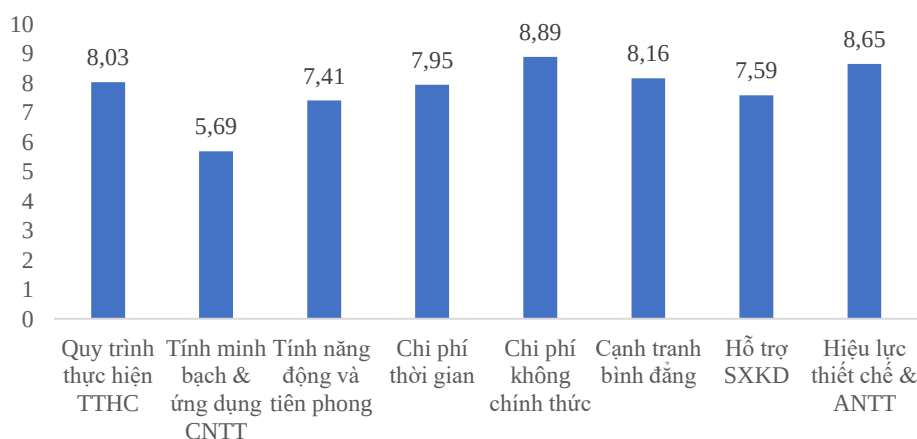
So sánh với năm 2022 và các năm trước, kết quả các chỉ tiêu của chỉ số đều có cải thiện trong năm 2023. Về khía cạnh hiệu lực thiết chế, 86,95% HKD cho rằng UBND các quận, huyện đã thực hiện hiệu quả các chính sách, văn bản pháp luật, cao hơn mức 81,56% năm 2022. Cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo cũng đảm bảo tính công bằng, kịp thời, không cần phải khiếu nại vượt cấp, đạt mức điểm trung bình khoảng 8,5 điểm. Về khía cạnh an ninh trật tự, có khoảng 94% HKD hài lòng về môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được đảm bảo an toàn, không bị quấy rối hoặc mất an ninh trật tự.

4.4. Kết quả DDCI của 14 địa phương

4.4.1. Huyện An Dương

Năm 2023, điểm số DDCI của huyện An Dương đạt 77,96 điểm, tăng 0,72 điểm so với năm 2023, đứng thứ 13. Sự cải thiện này thể hiện qua sự tăng điểm của 5/8 CSTP là: Chỉ số quy trình thực hiện TTHC (tăng 0,63 điểm), hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự (tăng 0,52 điểm), chi phí không chính thức (tăng 0,37 điểm), chi phí thời gian (tăng 0,13 điểm) và hỗ trợ SXKD (tăng 0,12 điểm). 3 chỉ số giảm điểm là tính minh bạch và ứng dụng CNTT (giảm 0,93 điểm) và 2 chỉ số cạnh tranh bình đẳng và tính năng động và tiên phong giảm nhẹ lần lượt giảm 0,08 điểm và 0,05 điểm.

Biểu đồ 4.24. Điểm số các CSTP của huyện An Dương



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

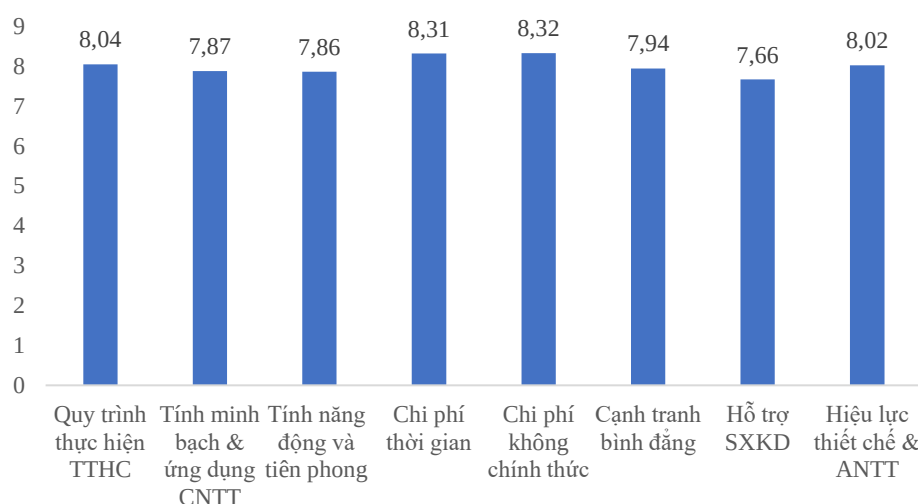
Ba chỉ số được đánh giá cao là chi phí không chính thức, hiệu lực thiết chế và ANTT, cạnh tranh bình đẳng và quy trình thực hiện TTHC (đạt trên 8 điểm). Các HKD đánh giá cao việc môi trường kinh doanh gần như không có phát sinh chi phí không chính thức, quy trình thực hiện TTHC được cải thiện khi các HKD đánh giá tích cực về thái độ, chuyên môn phục vụ của cán bộ đạt 8,43 điểm và 8,54 điểm. Năm 2023, huyện An Dương đã đẩy mạnh cải cách hành chính như nâng cấp cơ sở hạ tầng của bộ phận một cửa; cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến trên dịch vụ công trực tuyến; hệ thống tổng hợp thông tin, quản lý, chia sẻ dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định DSS An Dương, tạo tiện ích với người dân, doanh nghiệp²⁰; tổ chức một số hoạt động tập huấn hỗ trợ cho HKD như tập huấn về an toàn thực phẩm²¹...

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Mặc dù các quy định, văn bản pháp luật, TTHC đã được công khai nhưng chỉ khoảng 60 % HKD cho rằng tiếp cận và tìm hiểu được các loại thông tin trên, nhưng vẫn gặp khó khăn khi tiếp cận các nhóm thông tin về dự án, hạng mục, đầu tư, đấu thầu, ngân sách. Về ứng dụng CNTT, các HKD cho rằng họ vẫn chủ yếu thực hiện TTHC trực tiếp hoặc phải đến cơ quan thực hiện (chỉ tiêu này đạt 3,5 điểm). Do đó, cần đẩy mạnh việc hướng dẫn và khuyến khích các HKD làm quen và thực hiện các TTHC trên môi trường mạng.
- Chỉ số tính năng động và tiên phong: Điểm hạn chế ở chỉ số này chủ yếu nằm ở hoạt động tổ chức đối thoại với HKD khi có hơn 81% HKD cho biết chưa từng tham gia các buổi đóng góp ý kiến chính sách, đối thoại ở địa phương. Đây là con số rất đáng quan tâm đối với huyện An Dương trong việc tăng cường sự tham gia của các HKD trong tổ chức đối thoại.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Chỉ tiêu cần cải thiện mạnh ở chỉ số này là tỉ lệ HKD tham gia các chương trình, chính sách hỗ trợ SXKD do huyện tổ chức còn khá thấp (chỉ đạt 4,24 điểm). Trong khi đó, hiệu quả của các chương trình triển khai như hỗ trợ vấn đề về thuế, khởi sự kinh doanh và xúc tiến thương mại, hỗ trợ liên kết chưa thực sự mang lại hiệu quả như kì vọng.

4.4.2. Huyện An Lão

Biểu đồ 4.25. Điểm số CSTP của huyện An Lão



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

²⁰ <https://thanhphohaiphong.gov.vn/huyen-an-duong-dat-giai-nhat-cuoc-thi-phat-thanh-vien-tuyen-truyen-ve-cai-cach-hanh-chinh-nha-nuoc-thanh-pho-nam-2023.html>

²¹ <http://www.haiphong.gov.vn:8888/Portal/Detail.aspx?Organization=HAD&MenuID=4685&ContentID=248050&fbclid=IwAR1zNFuXxnhRR8ublhlsRMtb6q3kHo5ZtqHWcl4rG-ntVx9ytEKsE-8IznU>

Kết quả DDCI năm 2023 của huyện An Lão đạt 80,03 điểm, tăng 6,14 điểm so với năm 2022, vì vậy huyện An Lão đã cải thiện được vị trí xếp hạng và quay trở lại nhóm điểm tốt. Cải thiện này là do sự cải thiện ở cả 8 CSTP của huyện. Trong đó, các chỉ số cải thiện nhiều nhất là chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT tăng 1,28 điểm, chỉ số quy trình thực hiện TTHC tăng 1,11 điểm và chỉ số chi phí thời gian tăng 1,09 điểm.

Các chỉ số được đánh giá cao là chỉ số chi phí không chính thức (8,32 điểm), chi phí thời gian (8,31 điểm), quy trình thực hiện TTHC (8,04 điểm) và hiệu lực thiết chế và ANTT (8,02 điểm). Các HKD đánh giá môi trường kinh doanh đang ngày càng minh bạch hơn; chuyên môn và thái độ của cán bộ phục vụ HKD được đánh giá tốt với mức điểm trên 8,5 điểm. Năm 2023, huyện An Lão đã đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến toàn trình; gửi nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích; đầu tư cơ sở vật chất cho phục vụ CCHC²².

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Điểm bị đánh giá thấp ở chỉ số này liên quan tới nội dung về việc HKD chưa biết đến hoặc không được mời tham gia các chương trình, chính sách hỗ trợ SXKD với điểm số là 6,73 điểm. Bên cạnh đó là hiệu quả của các chương trình hỗ trợ cũng chưa được các HKD đánh giá cao.
- Chỉ số tính năng động và tiên phong: Bên cạnh việc HKD đánh giá khá tốt về sự linh hoạt, chủ động của huyện trong thực thi văn bản, chính sách thì hoạt động đối thoại chính là điểm nghẽn lớn của huyện. Tăng cường tổ chức đối thoại với HKD nhằm kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc của HKD và thực hiện tốt các cam kết đối thoại là cơ sở để cải thiện chỉ tiêu và chỉ số này trong năm tới.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: HKD vẫn phản ánh tình trạng khó khăn trong việc tiếp cận thông tin. Bên cạnh đó, mức độ HKD sử dụng dịch vụ công toàn trình còn khá thấp khi có hơn 10% HKD cho biết vẫn thực hiện TTHC theo phương thức truyền thống hoặc phải đến nộp trực tiếp.

4.4.3. Huyện Cát Hải

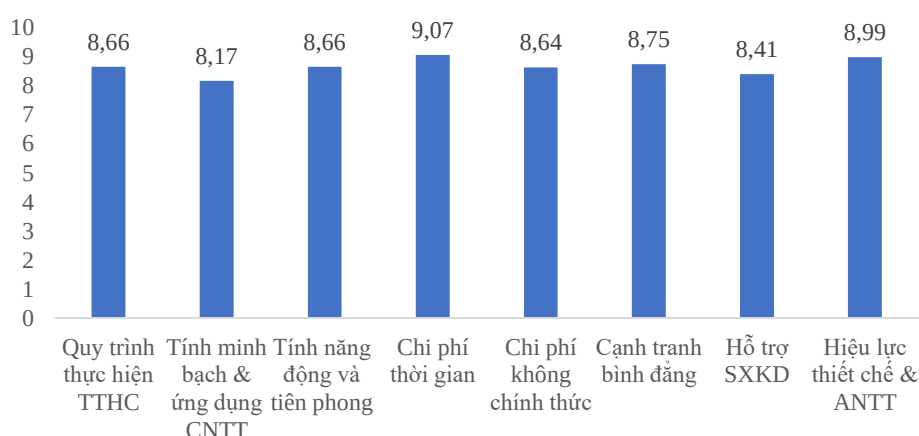
Năm 2023, điểm số DDCI của huyện Cát Hải đạt 86,69 điểm, tăng 6,68 điểm khá nhanh so với năm 2022, xếp hạng thứ 6/14 cơ quan. Đối chiếu với năm 2022, kết quả này đạt được là do sự cải thiện đồng bộ đối với 8 CSTP. Trong đó, chỉ số chi phí thời gian tăng cao nhất với 1,3 điểm, chỉ số cạnh tranh bình đẳng tăng 1,08 điểm, các chỉ số còn lại có mức tăng điểm nhẹ.

Các chỉ số được đánh giá cao nhất là chỉ số chi phí thời gian (9,07 điểm), hiệu lực thiết chế và ANTT (8,99 điểm), cạnh tranh bình đẳng (8,75 điểm). Các HKD đánh giá hiện tượng chi trả chi phí không chính thức gần như không xảy ra (đạt 9,33 điểm); môi trường kinh doanh bình đẳng, không có phân biệt đối xử; an ninh trật tự được giữ vững, không xảy ra vấn đề gây mất an toàn SXKD. Năm 2023, huyện Cát Hải đẩy mạnh hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; khuyến khích thanh toán trực tuyến thông qua lập tài khoản trên các cổng trực tuyến như Momo, Internet banking,...; tổ chức Hội nghị Thường trực Huyện uỷ gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp năm 2023 nhằm giải đáp từng câu hỏi trong từng trường hợp cụ thể, góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, doanh nhân²³.

²² <https://baohaiphong.com.vn/baohp/vn/home/InfoDetail.jsp?ID=73947&cat=85>

²³ <http://anhp.vn/thuong-truc-huyen-uy-cat-hai-gap-go-doi-thoai-voi-doanh-nghiep-nam-2023-d56143.html>

Biểu đồ 4.26. Điểm số các CSTP của huyện Cát Hải



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Địa phương cần cải thiện các nội dung sau: Hướng dẫn về thực hiện TTHC dễ hiểu, dễ thực hiện; Thường xuyên cập nhật văn bản pháp luật, các thông tin mới để đáp ứng nhu cầu thông tin của HKD; Đẩy mạnh việc giải quyết TTHC với hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Nâng cao chất lượng hoạt động website; Cung cấp dịch vụ hỏi, đáp/hỗ trợ trực tuyến.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Địa phương cần cải thiện các nội dung sau: Tổ chức các chương trình tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,..., nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc và triển khai các chương trình (của Trung ương và thành phố) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ HKD hoạt động hiệu quả hơn; Tổ chức các buổi đối thoại, chủ trương giải quyết vấn đề sau đối thoại có hiệu quả; Tiếp thu, thay đổi, hoạt động quản lý hành chính nói chung sau đối thoại.

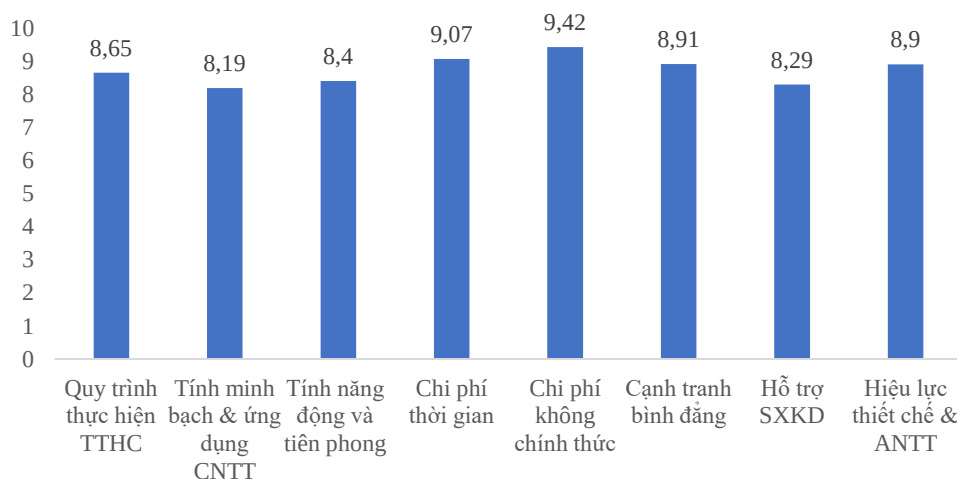
4.4.4. Quận Dương Kinh

Năm 2023, điểm số DDCI của quận Dương Kinh đạt 87,29 điểm, giảm 5,88 điểm so với năm 2022, do đó, quận Dương Kinh không giữ được vị trí đứng đầu mà giảm xuống vị trí thứ 4 trên bảng xếp hạng. Sự giảm điểm này do HKD kì vọng cao hơn về sự cải cách của quận như có thêm nhiều sáng kiến, cải cách mới ở các khía cạnh đánh giá khi phần lớn các chỉ số đều có sự giảm điểm so với năm 2022 như: Chỉ số hỗ trợ SXKD giảm 0,9 điểm; các chỉ số như tính minh bạch và ứng dụng CNTT và tính năng động và tiên phong giảm khoảng 0,8 điểm; các chỉ số quy trình thực hiện TTHC, cạnh tranh bình đẳng và hiệu lực thiết chế và ANTT giảm khoảng 0,6 điểm; chỉ số chi phí thời gian giảm ít nhất, giảm 0,23 điểm. Chỉ số chi phí không chính thức có mức cải thiện nhẹ so với năm 2022, tăng 0,03 điểm.

Mặc dù điểm số của quận Dương Kinh giảm so với năm 2022 nhưng điểm số của các chỉ số thành phần đều đạt mức điểm tốt, trên 8 điểm. Các chỉ số được đánh giá cao của quận Dương Kinh là chỉ số chi phí không chính thức và chi phí thời gian (đều đạt trên 9 điểm). Có hơn 94% HKD cho biết hoàn toàn không phải chi trả chi phí không chính thức ở địa phương, 96,7% HKD đánh giá thực hiện TTHC khá nhanh chóng, không mất nhiều thời gian. Thời gian qua, quận Dương Kinh đã có nhiều nỗ lực cải cách hành chính như nâng cấp cơ sở hạ tầng tại bộ phận một cửa; thực hiện mô hình hỗ trợ các TTHC; mô hình hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt trong tất cả các lĩnh vực giải quyết TTHC. 2 mô hình này hỗ trợ

người dân mở hơn 4.200 tài khoản dịch vụ công trực tuyến, nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình²⁴. Quận Dương Kinh đã tổ chức gặp mặt đối thoại định kỳ 1 lần/quý; thực hiện mô hình “Cà phê doanh nhân”, qua đó đồng hành và kịp thời tháo gỡ khó khăn của DN/HTX/HKD trên địa bàn; tổ chức “Ngày hội việc làm” để tạo điều kiện cho các DN có nhu cầu tuyển dụng, tiếp cận và khai thác hiệu quả các nguồn lực lao động. Ngoài ra, Dương Kinh cũng là quận tiên phong triển khai Kế hoạch đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của UBND các phường²⁵.

Biểu đồ 4.27. Điểm số các CSTP của quận Dương Kinh



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Địa phương tập trung cải thiện các chỉ tiêu như: cán bộ nhiệt tình hỗ trợ HKD nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc; cải thiện hệ thống website, cập nhật đầy đủ các biểu mẫu TTHC, các văn bản quy phạm pháp luật mới, công khai kết quả tham vấn, trả lời thắc mắc/ý kiến của HKD; công khai lấy ý kiến DN khi xây dựng dự thảo các văn bản pháp luật liên quan đến DN; cải thiện tình trạng “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các HKD thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC, trong tiếp cận với các thông tin, tài liệu quan trọng của địa phương; đẩy mạnh mức độ thực hiện TTHC trực tuyến toàn trình cho HKD thực hiện tại cơ sở, không cần đến trực tiếp cơ quan nhà nước thực hiện.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Địa phương tập trung cải thiện các chỉ tiêu như: tổ chức các chương trình tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới, ..., nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc và triển khai các chương trình (của Trung ương và thành phố) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ HKD hoạt động hiệu quả hơn; tổ chức các buổi đối thoại với sự tham gia của nhiều HKD, chủ trương giải quyết vấn đề sau đối thoại có hiệu quả; tiếp thu, thay đổi, hoạt động quản lý hành chính nói chung sau đối thoại.

4.4.5. Quận Đồ Sơn

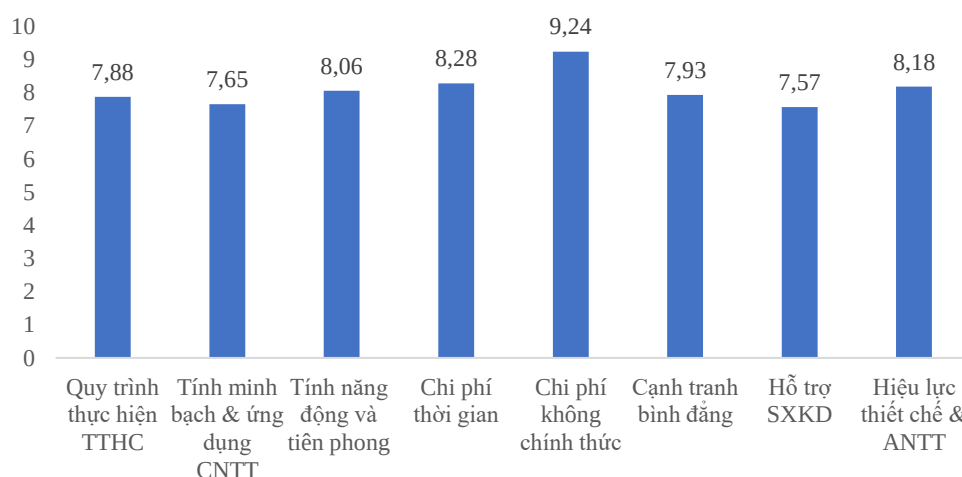
Kết quả DDCI của quận Đồ Sơn đạt 80,99 điểm năm 2023, tăng 2,01 điểm so với năm 2022, đứng thứ 7/14 quận, huyện. Kết quả này xuất phát từ phần lớn 6/8 chỉ số được đánh giá của quận Đồ Sơn có cải

²⁴ <https://baohaiphong.com.vn/baohp/vn/home/InfoDetail.jsp?ID=82634&cat=101>

²⁵ <https://duongkinh.haiphong.gov.vn/tin-hoat-dong-cchc/quan-duong-kinh-tap-trung-thuc-hien-co-hieu-qua-bo-chi-so-cai-cach-hanh-chinh-nam-2023-404121>

thiện. Trong đó, một số chỉ số có mức thay đổi nổi bật như tính minh bạch và ứng dụng CNTT tăng 0,75 điểm, chỉ số chi phí thời gian tăng 0,48 điểm, tính năng động và tiên phong tăng 0,32 điểm. Hai chỉ số mà quận Đồ Sơn cần lưu ý giải pháp cải thiện là chỉ số cạnh tranh bình đẳng giảm 0,72 điểm, chỉ số hiệu lực thiết chế và ANTT giảm nhẹ 0,01 điểm.

Biểu đồ 4.28. Điểm số các CSTP của quận Đồ Sơn



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các chỉ số được đánh giá cao năm 2023 của quận Đồ Sơn là chỉ số chi phí không chính thức đạt 9,24 điểm và các chỉ số khác như chi phí thời gian, hiệu lực thiết chế và tính năng động và tiên phong đều đạt trên 8 điểm. Các HKD đánh giá cao môi trường kinh doanh tại quận đang ngày càng thông thoáng, minh bạch khi có gần 60% HKD đánh giá hoàn toàn không phải chi trả chi phí không chính thức; 86,7% HKD hài lòng về thời gian thực hiện TTHC nhanh chóng, đúng hạn. Năm 2023, quận Đồ Sơn đã tập trung triển khai một số giải pháp cải cách như tập trung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; nâng cấp cơ sở hạ tầng tại bộ phận một cửa; tăng tỉ lệ thực hiện hồ sơ trực tuyến trên hồ sơ tiếp nhận; hỗ trợ trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích²⁶; tổ chức đối thoại hàng quý với DN/HTX/HKD trên địa bàn để lắng nghe và kịp thời giải quyết khó khăn của các đơn vị theo phạm vi thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng DN/HTX/HKD đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh tại quận.

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số hỗ trợ SXKD: cải thiện chỉ tiêu về việc HKD được thông báo/ tham gia vào các chương trình, chính sách hỗ trợ SXKD (chỉ tiêu này chỉ đạt 4,93 điểm). Các chương trình hỗ trợ SXKD cần nâng cao hiệu quả, nhất là các chương trình về vay vốn, hỗ trợ đào tạo nghề và lao động.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Cán bộ cần nhiệt tình hỗ trợ HKD nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc; hướng dẫn về thực hiện TTHC dễ hiểu, dễ thực hiện; cải thiện hệ thống website, cập nhật đầy đủ các biểu mẫu TTHC, các văn bản quy phạm pháp luật mới, đặc biệt thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu; Tăng cường hỗ trợ cho HKD tiếp cận và thực hiện dịch vụ công trực tuyến khi chỉ tiêu này chỉ đạt 6,47 điểm.
- Chỉ số cạnh tranh bình đẳng: Địa phương cần cải thiện các chỉ tiêu như công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh, tiếp cận các nguồn vốn giữa các DN; thực hiện TTHC, dịch

²⁶ <https://baohaiphong.com.vn/baohp/vn/home/InfoDetail.jsp?ID=73369&cat=85>

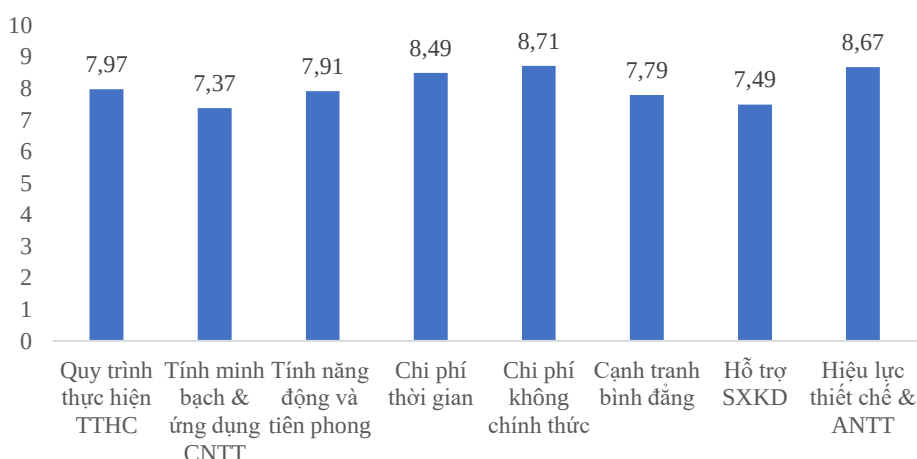
vụ công; tiếp cận các chính sách ưu đãi; tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đầu thầu, khai thác khoáng sản,...); thanh tra, kiểm tra.

4.4.6. Quận Hải An

Năm 2023, kết quả DDCI của quận Hải An đạt 80,5 điểm, tăng 0,28 điểm so với năm 2022, đứng thứ 9/14 quận, huyện được đánh giá. Sự cải thiện này thể hiện qua sự tăng điểm của 5/8 CSTP của quận là: Tính minh bạch và ứng dụng CNTT (tăng 0,35 điểm), hiệu lực thiết chế và ANTT (tăng 0,32 điểm), tính năng động và tiên phong (tăng 0,29 điểm), hỗ trợ SXKD (tăng 0,25 điểm) và chi phí thời gian (tăng 0,1 điểm). 3 chỉ số giảm điểm là chỉ số cạnh tranh bình đẳng (giảm 0,62 điểm), chi phí không chính thức (giảm 0,24 điểm) và quy trình thực hiện TTHC (giảm 0,8 điểm).

Các chỉ số được đánh giá cao là chi phí không chính thức, hiệu lực thiết chế và ANTT và chi phí thời gian đều đạt trên 8 điểm, ở mức điểm tốt. Các HKD đánh giá môi trường kinh doanh ngày càng tích cực hơn ở quận Hải An với các chính sách, quy định được triển khai hiệu quả, tạo thuận lợi cho hoạt động SXKD của HKD. Hơn 86% HKD cho rằng thời gian thực hiện TTHC ở quận đúng thời hạn và nhanh chóng cũng như hài lòng về thái độ và chuyên môn của cán bộ làm việc, ứng dụng CNTT giúp rút ngắn thời gian và chi phí. Năm 2023, quận Hải An tiếp tục công khai đầy đủ các thủ tục hành chính tại bộ phận “Một cửa” UBND quận, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục hành chính; hướng dẫn người dân và HKD thực hiện dịch vụ công trực tuyến; duy trì tổ chức đối thoại với người dân và DN.

Biểu đồ 4.29. Điểm số CSTP của quận Hải An



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Các thông tin, quy định về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu và ngân sách là các nhóm thông tin mà HKD chưa dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận. Việc tuyên truyền và khuyến khích HKD sử dụng CNTT trong quá trình thực hiện TTHC chưa được đánh giá cao khi phần lớn các HKD vẫn phản ánh việc phải đến trực tiếp cơ quan thực hiện, chỉ tiêu này đạt 5,3 điểm.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Nhiều HKD cho biết chưa được tham gia hoặc biết đến các chương trình tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới nhằm hỗ trợ SXKD. Trong khi đó, các chương trình hỗ trợ SXKD cho HKD chưa mang lại hiệu quả cao cho HKD, đặc biệt là các chính sách về vay vốn, đào tạo nghề.

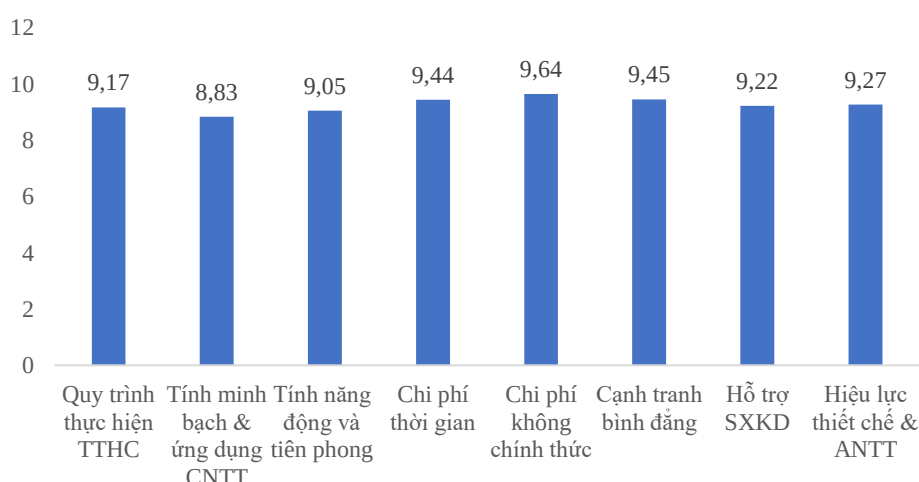
- Chỉ số cạnh tranh bình đẳng: Địa phương cần cải thiện các chỉ tiêu như công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh, tiếp cận các nguồn vốn giữa các HKD; thực hiện TTHC, dịch vụ công; tiếp cận các chính sách ưu đãi; Tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đầu thầu, khai thác khoáng sản,...); đối xử bình đẳng và có các cơ hội, quyền lợi như nhau giữa các nhóm DN/HTX/HKD và giữa các HKD lớn với HKD nhỏ.

4.4.7. Quận Hồng Bàng

Năm 2023, kết quả DDCI của quận Hồng Bàng đạt 92,59 điểm, tăng 8,58 điểm so với năm 2022, vươn lên vị trí dẫn đầu nhóm địa phương. Kết quả của sự cải thiện mạnh mẽ trên là do điểm số của tất cả các chỉ số đã được cải thiện. Các chỉ số được đánh giá có cải thiện nổi bật nhất trong năm 2023 so với năm 2022 là chỉ số chi phí thời gian tăng 1,24 điểm, hỗ trợ SXKD tăng 1,22 điểm và quy trình thực hiện TTHC tăng 1,08 điểm.

Phần lớn các chỉ số của quận Hồng Bàng đều đạt trên mức điểm 9, đứng đầu ở nhiều chỉ số, trong đó các chỉ số được đánh giá cao nhất là chỉ số chi phí không chính thức, cạnh tranh bình đẳng và chi phí thời gian. Điểm hài lòng nhất mà DN/HTX/HKD đánh giá cao ở quận Hồng Bàng là cơ sở vật chất hiện đại, thủ tục hành chính nhanh chóng và được hướng dẫn chi tiết. Kết quả DDCI năm 2023 của quận Hồng Bàng cho thấy hơn 95% HKD cảm thấy hài lòng về thời gian thực hiện TTHC ở quận; hơn 97% HKD hài lòng về chuyên môn và thái độ phục vụ của cán bộ phục vụ; hơn 93% HKD đánh giá cao việc ứng dụng CNTT giúp giảm chi phí và thời gian. Năm 2023, quận Hồng Bàng đã nỗ lực cải cách đa dạng hóa kênh cung cấp thông tin như cổng thông tin điện tử và các kênh truyền thông trên mạng xã hội (tài khoản zalo quận Hồng Bàng, Facebook quận Hồng Bàng, Youtube quận Hồng Bàng); thực hiện việc trả kết quả giải quyết TTHC được ký số và đính kèm TTHC; nâng cấp hạ tầng công nghệ, vận hành cổng thông tin điện tử của quận và các phường. Quận Hồng Bàng là đơn vị đầu tiên của thành phố khởi động mô hình Trung tâm điều hành thông minh (IOC) và ứng dụng công dân số Hồng Bàng Smart; nâng cao hiệu quả tương tác, phản ánh giữa ba trực chủ thể là chính quyền, người dân và doanh nghiệp. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật mới được bổ sung hỗ trợ HKD ứng dụng về công nghệ điện tử để thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến nhanh chóng, thuận tiện hơn²⁷.

Biểu đồ 4.30. Điểm số các CSTP của quận Hồng Bàng



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

²⁷ <https://baohaiphong.com.vn/baohp/vn/home/InfoDetail.jsp?ID=81176&cat=101>

Các chỉ số cần phải cải thiện:

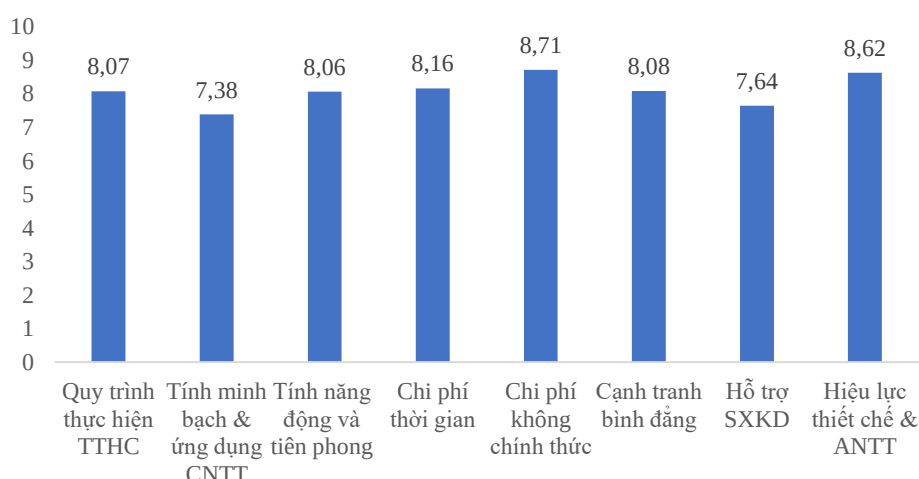
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Địa phương nên tập trung cải thiện các chỉ tiêu như cán bộ cần hướng dẫn về thực hiện TTHC dễ hiểu, dễ thực hiện; tăng cường việc phổ biến rộng rãi về các kênh thông tin và khai thác các tiện ích trên các phần mềm, ứng dụng để HKD có thể chủ động tự thực hiện tại cơ sở của mình.
- Chỉ số tính năng động và tiên phong: Hoạt động tổ chức đối thoại cần duy trì với sự tham gia đa dạng của nhiều nhóm đối tượng như DN/HTX/HKD; giải quyết triệt để, nhanh chóng các vấn đề cụ thể của HKD sau buổi tham vấn, đối thoại.

4.4.8. Quận Kiến An

Năm 2023, kết quả DDCI của quận Kiến An đạt 80,9 điểm, giảm 1,28 điểm so với năm 2022, xếp thứ 8/14 quận, huyện đánh giá. So sánh với năm 2022, sự giảm điểm này xuất hiện ở 6/8 chỉ số: Hỗ trợ SXKD (giảm 0,59 điểm), tính minh bạch và ứng dụng CNTT (giảm 0,36 điểm), tính năng động và tiên phong (giảm 0,33 điểm), chi phí thời gian (giảm 0,22 điểm), quy trình thực hiện TTHC và hiệu lực thiết chế và ANTT cùng giảm 0,09 điểm. Quận Kiến An có 2 chỉ số cải thiện là chỉ số cạnh tranh bình đẳng tăng 0,54 điểm và chỉ số chi phí không chính thức tăng 0,24 điểm.

Các chỉ số được đánh giá cao nhất trong năm 2023 là chỉ số chi phí không chính thức (8,71 điểm), hiệu lực thiết chế và ANTT (8,62 điểm) và chi phí thời gian (8,16 điểm). Kết quả DDCI của quận Kiến An cho thấy có 93,48% HKD hài lòng về thời gian thực hiện TTHC ở quận; 98% HKD hài lòng về chuyên môn và thái độ phục vụ của cán bộ thực hiện; 80% HKD đánh giá việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến giúp giảm chi phí và thời gian so với cách truyền thống. Năm 2023, quận Kiến An cũng đã có nhiều hoạt động cải cách như: Bộ phận một cửa UBND quận Kiến An niêm yết TTHC bằng mã QR Code cho 15 lĩnh vực (257 TTHC)²⁸; truyền thông và khuyến khích HKD thực hiện dịch vụ công trực tuyến, trả hồ sơ kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; đầu tư trang thiết bị CNTT tại bộ phận một cửa...

Biểu đồ 4.31. Điểm số các CSTP của quận Kiến An



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các chỉ số cần phải cải thiện:

²⁸ <https://kienan.haiphong.gov.vn/Chuyen-doi-so-va-Cai-cach-hanh-chinh/Cai-cach-hanh-chinh/Bo-phan-Mot-cua-UBND-quan-Kien-An-niem-yet-thu-tuc-hanh-chinh-bang-ma-QR-Code-118597.html>

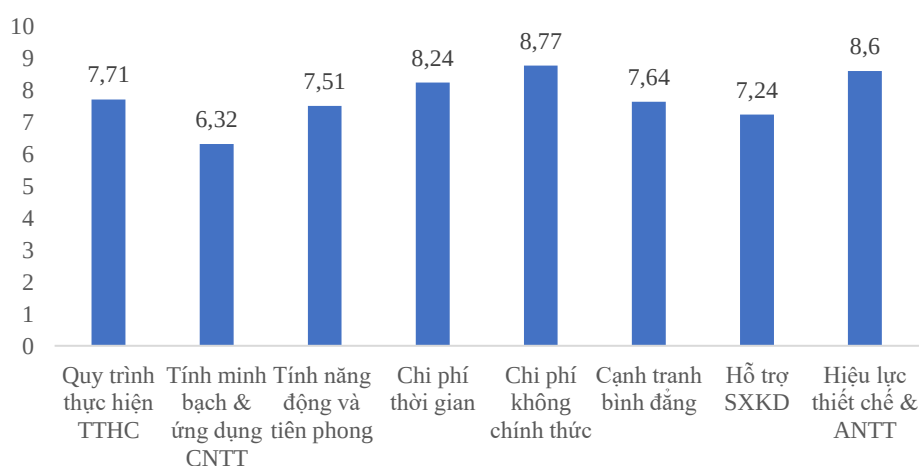
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Địa phương cần cải thiện các chỉ tiêu như niêm yết công khai, đầy đủ tài liệu hướng dẫn về thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công; hướng dẫn về thực hiện TTHC dễ hiểu, dễ thực hiện, nhất là đối với thực hiện dịch vụ công trực tuyến; cung cấp đầy đủ biểu mẫu TTHC; công bố công khai các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của HKD như dự án đầu tư, đấu thầu, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, ngân sách; cải thiện hệ thống website, cập nhật đầy đủ các biểu mẫu TTHC, các văn bản quy phạm pháp luật mới theo hướng dễ tìm kiếm, dễ tiếp cận; khuyến khích HKD làm quen và thực hiện TTHC trực tuyến.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Địa phương cần cải thiện các chỉ tiêu như tổ chức các chương trình tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,...; nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc và triển khai các chương trình (của Trung ương và thành phố) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ HKD hoạt động hiệu quả hơn, đặc biệt các chương trình về thuế, khởi sự kinh doanh, xúc tiến thương mại; tổ chức hiệu quả các buổi đối thoại, tiếp thu, thay đổi, hoạt động quản lý hành chính nói chung sau đối thoại.

4.4.9. Huyện Kiến Thụy

Kết quả DDCI năm 2023 của huyện Kiến Thụy đạt 77,54 điểm, tăng 2,25 điểm so với năm 2022, đứng thứ 14 trên bảng xếp hạng. Điểm trung bình của huyện cải thiện, xuất phát từ cải thiện của 7/8 chỉ số so với năm 2022, gồm: chi phí thời gian tăng 0,47 điểm; quy trình thực hiện TTHC tăng 0,45 điểm; chi phí không chính thức, hỗ trợ SXKD, hiệu lực thiết chế và ANTT cùng tăng 0,34 điểm; tính năng động và tiên phong tăng 0,23 điểm; tính minh bạch và ứng dụng CNTT tăng 0,21 điểm. Huyện Kiến Thụy chỉ có chỉ số cạnh tranh bình đẳng giảm 0,52 điểm. Với những nỗ lực như trên, huyện Kiến Thụy cần kiên trì và nỗ lực hơn nữa, có những chuyển biến mạnh mẽ để có thể cải thiện nhanh điểm số và thứ hạng của mình trong thời gian tới.

Các chỉ số được đánh giá cao trong năm 2023 là chỉ số chi phí không chính thức, hiệu lực thiết chế và ANTT và chi phí thời gian đều đạt trên 8 điểm. Năm 2023, huyện Kiến Thụy tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính như: đẩy mạnh cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; đầu tư cơ sở CNTT tại bộ phận một cửa như hệ thống xếp hàng tự động, hệ thống tra cứu thông tin; trả hóa đơn, biên lai đối với TTHC có phát sinh phí, lệ phí; công khai các hồ sơ, TTHC ở các cấp²⁹.

Biểu đồ 4.32. Điểm số các CSTP của huyện Kiến Thụy



²⁹ <https://baohaiphong.com.vn/baohp/vn/home/InfoDetail.jsp?ID=76673&cat=85>

Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

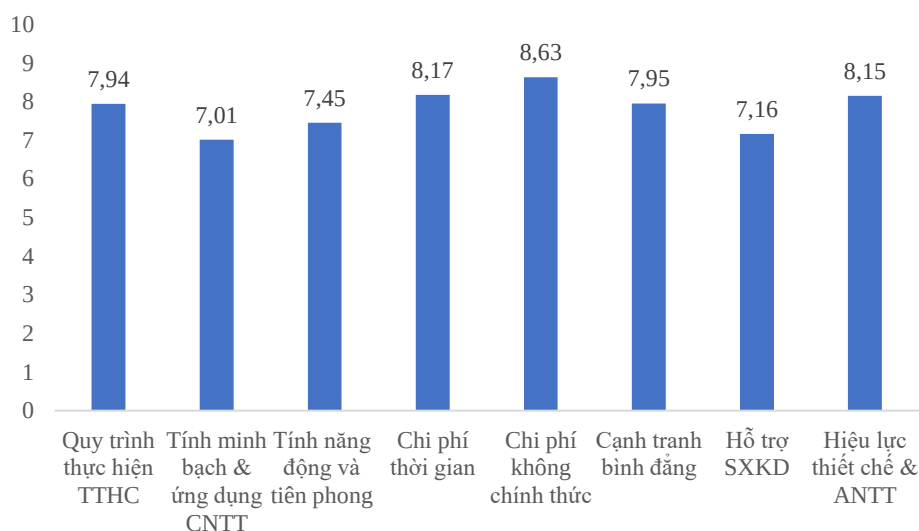
Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Các HKD phản ánh gặp khó khăn trong việc tiếp cận các thông tin như ngân sách, dự án hạng mục đầu tư, đấu thầu, bản đồ, quy hoạch đất đai với điểm số chỉ dao động ở mức 5-6 điểm. Huyện Kiến Thụy cần đẩy mạnh cung cấp thông tin công khai, minh bạch trên trang thông tin điện tử để HKD tìm kiếm cũng như khuyến khích HKD sử dụng dịch vụ công trực tuyến với những hướng dẫn cụ thể, chi tiết.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Tỷ lệ HKD biết đến/tham gia các chương trình, chính sách hỗ trợ SXKD của huyện còn rất hạn chế khi chỉ đạt 4,6 điểm. Hiệu quả các chương trình hỗ trợ SXKD cũng chưa đạt được kỳ vọng của HKD, lưu ý ở các chính sách về hỗ trợ thuế, đào tạo lao động.
- Chỉ số cạnh tranh bình đẳng: Địa phương cần cải thiện các chỉ tiêu như công bằng trong thực hiện TTHC, dịch vụ công; tiếp cận các chính sách ưu đãi; tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đấu thầu, khai thác khoáng sản,...).

4.4.10. Quận Lê Chân

Năm 2023, kết quả điểm số DDCI của quận Lê Chân đạt 78,08 điểm, tăng 1,79 điểm so với năm 2022, đứng thứ 12 trên bảng xếp hạng. Điểm số được cải thiện ở 5/8 chỉ số như: chỉ số chi phí không chính thức tăng 0,77 điểm, chi phí thời gian tăng 0,44 điểm, quy trình thực hiện TTHC tăng 0,41 điểm, cạnh tranh bình đẳng tăng 0,3 điểm và hiệu lực thiết chế và ANTT tăng 0,17 điểm. 3 chỉ số giảm điểm của quận không quá nhiều là chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT giảm 0,39 điểm, hỗ trợ SXKD giảm 0,13 điểm và tính năng động và tiên phong giảm 0,06 điểm.

Biểu đồ 4.33. Điểm số các CSTP của quận Lê Chân



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các chỉ số được đánh giá cao của quận trong năm 2023 là chỉ số chi phí không chính thức (8,63 điểm), chi phí thời gian (8,17 điểm) và hiệu lực thiết chế và ANTT (8,15 điểm) thuộc nhóm điểm tốt. Có 87,76% HKD hài lòng về thời gian thực hiện TTHC ở quận đúng hạn, nhanh chóng; hơn 81% HKD đánh giá cao việc thực hiện TTHC trực tuyến giúp giảm bớt thời gian và chi phí; khoảng 86% HKD hài lòng về chuyên môn và thái độ phục vụ của cán bộ thực hiện. Năm 2023, quận Lê Chân đã triển khai

nhiều hoạt động cải cách như: Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, điều hành; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính³⁰.

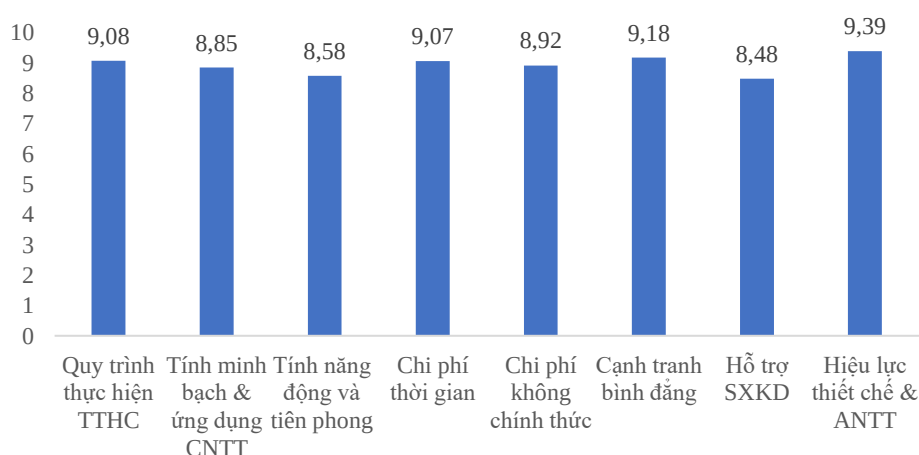
Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Việc tiếp cận các thông tin như ngân sách, dự án hạng mục đầu tư, đấu thầu, bản đồ, quy hoạch đất đai vẫn còn khó khăn với điểm số chỉ dao động ở mức 7,2 điểm. Quận Lê Chân cần đẩy mạnh cung cấp thông tin công khai, minh bạch trên trang thông tin điện tử để HKD tìm kiếm cũng như khuyến khích HKD sử dụng dịch vụ công trực tuyến với những hướng dẫn cụ thể, chi tiết.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Tỷ lệ HKD biết đến/tham gia các chương trình, chính sách hỗ trợ SXKD của quận còn rất hạn chế khi chỉ đạt 4,16 điểm, chưa có nhiều cải thiện. Hiệu quả các chương trình hỗ trợ SXKD cũng chưa đạt được kỳ vọng của HKD, lưu ý ở các chính sách về hỗ trợ thuế, đào tạo lao động.
- Chỉ số tính năng động và tiên phong: Các chỉ tiêu cần cải thiện nhiều nhất ở chỉ số này liên quan đến hoạt động đối thoại: Tổ chức các buổi tham vấn DN/HTX/HKD; Giải quyết triệt để, nhanh chóng các vấn đề cụ thể sau buổi tham vấn, đối thoại.

4.4.11. Quận Ngô Quyền

Kết quả DDCI năm 2023 của quận Ngô Quyền đạt 89,44 điểm, tăng 0,37 điểm so với năm 2022, đứng thứ 3/14 quận, huyện và đang tiệm cận khá gần tới nhóm rất tốt. Kết quả tích cực này được thể hiện qua những chỉ số có cải thiện như chi phí thời gian tăng 0,24 điểm; cạnh tranh bình đẳng tăng 0,2 điểm, quy trình thực hiện TTHC, tính minh bạch và ứng dụng CNTT và hiệu lực thiết chế và ANTT tăng nhẹ trong khoảng 0,05-0,09 điểm. 3 chỉ số mà quận Ngô Quyền cần lưu ý trong thời gian tới là chi phí không chính thức giảm 0,13 điểm, tính năng động và tiên phong và hỗ trợ SXKD giảm nhẹ 0,06 điểm.

Biểu đồ 4.34. Điểm số CSTP của quận Ngô Quyền



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

8 chỉ số thành phần của quận Ngô Quyền đều được đánh giá trên 8 điểm, ở nhóm tốt và rất tốt. Các chỉ số được đánh giá cao trong năm 2023 là: hiệu lực thiết chế và ANTT (đạt 9,39 điểm), cạnh tranh bình đẳng (đạt 9,18 điểm), quy trình thực hiện TTHC (đạt 9,08 điểm) và chi phí thời gian (đạt 9,07 điểm). Theo kết quả DDCI năm 2023, có 98,57% HKD đánh giá thời gian thực hiện TTHC ở quận nhanh chóng và

³⁰ <http://anhp.vn/quan-le-chan--phan-dau-thuc-hien-so-hoa-ho-so-ket-qua-giai-quet-thu-tuc-hanh-chinh--dam-bao-dat-100-d54648.html>

đúng hạn; các HKD rất hài lòng về chuyên môn và thái độ phục vụ của cán bộ thực hiện và việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến giúp giảm chi phí và thời gian. Năm 2023, quận Ngô Quyền đã triển khai nhiều hoạt động cải cách như: thực hiện mô hình “TTHC không chờ” giúp hồ sơ được xử lý và trả kết quả ngay; xe lưu động, bản tin thân thiện hỗ trợ thực hiện TTHC ngay tại nhà; rút ngắn thời gian giải quyết một số thủ tục như cấp giấy chứng nhận ĐKKD được rút ngắn thời gian từ 3 xuống 2 ngày làm việc, cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ rút ngắn từ 15 ngày xuống 12 ngày làm việc...; nâng cấp cơ sở vật chất của trung tâm hành chính và bộ phận một cửa; khuyến khích người dân nộp hồ sơ trực tuyến³¹.

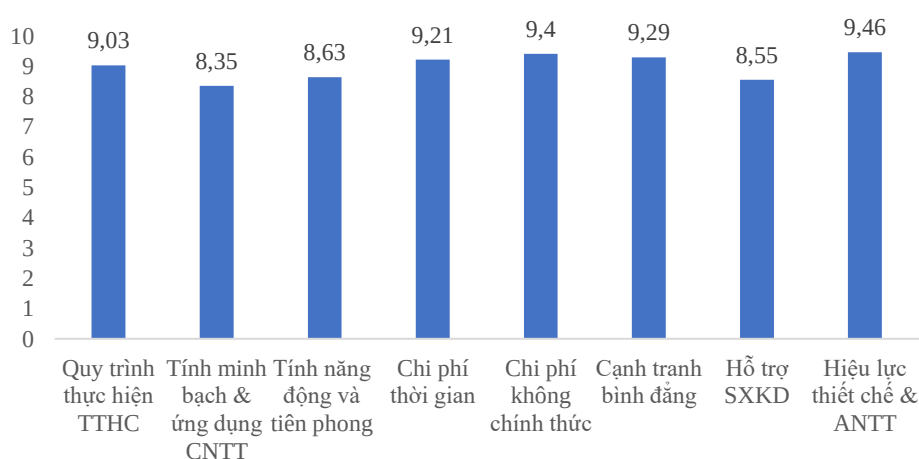
Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Địa phương cần cải thiện một số chỉ tiêu như tổ chức các chương trình tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới; nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc và triển khai các chương trình (của Trung ương và thành phố) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ HKD hoạt động hiệu quả hơn.
- Chỉ số chi phí không chính thức: Quận Ngô Quyền cần thường xuyên tổ chức các cuộc thanh tra, kiểm tra việc cán bộ thực hiện chức trách nhiệm vụ để hạn chế sự nhũng nhiễu đối với HKD cũng như tuyên truyền văn hóa kinh doanh liêm chính tới HKD để giảm việc chi trả chi phí không chính thức của HKD.
- Chỉ số tính năng động và tiên phong: Tăng cường tổ chức các buổi tham vấn, đối thoại với sự tham gia của nhiều đối tượng như DN/HTX/HKD; Giải quyết triệt để, nhanh chóng các vấn đề cụ thể của DN/HTX/HKD sau buổi tham vấn, đối thoại.

4.4.12. Huyện Thủy Nguyên

Kết quả DDCI năm 2023 của huyện Thủy Nguyên đạt 89,9 điểm, tăng 10,5 điểm so với năm 2022 và là địa phương có mức tăng điểm lớn nhất, với kết quả này huyện Thủy Nguyên đã vươn lên vị trí thứ 2 trên bảng xếp hạng. Sự cải thiện mạnh mẽ được thể hiện rõ qua sự cải thiện đồng đều của tất cả 8 chỉ số thành phần. Trong đó, các chỉ số có tiến bộ nhiều nhất là cạnh tranh bình đẳng tăng 1,3 điểm, hiệu lực thiết chế và ANTT tăng 1,2 điểm, quy trình thực hiện TTHC tăng 1,13 điểm, tính minh bạch và ứng dụng CNTT tăng 1,12 điểm và chi phí thời gian tăng 1,08 điểm.

Biểu đồ 4.35. Điểm số các CSTP của huyện Thủy Nguyên



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

³¹ <https://baohaiphong.com.vn/baohp/vn/home/InfoDetail.jsp?ID=78317&cat=101>

Năm 2023, các chỉ số thành phần của huyện Thủy Nguyên đều được đánh giá ở mức điểm tốt trở lên với một số chỉ số được đánh giá cao, ở mức rất tốt là: Chỉ số chi phí không chính thức đạt 9,4 điểm, hiệu lực thiết chế đạt 9,46 điểm, cạnh tranh bình đẳng đạt 9,29 điểm, chi phí thời gian đạt 9,21 điểm và quy trình thực hiện TTHC đạt 9,03 điểm. Kết quả khảo sát DDCI năm 2023 cho thấy có 95,54% HKD hài lòng về thời gian thực hiện TTHC đúng hạn, nhanh chóng; 97,32% HKD hài lòng về chuyên môn và thái độ phục vụ của cán bộ; 75,5% HKD đánh giá cao việc ứng dụng CNTT/phương thức mới trong việc quản lý, điều hành của huyện. Năm 2023, huyện Thủy Nguyên cũng thực hiện nhiều hoạt động cải cách như: tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, đẩy mạnh thanh toán trực tuyến (Đài truyền thanh huyện, Đài Phát thanh các xã, thị trấn, hệ thống Cổng thông tin điện tử, thông qua các cuộc họp, hội nghị, các buổi sinh hoạt); tổ chức các hoạt động “Ngày thứ bảy tình nguyện giải quyết thủ tục hành chính cho nhân dân”; tổ chức “Mô hình Công dân không viết” phục vụ trong giải quyết TTHC nhằm nâng cao chất lượng...³²

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Một số HKD cho biết việc cung cấp thông tin vẫn chưa kịp thời khi muốn yêu cầu cung cấp thông tin không có sẵn. Mức độ sử dụng và khai thác thông tin trên cổng thông tin của huyện còn thấp. Đặc biệt, các HKD vẫn phải đến trực tiếp cơ quan để thực hiện TTHC, chỉ tiêu này đạt 6,11 điểm.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Huyện Thủy Nguyên cần cải thiện các chỉ tiêu như tổ chức các chương trình tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,... với sự tham gia của nhiều HKD hơn khi vẫn còn nhiều HKD cho biết chưa được tham gia (điểm số chỉ tiêu này đạt 6,23 điểm); nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc và triển khai các chương trình (của Trung ương và thành phố) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ HKD hoạt động hiệu quả hơn, nhất là các chương trình hỗ trợ về khởi sự kinh doanh, hỗ trợ đào tạo nghề và lao động.
- Chỉ số tính năng động và tiên phong: Địa phương cần tổ chức hiệu quả các buổi đối thoại, tiếp thu, thay đổi, hoạt động quản lý hành chính nói chung sau đối thoại khi có tới 35,14% HKD cho biết chưa từng tham gia đối thoại với chính quyền.

4.4.13. Huyện Tiên Lãng

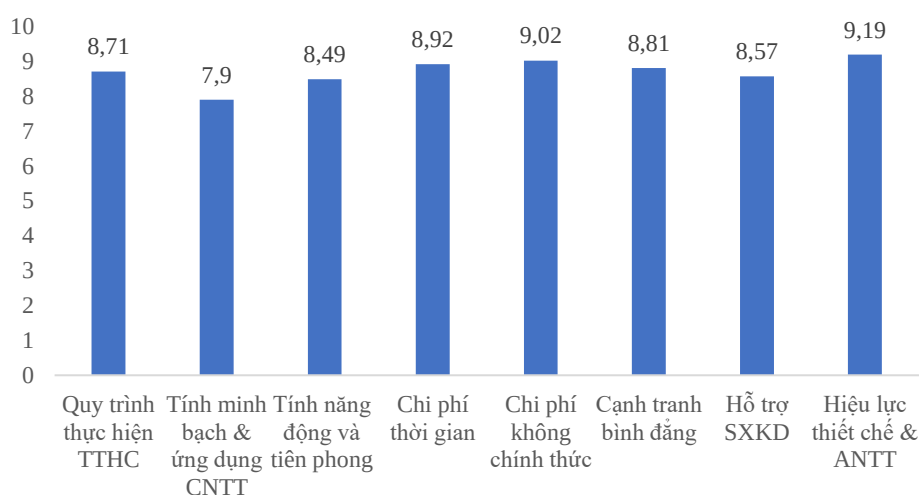
Năm 2023, điểm số DDCI của huyện Tiên Lãng đạt 87,01 điểm, tăng 1,07 điểm so với năm 2022, đứng thứ 5/14 quận, huyện được đánh giá. Huyện Tiên Lãng là địa phương 4 năm liền ở trong “top” đầu DDCI của thành phố với sự cải thiện điểm số đều đặn theo thời gian. So sánh với năm 2022, huyện Tiên Lãng có 7 chỉ số tăng điểm là: Hỗ trợ SXKD (tăng 0,36 điểm), quy trình thực hiện TTHC (tăng 0,34 điểm), hiệu lực thiết chế và ANTT (tăng 0,29 điểm), tính minh bạch và ứng dụng CNTT và tính năng động và tiên phong cùng tăng 0,19 điểm, chi phí thời gian cải thiện nhẹ 0,05 điểm. Năm 2023, chỉ số cạnh tranh bình đẳng giảm 0,42 điểm nhưng vẫn ở mức điểm khá cao, đạt 8,81 điểm.

Kết quả DDCI năm 2023 của huyện Tiên Lãng cho thấy phần lớn các chỉ số đạt mức điểm tốt và rất tốt. Các chỉ số được đánh giá cao như: Hiệu lực thiết chế và ANTT đạt 9,19 điểm, chi phí không chính thức đạt 9,02 điểm và chi phí thời gian đạt 8,92 điểm. Có 95,23% HKD đánh giá cao việc triển khai các quy định, chính sách của huyện hiệu quả; 95,24% HKD cho biết thời gian thực hiện TTHC ở huyện đúng thời gian và nhanh chóng và hài lòng về thái độ và chuyên môn của cán bộ thực hiện và 66,67% HKD đánh giá huyện đã ứng dụng CNTT/phương thức mới trong quá trình quản lý, điều hành tương đối hiệu

³² <https://thanhdoanhaiphong.gov.vn/ngay-thu-bay-tinh-nguyen-giai-quyet-thu-tuc-hanh-chinh-cho-nhan-dan-gan-voi-phong-trao-3-trach-nhiem-trong-dot-cao-diem-chung-tay-xay-dung-nong-moi-nam-2023-tren-dia-ban-huyen-thuy-nguyen-nd24087.html>

qua. Năm 2023, huyện Tiên Lãng tiếp tục các giải pháp cải cách như: triển khai bộ nhận diện thương hiệu tại bộ phận một cửa; trực tiếp hướng dẫn và thực hiện TTHC trực tuyến tại nhà cho người dân; đầu tư cơ sở vật chất tại bộ phận một cửa; tỉ lệ nộp hồ sơ trực tuyến đạt gần 99% và tỉ lệ thanh toán trực tuyến đạt 76%, tỉ lệ số hóa đạt khoảng 69% (tính đến tháng 11/2023)³³...

Biểu đồ 4.36. Điểm số các CSTP của huyện Tiên Lãng



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Việc tiếp cận các thông tin như ngân sách, dự án hạng mục đầu tư, đấu thầu, bản đồ, quy hoạch đất đai vẫn còn khó khăn đối với HKD. Huyện Tiên Lãng cần đẩy mạnh cung cấp thông tin công khai, minh bạch trên trang thông tin điện tử để HKD tìm kiếm, kịp thời cung cấp thông tin khi HKD có yêu cầu cung cấp các thông tin không có sẵn. Đặc biệt, tăng cường hướng dẫn cụ thể, chi tiết để khuyến khích HKD sử dụng dịch vụ công trực tuyến, không cần phải đến trực tiếp các cơ quan.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Tỉ lệ HKD biết đến/tham gia các chương trình, chính sách hỗ trợ SXKD của huyện còn thấp khi chỉ tiêu này chỉ đạt 5,81 điểm. Hiệu quả các chương trình hỗ trợ SXKD cũng chưa đạt được kì vọng của HKD, lưu ý ở các chính sách về khởi sự kinh doanh, hỗ trợ thuế, đào tạo lao động.
- Chỉ số tính năng động và tiên phong: Địa phương cần cải thiện các chỉ tiêu như tổ chức hiệu quả các buổi đối thoại, tiếp thu, thay đổi, hoạt động quản lý hành chính nói chung sau đối thoại. Đây là các khía cạnh còn chậm cải thiện trong nhiều năm qua, huyện Tiên Lãng cần tuyên truyền và khuyến khích sự tham gia của nhiều đối tượng như DN/HTX/HKD trong các hoạt động đối thoại.
- Chỉ số cạnh tranh bình đẳng: Các chỉ tiêu của huyện đều đạt ở mức điểm tốt nên huyện cần tập trung vào việc hỗ trợ các HKD nhỏ và siêu nhỏ trong việc tiếp cận các thông tin, chính sách và thực hiện TTHC để có thể cùng phát triển với các HKD và DN lớn trên địa bàn, tránh cảm nhận địa phương chỉ ưu ái các DN hoặc HKD lớn hoặc “thân hữu” với chính quyền.

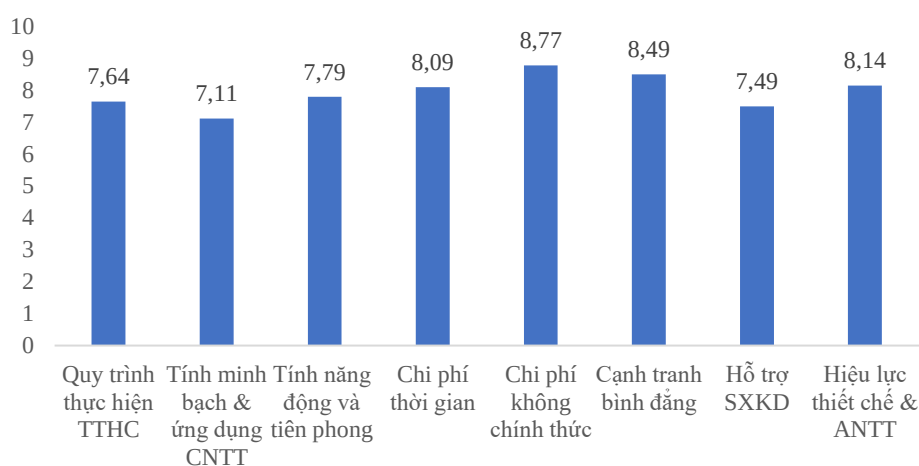
³³ <https://thhp.vn/cai-cach-hanh-chinh-huyen-tien-lang-cai-thien-chi-so-cai-cach-hanh-chinh-25889.html>

4.4.14. Huyện Vĩnh Bảo

Năm 2023, kết quả DDCI của huyện Vĩnh Bảo đạt 79,4 điểm, tiệm cận rất gần với nhóm điểm số tốt, tăng 4,24 điểm so với năm 2022, xếp thứ 11 trên bảng xếp hạng. Huyện Vĩnh Bảo đang có những bước cải thiện chắc chắn với tất cả các chỉ số thành phần đều tăng điểm so với năm 2022. Trong đó, các chỉ số có cải thiện nổi bật là: Chỉ số cạnh tranh bình đẳng tăng 0,9 điểm; chỉ số chi phí không chính thức tăng 0,4 điểm và 6 chỉ số còn lại đều tăng trên 0,3 điểm.

Năm 2023, các chỉ số của huyện được đánh giá cao là chỉ số chi phí không chính thức (8,77 điểm), cạnh tranh bình đẳng (8,49 điểm), hiệu lực thiết chế và ANTT (8,14 điểm) và chi phí thời gian (8,09 điểm). Kết quả khảo sát DDCI năm 2023 cho thấy, có 80% HKD hài lòng về thời gian thực hiện TTHC ở huyện; 78,7% HKD hài lòng về chuyên môn và thái độ phục vụ của cán bộ thực hiện; 74,67% HKD đánh giá việc thực hiện TTHC trực tuyến giúp giảm thời gian và chi phí so với phương thức truyền thống.

Biểu đồ 4.37. Điểm số các CSTP của huyện Vĩnh Bảo



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Việc tiếp cận thông tin liên quan tới SXKD theo đánh giá của các HKD vẫn chưa thuận lợi ở các nhóm thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu; bản đồ quy hoạch sử dụng đất. Các HKD cũng cho biết, việc cung cấp thông tin khi có yêu cầu chưa được nhanh chóng, kịp thời. Các chỉ tiêu huyện cần cải thiện nhiều trong thời gian tới là mức độ sử dụng CNTT/ phương thức mới trong thực hiện TTHC và tỉ lệ HKD sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Huyện Vĩnh Bảo cần cải thiện các chỉ tiêu như tổ chức các chương trình tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,... với sự tham gia của đông đảo HKD hơn khi vẫn còn nhiều HKD cho biết chưa được tham gia (điểm số chỉ tiêu này đạt 6,49 điểm); nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc và triển khai các chương trình (của Trung ương và thành phố) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ HKD hoạt động hiệu quả hơn, nhất là các chương trình hỗ trợ về thuế, khởi sự kinh doanh và xúc tiến thương mại.



CHƯƠNG V

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

DDCI 2023
HẢI PHÒNG



CHƯƠNG V: KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

5.1. Kết luận

Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2023 đã tổng hợp ý kiến của 2.531 DN/HTX/HKD. Kết quả khảo sát cho thấy một số điểm nổi bật như sau:

- Chất lượng điều hành kinh tế cấp Sở, ban, ngành và địa phương có sự cải thiện theo thời gian. Điểm số trung bình năm 2023 của khối Sở, ban, ngành đạt 76,59 điểm, tăng 0,2 điểm so với năm 2022, tăng liên tục và cao hơn mức điểm 74,66 điểm của năm 2020. Điểm số trung bình năm 2023 của khối địa phương đạt 83,44 điểm, tăng 2,66 điểm so với năm 2022, tăng liên tục và cao hơn mức 76,84 điểm của năm 2020.
- Quy trình thực hiện TTHC ngày càng đơn giản, rút ngắn thời gian thực hiện nhưng vẫn còn nhiều lĩnh vực cần phải cải thiện. Tỷ lệ DN/HTX/HKD hài lòng về chuyên môn và thái độ của cán bộ thực hiện khá cao. Song, DN/HTX/HKD cũng phản ánh mất khá nhiều thời gian để tìm hiểu quy trình và chờ đợi kết quả đối với thủ tục phức tạp.
- Thông tin đã công khai hơn trước đây nhưng DN/HTX/HKD vẫn chưa thực sự tiếp cận dễ dàng và ứng dụng CNTT vẫn còn khó khăn khi triển khai thực tế. Nhìn chung, các DN/HTX/HKD chưa nhận thấy việc tiếp cận các thông tin, tài liệu dễ dàng và thực hiện TTHC trực tuyến chưa được toàn phần.
- Hỗ trợ SXKD chưa tiếp cận đến nhiều DN/HTX/HKD và chưa mang lại hiệu quả như kì vọng. Mức độ tiếp cận của DN/HTX/HKD nhìn chung còn khá thấp, chỉ có một tỷ lệ nhỏ đã tiếp cận và thụ hưởng các chính sách khuyến khích, hỗ trợ. DN/HTX/HKD cũng chỉ đánh giá hiệu quả dừng ở mức “đáp ứng một phần”.
- Chi phí không chính thức tiếp tục được cắt giảm. Phần lớn các DN/HTX/HKD cho rằng hiện tượng chi trả chi phí không chính thức đang có xu hướng giảm đi, ít xảy ra hơn.
- Các cơ quan và lãnh đạo được DN/HTX/HKD ghi nhận những nỗ lực cải cách môi trường đầu tư, kinh doanh, triển khai hiệu quả các quy định và chính sách của Trung Ương và thành phố.

5.2. Đề xuất và kiến nghị

5.2.1. Đề xuất cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh

Các đề xuất và kiến nghị sau được tổng hợp từ những ý kiến đóng góp của các DN/HTX/HKD trong quá trình khảo sát DDCI. Báo cáo ghi nhận lại một số đề xuất, kiến nghị chính về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh như sau:

a. Đơn giản hóa quy trình thực hiện TTHC

- Các cơ quan chức năng tiếp tục rà soát quy trình và nghiên cứu cách thức rút gọn các công đoạn khai nộp hồ sơ trên hệ thống để tạo thuận lợi và khuyến khích DN/HTX/HKD khai nộp hồ sơ.
- Các cơ quan nghiên cứu đề xuất của DN/HTX/HKD về việc phân cấp, phân quyền một số lĩnh vực quản lý như phân cấp việc cấp giấy phép kinh doanh lĩnh vực karaoke cho quận, huyện quản lý; tăng thời gian gia hạn chứng chỉ hành nghề xây dựng và các giấy phép gia hạn khác.

- Các cơ quan cần cam kết và phối hợp triển khai hiệu quả mô hình “Hỗ trợ đăng ký doanh nghiệp”, “Kết nối thủ tục cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện” để thủ tục cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện thuận lợi hơn, tránh trường hợp “bị treo” hồ sơ ở một cơ quan cũng như có thông báo thời hạn giải quyết hồ sơ phối hợp giữa các cơ quan rõ ràng, tránh trường hợp đùn đẩy trách nhiệm hoặc phân công công việc không rõ ràng.

- Đẩy mạnh hình thức trả kết quả trực tuyến hoặc sử dụng dịch vụ bưu chính công ích, hạn chế việc DN/HTX/HKD đến lấy kết quả trực tiếp. Bên cạnh đó, dịch vụ trả kết quả qua bưu chính công ích cũng cần rút ngắn thời gian hơn nữa.

b. Cải thiện tính minh bạch và tiếp cận thông tin

- Cần cải thiện khả năng tiếp cận thông tin hơn nữa thông qua việc đa dạng hóa các hình thức cung cấp thông tin và trình bày các thông tin này một cách khoa học, hệ thống, dễ tìm kiếm và dễ đọc hiểu trên cổng thông tin điện tử.

- Cung cấp các văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật, TTHC một cách dễ hiểu và chi tiết để DN/HTX/HKD dễ dàng đọc hiểu và thực hiện.

- Hỗ trợ kịp thời các vướng mắc của DN/HTX/HKD, trả lời các vướng mắc của DN/HTX/HKD nên tập trung vào thẳng nội dung câu hỏi, thay vì trả lời chung chung theo quy định pháp luật.

- Hướng dẫn sử dụng hiệu quả các cổng thông tin điện tử, cổng dịch vụ công thông qua việc tăng cường truyền thông, hướng dẫn đến đông đảo DN/HTX/HKD để họ biết và sẵn sàng sử dụng.

c. Cải thiện hiệu quả hệ thống dịch vụ công trực tuyến

- Thu thập phản hồi về các vấn đề kỹ thuật và những vướng mắc khác mà người dùng thường gặp trên hệ thống. Từ đó, đơn vị vận hành có giải pháp khắc phục, nâng cấp hệ thống và thông báo công khai trên hệ thống các giải pháp phù hợp để giải quyết vấn đề và kết quả thực hiện để những vấn đề này không lặp lại. Việc thông báo, trao đổi thông tin thường xuyên giữa các cơ quan và Sở TT&TT và cơ quan vận hành hệ thống cũng rất quan trọng nhằm đảm bảo công hoạt động liền mạch và tăng cường sự chủ động ứng phó các sự cố cho các bên liên quan.

- Các thông tin về tiến độ tiếp nhận và xử lý hồ sơ cần được công khai chi tiết, đầy đủ, dễ tiếp cận với người sử dụng. Nội dung báo cáo hồ sơ đã tiếp nhận và xử lý (số lượng hồ sơ tiếp nhận, số lượng hồ sơ bị từ chối, lý do chi tiết hồ sơ bị từ chối, tên cán bộ giải quyết...) cần được công khai, minh bạch kịp thời hơn nữa với người sử dụng.

- Các cơ quan cũng cần thường xuyên cập nhật các chính sách, quy định mới trên cổng dịch vụ công.

- Các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn về dịch vụ công trực tuyến cần được thực hiện thường xuyên đến các DN/HTX/HKD, đặc biệt là DN/HTX/HKD mới thành lập và mới sử dụng dịch vụ công, DN/HTX/HKD vừa và nhỏ.

- Tiếp tục bổ sung các tiện ích như trả lời tổng đài hỗ trợ hỏi - đáp hiệu quả, thanh toán trực tuyến, xuất hóa đơn.

d. Tổ chức đối thoại hiệu quả

- Thu hút và khuyến khích sự tham gia đối thoại của các DN/HTX/HKD đặc biệt là nhóm có quy mô nhỏ và siêu nhỏ.

5.2.2. Đề xuất triển khai DDCI các năm tới

- *Phối hợp hiệu quả từ các Sở, ban, ngành và địa phương:* Các cơ quan thường xuyên cập nhật hàng tháng và cung cấp đầy đủ danh sách DN/HTX/HKD thực hiện TTHC và làm việc tại cơ quan mình và tích cực đóng góp ý kiến cải thiện phương pháp và hỗ trợ truyền thông trong quá trình triển khai DDCL.

5.3. Hướng dẫn khai thác và sử dụng dữ liệu DDCI

Để thực hiện khai thác dữ liệu Bộ chỉ số DDCI cấp Sở, ban, ngành và địa phương có thể thực hiện như dưới đây:



HẢI PHÒNG

Đăng nhập

Tìm kiếm

TRANG CHỦ

KHẢO SÁT TRỰC TUYẾN

DỮ LIỆU DDCI CHI TIẾT

SO SÁNH

TÀI LIỆU & BÁO CÁO

HỖ TRỢ



>

▶

Hải Phòng: Năng động, Đổi mới và Phát triển!

Thị trấn Nguyễn
Đông Sơn
Xã Hòa Nghĩa
Quận Hoàng Mai
Xã Tân Lập An
An Lạc
Quận Văn Quán
Xã Đình Dương Kinh
Khu Thụy
Yên Lãng
Vịnh Bắc
Cát Hải

BẢN ĐỒ DDCI



Dữ liệu DDCI chi tiết

Sở, ban, ngành

Địa phương, huyện, cơ sở

Năm 2022

KẾT QUẢ, DỮ LIỆU THEO NĂM

SO SÁNH QUA CÁC NĂM

Điểm số và thứ hạng của các sở, ngành theo chỉ số thành phần cốt lõi

Bước 3: Khai thác dữ liệu từ trang thông tin về cơ quan, có thể tải dữ liệu và biểu đồ để sử dụng.

5.3.2. Sử dụng dữ liệu DDCI

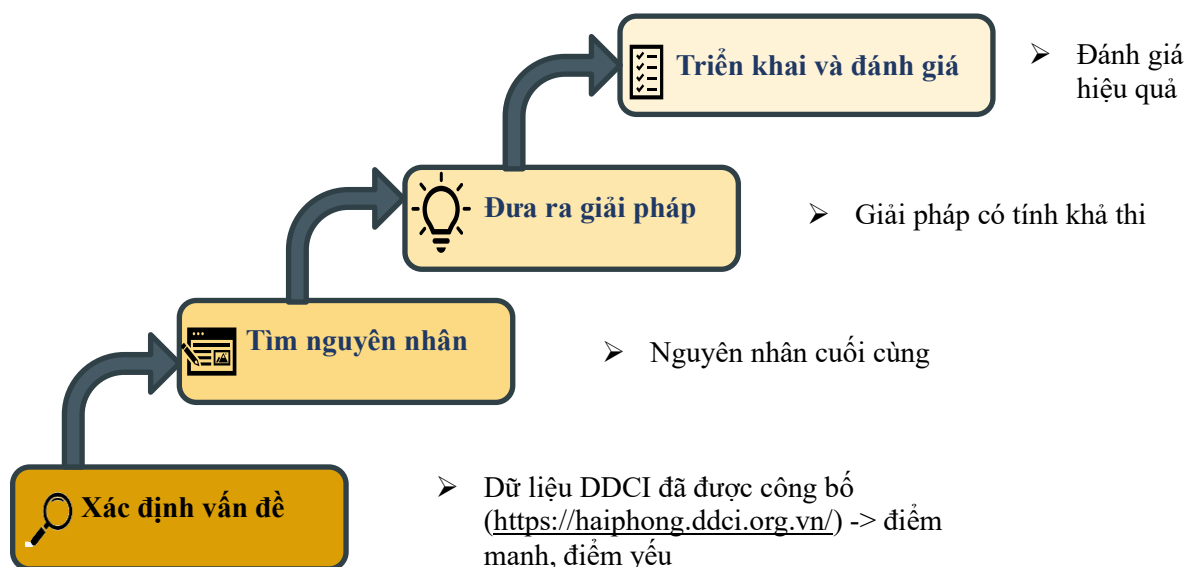
Cách sử dụng dữ liệu DDCI cấp Sở, ban, ngành và địa phương có thể thực hiện như sau:

Bước 1: Xác định vấn đề cần đánh giá về chất lượng quản trị ở một cơ quan thông qua kết quả DDCI. Tập hợp dữ liệu cần thiết để phân tích và xác định điểm mạnh, điểm yếu.

Bước 2: Tiến hành phân tích nguyên nhân để tìm nguyên nhân cuối cùng

Bước 3: Sử dụng các phát hiện để đưa ra các giải pháp, kế hoạch cải thiện có tính khả thi

Bước 4: Triển khai và đánh giá lại kết quả đã thực hiện



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nội vụ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Cựu chiến binh Việt Nam (2015-2022), “*Báo cáo Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước năm 2015-2018 (SIPAS 2015-2018)*”.
2. CECODES, VFF-CRT, RTA & UNDP (2009-2022), “*Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2009-2022*”.
3. Chính phủ Việt Nam (2020a), Nghị quyết số 84/NQ-CP, ngày 29 tháng 5 “*Về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch COVID-19*”
4. Chính phủ Việt Nam (2020b), Nghị quyết số 42/NQ-CP, ngày 09 tháng 4 “*Về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19*”
5. Cục Thống kê Hải Phòng (2019-2023), “*Niên giám thống kê Hải Phòng năm 2019-2023*”.
6. Cục Thống kê Hải Phòng (2010-2023), “*Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các năm 2010-2023*”.
7. Economica Vietnam (2018), “*Khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam: Năng suất và Thịnh Vượng*”
8. Edmund J. M. (2008), “*A Peek Under the Engine Hood: The Methodology of the Asia*”
9. GEM và VCCI (2016), “*Báo cáo về tinh thần khởi nghiệp toàn cầu - Việt Nam 2015/2016*”.
10. GSO (2005 - 2022), “*Niên giám thống kê các năm 2005-2022*”.
11. GSO (2012), “*Sự phát triển của doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2011*”, Nhà xuất Bản Thống kê
12. Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ (2018-2021), “*Báo cáo chỉ số Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính APCI 2018-2021*”
13. MPI/ GSO (2015-2016), “*Báo cáo khảo sát lực lượng lao động*”, Tổng cục Thống kê/ Bộ KHĐT, Hà Nội, Việt Nam
14. Quốc hội Việt Nam (2020), Nghị quyết số 116/2020/QH14, ngày 19 tháng 6 “*Về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác*”
15. UBND thành phố Hải Phòng (2020-2022), “*Báo cáo kết quả năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương DDCI*”
16. UBND thành phố Hải Phòng (2015-2022), “*Báo cáo kinh tế - xã hội 2015-2022*”
17. UBND thành phố Hải Phòng (2020), “*Báo cáo tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, định hướng giai đoạn 2021-2030 của thành phố Hải Phòng*”
18. USAID/VNCI-VCCI (2006-2022), “*Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam (2006–2021)*”. www.pcivietnam.org/reports.php
19. VCCI (2018-2021), “*Báo cáo dòng chảy pháp luật kinh doanh 2018-2021*”
20. VCCI (2021), “*Báo cáo thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư - đất đai - xây dựng - môi trường. Một số kết quả từ khảo sát doanh nghiệp năm 2020*”
21. VCCI (2021), “*Báo cáo nghiên cứu giải pháp cắt giảm gánh nặng chi phí tuân thủ pháp luật cho doanh nghiệp*”
22. VCCI (2021), “*Báo cáo: Chương trình cải cách môi trường kinh doanh Việt Nam: Góc nhìn từ doanh nghiệp*”
23. VCCI (2021), “*Báo cáo: Mức độ hài lòng của doanh nghiệp về việc thực hiện thủ tục hành chính xuất nhập khẩu*”
24. VCCI (2021), “*Báo cáo: Tác động của dịch bệnh COVID-19 đối với doanh nghiệp Việt Nam: Một số phát hiện chính từ điều tra*”
25. VCCI (2010-2017), *Báo cáo nghiên cứu MEI: Chỉ số hiệu quả hoạt động xây dựng và thị hành pháp luật về kinh doanh của các Bộ 2010-2017*
26. VCCI (2010-2019), “*Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam*”, NXB Chính trị Quốc gia
27. VCCI (2019), “*Báo cáo đánh giá cải cách thủ tục hành chính thuế*”, Hà Nội.
28. VCCI. (2020), “*Báo cáo đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp và thời gian thực hiện thủ tục hành chính qua cơ chế một cửa quốc gia*”, Hà Nội

29. World Bank (2018-2020), “Doing Business 2018-2020”
30. Bộ luật số: 45/2019/QH14, Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019
31. Luật số: 77/2015/QH13, Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015.
32. Luật số: 104/2016/QH13, Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 04 năm 2016
33. Luật số: 47/2019/QH14, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019
34. Luật số: 20/VBHN-VPQH, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngày 15 tháng 07 năm 2020

PHỤ LỤC

1. DDCI cấp Sở, ban, ngành

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																					TB
	Sở KH & ĐT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở XD	Sở NN& PTNT	Sở GT& VT	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LĐ - TB &XH	Sở CT	Sở Tư pháp	Sở TT& TT	Sở Y tế	Sở VH& TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP	NH NN-HP	
1-Quy trình thực hiện TTHC	7,7	7,67	7,12	7,11	7,58	7,48	7,1	7,61	7,43	7,54	7,96	7,5	7,4	7,93	7,46	7,44	7,61	7,55	7,55	7,67	7,37	7,51
B1. Tổng thời gian mà ông/bà đã dành cho việc tìm hiểu thông tin về trình tự, thủ tục hành chính tại SỞ/BAN/NGÀNH NÀY là bao lâu?	6,27	6,42	5,96	5,52	6,5	6,16	5,84	6,2	6,22	6,63	6,6	6,33	6,24	7,1	6,13	6,19	6,49	6,63	6,23	7,09	6,47	6,34
B2. Ông/bà bị yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ bao nhiêu lần rồi mới được chấp nhận là hồ sơ hợp lệ?	7,71	7,74	7,37	7,61	7,58	7,72	7,19	7,73	7,33	7,18	7,93	7,9	7,3	8,13	8,15	7,39	7,75	7,7	7,59	7,82	7,35	7,63
B8. Thời gian DN/HTX bỏ ra để hoàn thành TẤT CẢ các thủ tục cần thiết ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY (từ khi chính thức tìm hiểu thủ tục đến khi nhận được kết quả cuối cùng)?	7,2	7,57	5,54	6,4	6,52	7,27	6,22	6,61	6,71	6,89	7,73	6,83	6,1	7,47	6,71	6,38	7,16	7,01	7,19	7,17	6,71	6,83
B3N. Ông/bà đánh giá thế nào về việc hướng dẫn của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY khi yêu cầu DN phải làm việc với nhiều Sở, ban, ngành khác ngoài SỞ/BAN/NGÀNH NÀY để bổ sung mới có thể hoàn tất hồ sơ?	7,96	7,68	7,49	7,57	7,69	7,62	7,53	7,97	7,86	7,8	8,2	8,07	8,19	8	7,6	7,84	7,81	7,85	7,91	8,03	7,6	7,82

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																					TB
	Sở KH & DT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở XD	Sở NN& PTNT	Sở GT& VT	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LD - TB &XH	Sở CT	Sở Tư pháp	Sở TT& TT	Sở Y tế	Sở VH& TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP	NH NN-HP	
B4. Ông/bà đánh giá tác động của những khó khăn khi thực hiện TTHC ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY đến kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp ông/bà?	7,67	7,5	7,07	7,3	7,69	7,45	7,03	7,17	7,13	7,3	7,59	7,15	7,8	7,68	7,6	7,31	7,3	7,28	7,49	7,12	7,2	7,37
B5. Chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc và chất lượng cung cấp các chỉ dẫn phù hợp của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với DN/HTX	8,37	8,08	7,89	7,55	8,19	7,86	7,75	8,33	8,02	8,05	8,53	7,93	7,81	8,39	8	8,13	8,19	8,06	7,98	8	7,94	8,05
B6. Thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với DN/HTX	8,22	8,17	7,82	7,49	8,31	7,96	7,7	8,4	8,06	8,25	8,53	7,87	7,86	8,45	7,73	8,13	8,05	7,91	8,06	8,09	7,94	8,05
B7. Quy trình, thủ tục giải quyết TTHC đúng như văn bản quy định	8,21	8,24	7,78	7,44	8,15	7,84	7,54	8,43	8,06	8,2	8,53	7,9	7,86	8,26	7,73	8,16	8,12	7,95	7,97	8,05	7,76	8,01
2-Tính minh bạch & ứng dụng công nghệ thông tin	7,82	7,35	6,89	7,21	7,22	7,4	7,01	7,49	7,32	7,58	7,53	7,28	7,43	7,98	7,37	7,35	7,41	7,62	7,71	7,47	7,44	7,42
B6. Ông/ bà hãy đánh giá mức độ thuận lợi khi tiếp cận với các thông tin, văn bản quy phạm pháp luật; TTHC; cơ chế chính sách mới ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	7,94	7,52	7,37	7,26	7,65	7,65	7,4	7,93	7,49	7,55	8,07	7,61	7,67	8	7,86	7,68	7,64	7,56	7,67	7,69	7,65	7,66

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																					TB
	Sở KH & ĐT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở XD	Sở NN& PTNT	Sở GT& VT	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LD - TB &XH	Sở CT	Sở Tư pháp	Sở TT& TT	Sở Y tế	Sở VH& TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP	NH NN- HP	
B8. Nếu DN/HTX của ông/bà có yêu cầu SỐ/BAN/NGÀNH NÀY cung cấp thông tin, văn bản KHÔNG CÓ SẴN trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trực tiếp tại trụ sở thì ông/bà đánh giá thế nào về tính chủ động và kịp thời của SỐ/BAN/NGÀNH NÀY trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của ông/bà?	7,45	7,28	6,52	6,6	6,9	6,91	6,4	7,34	6,75	6,97	7,27	6,82	6,83	7,55	6,27	6,97	7,23	6,88	7,14	6,96	7,18	6,96
B9. Ông/bà đánh giá thế nào về nhận định: “DN/HTX của tôi KHÔNG cần phải có mối quan hệ với cán bộ nhà nước để được thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng và giải quyết TTHC tại SỐ/BAN/NGÀNH này”?	7,6	7,52	7,04	6,87	6,92	6,89	6,97	6,98	6,84	7,6	8,13	7,05	7,58	7,67	7,57	6,94	7,15	7,27	7,18	6,97	7,15	7,23
B10. Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ hữu ích của thông tin trên trang web của SỐ/BAN/NGÀNH này đối với DN/HTX trong việc tìm kiếm thông tin? (website có tên miền kết thúc bằng gov.vn)	8,13	7,84	7,05	7,66	7,65	7,84	7,1	8,07	7,57	8	8,57	7,57	8	8,19	7,6	7,35	7,79	7,78	7,89	7,62	7,71	7,76

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																					TB
	Sở KH & DT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở XD	Sở NN& PTNT	Sở GT& VT	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LD - TB &XH	Sở CT	Sở Tư pháp	Sở TT& TT	Sở Y tế	Sở VH& TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP	NH NN-HP	
B11. Mức độ thực hiện TTHC trực tuyến/ứng dụng phương thức mới của ông/bà khi thực hiện TTHC ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	7,78	7,12	6,18	7,2	7	7,37	6,82	7,3	7,64	7,8	6,41	7,17	6,84	8,26	7,2	7,74	7,2	8,22	8,42	7,91	7,5	7,39
B12. Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ ứng dụng CNTT/sử dụng nhiều phương thức mới, các xu thế của kinh tế số, chuyển đổi số, công nghiệp 4.0 (hỏi đáp trực tuyến trên trang web, email, MXH, hotline hỗ trợ...) để công khai thông tin và giải đáp thắc mắc/ ý kiến/ tham vấn của các DN/HTX tại SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	7,64	6,4	6,6	7,22	6,58	7,37	6,7	7,12	7,28	7,38	6,41	7,19	7,4	7,87	7,47	7,19	6,99	7,74	7,66	7,27	7,09	7,17
B14. Ông/bà đánh giá mức độ minh bạch thông tin khi SỞ/BAN/NGÀNH NÀY ứng dụng CNTT để DN/HTX tra cứu tình trạng và tiến độ xử lý hồ sơ?	8,23	7,75	7,44	7,64	7,81	7,77	7,64	7,69	7,7	7,75	7,86	7,54	7,71	8,32	7,6	7,61	7,89	7,87	7,98	7,86	7,77	7,78
3-Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	7,94	7,57	7,35	7,14	7,43	7,46	7,76	7,78	7,35	7,48	7,62	7,3	7,24	8,1	7,67	7,7	7,65	7,54	7,61	7,47	7,33	7,55
B17. “Thực hiện hiệu quả và linh hoạt các chương trình, chủ trương của UBND thành phố trong khuôn khổ pháp luật, nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các DN/HTX”	8,33	7,68	7,75	7,53	7,69	7,93	8,25	7,97	7,78	8,05	8	7,57	7,44	8,58	8,27	8	8,11	7,86	7,95	7,84	7,71	7,92

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																					TB
	Sở KH & DT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở XD	Sở NN& PTNT	Sở GT& VT	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LD - TB &XH	Sở CT	Sở Tư pháp	Sở TT& TT	Sở Y tế	Sở VH& TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP	NH NN-HP	
B18. “Khi quy định của Trung ương và thành phố chưa rõ ràng, SỞ/BAN/NGÀNH NÀY rất sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định, giải quyết các vấn đề phát sinh mới và tham mưu UBND thành phố các đề xuất phù hợp”	8,23	7,76	7,38	7,3	7,65	7,83	8,2	8,03	7,65	7,95	8	7,51	7,44	8,52	8	7,81	7,96	7,78	7,77	7,6	7,65	7,81
B19. “Không có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ hay đùn đẩy trách nhiệm khi thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND thành phố và cấp TW”	8,24	7,92	7,71	7,42	7,8	7,81	8,25	8,07	7,78	7,95	7,87	7,61	7,4	8,52	8	8	8,13	7,85	7,86	7,77	7,88	7,9
B23. Ông/bà đã bao giờ được mời tham gia góp ý kiến bằng văn bản hoặc tham gia các hội nghị đối thoại về các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	5,75	6,4	4,93	5,01	5,19	4,67	5,84	5,56	5,03	4,6	5,2	5,25	5,24	6,14	5,2	6,17	5,09	5,74	5,75	5,48	4,65	5,37
B20. “Việc thực hiện chủ trương, chính sách của ngành, thành phố trong việc tạo thuận lợi cho DN hoạt động là ổn định, nhất quán”	8,36	7,76	7,78	7,53	7,92	8,02	8,3	8,1	7,76	8	8	7,64	7,49	8,52	8,13	8,03	8,11	7,89	7,91	7,8	7,83	7,95

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																					TB
	Sở KH & ĐT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở XD	Sở NN& PTNT	Sở GT& VT	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LD - TB &XH	Sở CT	Sở Tư pháp	Sở TT& TT	Sở Y tế	Sở VH& TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP	NH NN-HP	
B21. “Lãnh đạo SỞ/BAN/NGÀNH NÀY thể hiện tinh thần dám quyết/dám làm và dám chịu trách nhiệm trong việc thực thi các quy định, chính sách và tiên phong thực hiện cải cách”	8,29	7,68	7,82	7,48	7,76	7,91	8,25	8,2	7,65	7,85	7,87	7,54	7,49	8,39	8,27	7,97	8,09	7,78	7,88	7,75	7,76	7,89
B22. “Lãnh đạo SỞ/BAN/NGÀNH NÀY đã giám sát và có biện pháp kịp thời để xử lý các trường hợp gây những phiền, khó khăn cho các cơ sở SXKD”	8,24	7,76	7,7	7,49	7,8	7,93	8,3	8,1	7,71	7,79	7,72	7,53	7,53	8,4	8,27	7,97	8,01	7,76	7,89	7,77	7,58	7,87
B24. Ông/bà đánh giá thế nào về chất lượng của các cuộc đối thoại, tham gia ý kiến của các SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	7,84	7,48	7,23	7,06	7,26	7,36	7,03	7,71	7,16	7,28	7,58	7,37	7,28	7,86	7,17	7,32	7,55	7,32	7,69	7,5	7,39	7,4
B25. Mức độ tin tưởng và ủng hộ của ông/bà đối với lãnh đạo của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY trong quá trình điều hành, cải thiện môi trường kinh doanh?	8,15	7,68	7,89	7,43	7,8	7,72	7,41	8,27	7,63	7,85	8,33	7,7	7,86	8	7,73	8,03	7,82	7,85	7,82	7,75	7,53	7,82
4-Chỉ phí thời gian	8,18	7,86	7,57	7,59	7,96	8,07	7,57	8,19	7,74	8,09	8,08	7,93	7,85	8,13	7,81	7,95	7,9	7,88	7,99	7,94	7,81	7,91
B26. Ông bà đánh giá thế nào về thời gian thực hiện TTHC tại SỞ, BAN, NGÀNH này so với quy định?	7,67	7,52	6,96	7,32	7,5	7,41	7,23	7,73	7,45	7,8	7,67	7,44	7,72	7,94	7,07	7,61	7,45	7,37	7,46	7,59	7,47	7,49

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																					TB
	Sở KH & DT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở XD	Sở NN& PTNT	Sở GT& VT	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LD - TB &XH	Sở CT	Sở Tư pháp	Sở TT& TT	Sở Y tế	Sở VH& TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP	NH NN-HP	
B31. Số lần thanh tra, kiểm tra RIÊNG của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY mà ông/bà phải tiếp trong năm vừa qua? (Thanh tra, kiểm tra bao gồm các hoạt động thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch được thông báo trước, kiểm tra đột xuất, kiểm tra chuyên ngành)	9,02	9,17	8,2	8,65	8,2	9,16	8,17	8,21	8,48	8,49	8,33	8,59	7,8	7,7	8,43	8,45	8,16	8,58	8,24	8,24	8,69	8,43
B32. Ông/bà đánh giá thế nào về thời gian của 1 đợt thanh tra, kiểm tra thực tế so với thời gian trong quyết định (QĐ) thanh tra, kiểm tra do SỞ/BAN/NGÀNH này ban hành?	7,69	7,27	6,97	6,81	7,09	7,72	6,62	7,58	6,69	6,82	7,2	7,61	7,41	7,29	7,4	7,18	7,19	6,93	7,41	7,13	7,81	7,23
B33. Theo kinh nghiệm của mình và quan sát từ các trường hợp từng bị thanh tra, kiểm tra, ông/bà đánh giá thế nào về chất lượng của các hoạt động thanh tra, kiểm tra của SỞ/BAN/NGÀNH này?	7,79	7,2	7,11	7,32	7,8	7,55	7,11	7,73	7,51	8,17	8,55	7,52	7,9	7,86	7,47	7,37	7,67	7,55	7,5	7,43	7,66	7,61
B34. Theo quan sát và kinh nghiệm của mình, ông/bà đánh giá về tình trạng các cuộc thanh tra, kiểm tra của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY tạo cơ hội cho cán bộ những nhiều cho các DN/HTX?	8,31	8,48	8,27	7,81	8,56	8,35	8,22	8,64	8,24	8,67	8,86	8,29	8,71	8,07	8,13	8,58	8,36	8,23	8,48	8,6	8,65	8,4

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																					TB
	Sở KH & DT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở XD	Sở NN& PTNT	Sở GT& VT	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LD - TB &XH	Sở CT	Sở Tư pháp	Sở TT& TT	Sở Y tế	Sở VH& TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP	NH NN-HP	
B27. Việc thực hiện các thủ tục trực tuyến là dễ dàng và đơn giản	8,27	7,76	7,63	7,6	8,2	8,02	7,55	8,4	7,88	8,2	8	7,9	7,63	8,73	8	8,23	8	8,09	8,18	8,07	7,37	7,99
B28. Việc thực hiện các thủ tục trực tuyến tiết kiệm thời gian và chi phí so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	8,44	7,76	7,77	7,66	8,35	8,23	7,95	8,6	7,94	8,35	8	8,13	7,81	8,73	8	8,16	8,2	8,29	8,34	8,36	7,54	8,13
B29. Việc thực hiện các thủ tục trực tuyến giúp DN/HTX không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được yêu cầu cung cấp trước đó bởi một cơ quan hành chính cấp tỉnh theo phương thức truyền thống	8,3	7,76	7,67	7,57	7,96	8,16	7,75	8,6	7,76	8,25	8	7,93	7,81	8,69	8	8,06	8,13	7,98	8,3	8,06	7,31	8
5-Chỉ phí không chính thức	8,42	8,2	8,27	8,07	8,57	8,22	8	8,44	8,24	8,44	8,48	8,45	8,4	8,74	7,98	8,64	8,18	8,25	8,26	8,46	8,87	8,36
B35. Ông/ bà đánh giá như thế nào về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức mà các DN/HTX cùng ngành như DN/HTX của ông/bà phải bỏ ra tại SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	8,54	8,64	8,62	8,17	8,79	8,64	8,22	8,88	8,55	8,53	9,13	8,6	8,62	9,17	8,27	8,83	8,65	8,44	8,53	8,99	9,44	8,68
B36. Trong năm qua, ông/bà phải bỏ ra bao nhiêu phần trăm trong tổng thu nhập của cơ sở để chi các khoản không chính thức cho cán bộ của SỞ/BAN/NGÀNH này?	9,2	9,04	9,28	9,11	9,42	9,55	9,49	9,37	9,26	9,52	9,4	9,43	9,45	9,52	9	9,58	9,18	9,27	9,03	9,43	9,76	9,35

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																					TB
	Số KH & ĐT	Số Tài chính	Số TN& MT	Số XD	Số NN& PTNT	Số GT& VT	Số KH& CN	Số GD& ĐT	Số LD - TB &XH	Số CT	Số Tư pháp	Số TT& TT	Số Y tế	Số VH& TT	Số Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP	NH NN-HP	
B37. Theo ông/bà, nếu một DN/HTX đã chi khoản chi phí không chính thức, công việc có được giải quyết đúng như họ mong muốn không?	7,3	6,88	6,37	6,65	7,09	6,08	6,34	6,82	6,56	6,94	6,88	6,9	6,88	7	6	7,27	6,35	6,61	6,81	6,51	7,54	6,75
B38. Theo ông/bà, xu thế tăng/giảm chung về chi phí không chính thức phải chi trả khi thực hiện các TTHC hoặc các công việc liên quan tại SỞ/BAN/NGÀNH NÀY có thay đổi như thế nào trong năm vừa qua?	8,65	8,25	8,82	8,36	8,98	8,6	7,93	8,7	8,57	8,78	8,5	8,88	8,65	9,27	8,67	8,88	8,53	8,69	8,67	8,92	8,76	8,67
6-Cạnh tranh bình đẳng	7,65	7,94	7,43	7,11	7,62	7,36	8,21	6,98	7,47	7,31	7,48	7,52	6,92	7,85	8,43	7,82	7,83	7,6	7,4	7,51	7,76	7,58
B40. “SỞ/BAN/NGÀNH NÀY ưu ái thực hiện TTHC đối với DN FDI, DN lớn, DN thân hữu với chính quyền so với DN nhỏ và vừa”.	7,68	7,92	7,41	7,1	7,65	7,35	8,25	7,03	7,47	7,35	7,45	7,49	6,93	7,74	8,53	7,8	7,89	7,61	7,33	7,53	7,76	7,59
B41. “Thông tin, cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi, hỗ trợ ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY chỉ rơi vào tay các DN FDI, DN lớn, DN thân hữu với chính quyền”	7,66	7,92	7,19	7,03	7,53	7,22	8,2	6,95	7,43	7,23	7,45	7,49	6,93	7,74	8,53	7,74	7,75	7,66	7,45	7,5	7,76	7,54
B42. “SỞ/BAN/NGÀNH NÀY luôn ưu tiên giải quyết kiến nghị, khó khăn đối với DN FDI, DN lớn, DN thân hữu với chính quyền so với DN nhỏ và vừa”.	7,65	8	7,44	7,14	7,61	7,43	8,2	6,88	7,37	7,3	7,38	7,56	6,84	7,93	8,4	7,84	7,8	7,49	7,36	7,53	7,76	7,57

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																					TB
	Sở KH & DT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở XD	Sở NN& PTNT	Sở GT& VT	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LĐ - TB &XH	Sở CT	Sở Tư pháp	Sở TT& TT	Sở Y tế	Sở VH& TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP	NH NN-HP	
B43. “SỞ/BAN/NGÀNH NÀY thường “nhẹ tay” trong công tác thanh tra, kiểm tra với DN FDI, DN lớn, DN thân hữu với chính quyền so với DN nhỏ và vừa.”	7,62	7,92	7,7	7,16	7,68	7,45	8,2	7,07	7,59	7,37	7,66	7,53	6,98	8	8,27	7,9	7,87	7,63	7,47	7,48	7,76	7,63
7-Hỗ trợ SXKD	7,51	7,02	6,7	6,72	6,81	6,85	6,82	6,93	6,85	7,09	7,22	7,02	7,27	7,72	7,4	7,14	7,14	7,08	7,14	7,16	7,12	7,08
B44. Trong năm vừa qua, ông/bà có hay được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ DN/HTX (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách vay vốn...) do SỞ/BAN/NGÀNH NÀY tổ chức?	5,86	6	4,87	4,94	5,53	4,71	5,63	5,1	5,11	5,3	5,4	5,25	5,86	5,86	6,13	5,66	5,2	5,82	5,69	5,86	5,26	5,48
B46. Tác động của các chương trình hỗ trợ ở SỞ/BAN/NGÀNH này tới nâng cao hoạt động SXKD của DN/HTX	8,06	7,36	7,31	7,2	7,29	7,58	7,15	7,62	7,52	7,6	7,93	7,54	7,67	8,27	7,6	7,7	7,73	7,51	7,71	7,51	7,6	7,59
B47. Các biện pháp hỗ trợ trong các trường hợp chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh (ví dụ như Covid-19)	7,99	7,36	7,41	7,31	7	7,49	7,15	7,62	7,68	7,7	7,93	7,72	7,81	8,4	7,87	7,84	7,86	7,58	7,69	7,85	7,65	7,66
B48. Các chương trình, chính sách cho DNNVV, DN/HTX do phụ nữ, nhóm người yếu thế làm chủ và khuyến khích các mô hình kinh tế mới,	7,84	7,2	7,25	7,35	7,31	7,54	7,15	7,61	7,49	7,69	7,86	7,61	7,71	8,2	7,73	7,69	7,63	7,44	7,64	7,65	7,71	7,59

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																					TB
	Sở KH & ĐT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở XD	Sở NN& PTNT	Sở GT& VT	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LD - TB &XH	Sở CT	Sở Tư pháp	Sở TT& TT	Sở Y tế	Sở VH& TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP	NH NN-HP	
chuyển đổi mô hình kinh doanh																						
B45. Ông/bà đánh giá thế nào về thủ tục để được hưởng các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	7,78	7,18	6,65	6,78	6,9	6,94	7	6,7	6,45	7,16	6,96	6,96	7,28	7,85	7,67	6,8	7,29	7,06	6,95	6,94	7,38	7,08
8-Hiệu lực thiết chế	8,09	7,6	7,64	7,53	7,46	7,89	8,2	8	7,73	7,87	8,23	7,63	7,89	8,33	8,21	7,87	7,91	7,63	7,84	7,8	7,79	7,86
B49. Ông bà đánh giá thế nào về hiệu quả thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật do SỞ/BAN/NGÀNH NÀY triển khai và thực thi?	7,99	7,44	7,56	7,43	7,68	7,89	8,31	8	7,76	7,95	8,27	7,63	7,81	8,21	7,86	7,84	7,93	7,55	7,8	7,78	7,83	7,83
B50. Ông bà đánh giá thế nào về hoạt động công khai, tuyên truyền, phổ biến các chính sách, văn bản pháp luật được SỞ/BAN/NGÀNH NÀY triển khai trong thời gian qua?	7,92	7,6	7,33	7,5	7,29	7,9	8,35	8,07	7,73	7,8	8,2	7,57	8,05	8,27	8	7,87	7,96	7,49	7,85	7,75	7,71	7,82
B51. “SỞ/BAN/NGÀNH NÀY luôn hỗ trợ pháp lý, có kênh/cơ chế tiếp nhận thông tin phản ánh, khiếu nại, tố cáo cho các DN/HTX khi họ có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm”	8,26	7,6	7,77	7,61	7,37	7,86	8,1	8,03	7,7	7,9	8,2	7,66	7,77	8,41	8,27	7,87	7,98	7,72	7,83	7,84	7,82	7,88

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																					TB
	Sở KH & ĐT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở XD	Sở NN& PTNT	Sở GT& VT	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LD - TB &XH	Sở CT	Sở Tư pháp	Sở TT& TT	Sở Y tế	Sở VH& TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP	NH NN-HP	
B53. “Cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, minh bạch, công bằng, không phải khiếu nại vượt cấp”	8,05	7,75	7,88	7,53	7,49	7,95	8,16	7,93	7,74	7,9	8,27	7,68	7,86	8,47	8,4	7,9	7,89	7,69	7,91	7,8	7,88	7,91
B52. “Hoạt động tiếp và đối thoại DN, HTX của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY hiệu quả”	8,22	7,6	7,67	7,59	7,45	7,84	8,1	7,97	7,74	7,8	8,2	7,59	7,95	8,28	8,53	7,87	7,8	7,71	7,8	7,85	7,71	7,87
Tổng	7,91	7,65	7,37	7,31	7,58	7,59	7,58	7,68	7,52	7,68	7,82	7,58	7,55	8,1	7,79	7,74	7,7	7,64	7,69	7,69	7,69	7,66

2. DDCI cấp địa phương

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
1-Quy trình thực hiện TTHC	9,17	9,08	7,94	7,97	8,07	7,88	8,65	9,03	8,03	8,04	7,71	8,71	7,64	8,66	8,33
B1. Tổng thời gian mà ông/bà đã dành cho việc tìm hiểu thông tin về trình tự, thủ tục hành chính (lần đầu hoặc điều chỉnh) là bao lâu?	8,39	8,21	6,75	7,24	7,88	5,8	6,8	7,98	7,18	7,64	6,98	8,43	7,27	7,4	7,43
B2. Ông/bà bị yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ bao nhiêu lần rồi mới được chấp nhận là hồ sơ hợp lệ?	9,26	9,62	8,36	8,79	8,29	8,27	9,59	9,23	7,13	8,52	8,66	9,27	7,87	8,67	8,68
B3. Đăng kí kinh doanh	9,26	9,57	8,13	8	8,08	8	8,69	9,35	8,54	8,44	8,43	9,05	7,6	9,13	8,59
B4. Đất đai - địa chính	9,17	8,95	7,83	7,27	6,76	7,47	8,69	8,85	7,54	6,96	5,97	7,81	6,8	8,4	7,75
B5. Xây dựng như giấy phép xây dựng (trong thẩm quyền của quận, huyện)...	9,13	8,98	7,7	7,41	7,64	7,93	8,4	9,1	8,2	7,64	7,72	8,75	7,52	8,53	8,19
B6. Giấy chứng nhận thực hiện các quy định an toàn thực phẩm	9,13	9,27	7,81	8	8,04	8	8,51	9,28	8,24	8,16	7,82	9,05	7,44	9	8,41
B7. Công Thương như giấy phép kinh doanh/giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh ngành nghề có điều kiện thuộc lĩnh vực công thương (như sản xuất kinh doanh rượu, bia, thuốc lá, khí dầu mỏ, hóa lỏng...)...	9,13	9,32	7,85	7,9	8	7,93	8,46	9,27	8,38	7,92	7,78	8,95	7,49	8,67	8,36

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B8. Tài nguyên-MT như giấy phép thực hiện các quy định về TN-MT...	9,17	9,05	7,87	7,71	7,8	7,8	8,63	9,21	8,18	7,32	6,44	8,35	7,05	8,8	8,1
B9. Nông nghiệp	9,24	9,13	7,92	8	8,61	7,93	8,8	9,45	8,47	8,53	8,29	8,86	7,7	9,13	8,58
B10. Văn hóa - thể thao - du lịch	9,33	9,36	7,92	7,95	8,65	7,93	8,82	9,45	8,53	8,65	8,11	9,05	7,68	9,27	8,62
B11. Chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc và chất lượng cung cấp các chỉ dẫn phù hợp của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với các cơ sở SXKD	9,52	9,55	8,26	8,62	8,84	8,27	9,14	9,64	8,43	8,56	8,61	9,17	8,08	9,33	8,86
B12. Thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với các cơ sở SXKD	9,65	9,45	8,39	8,67	8,84	8,47	9,26	9,59	8,54	8,64	8,61	9,27	8,45	9,4	8,95
B13. Quy trình, thủ tục giải quyết TTHC đúng như văn bản quy định	9,43	9,45	8,41	8,53	8,58	8,67	9,24	9,6	8,47	8,08	8,58	9,37	8,32	9,2	8,85
B14. Ông/bà đánh giá tác động của những khó khăn khi thực hiện TTHC ở quận/huyện này đến kế hoạch kinh doanh của ông/bà?	8,7	8,55	7,67	8,05	7,32	8,27	8,94	8,02	7,82	7,59	7,77	8,44	7,62	8,71	8,11
B15. Thời gian ông/bà bỏ ra để hoàn thành TẤT CẢ các thủ tục cần thiết (từ khi chính thức tìm hiểu thủ tục đến khi nhận được kết quả cuối cùng)?	8,96	7,78	8,17	7,36	7,76	7,4	7,76	7,36	6,75	7,92	5,86	6,88	7,71	6,2	7,42
2-Tính minh bạch & ứng dụng công nghệ thông tin	8,83	8,85	7,01	7,37	7,38	7,65	8,19	8,35	5,69	7,87	6,32	7,9	7,11	8,17	7,62

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B16. Văn bản quy phạm pháp luật; TTHC; cơ chế chính sách mới	8,91	9,45	7,83	8,18	7,48	7,87	9,03	8,89	5,71	7,68	7,03	8,83	7,44	8,73	8,08
B17. Bản đồ, quy hoạch sử dụng đất của quận/huyện, với các thông tin công khai về giải tỏa và giá đền bù trong giải phóng mặt bằng	8,87	9,25	7,27	7,45	6,28	7,6	9,03	8,89	5,17	8,16	6,16	8,1	7,23	8,67	7,72
B18. Dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công do quận, huyện quản lý	9	9,35	7,2	7,18	6,09	7,47	9,03	8,56	4,74	7,72	5,67	7,75	7,04	8,4	7,51
B19. Ngân sách, đặc biệt là các khoản đóng góp của cơ sở SXKD	8,91	9,29	7,18	7,36	6,37	7,6	9,03	8,48	5	7,56	5,37	8,29	7,35	8,67	7,6
B20. Nếu cơ sở SXKD của ông/bà có yêu cầu chính quyền quận, huyện cung cấp thông tin, văn bản KHÔNG CÓ SẴN trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trực tiếp tại trụ sở thì ông/bà đánh giá thế nào về tính chủ động và kịp thời của chính quyền trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của ông/bà?	8,39	8,08	7,71	7,42	7,14	7,73	8,71	7,96	6,94	7,44	7,08	6,95	6,97	8,27	7,63
B21. Ông/bà đánh giá thế nào về nhận định: “Cơ sở SXKD của tôi KHÔNG cần phải có mối quan hệ với cán bộ nhà nước để được thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng	9,27	8,35	7,9	7,07	8,16	8,27	9,14	9,29	8,11	7,44	8,13	8,32	7,84	9,07	8,31

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
và giải quyết TTHC tại quận, huyện”?															
B22. Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ hữu ích của thông tin trên trang web của quận, huyện đối với cơ sở SXKD trong việc tìm kiếm thông tin? (website có tên miền kết thúc bằng gov.vn)	8,87	9,34	7,22	8	8,36	8,07	7,83	8,23	5,88	8	7,09	8,41	7,42	8,27	7,93
B23. Ông/bà đánh giá mức độ minh bạch thông tin khi quận/huyện ứng dụng CNTT để DN/HTX tra cứu tình trạng và tiến độ xử lý hồ sơ?	8,91	9,3	7,34	8,31	8,28	8,2	8,55	8,72	5,73	7,72	7,28	7,87	7,49	8,33	8
B24. Mức độ thực hiện TTHC trực tuyến/ ứng dụng phương thức mới của ông/bà khi thực hiện TTHC ở quận, huyện?	8,3	7,17	4,1	5,3	7,76	6,47	3,71	6,11	3,5	8,46	3,49	6,83	5,69	6,6	5,96
B25. Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ ứng dụng CNTT/sử dụng nhiều phương thức mới, các xu thế của kinh tế số, chuyển đổi số, công nghiệp 4.0 (hỏi đáp trực tuyến trên trang web, email, MXH, hotline hỗ trợ...) để công khai thông tin và giải đáp thắc mắc/ ý kiến/ tham vấn của các DN/HTX tại SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	8,87	8,9	6,33	7,43	7,88	7,27	7,82	8,35	6,12	8,52	5,89	7,68	6,61	6,67	7,45

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
3-Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	9,05	8,58	7,45	7,91	8,06	8,06	8,4	8,63	7,41	7,86	7,51	8,49	7,79	8,66	8,13
B26. “Thực hiện hiệu quả và linh hoạt các chương trình, chủ trương của UBND thành phố trong khuôn khổ pháp luật, nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các cơ sở SXKD”	9,26	9,4	7,98	8,4	8,68	8,2	8,91	9,23	7,77	7,76	8,13	8,89	8,03	8,93	8,54
B27. “Khi quy định của Trung ương và thành phố chưa rõ ràng, UBND quận/huyện rất sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định, giải quyết các vấn đề phát sinh mới và tham mưu UBND thành phố các đề xuất phù hợp”	9,35	9,25	8	8,4	7,92	8,2	8,86	9,07	8,03	7,64	7,94	8,63	7,89	8,93	8,44
B28. “Không có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ hay đùn đẩy trách nhiệm khi thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND thành phố và cấp TW”	9,26	9,3	7,94	8,4	8,68	8,2	8,86	9,19	8,17	7,8	8	8,86	7,92	9	8,54
B29. “Việc thực hiện chủ trương, chính sách của ngành, thành phố trong việc tạo thuận lợi cho cơ sở SXKD hoạt động là ổn định, nhất quán”	9,3	9,27	8,02	8,44	8,53	8,27	8,86	9,11	7,86	7,84	8,06	9,02	7,92	8,8	8,52

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B30. “Lãnh đạo địa phương thể hiện tinh thần dám quyết/dám làm và dám chịu trách nhiệm trong việc thực thi các quy định, chính sách và tiên phong thực hiện cải cách”	9,39	9,3	8,04	8,4	8,33	9	8,91	9,27	8,03	8,32	8,1	8,79	8,08	8,87	8,63
B31. “Lãnh đạo địa phương đã giám sát và có biện pháp kịp thời để xử lý các trường hợp gây nhiễu, khó khăn cho các cơ sở SXKD”.	9,43	9,32	8,06	8,44	8,55	8,67	8,91	9,21	8,17	8,37	8,06	9,24	8,19	8,93	8,68
B32. Ông/bà đã bao giờ được mời tham gia góp ý kiến bằng văn bản hoặc tham gia các Hội nghị đối thoại về các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển của quận/huyện, phường/xã, ngành?	7,13	3,15	4,06	4,8	4,53	5,2	4,12	4,5	2,87	6,88	3,35	5,29	6,59	6	4,89
B33. Ông/bà đánh giá thế nào về chất lượng của các cuộc đối thoại, tham gia ý kiến của các SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	9,02	8,76	7,19	7,71	8,44	8,08	9,08	8,57	7,89	7,8	7,26	8,65	7,53	9,2	8,23
B34. Mức độ tin tưởng và ủng hộ của ông/bà đối với lãnh đạo của địa phương trong quá trình điều hành, cải thiện môi trường kinh doanh?	9,3	9,44	7,77	8,23	8,9	8,69	9,06	9,48	7,86	8,33	8,67	9,05	8	9,27	8,72
4-Chỉ phí thời gian	9,44	9,07	8,17	8,49	8,16	8,28	9,07	9,21	7,95	8,31	8,24	8,92	8,09	9,07	8,6

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B35. Ông/bà đánh giá thế nào về thời gian thực hiện các TTHC ở quận/huyện so với quy định?	8,61	8,09	7,84	7,86	7,96	8,27	8,27	8,57	7,69	7,96	7,59	8,54	7,77	8,8	8,13
B36. Việc thực hiện các thủ tục trực tuyến là dễ dàng và đơn giản	9,48	9,55	8,11	8,8	8	8,07	8,86	9,48	7,57	8,48	8,39	8,51	7,76	9,13	8,58
B37. Việc thực hiện các thủ tục trực tuyến tiết kiệm thời gian và chi phí so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	9,52	9,5	8,32	8,84	8,08	8,2	8,91	9,57	7,74	8,8	8,65	9,39	7,97	9,33	8,77
B38. Việc thực hiện các thủ tục trực tuyến giúp không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được yêu cầu cung cấp trước đó bởi một cơ quan hành chính cấp thành phố theo phương thức truyền thống	9,65	9,4	8,32	8,71	8,37	8,27	8,91	9,59	7,5	8,6	8,74	9,37	7,89	9,4	8,77
B39. Số lần thanh tra, kiểm tra mà cơ sở SXKD của ông/bà phải tiếp trong năm vừa qua? (Thanh tra, kiểm tra tại địa phương bao gồm các hoạt động thanh tra, kiểm tra riêng theo kế hoạch được thông báo trước, kiểm tra đột xuất, KHÔNG THUỘC các hoạt động kiểm tra liên ngành theo kế hoạch)	9,52	9,87	8,14	8,77	9,12	8,27	9,26	8,84	8,66	8,46	8,95	8,73	8,69	9,27	8,9

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B40. Ông/bà đánh giá thế nào về thời gian của 1 đợt thanh tra, kiểm tra thực tế so với thời gian trong quyết định (QĐ) thanh tra, kiểm tra do UBND cấp quận, huyện ban hành?	9,54	8,5	7,87	7,71	7,27	8,95	9,4	9,08	7,9	8,27	7,23	8,74	8,35	8,67	8,39
B41. Theo quan sát từ các trường hợp từng bị thanh tra, kiểm tra và kinh nghiệm của mình, ông/bà đánh giá thế nào về chất lượng của các hoạt động thanh tra, kiểm tra của chính quyền quận, huyện?	9,61	8,99	7,86	8,22	8,12	8	9,15	9,08	8,09	7,76	7,74	8,84	7,65	8,8	8,42
B42. Theo quan sát và kinh nghiệm của mình, ông/bà đánh giá về tình trạng các cuộc thanh tra, kiểm tra của UBND quận/huyện tạo cơ hội cho cán bộ những nhiều các cơ sở SXKD?	9,57	8,63	8,92	8,98	8,36	8,2	9,76	9,46	8,45	8,12	8,61	9,27	8,61	9,17	8,87
5-Chi phí không chính thức	9,64	8,92	8,63	8,71	8,71	9,24	9,42	9,4	8,89	8,32	8,77	9,02	8,77	8,64	8,93
B43. Ông/ bà đánh giá như thế nào về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức (chi phí lót tay, chi phí khác ngoài quy định của Nhà nước, ví dụ như chi phí gặp gỡ riêng lãnh đạo/cán bộ để triển khai dự án/hoạt động kinh doanh thuận lợi, khoản hoa hồng trích lại trong các	9,69	9,49	9,38	9,14	8,6	9,13	9,89	9,58	9,13	8,16	8,87	9,26	8,69	9,33	9,17

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
gói thầu Nhà nước) mà các HKD cùng ngành như HKD của ông/bà phải bỏ ra tại quận/huyện?															
B44. Trong năm qua, cơ sở của ông/bà phải bỏ ra bao nhiêu phần trăm trong tổng thu nhập để chi các khoản không chính thức cho cán bộ quận/huyện?	10	9,66	9,81	9,82	9,67	10	9,94	9,91	9,77	9,8	9,87	9,65	9,69	10	9,83
B45. Theo ông/bà, nếu một cơ sở SXKD đã chi khoản chi phí không chính thức, công việc có được giải quyết đúng như mong muốn không?	9,02	4,87	5,65	7,07	6,04	8,4	4,54	7,7	8,97	6,49	6,6	7,9	5,89	2,2	6,52
B46. Đăng ký kinh doanh	9,83	9,38	9,07	9,14	9,12	9,27	10	9,68	8,69	9,16	9,48	9,17	9,12	9,47	9,33
B47. Đất đai - địa chính	9,52	9,07	8,58	8,32	7,4	8,47	9,89	8,88	8,23	7,24	6,89	8,32	8,22	8,8	8,42
B48. Xây dựng	9,52	9,06	8,62	8,42	8,8	8,73	9,89	9,33	8,78	7,6	9,1	8,83	8,99	8,93	8,9
B49. Công thương (công nghiệp, dịch vụ - thương mại)	9,61	9,3	8,74	8,86	9,16	9,4	10	9,65	8,94	8,44	9,32	9,14	9,2	9,07	9,2
B50. Nông nghiệp	9,74	9,09	8,89	8,76	9,76	9,53	9,94	9,73	9	8,8	9,25	9,37	9,2	9,47	9,32
B51. Văn hóa - thể thao - du lịch	9,83	9,18	8,93	8,81	9,6	9,53	9,94	9,71	8,96	9,13	8,89	9,14	8,91	9,47	9,29
B52. Tài nguyên, môi trường	9,65	9,06	8,87	8,43	8,8	9,2	9,94	9,43	8,91	7,79	9,07	9,08	8,8	9	9

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương															TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải		
B53. Theo ông/bà, xu thế tăng/giảm chung về chi phí không chính thức phải chi trả khi thực hiện các TTHC hoặc các công việc liên quan tại địa phương có thay đổi như thế nào trong năm vừa qua?	9,64	9,91	8,37	9,05	8,88	9,93	9,64	9,77	8,42	8,94	9,12	9,41	9,78	9,36	9,3	
6-Cạnh tranh bình đẳng	9,45	9,18	7,95	7,79	8,08	7,93	8,91	9,29	8,16	7,94	7,64	8,81	8,49	8,75	8,46	
B54. “Thông tin, cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi, hỗ trợ của quận/huyện chỉ rơi vào tay các cơ sở SXKD lớn, cơ sở SXKD thân hữu với chính quyền”.	9,48	9,23	7,89	7,69	7,84	7,93	8,91	9,23	7,89	7,67	7,71	8,83	8,32	8,8	8,39	
B55. “Chính quyền địa phương chỉ ưu ái thực hiện TTHC đối với cơ sở SXKD lớn, cơ sở SXKD thân hữu với chính quyền so với cơ sở SXKD nhỏ và vừa”.	9,43	9,16	7,98	7,78	7,96	7,93	8,91	9,29	7,97	7,92	7,58	8,83	8,45	8,73	8,42	
B56. “Chính quyền địa phương chỉ ưu tiên giải quyết kiến nghị, khó khăn đối với cơ sở SXKD lớn, cơ sở SXKD thân hữu với chính quyền so với cơ sở SXKD nhỏ và vừa”.	9,43	9,15	7,98	7,87	8,2	7,93	8,91	9,27	8,32	8,04	7,68	8,76	8,59	8,73	8,49	
B57. “Chính quyền địa phương thường “nhẹ tay” trong công tác thanh tra, kiểm tra với các cơ sở SXKD lớn, thân hữu với chính quyền”	9,43	9,19	7,94	7,82	8,32	7,93	8,91	9,38	8,46	8,12	7,61	8,83	8,61	8,73	8,52	

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
7-Hỗ trợ SXKD	9,22	8,48	7,16	7,49	7,64	7,57	8,29	8,55	7,59	7,66	7,24	8,57	7,49	8,41	7,95
B58. Trong năm vừa qua, ông/bà có hay được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ cơ sở SXKD (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách vay vốn, nước sạch, nông thôn mới...) do quận, huyện tổ chức?	8,3	2,83	4,16	4,53	4,82	4,93	4,06	6,23	4,24	6,73	4,16	5,81	6,49	6,2	5,25
B59. Ông/bà đánh giá thế nào về thủ tục để được hưởng các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh ở quận/huyện?	9,17	8,31	7,44	7,75	7,64	8,15	9,05	8,52	7,93	7,62	6,89	8,72	7,28	9,04	8,11
B60. Hỗ trợ khởi sự kinh doanh	9,35	9,35	7,36	7,95	7,6	7,73	8,57	8,55	7,63	7,32	7,77	8,7	7,25	8,6	8,13
B61. Hỗ trợ các vấn đề liên quan tới thuế	9,3	9,3	7,64	7,91	7,44	7,87	8,57	8,71	7,54	7,48	7,84	8,79	7,12	8,33	8,13
B62. Xúc tiến thương mại, hỗ trợ liên kết, kết nối cung cầu, hỗ trợ tìm kiếm thị trường tiêu thụ, quảng bá sản phẩm	9,3	9,2	7,45	7,9	7,64	7,8	8,57	8,75	7,94	7,56	7,53	8,92	7,25	8,73	8,18
B63. Hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp và tuyển dụng lao động cho người lao động trên địa bàn	9,3	9,1	7,47	7,81	7,96	7,67	8,69	8,52	8,06	7,8	7,32	8,73	7,73	8,48	8,19
B64. Hỗ trợ về vốn vay ưu đãi, tín dụng sản xuất kinh doanh	9,35	9,07	7,55	7,81	8,16	7,53	8,74	8,79	8,06	7,88	7,32	9,02	7,87	8,67	8,27

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B65. Công tác thi đua, khen thưởng đối với các cơ sở SXKD có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, đóng góp cho xã hội, cộng đồng	9,35	9,15	7,44	7,91	7,92	7,93	8,8	8,88	8,09	8,33	7,45	8,79	7,95	8,67	8,33
B66. Hỗ trợ các cơ sở SXKD trong các trường hợp biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh (VD như Covid -19)	9,35	9,34	7,4	7,67	8,33	7,93	8,69	9,01	8,03	7,67	7,7	9,37	7,68	8,87	8,36
B67. Ông/bà đánh giá thế nào về nhận định: “Chính quyền địa phương luôn quan tâm tới các cơ sở SXKD nhỏ, cơ sở do phụ nữ, người yếu thế làm chủ và có nhiều chương trình hỗ trợ hiệu quả, khuyến khích các mô hình kinh tế mới, chuyển đổi mô hình kinh doanh”?	9,39	9,14	7,71	7,64	8,86	8,13	9,12	9,5	8,37	8,16	8,43	8,89	8,31	8,53	8,59
8-Hiệu lực thiết chế & ANTT	9,27	9,39	8,15	8,67	8,62	8,18	8,9	9,46	8,65	8,02	8,6	9,19	8,14	8,99	8,73
B68. Ông bà đánh giá thế nào về hiệu quả thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật do UBND quận, huyện triển khai và thực thi?	9,22	9,32	8,06	8,62	8,54	8,2	9,14	9,46	8,41	7,76	8,56	8,83	7,92	8,87	8,64
B69. Ông bà đánh giá thế nào về hoạt động công khai, tuyên truyền, phổ biến các chính sách, văn bản pháp luật của UBND quận, huyện trong thời gian qua?	9,26	9,35	8,17	8,58	8,78	8,34	9,14	9,42	8,49	7,96	8,61	8,86	8,29	8,87	8,72

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B70. “Các cơ quan cấp quận, huyện luôn hỗ trợ pháp lý, có kênh/cơ chế tiếp nhận thông tin phản ánh, khiếu nại, tố cáo cho các cơ sở SXKD khi họ có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm”	9,26	9,38	8,25	8,44	8,28	8,07	8,86	9,34	8,23	7,4	8,48	9,11	7,89	8,53	8,54
B71. “Hoạt động tiếp DN, HTX, HKD của quận/huyện hiệu quả”	9,26	9,38	8,25	8,44	8,32	8,07	8,74	9,23	8,37	7,6	8,42	9,08	7,95	8,67	8,56
B72. “Cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, minh bạch, công bằng, không phải vượt cấp”	9,3	9,38	8,3	8,4	8,45	8,07	8,8	9,35	8,37	7,76	8,33	9,27	8,21	8,6	8,61
B73. “UBND quận, huyện đã giải quyết hiệu quả các vụ việc liên quan tới an ninh, trật tự của các cơ sở SXKD”	9,3	9,52	8,24	8,98	8,72	8,27	8,74	9,63	8,94	8,6	8,68	9,56	8,21	9,47	8,92
B74. “Hiện tượng tội phạm quấy nhiễu cơ sở SXKD tại địa phương hoàn toàn không còn tồn tại”	9,22	9,43	8,25	8,8	8,92	8,13	8,86	9,66	9,14	8,48	8,84	9,37	8,21	9,47	8,91
B75. “Hoàn toàn không có hiện tượng cơ sở SXKD phải chi trả tiền cho các nhóm đối tượng để được yên ổn làm ăn”	9,3	9,4	7,7	9,07	8,96	8,33	8,91	9,6	9,29	8,64	8,89	9,42	8,45	9,47	8,96
Tổng	9,26	8,94	7,81	8,05	8,09	8,1	8,73	8,99	7,8	8	7,75	8,7	7,94	8,67	8,34



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

DDCI 2023
HẢI PHÒNG

<https://haiphong.ddci.org.vn/>

